BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(VIE-1718)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC POTSDAM - KHOA KHOA HỌC NHÂN VĂN

Prof. Bernd Meier / Dr. Nguyen Van Cuong

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

hodacvinh@yahoo.com

Potsdam, Tháng 5. 2007

Mục lục

		Trang
Mở đầu	Giới thiệu chung về khoá học	3
1.	Cơ sở lý luận dạy học của việc dạy và học	5
1.1.	Lý luận dạy học với tư cách một môn khoa học giáo dục	5
1.2.	Các mô hình lý luận dạy học	12
1.3.	Giáo dục định hướng kết quả đầu ra và phát triển năng	20
2.	lực	27
2.1.	Cơ sở tâm lý của việc dạy và học	27
2.2.	Các bậc nhận thức	35
2.3.	Các lý thuyết học tập	41
3.	Các chiến lược học tâp	45
3.1.	Khái niệm và phương hướng đổi mới phương pháp dạy	45
3.2.	học	50
4.	Khái niệm và các bình diện của phương pháp dạy học	56
4.1.	Các phương hướng đổi mới phương pháp dạy học	56
4.2.	Một số phương pháp dạy học tích cực	62
4.3.	Dạy học nhóm	64
4.4.	Dạy học giải quyết vấn đề	69
4.5	Phương pháp trường hợp	77
4.6.	Dạy học theo dự án	85
	WebQuest – Phương pháp khám phá qua mạng	91
	Các kỹ thuật dạy học sáng tạo	
	Tài liêu tham khảo	

MỞ ĐẦU

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHOÁ BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Khoá bồi dưỡng về „Phương pháp dạy học“ này được thực hiện tại đại học Potsdam với sự uỷ nhiệm của Dự án đào tạo giáo viên trung học cơ sở (VIE-1718), Bộ Giáo dục nước CHXHCN Việt nam.

1. Mục tiêu khoá bồi dưỡng

Khoá bồi dưỡng nhằm giúp các học viên, là các giảng viên thuộc các trường cao đẳng và đại học sư phạm mở rộng và nâng cao hiểu biết và năng lực về việc tổ chức, thực hiện và lãnh đạo quá trình dạy và học trong việc đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng và đại học. Mục tiêu chính là việc giúp các học viên hiểu sâu hơn những lý thuyết khoa học và những quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học mới trong việc tổ chức các quá trình nhận thức và liên hệ, vậndụng chúng trong thực tiễn nghề nghiệp.

Trọng tâm của việc phát triển năng lực thông qua khoá bồi dưỡng là: Schwerpunkte bildet die Entwicklung solcher Kompetenzen, wie

Khả năng phân tích, đánh giá, so sánh các hệ thống giáo dục khác nhau trên cơ sở chú ý những điều kiện về kinh tế, xã hội và văn hoá, nhằm rút ra những kết luậnótong việc phát triển giáo dục và dạy học.

Khả năng phân tích và vận dụng linh hoạt mối quan hệ Mục đích - Nội dung – Phương pháp – Phương tiện và các yếu tố khác trong quá trình dạy dạy học.

Khả năng giải thích các mô hình lý luận dạy học khác nhau cũng như khả năng vận dụng chúng trong việc lập luận khoa học cũng như đánh giá các quá trình dạy học.

Khả năng vận dụng các quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học trên cơ sở chú ý các lý thuyết học tập trong thực tiễn dạy học.

2. Nội dung khoá bồi dưỡng

Nội dung chính của khoá bồi dưỡng bao gồm:

Modul 1: Cơ sở của việc dạy và học

Modul 2: Các phương pháp dạy học tích cực

Modul 3: Cơ sở eLearning và quản trị tri thức

Modul 4: Lập kế hoạch dạy học

Những nội dung trên đây được sắp xếp theo các chủ đề như: Các mô hình lý luận dạy học, các lý thuyết học tập, sự thay đổi văn hoá học tập, phát triển chương trình trong so sánh quốc tế, đánh giá trong giáo dục.

3. Phương pháp bồi dưỡng

Trong khoá bồi dưỡng sử dụng phối hợp những hình thức và phương pháp khác nhau như thuyết trình, Ceminar, luyện tập, và tự học có hướng dẫn. Bên cạnh đó bổ sung những buổi tham quan và trao đổi kinh nghiệm ở các trường phổ thông cũng như các cơ sở quản lý giáo dục.
Mỗi một chủ đề đều được kết thúc bằng một Ceminar về khả năng ứng dụng vào thực tiễn Việt nam (Phụ trách: Dr. Nguyễn Văn Cường).

Tài liệu học tập

Tài liệu dành cho khóa tập huấn bao gồm nhiều loại tài liệu khác nhau. Các tài liệu cơ bản được dịch ra tiếng Việt dưới dạng văn bản (Text) cũng như dưới dạng bài giảng Power Point. Ngoài ra các học viên còn được cung cấp các tài liệu tham khảo khác bằng tiếng Anh, tiếng Đức nhằm đọc thêm trong khoá học cũng như để tham khảo sau này.

Cuốn tài liệu các bạn đang có trong tay này bao gồm một số chủ đề cơ bản thuộc các Modul 1 và 2. Các Modul khác có các tài liệu riêng.

Tổ chức

Liên quan đến các vấn đề tổ chức khoá học, có thể liên hệ tới các địa chỉ sau:

Lãnh đạo dự án

Prof. Dr. Bernd Meier
Dean of Studies
Faculty of Human Sciences
Universität Potsdam
Campus Golm
Karl-Liebknecht-Str. 24
Building 14 / Room 2.13
14415 Potsdam
Germany
Phone: +49 331 977-2181
Fax: +49 331 977-2078
E-mail: meierbe@rz.uni-potsdam.de

Điều phối dự án

Dr. Nguyen van Cuong
Universität Potsdam
Institut für Arbeitslehre/Technik
Karl-Liebknecht-Strasse 24-25
Haus 11
14476 Golm
Tel.: 0331 / 977 - 2181
Fax: 0331 / 977 - 2078
Home:
Rhinstr. 2
10315 Berlin
Tel./Fax: 030 51067652
Mobile: 0176 24466455
E-Mail: vancuong@t-online.de

1. C¬ së Lý luËn d¹y häc cña viÖc D¹y vµ häc

1.1. Lý luËn d¹y häc víi t c¸ch mét m«n khoa häc gi¸o gi¸o dôc

1.1.1. Sù h×nh thµnh vµ ph¸t triÓn cña lý luËn d¹y häc

a. Sù h×nh thµnh cña lý luËn d¹y häc

LÞch sö cña d¹y häc b¾t ®Çu víi lÞch sö cña nh©n lo¹i. Ngay tõ ®Çu, con ngêi ®· cÇn d¹y häc tÊt c¶ nh÷ng kiÕn thøc vµ kü n¨ng tõ thÕ hÖ nµy sang thÕ hÖ sau. Trong mét thêi gian dµi, sù d¹y häc kiÕn thøc nµy ®· ®îc thùc hiÖn mét c¸ch tù ph¸t, kh«ng cã nh÷ng lý thuyÕt, kh«ng cã sù ch¾c ch¾n khoa häc vµ kh«ng cÇn c¸c thÓ chÕ, c¬ quan.

Vµo thêi Trung Cæ, viÖc d¹y häc trªn trêng häc vµ c¸c suy nghÜ vÒ khoa häc thêng ®îc thùc hiÖn trícc tiªn trong khu vùc nhµ thê, t¹i c¸c trêng häc cña c¸c tu viÖn hoÆc trêng häc cña c¸c nhµ thê lín, nhng sau ®ã còng sím ®îc thùc hiÖn trªn c¸c trêng ®¹i häc. C¸c lý thuyÕt nµy ban ®Çu xuÊt ph¸t tõ c¸c tu viÖn, chóng thêng liªn kÕt niÒm tin t«n gi¸o víi khoa häc, sø mÖnh t«n gi¸o víi sù v¨n minh hãa x· héi.

Tõ truyÒn thèng nµy ngêi ta ®· ph¸t triÓn mét chuçi thø tù c¸c bíc cña qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc, ®ã lµ ph¬ng ph¸p luËn ®Çu tiªn cña thêi Trung Cæ. ë t©m ®iÓm cña nã lµ sù håi tëng (Memoria) chung (tËp thÓ). Sù håi tëng liªn kÕt c¸c thµnh viªn cña c¸c nhãm x· héi víi nhau vµ t¹o thµnh nhËn thøc vÒ qu¸ khø vµ ®Æc ®iÓm nhËn diÖn. Ph¬ng ph¸p ®Çu tiªn nµy ®· sím ®îc ph¸t triÓn tiÕp. Trong ®ã, c¸c trêng häc nhµ thê t¹i Ph¸p tõ thÕ kû thø 10 ®· cã nh÷ng ®ãng gãp lín. ë t©m ®iÓm cña nã lµ sù trao ®æi c¸c luËn ®iÓm mét c¸ch réng r·i :

Ph¬ng ph¸p luËn ®Çu tiªn cña thêi Trung Cæ	Ph¬ng ph¸p luËn ®îc ph¸t triÓn tiÕp

➢ *Lectio*: §äc v¨n b¶n cña nhµ thê ➢ *Meditatio*: TiÕp thu néi dung cña v¨n b¶n ➢ *Memoria*: Nh¾c l¹i néi dung v¨n b¶n	➢ *Lectio*: §äc v¨n b¶n cña nhµ thê ➢ *Quaestio:* §Æt c¸c c©u hái phª ph¸n ➢ *Disputatio:* Trao ®æi c¸c luËn ®iÓm vµ mét c¸ch réng r·i

Lý luËn d¹y häc víi t c¸ch mét m«n khoa häc chØ b¾t nguån tõ thÕ kû 17. ThuËt ng÷ "Didaktik" (Lý luËn d¹y häc) xuÊt ph¸t tõ tiÕng Hy L¹p : *„didache“* cã nghÜa lµ d¹y häc, d¹y dç, gi¶ng gi¶i, híng dÉn.

Ngêi ta coi nhµ s ph¹m §øc Wolfgang Ratke (1571-1635) vµ linh môc ngêi SÐc Johann Amos Comenius thuéc Céng ®ång gi¸o d©n xø B«-hem (tªn tiÕng SÐc cña Comennius lµ Komensky, 1592-1670) lµ **nh÷ng nhµ s¸ng m«n lËp lý luËn d¹y häc.**

Ratke ®· ph¸t biÓu c¸c nhiÖm vô c¬ b¶n cña lý luËn d¹y häc b»ng c¸ch ®Æt ra c©u hái : "Ph¶i d¹y nh thÕ nµo ®Ó häc sinh häc tËp nhanh, ch¾c ch¾n vµ thÊu ®¸o? ". B»ng c¸ch ®ã, Ratke ®Æt c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc vµo t©m ®iÓm c¸c suy nghÜ cña «ng vÒ lý luËn d¹y häc. §ång thêi, «ng x¸c ®Þnh thÊy tÝnh ®éc lËp cña viÖc häc tËp so víi viÖc d¹y häc.

Vît xa h¬n, c«ng lao cña Comenius n»m ë viÖc x©y dùng ch¬ng tr×nh d¹y häc theo líp häc. Comenius ®· ph¸t triÓn mét ch¬ng tr×nh bao qu¸t víi môc ®Ých "D¹y häc tÊt c¶ mäi thø cho tÊt c¶ mäi ngêi mét c¸ch thÊu ®¸o (b»ng tÊt c¶ c¸c c¸ch)". VÒ mÆt chÝnh trÞ x· héi, ®ã lµ mét yªu cÇu cã tÝnh c¸ch m¹ng ®èi víi thêi kú ®ã, thêi kú cña sù chuyÓn tiÕp tõ thêi Trung cæ sang thêi HiÖn ®¹i (thÕ kû 17).

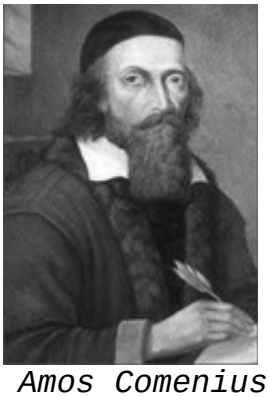

Amos Comenius

Yªu cÇu cña Comeniusi vÒ gi¸o dôc :

<u>Cho tÊt c¶ mäi ngêi</u>: Cã nghÜa lµ ngêi nghÌo còng nh ngêi giµu, con trai còng nh con g¸i, ngêi chñ còng nh ngêi lµm c«ng,

<u>VÒ tÊt c¶ mäi viÖc</u>: Cã nghÜa lµ mét h×nh ¶nh ®Çy ®ñ vÒ thÕ giíi, t¬ng øng víi løa tuæi cña häc sinh, ®îc më réng theo c¸c bËc kh¸c nhau cña trêng häc – nh c¸c vßng tuæi cña c©y gç.

<u>ThÊu ®¸o</u>: Cã nghÜa lµ kh«ng chØ nh÷ng kiÕn thøc chung chung, mµ c¶ nh÷ng kiÕn thøc chuyªn m«n vÒ thùc tiÔn (v¨n ho¸ vËt chÊt) víi tÝnh trùc

quan cao.

Trong t¸c phÈm "Lý luËn d¹y häc lín" (Didatica Magna) cña m×nh, Comenius ®· tr×nh bµy sù d¹y häc cÇn ®îc thùc hiÖn nh thÕ nµo trªn c¬ së lý luËn d¹y häc. ¤ng ph¸c th¶o nh÷ng ph¬ng ph¸p kh«ng Ðp buéc, ®Þnh híng theo qu¸ tr×nh ho¹t ®éng tù nhiªn vµ liªn quan víi sù ch¾c ch¾n, sù dÔ dµng, sù bÒn v÷ng vµ tÝnh hiÖu qu¶ cña häc tËp. Trong khi ®ã, «ng nhÊn m¹nh nh÷ng nguyªn t¾c lµ ph¶i ®i tõ dÔ ®Õn khã, tõ gÇn ®Õn xa, tõ c¸i chung ®Õn c¸i riªng. C¸ch d¹y häc riªng rÏ cña thêi Trung cæ còng ph¶i ®îc hñy bá (khi ®ã gi¸o viªn chØ d¹y mét häc sinh vµ giao bµi tËp cho nh÷ng häc sinh kh¸c hoÆc kû luËt c¸c em ®ã b»ng c¸c h×nh ph¹t). Thay vµo ®ã, ph¶i thùc hiÖn d¹y häc theo líp häc (thêi ®ã, Comenius cho r»ng kho¶ng 100 häc sinh), tÊt c¶ ®Òu ®-îc mét gi¸o viªn ®ång thêi d¹y häc. Nh nh÷ng tia n¾ng MÆt Trêi, gi¸o viªn ph¶i truyÒn b¸ nh÷ng "tia s¸ng" cña m×nh ®Õn tÊt c¶ c¸c häc sinh. Cã thÓ coi ®ã lµ giê khai sinh cña hÖ thèng d¹y häc theo c¸c líp häc, vµ cña m« h×nh d¹y häc lÊy gi¸o viªn lµm trung t©m. Nh vËy trong bèi c¶nh ra ®êi, m« h×nh d¹y häc lÊy gi¸o viªn lµm trung t©m lµ m« h×nh tiÕn bé, v× nã cho phÐp më réng quy m« d¹y häc cho mäi ngêi, thay thÕ m« h×nh d¹y häc riªng lÎ thêi trung cæ, chØ dµnh cho sè lîng h¹n chÕ häc sinh. M« h×nh nµy béc lé nhîc ®iÓm khi nã bÞ sö dông mét c¸ch ®éc t«n, qu¸ nhÊn m¹nh vai trß cña ngêi thÇy mµ kh«ng chó ý ®Õn viÖc ph¸t triÓn tÝnh tÝch cùc cña ngêi häc.

XuÊt ph¸t tõ truyÒn thèng cña Ratke vµ Comenius, lý luËn d¹y häc thêng ®îc ®Þnh nghÜa nh lý thuyÕt cña viÖc gi¶ng d¹y . Ngµy nay, viÖc x¸c ®Þnh nh vËy kh«ng cßn phï hîp n÷a. B¶n chÊt cña d¹y häc cÇn ®îc coi nh t¬ng t¸c qua l¹i gi÷a d¹y vµ häc

N¨m CN

Trong qu¸ tr×nh ph¸t triÓn cña lý luËn d¹y häc, ngµy nay cã nh÷ng quan niÖm vµ xu híng kh¸c nhau. Quan niÖm hÑp coi lý luËn d¹y häc nh khoa häc cña viÖc gi¶ng d¹y, thËm chÝ cßn hÑp h¬n : nh lý thuyÕt vÒ néi dung gi¸o dôc (tr¶ lêi c©u hái d¹y c¸i g×) hoÆc thËm chÝ lý thuyÕt vÒ ch¬ng tr×nh d¹y häc. Quan niÖm réng vÒ lý luËn d¹y häc coi lý luËn d¹y häc nh khoa häc vÒ d¹y vµ häc nãi chung. Lý luËn d¹y häc (tr¶ lêi hai c©u hái d¹y hÕ nµo) bao gåm c¶ ph¬ng ph¸p d¹y häc .

Thêi trung cæ (1000-1500)
Gi¸o dôc lµ viÖc cña c¸c gi¸o sÜ.
§µo t¹o kh¶ n¨ng viÕt

ɹ qu¸ tr×nh d¹y häc lu«n lu«n bao gåm c¶ hai ph¬ng diÖn: viÖc d¹y vµ viÖc häc. C¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc

Thêi khai s¸ng (1700-1800)
Sù ra ®êi cña LLDH.

së gi¸o dôc (trêng häc, trêng ®¹i häc, c¸c c«ng

S ph¹m c¶i c¸ch (1900-1930)
Thêi kú sau chiÕn tranh TG II
Thêi kú hiÖn ®¹i

viÖc gi¸o dôc ngoµi nhµ trêng) lu«n lu«n ®îc coi nh nh÷ng qu¸ tr×nh d¹y vµ häc cã tæ chøc. V× thÕ cã thÓ kÕt luËn r»ng:

> Lý luËn d¹y häc lµ mét m«n khoa häc trong c¸c khoa häc gi¸o dôc. Lý luËn d¹y häc lµ khoa häc cña c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc cã tæ chøc. §ã lµ khoa häc vÒ lý luËn vµ thùc tiÔn cña viÖc d¹y vµ häc.

b. C¸c chuyªn ngµnh lý luËn d¹y häc

Cïng víi sù ph¸t triÓn cña c¸c ngµnh khoa häc gi¸o dôc kh¸c nh gi¸o dôc häc, t©m lý häc ph¸t triÓn, t©m lý häc d¹y häc, lý luËn d¹y häc ®îc ph¸t triÓn m¹nh mÏ trong thÕ kû 20. Ngµy nay lý luËn d¹y häc bao gåm nhiÒu chuyªn ngµnh kh¸c nhau. Bªn c¹nh lý luËn d¹y häc d¹i c¬ng cßn cã lý luËn d¹y häc cña c¸c chuyªn ngµnh (lý luËn d¹y häc bé m«n), lý luËn d¹y häc theo c¸c cÊp häc kh¸c nhau, còng nh lý luËn d¹y häc ®¹i häc. Trong mét sè n¨m Çn ®©y, cßn xuÊt hiÖn lý luËn d¹y häc c¸c m«n häc tÝch hîp nh lý luËn d¹y häc khoa häc tù nhiªn, lý luËn d¹y häc khoa häc x· héi.

- Lý luËn d¹y häc ®¹i c¬ng nghiªn cøu qu¸ tr×nh d¹y häc nãi chung, kh«ng phô thuéc mét m«n häc cô thÓ. Lý luËn d¹y häc ®¹i c¬ng trõu tîng ho¸ c¸c ®Æc ®iÓm riªng cña c¸c m«n häc riªng rÏ, kh¸i qu¸t hãa c¸c hiÖn tîng chuyªn biÖt vµ c¸c quy luËt cña viÖc d¹y vµ häc trong c¸c chuyªn ngµnh d¹y häc kh¸c nhau.

- Lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh nghiªn cøu qu¸ tr×nh d¹y häc cña c¸c chuyªn ngµnh riªng biÖt nh to¸n, lý, ho¸, v.v.

Gi÷a lý luËn d¹y häc ®¹i c¬ng vµ lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh cã mèi quan hÖ qua l¹i: c¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh lµ mét trong nh÷ng nÒn t¶ng quan träng nhÊt cña lý luËn d¹y häc ®¹i c-¬ng. MÆt kh¸c, lý luËn d¹y häc ®¹i c¬ng l¹i lµ c¬ së quan träng cña c¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh - v× nã tæng qu¸t hãa c¸c kÕt qu¶ cña c¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh vµ c¸c m«n khoa häc kh¸c.

C¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh cã vai trß quan träng trong viÖc ®µo t¹o gi¸o viªn chuyªn ngµnh. Chóng lµ c¸c m«n khoa häc vÒ d¹y vµ häc theo chuyªn ngµnh trong vµ ngoµi trêng häc. Chóng kh¶o s¸t vµ d¹y viÖc lùa chän, gi¶ng gi¶i vµ thiÕt lËp l¹i c¸c ®èi tîng häc tËp theo lý luËn d¹y häc, x¸c ®Þnh vµ gi¶i thÝch c¬ së cña c¸c môc ®Ých, néi dung, c¸c ph¬ng ph¸p còng nh c¸c ®iÒu kiÖn xuÊt ph¸t vÒ mÆt x· héi cña viÖc d¹y vµ häc. Ngoµi ra, c¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh cßn ph¸t triÓn vµ thö nghiÖm c¸c tµi liÖu d¹y vµ häc.

C¸c lý luËn d¹y häc chuyªn ngµnh cã chøc n¨ng cÇu nèi vµ ®iÒu khiÓn trong d¹y häc m«n häc. Chøc n¨ng cña chóng lµ kÕt hîp c¸c kiÕn thøc chuyªn ngµnh, c¸c kiÕn thøc trong bèi c¶nh s ph¹m vµ t©m lý häc, vµ c¸c kiÕn thøc hµnh ®éng thùc hµnh trong trêng häc.

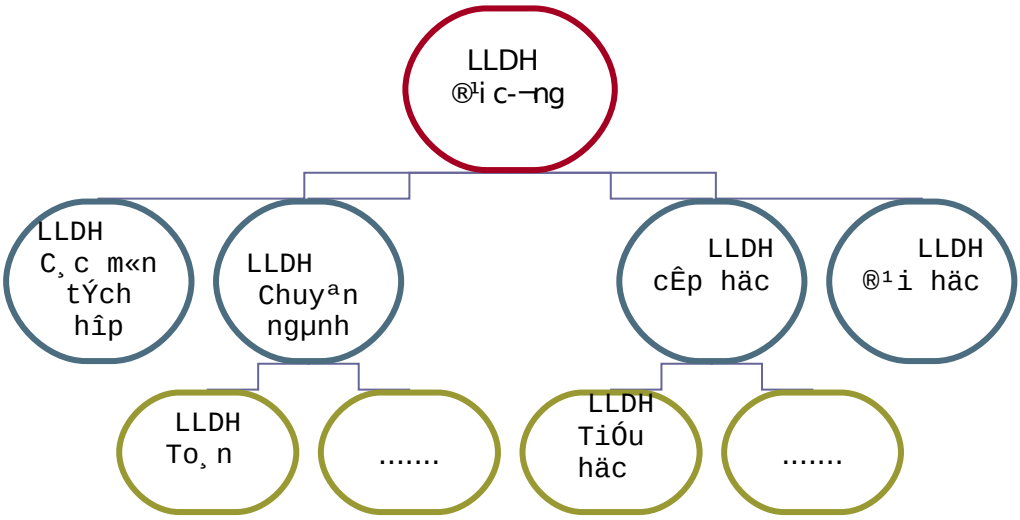

HÖ thèng c¸c chuyªn ngµnh lý luËn d¹y häc

Bªn c¹nh thuËt ng÷ lý luËn d¹y häc cßn cã thuËt ng÷ ph¬ng ph¸p d¹y häc (Methodik) víi t c¸ch mét m«n khoa häc, nh ph¬ng ph¸p d¹y häc ®¹i c¬ng, ph¬ng ph¸p d¹y häc chuyªn ngµnh. Cã nh÷ng quan niÖm kh¸c nhau trong viÖc sö dông c¸c kh¸i niÖm lý luËn d¹y häc còng nh ph¬ng ph¸p d¹y häc víi t c¸ch lµ c¸c khoa häc cña viÖc d¹y vµ häc. Theo nghÜa hÑp th× m«n ph¬ng ph¸p d¹y häc lµ khoa häc vÒ c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc (tr¶ lêi c©u hái d¹y nh thÕ nµo). Tuy nhiªn theo nghÜa réng th× kh¸i niÖm ph¬ng ph¸p d¹y häc víi t c¸ch mét m«n khoa häc còng ®îc dïng ®ång nghÜa víi kh¸i niÖm lý luËn d¹y häc, khi ®èi tîng nã còng lµ c¸c qu¸ tr×nh d¹y häc (tr¶ lêi c©u hái d¹y c¸i g× vµ d¹y nh thÕ nµo), vµ kh«ng chØ giíi h¹n ë c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc. ë ®©y kh«ng ®i s©u vµo viÖc ph©n biÖt hai kh¸i niÖm nµy.

1.1.2. §èi tîng vµ nhiÖm vô cña lý luËn d¹y häc

§èi tîng cña lý luËn d¹y häc lµ c¸c qu¸ tr×nh d¹y häc bao gåm nhiÒu yÕu tè cã mèi quan hÖ qua l¹i víi nhau. Sau ®©y lµ 9 c©u hái cña lý luËn d¹y häc (Jank/Meyer, 1991):

- Ai ? (Ngêi d¹y, ngêi häc, mèi quan hÖ gi¸o viªn – häc sinh, Häc sinh- Häc sinh),

- C¸i g× ? (§èi tîng/ Néi dung häc tËp)
- Khi nµo? (Thêi gian d¹y häc)
- Víi ai? (Mèi quan hÖ gi÷a c¸c lùc lîng tham gia)
- ë ®©u? (§Þa ®iÓm d¹y häc)
- Nh thÕ nµo? (Ph¬ng ph¸p d¹y häc)
- Víi ph¬ng tiÖn nµo? (Ph¬ng tiÖn d¹y häc)
- V× sao? (LËp luËn cho viÖc d¹y häc)
- Nh»m môc ®Ých g×? (Môc dÝch d¹y häc)

Sau ®©y lµ mét sè m« h×nh hãa c¸c mèi quan hÖ c¸c yÕu tè cña qu¸ tr×nh d¹y häc còng mèi quan hÖ cña chóng víi c¸c yÕu tè ®iÒu kiÖn.

a. Tam gi¸c lý luËn d¹y häc

Tam gi¸c lý luËn d¹y häc biÓu thÞ mèi quan hÖ t¬ng t¸c gi÷a ng-êi d¹y, ngêi häc vµ néi dung d¹y häc trong qu¸ tr×nh d¹y häc.

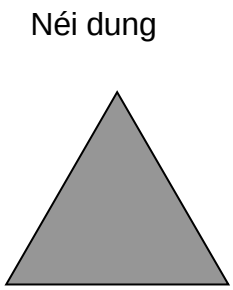

Tam gi¸c lý luËn d¹y häc

Trong mèi quan hÖ víi néi dung d¹y häc, ngêi d¹y cã mét nhiÖm vô kÐp. ViÖc d¹y häc kh«ng chØ cã môc ®Ých lùa chän vµ tr×nh bµy kiÕn thøc, mµ cßn ph¶i xö lý nã cho thÝch hîp víi ngêi tiÕp nhËn (thÝch hîp víi häc sinh).

Ngêi d¹y cã vai trß chØ ®¹o trong qu¸ tr×nh d¹y häc. Nguêi d¹y kh«ng chØ cã quan hÖ víi ngêi häc th«ng qua viÖc truyÒn thô tri thøc. Ngêi d¹y cÇn lµ ngêi dÉn d¾t thµnh th¹o cho ngêi häc trªn con ®êng khoa häc, b»ng c¸ch më ra nh÷ng con ®êng häc tËp, ®a

ra c¸c ®Þnh híng vµ c¸c chiÕn lîc häc tËp, tæ chøc m«i trêng häc tËp, hç trî tÝnh tÝch cùc, tù lùc, s¸ng t¹o cña ngêi häc.

Ngêi häc cÇn cã tÝnh chñ ®éng, tù chÞu tr¸ch nhiÖm trong qu¸ tr×nh häc tËp. ViÖc häc tËp cã thÓ ®îc khuyÕn khÝch vµ hç trî bëi m«i trêng häc tËp thÝch hîp, nhng nã vÉn lu«n lu«n lµ nh÷ng hµnh ®éng c¸ nh©n, ®ßi hái tÝnh ®éc lËp. KiÕn thøc vµ kü n¨ng, th¸i ®é lµ nh÷ng ®iÒu li¹n quan víi c¸ nh©n.

Lý luËn d¹y häc kh¶o s¸t tÝnh quy luËt chung cña viÖc d¹y vµ häc, vµ li¹n kÕt c¸c kiÕn thøc trong mèi quan hÖ hÖ thèng. B»ng c¸ch ®ã nã t¹o ra c¬ së khoa häc cho ho¹t ®éng d¹y cña lùc lîng gi¸o.

b. Vßng trßn lý luËn d¹y häc

ViÖc t¬ng t¸c gi÷a ba yÕu tè ngêi d¹y, ngêi häc vµ néi dung d¹y häc ®îc thùc hiÖn th«ng qua mét lo¹t c¸c y¹u tè kh¸c cña qu¸ tr×nh d¹y häc. C¸c yÕu tè nµy cã mèi quan hÖ qua l¹i, chi phèi lÉn nhau. Nh÷ng yÕu tè nµy cã thÓ ®îc s¾p xÕp vµo mét vßng trßn lý luËn d¹y häc, nã bao trïm tam gi¸c lý luËn d¹y häc:

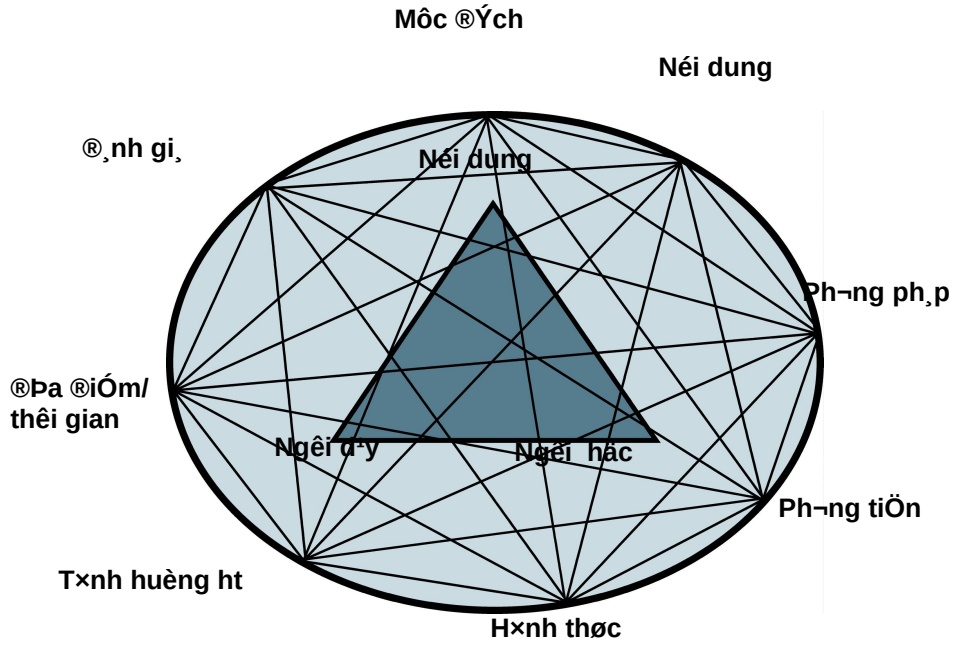

Vßng trßn lý luËn d¹y häc

Vßng trßn LLDT thÓ hiÖn nh÷ng yÕu tè cña qu¸ tr×nh d¹y häc:

Theo ®uæi c¸c môc ®Ých[1]

[1] Môc ®Ých d¹y vµ häc: Lµ nh÷ng kÕt qu¶ ®îc gi¶ thiÕt trícc trong mèi li¹n quan víi sù ph¸t triÓn nh©n c¸ch cña häc sinh vµ yÕu tè ®iÒu khiÓn cã ý

Lùa chän c¸c néi dung[1]

C¸c ph¬ng tiÖn[2], cho dï lµ lêi nãi, s¸ch hoÆc b¶ng

Sö dông c¸c ph¬ng ph¸p[3] còng nh c¸c t×nh huèng häc tËp[4] ®îc t¹o ra trong mèi liªn quan víi kh«ng gian vµ thêi gian[5]

Tæ chøc c¸c nhãm x· héi[6]

Thùc hiÖn c¸c ®¸nh gÝa, cho dï chØ trong nh÷ng kú thi ®îc thùc hiÖn mét lóc nµo ®ã hoÆc c¸c ®¸nh gi¸ chñ quan vµ ngÉu nhiªn.

Lý luËn d¹y häc ph¶i cho biÕt th«ng tin vÒ c¸c nhiÖm vô chung cña viÖc häc tËp ®Ó ph¸t triÓn c¸c kiÕn thøc chung vµ kiÕn thøc chuyªn ngµnh. Nã ph¶i kh¶o s¸t c¸c tÝnh quy luËt t¬ng øng theo lý luËn d¹y häc cña qu¸ tr×nh d¹y häc.

Khung lý luËn d¹y häc

C¸c hµnh ®éng lý luËn d¹y häc lu«n lu«n ®îc thùc hiÖn trong nh÷ng ®iÒu kiÖn khung nhÊt ®Þnh mµ cÇn ph¶i ®îc lu ý khi lËp kÕ ho¹ch vµ thùc hiÖn c¸c ho¹t ®éng d¹y häc.

Cã thÓ ph©n biÖt bèn nhãm chÝnh cña c¸c ®iÒu kiÖn khung nh sau :

C¸c ®iÒu kiÖn x· héi, tr×nh ®é vµ ®iÒu kiÖn häc tËp, chóng ¶nh hëng rÊt nhiÒu ®Õn viÖc ph¶i häc c¸i g× vµ häc nh thÕ nµo. C¸c ®iÒu kiÖn nµy kh«ng chØ liªn quan víi nh÷ng ngêi häc, mµ c¶ víi nh÷ng ngêi d¹y häc.

C¸c nguån kiÕn thøc khoa häc chuyªn ngµnh vµ liªn ngµnh mµ tõ ®ã gi¸o viªn vµ häc viªn khai th¸c - tøc lµ t×nh tr¹ng ph¸t triÓn cña c¸c ngµnh khoa häc

nghÜa quan träng cña c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc.

[1] Néi dung häc tËp: Lµ c¸c ®èi tîng vËt chÊt vµ ý tëng cña qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc vµ ph¬ng tiÖn cña sù ph¸t triÓn nh©n c¸ch. Trong sè nµy gåm cã : a) c¸c sù thùc, c¸c kh¸i niÖm, c¸c ®Þnh luËt, c¸c lý thuyÕt , c¸c m« h×nh, b) c¸c ph¬ng ph¸p vµ kü thuËt, c¸c kiÕn thøc lµm viÖc, c¸c quy tr×nh, c) c¸c nhËn thøc thÕ giíi quan vµ tinh thÇn, c¸c ý tëng, c¸c tiªu chuÈn, c¸c gi¸ trÞ.

[2] Ph¬ng tiÖn: Lµ ph¬ng tiÖn giao tiÕp ®îc sö dông trong bèi c¶nh s ph¹m ®Ó ®Þnh h×nh c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc

[3] Ph¬ng ph¸p: Ph¬ng ph¸p lµ nh÷ng con ®êng ®Ó ®¹t ®Õn c¸c môc ®Ých ®Ò ra cña c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc

[4] T×nh huèng häc tËp : §îc ph©n biÖt ë c¸c cÊp c¸ nh©n vµ tËp thÓ. C¸c t×nh huèng häc tËp ®îc x¸c ®Þnh th«ng qua c¸c kiÕn thøc vµ kinh nghiÖm t¬ng øng ®· cã, còng nh th«ng qua c¸c ®Æc ®iÓm theo løa tuæi vµ ®Æc ®iÓm x· héi

[5] Kh«ng gian/thêi gian : ë ®©y lµ m«i trêng häc tËp, nhng còng lµ chi phÝ thêi gian dïng ®Ó ®¹t ®îc môc ®Ých.

[6] C¸c h×nh thøc x· héi: §ã lµ c¸c h×nh thøc tæ chøc x· héi cña viÖc d¹y vµ häc. Môc ®Ých lµ më réng viÖc d¹y häc lÊy gi¸o viªn lµm trung t©m b»ng c¸c h×nh thøc tæ chøc t¬ng t¸c.

C¸c ®iÒu kiÖn vÒ thÓ chÕ, c¸c ®iÒu kiÖn vÒ x· héi, ®îc x¸c ®Þnh tr©n cÊp chÝnh trÞ

C¸c y©u cÇu vÒ mÆt x· héi vµ nghÒ nghiÖp ®èi víi sù gi¸o dôc ®¹i häc

C¸c khoa häc chuyªn ngµnh vµ liªn ngµnh

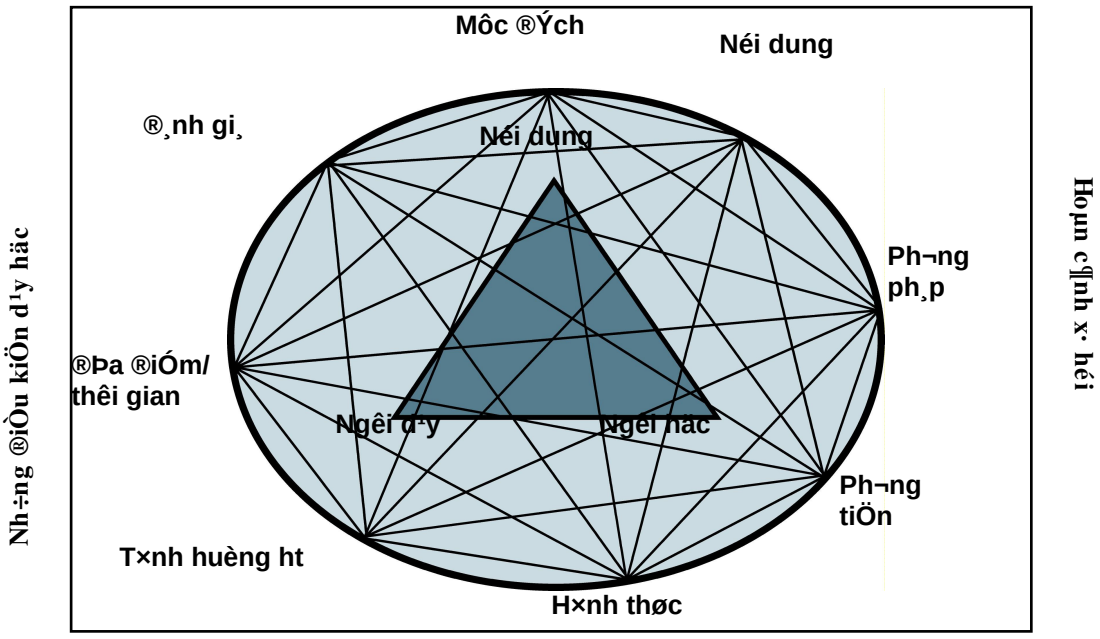

Nh÷ng ®ßi hái cña x· héi vµ nghÒ nghiÖp

Khung lý luËn d¹y häc

Bµi tËp :

1. Gi¶i thÝch nh÷ng kh¸i niÖm c¬ b¶n cña vßng trßn lý luËn d¹y häc vµ khung lý luËn d¹y häc vµ mèi quan hÖ gi÷a chóng th«ng qua mét vÝ dô cô thÓ rót ra tõ qu¸ tr×nh häc tËp khoa häc cña chÝnh m×nh

1.2. C¸c m« h×nh lý luËn d¹y häc

Khi tr×nh bµy cô thÓ, c¸c cña lý luËn d¹y häc nh mét m«n khoa häc d¹y vµ häc rÊt kh¸c nhau. Sù kh¸c biÖt nµy sÏ trë nªn râ rµng khi tr×nh bµy vµ miªu t¶ ®Æc trng c¸c m« h×nh lý luËn d¹y häc. Cho ®Õn nay vÉn cha cã nh÷ng m« h×nh ®Æc biÖt vÒ lý luËn d¹y häc ®¹i häc. Nhng c¸c m« h×nh vÒ lý luËn d¹y häc ®¹i c¬ng còng lµ ®iÒu quan träng cho c¸c suy nghÜ vÒ lý luËn d¹y häc ®¹i häc.

C¸c m« h×nh lý luËn d¹y häc lµ nh÷ng lý thuyÕt dïng ®Ó ph©n tÝch c¸c hµnh ®éng lý luËn d¹y häc trªn nhµ trêng phæ th«ng, trêng ®¹i häc vµ c¸c lÜnh vùc hµnh ®éng ngoµi trêng häc (vÝ dô c¸c thÓ chÕ gi¸o dôc n©ng cao) trªn cÊp ®é chung, vµ ®a ra c¸c chØ dÉn hµnh ®éng ®èi víi viÖc lËp kÕ ho¹ch, thùc hiÖn vµ ®¸nh gi¸ c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc.

C¸c m« h×nh lý luËn d¹y häc còng ph¶i ®ãng gãp vµo viÖc gi¶i thÝch mét c¸ch toµn diÖn vÒ mÆt lý thuyÕt ®èi víi c¸c ®iÒu kiÖn, c¸c kh¶ n¨ng vµ c¸c giíi h¹n cña viÖc d¹y vµ häc. Nh÷ng tÊt nhiªn viÖc d¹y vµ häc trong c¸c buæi d¹y häc lµ mét qu¸ tr×nh qu¸ phøc t¹p, kh«ng thÓ ®îc gi¶i thÝch b»ng mét m« h×nh lý luËn d¹y häc duy nhÊt.

ë ®©y chóng t«i sö dông 3 m« h×nh lý luËn d¹y häc c¬ b¶n vµ ®ång thêi còng kh¸c nhau, chóng cã ý nghÜa trÝc tiªn ®èi víi viÖc lËp kÕ ho¹ch vµ ®Þnh h×nh c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc khoa häc.

1.2.1. Lý luËn d¹y häc biÖn chøng (®¹i diÖn lµ Lothar Klinberg[1] 1926-2002)

§iÓm xuÊt ph¸t vµ ®iÓm ®Ých cña biÖn chøng lý luËn d¹y häc lµ quan hÖ gi÷a ngêi d¹y vµ ngêi häc. ViÖc d¹y vµ häc nh nh÷ng ho¹t ®éng cã thÓ ph©n biÖt vµ cã liªn quan víi nhau lµ quan hÖ c¬ b¶n ®Çu tiªn cña viÖc ®Þnh h×nh qu¸ tr×nh d¹y häc. Nh×n tõ gãc ®é lý luËn d¹y häc, viÖc d¹y vµ häc lµ nh÷ng ®¹i lîng cã mèi liªn quan t¬ng hç víi nhau, d¹y vµ häc lµ nh÷ng ph¹m trï bæ sung cho nhau trong l«gic cña lý luËn d¹y häc. §iÒu ®ã cã nghÜa lµ :

> ViÖc d¹y vµ häc lµ nh÷ng ®¹i lîng phô thuéc nhau : kh¸i niÖm "häc tËp" cña lý luËn d¹y häc ®îc thiÕt lËp trong bèi c¶nh cña sù d¹y häc, kh¸i niÖm "d¹y häc" cña lý luËn d¹y häc ®îc thiÕt lËp trong bèi c¶nh cña sù häc tËp.
>
> Sù häc tËp ngô ý coi sù d¹y häc lµ viÖc d¹y häc c¸c qu¸ tr×nh häc tËp, sù d¹y häc ngô ý coi sù häc tËp lµ sù d¹y häc c¸c qu¸ tr×nh d¹y häc. Trong c¸c qu¸ tr×nh häc tËp theo kiÓu c¸c buæi gi¶ng bµi, ngêi d¹y häc t¸c ®éng ®Õn ngêi häc tËp vµ ngêi häc tËp t¸c ®éng ®Õn ngêi d¹y häc.

[1] Lothar Klingberg ®· d¹y häc t¹i ®¹i häc tæng hîp Potsdam vµ lµ nhµ lý luËn d¹y häc cã ý nghÜa nhÊt cña CHDC §øc.

D¹y vµ häc lµ nh÷ng ph¹m trï lý luËn d¹y häc cã mèi liªn quan t¬ng hç víi nhau. Lµ mèi quan hÖ phô thuéc nhau, chóng lµ c¬ së cho kh¸i niÖm "d¹y häc" - kh¸i niÖm trung t©m cña lý luËn d¹y häc.

Nh vËy, vÒ gãc ®é lý luËn d¹y häc th× viÖc d¹y häc kh«ng ph¶i lµ thµnh phÇn l¹ ®èi víi sù häc tËp, mµ lµ ®iÒu kiÖn cho viÖc häc tËp (díi sù d¹y häc).Víi nh÷ng nµy th× lý luËn d¹y häc biÖn chøng ®îc ph©n biÖt víi nh÷ng cÊu tróc mµ trong ®ã viÖc häc tËp ®îc ®Þnh nghÜa nh mét ®¹i lîng riªng rÏ vµ sù d¹y häc ®îc coi nh sù t¸c ®éng l¹ hoÆc nh yÕu tè g©y rèi ®èi víi viÖc "häc tËp kiÓu tù häc".

ë t©m ®iÓm cña lý luËn d¹y häc cña Klingberg lµ biÖn chøng vÒ ho¹t ®éng d¹y vµ häc trong qu¸ tr×nh d¹y häc vµ tiÕp thu kiÕn thøc ®îc tæ chøc theo lý luËn d¹y häc.

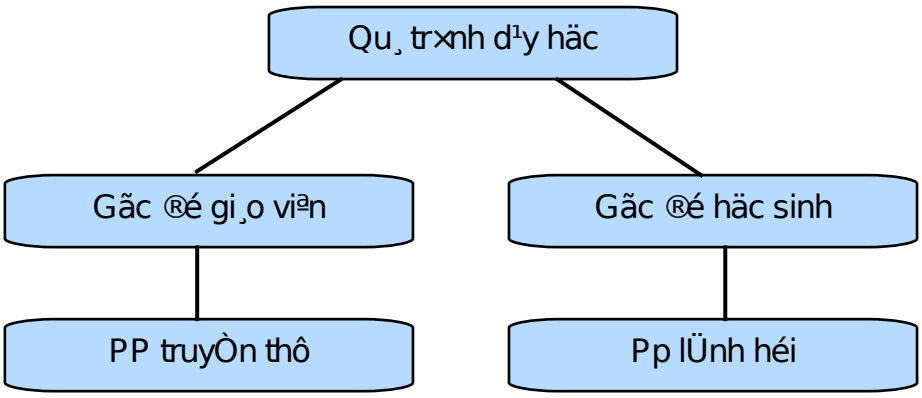

Qu¸ tr×nh d¹y häc lµ qu¸ tr×nh truyÒn thô vµ lÜnh héi

Lµ mèi quan hÖ c¬ b¶n thø hai, néi dung vµ ph¬ng ph¸p "®¸p øng" quan hÖ ®Çu tiªn. Quan hÖ néi dung - ph¬ng ph¸p mang ph¹m trï "hµng hãa gi¸o dôc" vµo bèi c¶nh lý luËn d¹y häc vµ vµo khÝa c¹nh tr×nh bµy néi dung theo ph¬ng ph¸p, mét khÝa c¹nh cã ý nghÜa c¬ b¶n ®èi víi viÖc ®Æt vÊn ®Ò lý luËn d¹y häc.

VÒ mÆt lý luËn d¹y häc, sù d¹y häc ®· ®îc thiÕt kÕ ®îc thùc hiÖn trong mèi quan hÖ qua l¹i gi÷a c¸c qu¸ tr×nh néi dung vµ c¸c qu¸ tr×nh ph¬ng ph¸p (lËp kÕ ho¹ch, quyÕt ®Þnh, suy nghÜ nhËn xÐt, hµnh ®éng). Theo gãc ®é lý luËn d¹y häc, viÖc d¹y häc ®îc thùc hiÖn theo hai híng liªn quan víi nhau : tõ néi dung ®Õn ph¬ng ph¸p vµ tõ ph¬ng ph¸p ®Õn néi dung. Lµ mét néi dung ®îc xö lý, sù d¹y häc lµ mét qu¸ tr×nh ph¬ng ph¸p vÜnh cöu : ph¬ng ph¸p xö lý néi dung vµ néi dung xö lý ph¬ng ph¸p.

TruyÒn thèng lý luËn d¹y häc, mµ theo ®ã ngêi ta xuÊt ph¸t tõ néi dung vµ nhËn thøc ph¬ng ph¸p nh bíc tiÕp theo, lµ truyÒn thèng cã ý nghÜa tèt, v× nã nhÊn m¹nh sù ®Þnh híng c¬ b¶n ®èi víi "vÊn ®Ò", nhng nã còng bÞ h¹n chÕ mét mÆt, v× nã kh«ng th©u tãm mèi liªn quan néi dung - ph¬ng ph¸p nh mét qu¸ tr×nh thèng nhÊt. V× vËy, c«ng thøc "Tõ néi dung ®Õn ph¬ng ph¸p" ph¶i ®îc bæ sung b»ng c«ng thøc "Tõ ph¬ng ph¸p ®Õn néi dung".

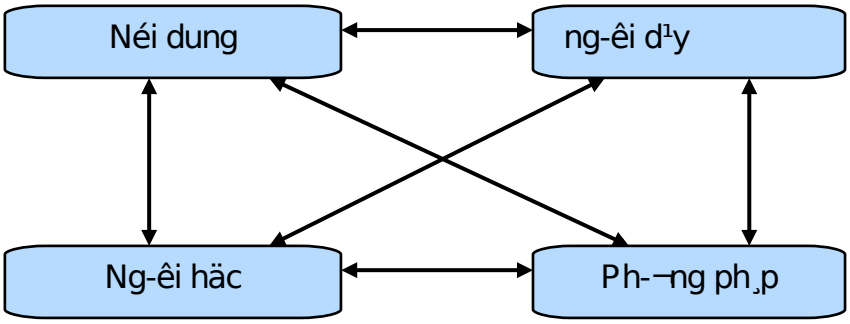

C¸c mèi quan hÖ c¬ b¶n 1

Trong qu¸ tr×nh d¹y häc, viÖc d¹y vµ viÖc häc còng nh néi dung vµ ph¬ng ph¸p cã mèi quan hÖ biÖn chøng víi nhau.

D¹y häc lµ mét quan hÖ biÖn chøng, v× :

> BiÖn chøng ®a ra c©u hái vÒ sù h×nh thµnh (sù ph¸t triÓn lÞch sö) vµ vÒ quan hÖ víi sù x©y dùng l«gic - hÖ thèng cña mét lÜnh vùc chuyªn m«n
>
> T tëng biÖn chøng lµ t tëng cña qu¸ tr×nh
>
> BiÖn chøng ®Æt ra c©u hái vÒ ®éng lùc cña c¸c qu¸ tr×nh ph¸t triÓn vµ nhËn thÊy sù m©u thuÉn c¬ b¶n

Sù m©u thuÉn biÖn chøng c¬ b¶n trong d¹y häc lµ sù m©u thuÉn gi÷a sù l·nh ®¹o vµ sù ®éc lËp. Nh÷ng ngêi häc cã vÞ thÕ cña "®èi tîng" còng nh cña "chñ thÓ": Hä lµ ®èi tîng cña sù l·nh ®¹o vµ d¹y häc cña gi¸o viªn, ®ång thêi hä lµ chñ thÓ cña qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc cho b¶n th©n m×nh.

Quan hÖ môc tiªu - néi dung - tæ chøc lµ quan hÖ nßng cèt cña lý luËn d¹y häc theo ph¬ng ph¸p biÖn chøng.

Lý luËn d¹y häc theo ph¬ng ph¸p biÖn chøng xuÊt ph¸t tõ c¬ së lµ nh÷ng kh¸i niÖm nh môc tiªu, néi dung, ph¬ng ph¸p vµ tæ chøc cã thÓ ph¶n ¸nh mét mèi quan hÖ s ph¹m cã hÖ thèng vµ khÐp kÝn.

TÊt c¶ c¸c kh¸i niÖm nµy ®Òu cã mèi quan hÖ biÖn chøng qua l¹i víi nhau :

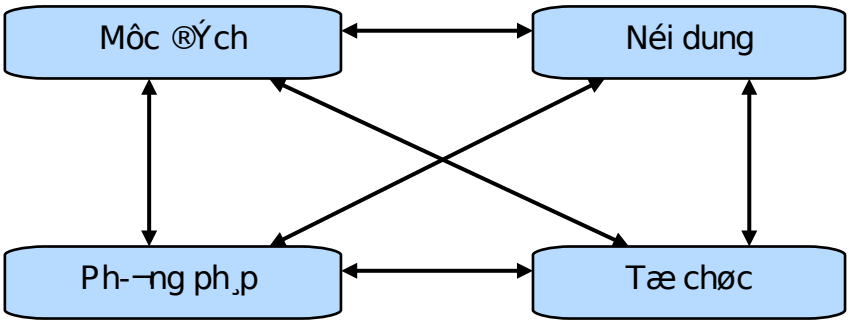

C¸c mèi quan hÖ c¬ b¶n 2

§iÒu ®ã cã nghÜa lµ, khi lËp kÕ ho¹ch d¹y häc chóng ta kh«ng chØ tiÕn hµnh theo nh÷ng bíc sau :

1. X¸c ®Þnh môc tiªu
2. X¸c ®Þnh néi dung
3. Lùa chän ph¬ng ph¸p
4. §Þnh h×nh c¸ch tæ chøc

C¸c thµnh phÇn môc tiªu, néi dung, ph¬ng ph¸p, tæ chøc còng kh«ng n»m trong mèi quan hÖ tuyÕn tÝnh, mµ n»m trong mèi quan hÖ t¬ng hç víi nhau.

Quan hÖ gi÷a néi dung d¹y häc vµ ph¬ng ph¸p d¹y häc lµ quan hÖ cã tÝnh t¬ng hç. Néi dung vµ ph¬ng ph¸p lµ nh÷ng vÊn ®Ò phô thuéc lÉn nhau. Néi dung x¸c ®Þnh ph¬ng ph¸p, nhng ph¬ng ph¸p t¸c ®éng trë l¹i vµo néi dung. Nh÷ng quyÕt ®Þnh vÒ c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc tuy cÇn ®îc ®a ra víi ®Þnh híng theo môc tiªu vµ néi dung, nhng chóng kh«ng thÓ ®îc suy ra tõ nh÷ng mèi quan hÖ cã tÝnh quy luËt.

Môc tiªu, néi dung, ph¬ng ph¸p vµ h×nh thøc tæ chøc[1] cã mèi quan hÖ biÖn chøng qua l¹i víi nhau.

Quan hÖ biÖn chøng t¬ng hç nµy dùa trªn nh÷ng gi¶ thuyÕt sau :

[1] Díi kh¸i niÖm "tæ chøc d¹y häc " chóng ta hiÓu mét mÆt lµ sù tæ chøc bªn ngoµi (d¹y häc trong líp häc, ®é lín vµ thµnh phÇn cña líp häc, sè tiÕt d¹y häc, ®iÒu kiÖn vËt chÊt), mÆt kh¸c lµ sù tæ chøc bªn trong cña d¹y häc (cÊu tróc tèi u cña giê d¹y häc, sù phèi hîp c¸c lÜnh vùc d¹y häc riªng rÏ).

Vai trß l·nh ®¹o cña môc tiªu so víi néi dung vµ ph¬ng ph¸p. §iÒu ®ã cã nghÜa lµ néi dung vµ ph¬ng ph¸p ph¶i ®îc lùa chän vµ s¾p xÕp sao cho chóng ®Þnh híng mét c¸ch râ rµng vµo c¸c môc tiªu

Chøc n¨ng mang cña néi dung. Nh÷ng t¸c ®éng c¬ b¶n cña d¹y häc xuÊt ph¸t tõ néi dung khoa häc cña nã. Néi dung nµy kh«ng d¹y häc theo quan hÖ nh©n qu¶ - tuyÕn tÝnh, mµ th«ng qua c¸c ho¹t ®éng cña häc sinh ®îc l·nh ®¹o bëi gi¸o viªn.

TiÒm n¨ng gi¸o dôc cña néi dung. C¶ nh÷ng môc tiªu bao qu¸t còng ph¶i ®îc theo ®uæi nhê sù gióp ®ì cña néi dung.

T¸c dông gi¸o dôc cña ph¬ng ph¸p. Néi dung chØ cã t¸c dông gi¸o dôc th«ng qua ph¬ng ph¸p vµ c¸ch thøc d¹y häc, tiÕp thu nã.

KÕt luËn :

Lý luËn d¹y häc biÖn chøng miªu t¶ ®Æc trng cña b¶n chÊt qu¸ tr×nh d¹y häc. Qu¸ tr×nh d¹y häc ®îc th©u tãm nh qu¸ tr×nh d¹y vµ häc, qu¸ tr×nh nµy l¹i ®îc th©u tãm nh qu¸ tr×nh tiÕp thu vµ d¹y häc. Lý luËn d¹y häc biÖn chøng ®óng h¬n kh«ng ph¶i lµ lý thuyÕt cña néi dung d¹y häc.

1.2.2. Lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt gi¸o dôc

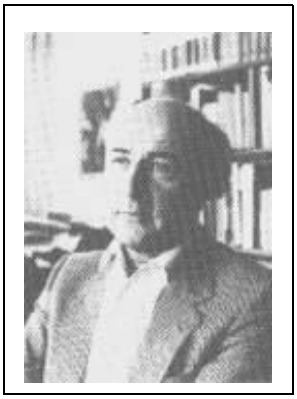

Wolfgang Klafki

Ph¹m trï trung t©m cña m« h×nh do Wolfgang Klafki ®a ra lµ kh¸i niÖm gi¸o dôc. Gi¸o dôc nh»m vµo nhËn thøc ®îc d¹y häc vÒ mÆt lÞch sö ®èi víi c¸c vÊn ®Ò trung t©m cña nh©n lo¹i trong hiÖn t¹i vµ trong t¬ng lai, nh»m vµo sù nh×n nhËn tr¸ch nhiÖm chung cña tÊt c¶ mäi ng-êi vµ sù s½n sµng tham gia gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

ë t©m ®iÓm cña gi¸o dôc lµ 3 kh¶ n¨ng c¬ b¶n :

- kh¶ n¨ng tù quyÕt ®Þnh
- kh¶ n¨ng cïng quyÕt ®Þnh
- kh¶ n¨ng ®oµn kÕt

Lý luËn d¹y häc lµ lý luËn cã tÝnh phª ph¸n, v× nã nhÊn m¹nh viÖc t¹o ®iÒu kiÖn cho häc sinh cã kh¶ n¨ng tù quyÕt ®Þnh, cïng quyÕt ®Þnh vµ kh¶ n¨ng ®oµn kÕt ngµy cµng t¨ng. Lý luËn d¹y häc lµ lý luËn cã tÝnh x©y dùng, v× mèi quan hÖ thùc hµnh

cña kh¸i niÖm ®îc xö lý theo mèi quan t©m vÒ hµnh ®éng, ®Þnh h×nh vµ thay ®æi.

Klafki hiÓu mèi quan hÖ gi÷a viÖc d¹y vµ häc nh qu¸ tr×nh t¬ng t¸c, mµ trong ®ã víi sù hç trî cña c¸c gi¸o viªn c¸c häc viªn tiÕp thu nh÷ng kiÕn thøc vµ kü n¨ng ngµy cµng ®éc lËp h¬n ®Ó xö lý thùc tÕ lÞch sö x· héi cña m×nh. VÒ c¬ b¶n, sù häc tËp nh vËy ph¶i lµ sù häc tËp cã tÝnh kh¸m ph¸ hoÆc kh¸m ph¸ l¹i, cã ý thøc vµ hiÓu biÕt.

Khi lËp kÕ ho¹ch d¹y häc trªn c¬ së lý luËn d¹y häc cã tÝnh x©y dùng - phª ph¸n, cÇn ph¶i xÐt ®Õn c¸c mèi quan hÑ phøc hîp sau :

1) C¸c mèi quan hÖ vÒ gi¶ng gi¶i c¬ së cña ®Ò tµi : ë t©m ®iÓm lµ 3 c©u hái : a) ý nghÜa hiÖn t¹i cña ®Ò tµi lµ g× ? b) ý nghÜa t¬ng lai cña ®Ò tµi lµ g× ? c) §Ò tµi cã ý nghÜa lµm mÉu ®Õn møc nh thÕ nµo ? (C¸c mèi quan hÖ chung, c¸c tÝnh quy luËt chung, c¸c cÊu tróc, ..., mµ cã thÓ ®îc xö lý trªn vÝ dô cña ®Ò tµi nµy, lµ nh thÕ nµo ?)

2) C¸c mèi quan hÖ cña cÊu tróc ®Ò tµi : ë t©m ®iÓm lµ c©u hái vÒ cÊu tróc néi dung trong 1 tiÕt cña ®Ò tµi. (§Ò tµi cÇn ph¶i ®îc xö lý díi nh÷ng gãc ®é nh thÕ nµo ? Ngêi häc ph¶i cã nh÷ng ®iÒu kiÖn g× ®Ó cã thÓ hiÓu ®îc vÊn ®Ò ? Ngêi häc cã thÓ suy ra c¸c kÕt luËn cã tÝnh ph¬ng ph¸p hÖ nµo ? Néi dung vµ vÊn ®Ò ®îc s¾p xÕp nh thÕ nµo ? B»ng c¸ch nµo cã thÓ ®¸nh gi¸ lµ qu¸ tr×nh häc tËp cã thµnh c«ng hay kh«ng ?)

3) C¸c mèi quan hÖ cña sù tiÕp cËn vµ sù tr×nh bµy trong buæi d¹y häc : CÇn ph¶i ¸p dông nh÷ng ph¬ng ph¸p nµo ? Nh÷ng ngêi häc cÇn ph¶i luyÖn tËp nh÷ng hµnh ®éng nµo ? Lý thuyÕt vµ thùc hµnh cã thÓ ®îc liªn kÕt víi nhau nh thÕ nµo ?

4) So¹n th¶o cÊu tróc qu¸ tr×nh d¹y vµ häc : vÊn ®Ò ë ®©y lµ lËp kÕ ho¹ch vµ tæ chøc cô thÓ sù d¹y häc, kÓ c¶ c¸c dông cô trî gióp häc tËp, c¸c h×nh thøc x· héi, c¸c h×nh thøc t¬ng t¸c.

Träng t©m cña lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt gi¸o dôc lµ sù ph©n tÝch néi dung d¹y häc trªn c¬ së lý luËn d¹y häc:

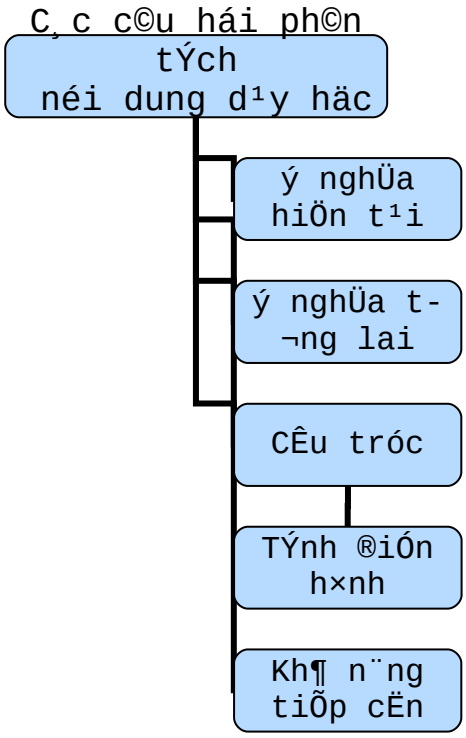

Víi sù trî gióp cña ph©n tÝch theo lý luËn d¹y häc cÇn ph¶i lµm s¸ng tá, trong c¸c néi dung gi¶ng d¹y cã néi dung gi¸o dôc nµo ? Néi dung gi¶ng d¹y sÏ ®îc gi¶ng gi¶i vµ lËp

KÕt luËn :

Lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt gi¸o dôc cã träng t©m lµ lý thuyÕt vÒ néi dung d¹y häc (chø kh«ng ph¶i lµ lý thuyÕt vÒ qu¸ tr×nh d¹y häc). Nßng cèt cña lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt gi¸o dôc lµ sù ph©n tÝch néi dung d¹y häc vÒ mÆt lý luËn d¹y häc.

1.2.3. Lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt d¹y vµ häc

Träng t©m cña lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt d¹y vµ häc lµ viÖc ph©n tÝch c¸c mèi quan hÖ gi÷a c¸c yÕu tè cña qu¸ tr×nh d¹y häc nh»m lËp kÕ ho¹ch (thiÕt kÕ) qu¸ tr×nh d¹y häc.

Ta ph©n biÖt bèn lÜnh vùc quyÕt ®Þnh vµ hai lÜnh vùc ®iÒu kiÖn. Nh÷ng quyÕt ®Þnh ®èi víi viÖc thiÕt kÕ d¹y häc mµ lùc l-îng gi¸o viªn ph¶i ®a ra bao gåm :

a) B»ng sù d¹y häc cÇn ph¶i ®¹t ®îc nh÷ng ý ®Þnh vµ môc tiªu nµo ?

b) §Ò tµi vµ néi dung cña tiÕt häc ph¶i lµ g× ?

c) CÇn ph¶i ¸p dông nh÷ng ph¬ng ph¸p nµo vµ nh÷ng ph¬ng tiÖn nµo ®Ó ®¹t ®îc môc tiªu ®ã ?

Khi quyÕt ®Þnh, lùc lîng gi¸o viªn ph¶i xuÊt ph¸t tõ ch¬ng tr×nh d¹y häc, ®ång thêi hä ph¶i lu ý nh÷ng ®iÒu kiÖn cô thÓ ®èi víi sù d¹y häc.

ë t©m ®iÓm lµ hai lÜnh vùc ®iÒu kiÖn :

a) Nh÷ng ®iÒu kiÖn vÒ mÆt con ngêi : Nh÷ng ®iÒu kiÖn nµy liªn quan ®Õn c¸c ®iÒu kiÖn c¸ nh©n cña häc sinh (tuæi t¸c, kiÕn thøc ®· cã, kinh nghiÖm, c¸ch häc,...). Lùc l-îng gi¸o viªn hÇu nh kh«ng thÓ ¶nh hëng ®Õn nh÷ng ®iÒu kiÖn nµy.

b) Nh÷ng ®iÒu kiÖn vÒ mÆt v¨n ho¸-x· héi : Nh÷ng ®iÒu kiÖn nµy ®îc x¸c ®Þnh bëi sù thay ®æi cña toµn bé x· héi (c¸c gi¸ trÞ trong x· héi, vai trß cña ®µn «ng vµ phô n÷ trong x· héi, quan hÖ gi÷a trêng häc vµ gia ®×nh,...) Khi lËp kÕ ho¹ch vµ ph©n tÝch d¹y häc, lùc lîng gi¸o viªn còng ph¶i lu ý nh÷ng ®iÒu kiÖn nµy. Hä còng hÇu nh kh«ng thÓ ¶nh hëng ®Õn nh÷ng ®iÒu kiÖn nµy.

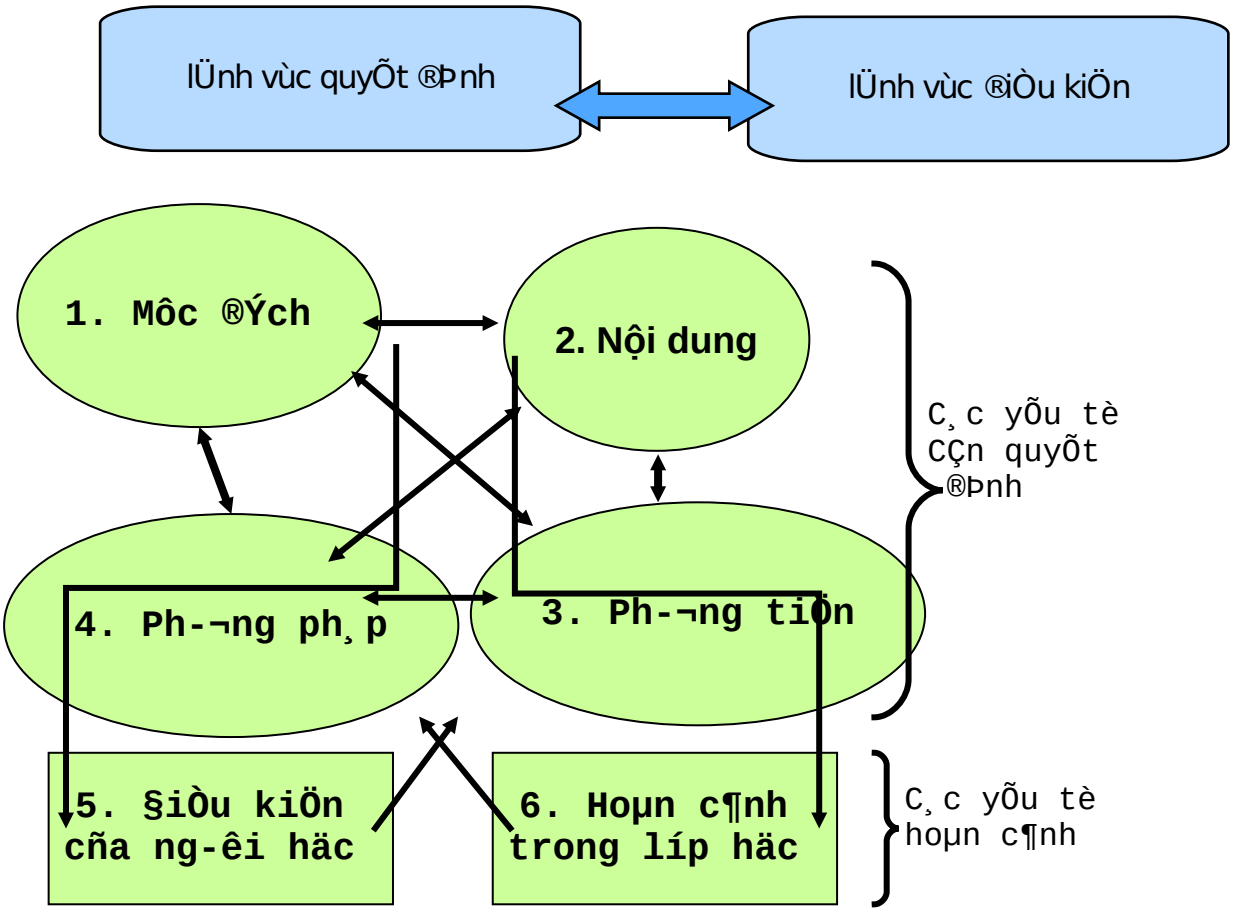

Nh÷ng ý ®Þnh, nh÷ng ®Ò tµi, nh÷ng ph¬ng ph¸p vµ ph¬ng tiÖn còng nh c¸c ®iÒu kiÖn vÒ mÆt con ngêi vµ c¸c ®iÒu kiÖn vÒ mÆt v¨n ho¸ - x· héi cña sù d¹y häc cã mèi quan hÖ phô thuéc chÆt chÏ víi nhau.

Tãm t¾t: Lý luËn d¹y häc theo lý thuyÕt d¹y vµ häc x¸c ®Þnh mèi quan hÖ gi÷a c¸c quyÕt ®Þnh s ph¹m häc trong mèi t¬ng quan víi nh÷ng ®iÒu kiÖn. Nã cho biÕt sù ®Þnh híng ®Ó lËp kÕ ho¹ch d¹y häc.

Bµi tËp :

1. Ph©n tÝch träng t©m chÝnh cña c¸c m« h×nh lý luËn d¹y häc

2. X©y dùng vÝ dô vÒ kh¶ n¨ng vËn dông c¸c m« h×nh LLDH trong viÖc lËp kÕ ho¹ch d¹y häc mét chñ ®Ò cô thÓ.

1.3. Gi¸o dôc ®Þnh huíng kÕt qu¶ ®Çu ra vµ ph¸t triÓn n¨ng lùc – Mét xu híng c¶i c¸ch gi¸o dôc

1.3.1. Ch¬ng tr×nh gi¸o dôc ®Þnh híng néi dung d¹y häc

Trong khoa häc gi¸o dôc th× ch¬ng tr×nh d¹y häc mang tÝnh "hµn l©m, kinh viÖn" cßn ®îc gäi lµ *gi¸o dôc "®Þnh híng néi dung"* d¹y häc hay *"®Þnh híng ®Çu vµo" (®iÒu khiÓn ®Çu vµo)*. Ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung tån t¹i phæ biÕn trªn thÕ giíi cho ®Õn cuèi thÕ kû 20 vµ ngµy nay vÉn cßn ë nhiÒu níc. §Æc ®iÓm c¬ b¶n cña ch¬ng tr×nh gi¸o dôc ®Þnh híng néi dung lµ chó träng viÖc truyÒn thô hÖ thèng tri thøc khoa häc theo c¸c m«n häc ®· ®îc quy ®Þnh trong ch¬ng tr×nh d¹y häc. Nh÷ng néi dung cña c¸c m«n häc nµy dùa trªn c¸c khoa häc chuyªn ngµnh t¬ng øng. Ngêi ta chó träng viÖc trang bÞ cho häc sinh hÖ thèng tri thøc khoa häc kh¸ch quan vÒ nhiÒu lÜnh vùc kh¸c nhau. Tuy nhiªn ch¬ng tr×nh gi¸o dôc ®Þnh híng néi dung cha chó träng ®Çy ®ñ ®Õn chñ thÓ ngêi häc còng nh ®Õn kh¶ n¨ng øng dông tri thøc ®· häc trong nh÷ng t×nh huèng thùc tiÔn. Môc tiªu d¹y häc trong ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung ®îc ®a ra mét c¸ch chung chung, kh«ng chi tiÕt vµ kh«ng nhÊt thiÕt ph¶i quan s¸t, ®¸nh gi¸ ®îc mét c¸ch cô thÓ nªn kh«ng ®¶m b¶o rã rµng vÒ viÖc ®¹t ®îc chÊt lîng d¹y häc theo môc tiªu ®· ®Ò ra. ViÖc qu¶n lý chÊt lîng gi¸o dôc ë ®©y tËp trung vµo "®iÒu khiÓn ®Çu vµo" lµ néi dung d¹y häc.

¦u ®iÓm cña ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng néi dung lµ viÖc truyÒn thô cho häc sinh mét hÖ thèng tri thøc khoa hoc vµ hÖ thèng. Tuy nhiªn ngµy nay ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng néi dung kh«ng cßn thÝch hîp, trong ®ã cã nh÷ng nguyªn nh©n sau:

- Ngµy nay, tri thøc thay ®æi vµ bÞ l¹c hËu nhanh chãng, viÖc quy ®Þnh cøng nh¾c nh÷ng néi dung chi tiÕt trong ch¬ng tr×nh d¹y häc dÉn ®Õn t×nh tr¹ng néi dung ch¬ng tr×nh d¹y häc nhanh bÞ l¹c hËu so víi tri thøc hiÖn ®¹i. Ngoµi ra nh÷ng tri thøc tiÕp thu trong nhµ trêng còng nhanh bÞ l¹c hËu. Do ®ã viÖc rÌn luyÖn ph¬ng ph¸p häc tËp ngµy cµng cã ý nghÜa quan träng trong viÖc chuÈn bÞ cho con ngêi cã kh¶ n¨ng häc tËp suèt ®êi.

- Ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng néi dung dÉn ®Õn xu híng viÖc kiÓm tra ®¸nh gi¸ chñ yÕu dùa trªn viÖc kiÓm tra kh¶ n¨ng t¸i hiÖn tri thøc mµ kh«ng ®Þnh híng vµo kh¶ n¨ng vËn dông tri thøc trong nh÷ng t×nh huèng thùc tiÔn.
- Do ph¬ng ph¸p d¹y häc mang tÝnh thô ®éng vµ Ýt chó ý ®Õn kh¶ n¨ng øng dông nªn s¶n phÈm gi¸o dôc lµ nh÷ng con ngêi mang tÝnh thô ®éng cao, h¹n chÕ kh¶ n¨ng s¸ng t¹o vµ n¨ng ®éng. Do ®ã ch¬ng tr×nh gi¸o dôc nµy kh«ng ®¸p øng ®îc yªu cÇu ngµy cµng cao cña x· héi vµ thÞ trêng lao ®éng ®èi víi ngêi lao ®éng vÒ n¨ng lùc hµnh ®éng, kh¶ n¨ng s¸ng t¹o vµ n¨ng ®éng.

1.3.2. Gi¸o dôc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra

§Ó kh¾c phôc nh÷ng nhîc ®iÓm cña ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung, tõ cuèi thÕ kû 20 cã nhiÒu nghiªn cøu míi vÒ ch¬ng tr×nh d¹y häc, trong ®ã cã nhiÒu quan niÖm vµ m« h×nh míi vÒ ch¬ng tr×nh d¹y häc.

Ch¬ng tr×nh *d¹y häc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra ra* (outcomes based curriculum - OBC) hay nãi réng h¬n lµ gi¸o dôc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra (Outcome-based Education – OBE), cßn gäi lµ gi¸o dôc ®iÒu khiÓn ®Çu ra ®îc bµn ®Õn nhiÒu tõ nh÷ng n¨m 90 cña thÕ kû 20 vµ ngµy ®ang nhËn ®îc sù quan t©m cña nhiÒu quèc gia.

Ch¬ng tr×nh d¹y häc *®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra* nh»m ®¶m b¶o chÊt lîng ®Çu ra cña viÖc d¹y häc, thùc hiÖn môc tiªu ph¸t triÓn toµn diÖn c¸c phÈm chÊt nh©n c¸ch, chó träng n¨ng lùc vËn dông tri thøc trong nh÷ng t×nh huèng thùc tiÔn nh»m chuÈn bÞ cho con ngêi n¨ng lùc gi¶i quyÕt c¸c t×nh huèng cña cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp. Ch¬ng tr×nh nµy nhÊn m¹nh vai trß cña ngêi häc víi t c¸ch chñ thÓ cña qu¸ tr×nh nhËn thøc.

Kh¸c víi ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung, ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra tËp trung vµo viÖc m« t¶ chÊt lîng ®Çu ra, cã thÓ coi lµ ”s¶n phÈm cuèi cïng” cña qu¸ tr×nh d¹y hoc. ViÖc qu¶n lý chÊt lîng d¹y häc chuyÓn tõ viÖc ®iÒu khiÓn ”®Çu vµo” sang ®iÒu khiÓn ”®Çu ra”, tøc lµ kÕt qu¶ häc tËp cña häc sinh.

Ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra kh«ng quy ®Þnh nh÷ng néi dung d¹y häc chi tiÕt mµ quy ®Þnh nh÷ng kÕt qu¶ ®Çu ra mong muèn cña qu¸ tr×nh ®µo t¹o, trªn cë së ®ã ®a ra nh÷ng híng dÉn chung vÒ viÖc lùa chän néi dung, ph¬ng ph¸p, tæ chøc vµ ®¸nh gi¸ kÕt qu¶ d¹y häc nh»m ®¶m b¶o thùc hiÖn ®îc môc tiªu d¹y häc tøc lµ ®¹t ®îc kÕt qu¶ ®Çu ra mong muèn. Trong ch¬ng tr×nh dùa trªn kÕt qu¶ ®Çu ra, môc tiªu häc tËp, tøc lµ kÕt qu¶ häc tËp mong muèn thêng ®îc m« t¶ th«ng qua c¸c thuéc tÝnh nh©n c¸c chung (Attributes) vµ c¸c kÕt qña yªu cÇu cô thÓ (Outcomes) hay th«ng qua hÖ thèng c¸c n¨ng lùc (Competency). Kết quả học tập mong muốn được m« tả chi tiết và cã thể quan s¸t, đ¸nh gi¸ được. Häc sinh cÇn ®¹t ®îc nh÷ng kÕt qu¶ yªu cÇu ®· quy ®Þnh trong ch¬ng tr×nh. ViÖc ®a ra c¸c chuÈn ®µo t¹o còng lµ nh»m

®¶m b¶o qu¶n lý chÊt lîng gi¸o dôc theo ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra.

¦u ®iÓm cña ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh híng ®Çu ra lµ t¹o ®iÒu kiÖn qu¶n lý chÊt lîng theo kÕt qu¶ ®Çu ra ®· quy ®Þnh, nhÊn m¹nh n¨ng lùc vËn dông cña häc sinh. Tuy nhiªn nÕu vËn dông mét c¸ch thiÖn lÖch, kh«ng chó ý ®Çy ®ñ ®Õn néi dung d¹y häc th× cã thÓ dÉn ®Õn c¸c lç hæng tri thøc c¬ b¶n vµ tÝnh hÖ thèng cña tri thøc. Ngoµi ra chÊt lîng gi¸o dôc kh«ng chØ thÓ hiÖn ë kÕt qu¶ ®Çu ra mµ cßn phô thuéc qu¸ tr×nh thùc hiÖn.

Sau ®©y lµ b¶ng so s¸nh mét sè ®Æc trng c¬ b¶n cña ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung vµ ch¬ng tr×nh ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra:

	Ch¬ng tr×nh ®Þnh híng néi dung	**Ch¬ng tr×nh ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra**
Môc tiªu	Mục tiªu dạy học được m« tả kh«ng chi tiết và kh«ng nhất thiết phải quan s¸t, đ¸nh gi¸ được	Kết quả học tập cÇn ®¹t được m« tả chi tiết và cã thể quan s¸t đ¸nh gi¸ được; thể hiện được mức độ tiến bộ của học sinh một c¸ch liªn tục
Nội dung	Việc lựa chọn nội dung dựa vào c¸c khoa học chuyªn m«n, kh«ng gắn với c¸c t×nh huống thực tiễn. Néi dung ®îc quy ®Þnh chi tiÕt trong ch¬ng tr×nh.	Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đ· quy định, gắn với c¸c t×nh huống thực tiễn. Ch¬ng tr×nh chØ quy ®Þnh nh÷ng néi dung chÝnh, kh«ng quy ®Þnh chi tiÕt.
PPDH	Gi¸o viªn là người truyền thụ tri thức, là trung t©m qu¸ tr×nh dạy học. Học sinh tiếp thu thụ động những tri thức đã quy định sẵn.	Gi¸o viªn chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ học sinh tự lực và tÝch cực lĩnh hội tri thức. Chó trọng sự ph¸t triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,…
Đ¸nh gi¸	Tiªu chÝ đ¸nh gi¸ được x©y dựng chủ yếu dựa trªn sự ghi nhớ và t¸i hiện nội dung đ· học.	Tiªu chÝ đ¸nh gi¸ dựa vào kết quả đầu ra, cã tÝnh đến sự tiến bộ trong qóa tr×nh học tập, chó trọng khả năng vận dụng trong c¸c t×nh huống thực tiễn.

1.3.3. Gi¸o dôc ®Þnh híng ph¸t triÓn n¨ng lùc

a) Kh¸i niÖm

Ch¬ng tr×nh d¹y häc *®Þnh híng ph¸t triÓn n¨ng lùc* cã thÓ coi lµ mét tªn gäi kh¸c hay mét m« h×nh cô thÓ ho¸ cña ch¬ng tr×nh ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra, mét c«ng cô ®Ó thùc hiÖn gi¸o dôc ®Þnh híng ®iÒu khiÓn ®Çu ra. Trong ch¬ng tr×nh d¹y häc ®Þnh h-

íng ph¸t triển n¨ng lùc, môc ti¸u d¹y häc cña m«n häc ®îc m« t¶ th«ng qua c¸c nhãm n¨ng lùc.

Khái niệm năng lực *(competency)* có nguồn gốc tiếng la tinh *„competentia“,* có nghĩa là *”gặp gỡ”*. Ngày nay khái niệm năng lực được hiểu nhiều nghĩa khác nhau. Năng lực được hiểu như sự thành thạo, khả năng thực hiện của cá nhân đối với một công việc. Năng lực còn được hiểu là khả năng, công suất của một doanh nghiệp, thẩm quyền pháp lý của một cơ quan.

Khái niệm năng lực được dùng ở đây là đối tượng của tâm lý, giáo dục học. Có nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực. Theo từ điển tâm lý học (Vũ Dũng, 2000) *„Năng lực là tập hợp các tính chất hay phẩm chất của tâm lý cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định“.*

Theo John Erpenbeck *„năng lực được tri thức làm cơ sở, được sử dụng như khả năng, được quy định bởi giá trị, được tăng cường qua kinh nghiệm và được hiện thực hoá qua chủ định*“.

Weinert (2001) định nghĩa *„năng lực là những khả năng và kỹ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt.“*

Như vậy năng lực là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm. Khái niệm năng lực gắn liền với khả năng hành động. Năng lực hành động là một loại năng lực, nhưng khi nói phát triển năng lực người ta cũng hiểu đồng thời là phát triển năng lực hành động.

Năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống khác nhau thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động.

Trong chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực, khái niệm năng lực được sử dụng như sau:

- Năng lực liên quan đến bình diện mục tiêu của dạy học: mục tiêu dạy học được mô tả thông qua các năng lực cần hình thành
- Trong các môn học, những nội dung và hoạt động cơ bản được liên kết với nhau nhằm hình thành các năng lực.
- Năng lực là sự kết nối tri thức, hiểu biết, khả năng, mong muốn...
- Mục tiêu hình thành năng lực định hướng cho việc lựa chọn, đánh giá mức độ quan trọng và cấu trúc hóa các nội dung và hoạt động và hành động dạy học về mặt phương pháp.
- Năng lực mô tả việc giải quyết những đòi hỏi về nội dung trong các tình huống: ví dụ như đọc một văn bản cụ thể ... Nắm vững và vận dụng được các phép tính cơ bản ...
- Các năng lực chung cùng với các năng lực chuyên môn tạo thành nền tảng chung cho công việc giáo dục và dạy.
- Mức độ đối với sự phát triển năng lực có thể được xác định trong các chuẩn: Đến một thời điểm nhất định nào đó,học sinh có thể / phải đạt được những gì?

b) *M« h×nh cÊu tróc n¨ng lùc*

Để hình thành và phát triển năng lực cần xác định các thành phần và cấu trúc của chúng. Có nhiều loại năng lực khác nhau. Việc mô tả cấu trúc và các thành phần năng lực cũng khác nhau. Cấu trúc chung của năng lực hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 năng lực thành phần sau:

C¸c thµnh phÇn cÊu tróc cña n¨ng lùc

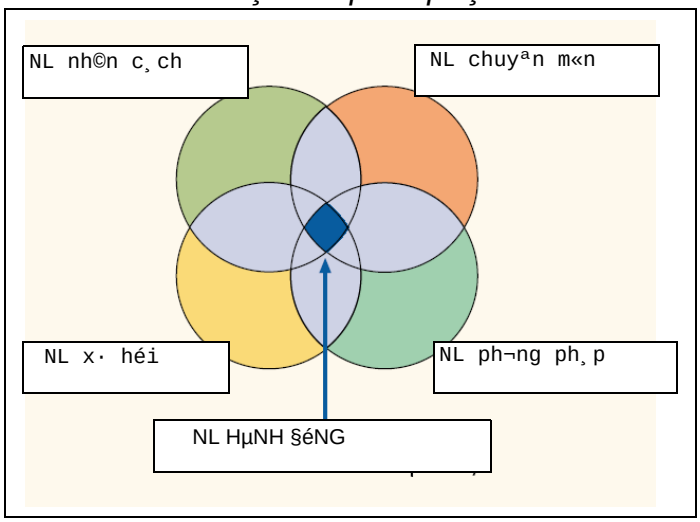

- Năng lực chuyên môn *(Professional competency):* Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như khả năng đánh giá kết quả chuyên môn một cách độc lập, có phương pháp và chính xác về mặt chuyên môn. Trong đó bao gồm cả khả năng tư duy lô gic, phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khả năng nhận biết các mối quan hệ hệ thống và quá trình. Năng lực chuyên môn hiểu theo nghĩa hẹp là năng lực „nội dung chuyên môn“, theo nghĩa rộng bao gồm cả năng lực phương pháp chuyên môn.
- Năng lực phương pháp *(Methodical competency):* Là khả năng đối với những hành động có kế hoạch, định hướng mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề. Năng lực phương pháp bao gồm năng lực phương pháp chung và phương pháp chuyên môn. Trung tâm của phương pháp nhËn thøc là những khả năng tiÕp nhận, xử lý, đánh giá, truyền thụ và tr×nh bµy tri thøc.
- Năng lực xã hội *(Social competency):* Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống xã hội xã hội cũng như trong những nhiệm vụ khác nhau trong sự phối hợp sự phối hợp chặt chẽ với những thành viên khác
- Năng lực nhân cách *(hay năng lực cá thể: Induvidual competency):* Là khả năng xác định, đánh gía được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của cá nhân, phát triển năng khiếu cá nhân, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân, những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các ứng xử và hành vi.

Mô hình cấu trúc năng lực trên đây có thể cụ thể hoá trong từng lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp khác nhau. Mặt khác, trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp người ta cũng mô tả các loại năng lực khác nhau. Ví dụ năng lực của giáo viên bao gồm những nhóm cơ bản sau: *Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực chẩn đoán và tư vấn, năng lực phát triển nghề nghiệp và phát triển trường học.*

Từ cấu trúc của khái niệm năng lực cho thấy giáo dục định hướng phát triển năng lực không chỉ nhằm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể. Những

năng lực này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ. Năng lực hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các năng lực này.

Mô hình năng lực theo OEDC: Trong các chương trình dạy học hiện nay của các nước thuộc OECD, người ta cũng sử dụng mô hình đơn giản hơn, phân chia năng lực thành hai nhóm chính, đó là *các năng lực chung* và *các năng lực chuyên môn.*

Nhóm năng lực chung bao gồm:

Khả năng hành động độc lập thành công.

Khả năng sử dụng các công cụ giao tiếp và công cụ tri thức một cách tự chủ.

Khả năng hành động thành công trong các nhóm xã hội không đồng nhất.

Năng lực chuyên môn liên quan đến từng môn học riêng biệt. Ví dụ nhóm năng lực chuyên môn trong môn toán bao gồm các năng lực sau đây:

Giải quyết các vấn đề toán học

Lập luận toán học

Mô hình hóa toán học

Giao tiếp

Tranh luận về các nội dung toán học

Vận dụng các cách trình bày toán học

Sử dụng các ký hiệu, công thức, các yêu tố thuật toán.

c) Néi dung và PPDH theo quan ®iÓm ph¸t triÓn n¨ng lùc

Nội dung dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ giới hạn trong tri thức và kỹ năng chuyên môn mà gồm những nhóm nội dung nhằm phát triển các lĩnh vực năng lực:

Học nội dung chuyên môn	**Học phương pháp - chiến lược**	**Học giao tiếp – Xã hội**	**Học tự trải nghiệm - đánh giá**
- Các tri thức chuyên môn (các khái niệm, phạm trù, quy luật, mối quan hệ…) - Các kỹ năng chuyên môn - Ứng dụng, đánh giá chuyên môn	- Lập kế hoạch học tập, kế hoạch làm việc - Các phương pháp nhận thức chung: Thu thập, xử lý, đánh giá, trình bày thông tin - Các phương pháp chuyên môn	- Làm việc trong nhóm - Tạo điều kiện cho sự hiểu biết về phương diện xã hội, - Học cách ứng xử, tinh thần trách nhiệm, khả năng giải quyết xung đột	- Tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu - XD kế hoạch phát triển cá nhân - Đánh giá, hình thành các chuẩn mực giá trị, đạo đức và văn hoá, lòng tự trọng …
⇩	⇩	⇩	⇩
Năng lực chuyên môn	**Năng lực phương pháp**	**Năng lực xã hội**	**Năng lực nhân cách**

Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá học sinh về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ giáo viên- học sinh theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kỹ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn cần bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm phát triển năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Theo quan điểm phát triển năng lực, việc đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau.

1.3.4. Chuẩn giáo dục

a) ***Khái niệm***

Chuẩn giáo dục quy định các mục tiêu giáo dục, các năng lực mà học sinh ở cuối một năm học nhất định nào đó cần phải đạt được ở các nội dung trọng tâm của một môn học. Chúng tập trung vào các lĩnh vực hạt nhân của môn học đó.

Chuẩn giáo dục không đơn giản là một dạng mới của chương trình dạy học, mà là một phương tiện điều khiển nhà nước đối với chất lượng giáo dục, tạo khả năng so sánh được giữa các trường học. Bên cạnh chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực, chuẩn giáo dục là một công cụ để thực hiện quản lý giáo dục theo quan điểm điều khiển đầu ra.

Để góp phần vào việc phát triển chất lượng, chuẩn giáo dục phải có hiệu lực trong dạy học ở nhà trường (trong việc lập kế hoạch dạy học –thực hiện – đánh giá).

Chuẩn giáo dục chỉ thực sự đóng góp vào sự phát triển của nhà trường và dạy học, chừng nào chúng cũng được sử dụng ở các nhà trường như là cơ sở cho việc xây dựng các bài kiểm tra, đánh giá và phản hồi.

b) Các loại chuẩn

Có thể phân biệt hai loại chuẩn là chuẩn chương trình (còn gọi là chuẩn nội dung) và chuẩn kết quả (chuẩn thành tích).

❖ **Chuẩn chương trình („contentstandards“)**

Chuẩn chương trình mô tả các kết quả học tập cần đạt vào cuối một năm học nhất định. (Chưa đưa ra các bậc năng lực cụ thể).

Nêu các lĩnh vực năng lực chuyên môn trung tâm cần được hình thành trong quá trình đào tạo trong nhà trường.

Thể hiện rõ các nguyên tắc cơ bản của việc học môn học và định hình chung cho môn học.

Các con đường, phương pháp thực hiện cụ thể, ví dụ như việc phân bổ thời gian học cũng như các quy định chi tiết về nội dung không quy định trong chuẩn.

Chuẩn thường gắn với một cấp học nhất định.

Chuẩn chương trình dựa trên một mức độ yêu cầu trung bình (”chuẩn trung bình”), tức không phải là „chuẩn tối thiểu“.

Được cụ thể hóa và minh họa qua các ví dụ bài tập.

❖ **Chuẩn kết quả (performance standards)**

Chuẩn kết quả xác định trình độ của năng lực cần đạt tới đối với một nhóm học sinh nhất định.

Như vậy đây là các chuẩn cho việc kiểm tra ở các bài thi.

Chuẩn kết quả quy định mức độ năng lực tối thiểu cần đạt ở trình độ đó (chuẩn tối thiểu).

Tiền đề để áp dụng chuẩn kết quả là phải có mô hình bậc năng lực, phân chia các bậc trình độ khác nhau. Ví dụ trong dạy học ngoại ngữ hiện nay người ta phân chia thành 6 bậc trình độ khác nhau. Dựa vào đó có thể quy định chuẩn cho các bậc đào tạo khác nhau.

Như vậy khác với chuẩn chương trình, trong chuẩn kết quả việc mô tả kết quả cần xác định rõ mức độ năng lực cụ thể trong các mức độ (bậc năng lực). Khi chưa xây dựng mô hình các trình độ năng lực thì người ta thường sử dụng chuẩn chương trình.

Tãm t¾t

Chương trình dạy học định hướng kết quả đầu ra, định hướng phát triển năng lực là chương trình dạy học nhằm khắc phục những nhược điểm của giáo dục định hướng nội dung, ”hàn lâm, kinh viện”. Mục tiêu giáo dục không chỉ giới hạn trong việc truyền thụ hệ thống tri thức chuyên môn mà nhằm phát triển toàn diện nhân cách của người học, thông qua việc phát triển các năng lực cho học sinh. Để xác định mục tiêu dạy học cần xác định những kết quả, năng lực nào học sinh cần đạt một cách rõ ràng, cụ thể, có thể đánh giá được. Khi mô tả mục tiêu dạy học theo các kiến thức, kỹ năng, thái độ thì cần liên hệ những kiến thức, kỹ năng thái độ này góp phần phát triển những năng lực nào trong các thành phần năng lực. Học sinh cần được luyện tập vận dụng kết hợp các thành phần kiến thức, kỹ năng thái độ trong những tình huống ứng dụng phøc hîp. Nhằm đạt mục tiêu phát triển nhân cách toàn diện, phát triển năng lực cho học sinh thì cần có nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá phù hợp.

Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y ph©n tÝch ch¬ng tr×nh mét m«n häc ë trêng PT THCS ®Ó x¸c ®Þnh nh÷ng nh÷ng ®Æc ®iÓm nµo cña ch¬ng tr×nh ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra, ph¸t triÓn n¨ng lùc ®· ®îc vËn dông, vµ ë møc ®é nµo?

2. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn vÒ kh¶ n¨ng vËn dông quan ®iÓm gi¸o dôc ®Þnh híng kÕt qu¶ ®Çu ra, ph¸t triÓn n¨ng lùc trong qu¸ tr×nh thùc hiÖn ch¬ng tr×nh m«n häc nh thÕ nµo ®Ó gãp phÇn kh¾c phôc t×nh tr¹ng gi¸o dôc hµn l©m, kinh viÖn ?

3. ¤ng/Bµ h·y ph©n tÝch mét bµi so¹n vµ li¸n hÖ víi quan ®iÓm ph¸t triÓn n¨ng lùc. Cã thÓ c¶i tiÕn, bæ sung nh÷ng môc

tiªu d¹y häc nµo, nh÷ng néi dung vµ PPDH nµo nh»m gãp phÇn ph¸t triÓn n¨ng lùc chuyªn m«n, n¨ng lùc PP, n¨ng lùc x· héi vµ n¨ng lùc c¸ thÓ cña häc sinh?

2. C¬ së t©m lý häc cña viÖc d¹y vµ häc

2.1. C¸c bËc nhËn thøc

§Ó cã thÓ lËp kÕ ho¹ch vµ ®Þnh h×nh c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc th× kiÕn thøc vÒ t©m lý häc lµ cÇn thiÕt. Khi gi¸o viªn dùa trªn c¸c c¬ së t©m lý häc cña d¹y häc, ®Æc biÖt lµ trªn nh÷ng ®Æc ®iÓm cña sù ph¸t triÓn t duy, cã thÓ ®Þnh h×nh qu¸ tr×nh s ph¹m sao cho sinh viªn ®¹t ®îc møc ph¸t triÓn trÝ tuÖ cao nhÊt, ph¸t triÓn c¸c kh¶ n¨ng, thãi quen vµ gi¸ trÞ cña hä ë møc cao nhÊt.

D¹y häc lµ ho¹t ®éng cã môc ®Ých cña gi¸o viªn, trong nh÷ng nhiÖm vô chÝnh cña gi¸o viªn cã nhiÖm vô ®iÒu chØnh qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc cña sinh viªn. Trong khi ®ã, cÇn ph¶i lu ý nh÷ng tÝnh quy luËt cña qu¸ tr×nh nhËn thøc, nh÷ng ®Æc ®iÓm cña néi dung häc tËp còng nh ®Æc ®iÓm, tÝnh c¸ch riªng cña tõng sinh viªn (tr¹ng th¸i ph¸t triÓn, tr×nh ®é häc tËp, mèi quan t©m,...). Häc tËp lµ mét ho¹t ®éng ®a h×nh thøc cña sinh viªn, ®ßi hái ph¶i sö dông toµn bé søc m¹nh tinh thÇn vµ thÓ lùc.

Qóa tr×nh nhËn thøc bao gåm nhËn thøc c¶m tÝnh vµ lý tÝnh

2.1.1. NhËn thøc c¶m tÝnh : c¶m gi¸c, tri gi¸c, h×nh dung (tëng tîng)

NhËn thøc c¶m tÝnh lµ mét qu¸ tr×nh phøc t¹p cña sù ph¶n ¸nh hiÖn thùc trong h×nh thøc c¶m gi¸c (ph¶n ¸nh c¸c ®Æc ®iÓm riªng rÏ cña c¸c vËt thÓ vµ hiÖn tîng trong ý thøc), tri gi¸c (ph¶n ¸nh c¸c vËt thÓ vµ hiÖn tîng trong toµn thÓ) vµ h×nh dung (thÓ hiÖn c¸c c¶m nhËn vµ nhËn thøc tríc ®©y). Sù liªn kÕt trùc tiÕp cña ý thøc víi thÕ giíi bªn ngoµi ®îc thùc hiÖn th«ng qua sù c¶m nhËn vµ nhËn thøc cña con ngêi. Trong c¸c h×nh dung ®· xuÊt hiÖn nh÷ng phÇn tö cña sù tæng qu¸t hãa, nhng kiÕn thøc còng vÉn cßn râ rµng vµ cô thÓ. §èi víi bËc nµy cña sù nhËn thøc theo gi¸c quan th× ®iÒu quan träng lµ häc viªn thùc hiÖn c¸c hµnh ®éng thùc tÕ - cô thÓ ®èi víi vËt thÓ (vÝ dô l¾p m¹ch ®iÖn hoÆc ®o c¸c ®¹i lîng vËt lý díi sù híng dÉn trùc tiÕp cña gi¸o viªn), häc viªn xem xÐt c¸c vËt thÓ, quan s¸t c¸c hiÖn tîng, nghe nh÷ng lêi gi¶i thÝch, miªu t¶ b»ng miÖng,.... Trong khi ®ã, ph¬ng tiÖn minh häa cã vai trß ®Æc biÖt (thiÕt bÞ thÝ nghiÖm, m« h×nh, b¶ng biÓu, h×nh vÏ, phim ©m b¶n, ...). Nh÷ng ph¬ng tiÖn nµy gãp phÇn gióp häc viªn h×nh thµnh nh÷ng kiÕn thøc ®óng vµ chÝnh x¸c vÒ c¸c sù thùc, chóng t¹o ra nÒn t¶ng kh«ng thÓ thiÕu ®îc ®èi víi bËc tiÕp theo - ®ã lµ nhËn thøc dùa trªn lý trÝ.

2.1.2. NhËn thøc dùa trªn lý trÝ (nhËn thøc lý tÝnh): T duy

Cho ®Õn nay, bËc nhËn thøc dùa trªn lý trÝ vÉn ®îc coi nh bËc l«gic hoÆc ®¬n gi¶n lµ nh sù t duy. ë bËc nµy, häc viªn tæng qu¸t hãa c¸c kÕt qu¶ nhËn biÕt kiÕn thøc theo gi¸c quan cña m×nh b»ng c¸ch tæng kÕt chóng thµnh mét hÖ thèng vµ t×m ra mèi quan hÖ gi÷a chóng. Trong khi ®ã, ph©n tÝch vµ tæng hîp lµ nh÷ng ho¹t ®éng t duy c¬ b¶n quan träng nhÊt, ngoµi ra nh÷ng ho¹t ®éng nh s¾p xÕp, so s¸nh, t×m ra nh÷ng ®iÓm chung, ph©n lo¹i,....còng cã ý nghÜa.

ë bËc nhËn thøc nµy häc viªn hiÓu ®îc b¶n chÊt cña c¸c hiÖn t-îng ®îc kh¶o s¸t, x¸c ®Þnh ®îc tÝnh quy luËt, x©y dùng lý thuyÕt mét c¸ch l«gic vµ rót ra nh÷ng kÕt luËn cña lý thuyÕt ®ã mµ cã thÓ ®îc kiÓm tra b»ng thÝ nghiÖm.

T duy còng ®ãng gãp vµo qu¸ tr×nh nhËn thøc theo gi¸c quan. VÝ dô, nÕu c¸c h×nh dung vÒ m¹ch ®iÖn ®îc h×nh thµnh, víi c¸c ph-¬ng tiÖn minh häa cô thÓ (thÝ nghiÖm) vµ trõu tîng (s¬ ®å m¹ch ®iÖn) c¸c sinh viªn sÏ cã hai ho¹t ®éng t duy : mét mÆt cÇn cô thÓ ho¸ c¸c tr×nh bµy b¶n vÏ trõu tîng cña s¬ ®å m¹ch liªn quan ®Õn c¸c thµnh phÇn m¹ch ®îc sö dông còng nh sù s¾p xÕp kh«ng gian cña chóng trong m¹ch ®iÖn, mÆt kh¸c còng xuÊt hiÖn qu¸ tr×nh ®èi lËp lµ ph¸c th¶o s¬ ®å m¹ch trõu tîng dùa trªn c¸c d÷ liÖu cña mét m¹ch ®iÖn cô thÓ ®îc ¸p dông trong thÝ nghiÖm.

Qu¸ tr×nh h×nh thµnh c¸c h×nh dung nh vËy (theo tinh thÇn nh÷ng h×nh h×nh thøc vµ h×nh ¶nh cã thÓ nhËn thøc ®îc vµ ph¶n ¸nh kh¸ ®Çy ®ñ mét vËt thÓ, mét hiÖn tîng,...) ®ãng vai trß ®Æc biÖt quan träng trong ph¸t triÓn t duy cña sinh viªn.

T duy lµ kiÕn thøc gi¸n tiÕp vµ tæng qu¸t hãa vÒ c¸c vËt thÓ vµ c¸c hiÖn tîng cña hiÖn thùc kh¸ch quan víi nh÷ng tÝnh chÊt, nh÷ng mèi quan hÖ vµ quan hÖ qua l¹i c¬ b¶n cña chóng.

T duy vµ sù h×nh thµnh kh¸i niÖm : Sù trõu tîng vµ sù tæng qu¸t hãa

Mét trong nh÷ng h×nh thøc quan träng nhÊt cña kiÕn thøc khoa häc lµ nh÷ng kh¸i niÖm ®îc diÔn ®¹t ng¾n gän th«ng qua c¸c thuËt ng÷ hoÆc ký hiÖu ®Æc biÖt. Do ®ã viÖc t¹o ra c¸c kh¸i niÖm vµ thiÕt lËp c¸c mèi quan hÖ qua l¹i gi÷a chóng lµ mét mÆt cÇn thiÕt cña qu¸ tr×nh nhËn thøc trong d¹y häc. Nã ®îc thùc hiÖn trªn c¬ së t duy ph©n tÝch - tæng hîp, tríc tiªn víi sù trî gióp cña c¸c ho¹t ®éng trÝ tuÖ nh so s¸nh, trõu tîng, tæng qu¸t hãa, hÖ thèng ho¸ vµ quy tr×nh l«gic, ®ã lµ nh÷ng ho¹t ®éng tu©n theo nh÷ng quy t¾c nhÊt ®Þnh. Theo c¸ch ®ã, t duy lµ mét qu¸ tr×nh xö lý tÝch cùc néi dung häc tËp ®· ®îc tiÕp nhËn.

C¸c qu¸ tr×nh ri³ng phÇn quan träng lµ tãm b¾t, hiÓu vµ s¾p xÕp c¸c th«ng tin míi vµo mét hÖ thèng khoa häc nhÊt ®Þnh, còng nh x¸c ®Þnh c¸c ®Æc ®iÓm cña tõng vËt thÓ ri³ng rÏ vµ nh÷ng mèi quan hÖ gi÷a chóng. T¬ng tù, viÖc so s¸nh ®èi chiÕu, t×m ra nh÷ng mèi quan hÖ nh©n qu¶ vµ c¸c t¸c dông trao ®æi gi÷a c¸c ®¹i lîng kh¸c nhau, kh¶o s¸t mét hiÖn tîng tõ c¸c gãc ®é kh¸c nhau ,...., còng lµ nh÷ng viÖc cã ý nghÜa. B»ng c¸ch ®ã, díi sù phô tr¸ch cña gi¸o vi³n sinh vi³n sÏ dÇn dÇn h×nh thµnh kh¶ n¨ng t duy ®éc lËp.

Khi h×nh thµnh nh÷ng kh¸i niÖm míi, sù trõu tîng vµ tæng qu¸t hãa ®ãng vai trß quan träng nhÊt. Trõu tîng ho¸ lµ lµm næi bËt nh÷ng tÝnh chÊt c¬ b¶n cña ®èi tîng ®îc nghi³n cøu trong khu«n khæ môc ®Ých ®· n³u vµ bá qua nh÷ng tÝnh chÊt kh«ng quan träng trong mèi quan hÖ nµy. ë sinh vi³n, qu¸ tr×nh trõu tîng ho¸ ®îc thùc hiÖn tr³n c¬ së ph©n tÝch, so s¸nh vµ c¸c ho¹t ®éng t duy kh¸c trong qu¸ tr×nh tiÕp thu néi dung d¹y häc. Gi¸o vi³n thay ®æi nhiÒu lÇn tµi liÖu minh häa b»ng c¸ch lo¹i bá tõng bíc nh÷ng tÝnh chÊt kh«ng c¬ b¶n ra khái tÇm quan s¸t (gäi lµ s¾p xÕp trõu tîng ho¸).

Nh vËy, nh÷ng ®iÓm ®Æc trng cña qu¸ tr×nh trõu tîng ho¸ lµ sù ph©n biÖt gi÷a c¸i c¬ b¶n víi c¸i kh«ng c¬ b¶n, sù thèng nhÊt c¸c ®Æc ®iÓm cã gi¸ trÞ chung vµ c¬ b¶n cña c¸c vËt thÓ víi c¸c hiÖn tîng cña hiÖn thùc kh¸ch quan.

VÝ dô, khi xö lý c¸c kh¶ n¨ng kh¸c nhau ®Ó t¹o ra ®iÖn thÕ c¶m øng ®iÖn tõ ngêi ta ®Æt ra c©u hái lµ cã nh÷ng ®iÓm chung nµo trong tÊt c¶ c¸c thÝ nghiÖm. Th«ng qua sù so s¸nh c¸c thÝ nghiÖm vµ ph©n tÝch c¸c hiÖn tîng (trong khi ®ã lo¹i bá nh÷ng khÝa c¹nh kh«ng c¬ b¶n cña hiÖn tîng) sinh vi³n sÏ rót ra ®îc kÕt luËn ®óng nh sau :

NÕu mét dßng tõ bao quanh bëi mét m¹ch d©y dÉn thay ®æi th× trong m¹ch d©y dÉn ®ã sÏ xuÊt hiÖn ®iÖn thÕ c¶m øng ®iÖn tõ.

Häc tËp bao gåm sù nhËn thøc vµ ghi nhí, nhËn biÕt vµ nhËn ra, s¾p xÕp, xö lý, so s¸nh, nhí l¹i, t×m kiÕm vµ t×m ra còng nh gi÷ g×n vµ hiÓu c¸c th«ng tin. §Ó lµm viÖc ®ã, toµn bé c¬ thÓ vµ mèi quan hÖ cña nã víi m«i trêng ®Òu ®îc ®a vµo qu¸ tr×nh häc tËp.

Quy n¹p vµ suy diÔn (diÔn dÞch)

ViÖc tiÕp thu mét kh¸i niÖm ®· ®îc xö lý còng phô thuéc vµo viÖc sinh vi³n ®îc ®Þnh híng theo c¸c ho¹t ®éng t duy vµ c¸ch kÕt luËn nh thÕ nµo trong tõng bíc cô thÓ (vÝ dô c¸ch t duy quy n¹p hay suy diÔn). NÕu chØ y³u cÇu sinh vi³n tiÕp tôc tõ c¸i ri³ng ®Õn c¸i tæng qu¸t th× kh«ng ®ñ. Ngay ë bËc ®Çu ti³n

cña d¹y häc, sinh viªn ®· cã thÓ vµ thËm chÝ lµ cÇn ph¶i chuyÓn tõ c¸i riªng sang c¸i tæng qu¸t.

Trong qu¸ tr×nh ph¸t triÓn t duy, sinh viªn tiÕp tôc ®i tõ sù nhËn thøc cô thÓ theo gi¸c quan cña vËt thÓ ®Õn sù nhËn thøc c¸c ®Þnh luËt tù nhiªn, tøc lµ tõ c¸i cô thÓ ®Õn c¸i trõu t-îng. Nhng ®©y kh«ng ph¶i lµ híng ®i duy nhÊt cña sù ph¸t triÓn t duy. Trong qu¸ tr×nh tãm b¾t c¸c m« h×nh, lý thuyÕt vµ ®Þnh luËt trõu tîng, sinh viªn còng dùa vµo nh÷ng hiÖn tîng vµ qu¸ tr×nh ®· biÕt, vµ t×m c¸ch hiÓu chóng ngµy cµng tèt h¬n. Nh vËy sÏ xuÊt hiÖn sù chuyÓn tiÕp tõ c¸i chung ®Õn c¸i riªng ë møc ®é ngµy cµng cao h¬n. C¶ hai híng ph¸t triÓn t duy nµy ®Òu liªn kÕt kh«ng thÓ t¸ch rêi víi nhau vµ gi¸o viªn ph¶i thêng xuyªn lu ý ®Õn ®iÒu nµy.

Quy n¹p vµ suy diÔn x¸c ®Þnh con ®êng l«gic cña qu¸ tr×nh nhËn thøc trong d¹y häc

Suy diÔn: lµ suy ra c¸i riªng/c¸i ®Æc biÖt tõ c¸i tæng qu¸t.

Quy n¹p: §èi lËp víi suy diÔn, "quy n¹p lµ tiÕn tõ c¸i riªng ®Õn c¸i chung.

Sù ghi nhí vµo trÝ n·o : kiÕn thøc kh¸i niÖm vµ kiÕn thøc quy tr×nh

Còng kh«ng thÓ thêng xuyªn ph¸t triÓn tiÕp t duy cña sinh viªn nÕu nh÷ng sù thùc chÝnh, c¸c tuyªn bè lý thuyÕt quan träng, c¸c ®Þnh luËt, c¸c s¬ ®å nhÊt ®Þnh,.... ®· in dÊu nÆng trong ®Çu ãc sinh viªn. Sù in dÊu thµnh c«ng trong ®Çu ãc c¸c sinh viªn sÏ ®îc hç trî nÕu trong d¹y häc gi¸o viªn thêng xuyªn ®¸nh thøc ho¹t ®éng trÝ tuÖ cña sinh viªn vµ dÉn sinh viªn tíi c¸c c«ng viÖc ®éc lËp, nÕu sinh viªn thËt sù hiÓu néi dung bµi gi¶ng vµ còng thùc hiÖn ë møc ®Çy ®ñ sù luyÖn tËp ®Þnh híng theo sù in dÊu vµo ®Çu ãc. ý nghÜa cña néi dung d¹y häc cÇn ®îc lu gi÷ còng ®ãng mét vai trß quan träng. Nh÷ng ®iÒu kiÖn kh¸c cho viÖc tiÕp thu ch¾c ch¾n néi dung häc tËp còng lµ sù liªn kÕt thêng xuyªn néi dung d¹y häc míi víi c¸c ®Ò tµi tríc ®©y còng nh viÖc ¸p dông nh÷ng ®iÒu ®· häc vµo thùc hµnh.

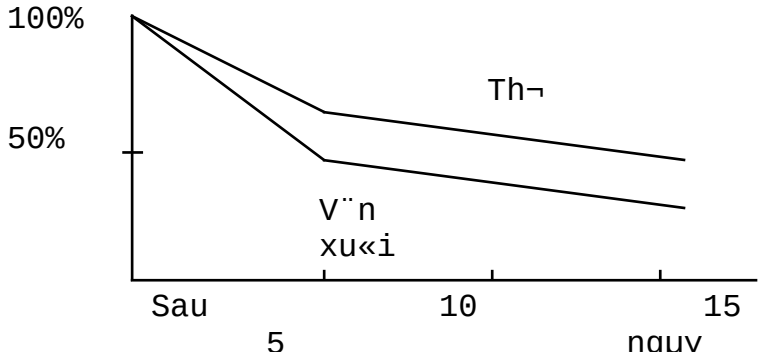

§å thÞ ®-êng l·ng quªn cña Maddox

Khi ®Þnh h×nh c¸c qu¸ tr×nh d¹y vµ häc th× vÊn ®Ò kh«ng ph¶i lµ sinh viªn sÏ chång chÊt vµ hÊp thô nh÷ng kiÕn thøc t¸ch biÖt, kh«ng cã quan hÖ víi nhau, mµ sÏ ph¶i tiÕp thu nh÷ng kiÕn thøc cã cÊu tróc hoÆc nh÷ng c¸i tæng thÓ cã ý nghÜa. Nh÷ng kiÕn thøc cã cÊu tróc (còng ®îc gäi lµ kiÕn thøc kh¸i niÖm hoÆc kiÕn thøc x¸c nhËn ®Ó ph©n biÖt víi nh÷ng kiÕn thøc vÒ nh÷ng d÷ liÖu thùc tÕ) lµ kiÕn thøc phôc vô cho sù s¾p xÕp c¸i tæng thÓ. Nã ®îc lu gi÷ trong h×nh thøc c¸c hÖ thèng trong trÝ nhí. Mét vÝ dô ®¬n gi¶n vÒ ®iÒu nµy lµ : Ngêi ®äc tù m×nh kiÓm tra xem m×nh ®ang nghÜ g×, nh÷ng h×nh dung (nh÷ng h×nh ¶nh) nµo ®· ®îc gîi lªn khi ®äc kh¸i niÖm "s¾p xÕp". Trícc tiªn ®ã lµ nh÷ng ho¹t ®éng liªn kÕt víi nhau : s¾p xÕp, lu tr÷, ®Æt sang mét bªn, ®ôc lç, ph©n lo¹i, ®ãng sæ, t×m kiÕm, ... Nh÷ng ho¹t ®éng nµy kh«ng ®øng c¸ch biÖt víi nhau, mµ t¹o thµnh mét hÖ thèng c¸c mèi quan hÖ víi vËt thÓ (c¸c ®èi tîng) vµ c¸c mèi quan hÖ víi nhau - chóng t¹o thµnh c¸i tæng thÓ. Nh÷ng kiÕn thøc cã cÊu tróc nµy, chø kh«ng ph¶i lµ kiÕn thøc vÒ d÷ liÖu thùc tÕ, sÏ gióp sinh viªn s¾p xÕp vµo mét mèi quan hÖ lín h¬n nh÷ng c¸i míi mµ m×nh ®éc lËp c¶m nhËn, ®îc gi¸o viªn d¹y häc hoÆc tù m×nh xö lý. ViÖc häc tËp ph¶i xem xÐt c¶ hai khÝa c¹nh nµy, nã còng cã thÓ ®Ó cho c¸c kiÕn thøc vÒ d÷ liÖu thùc tÕ nhêng bíc cho c¸c kiÕn thøc quy tr×nh.

C¸c kiÕn thøc quy tr×nh còng ®îc miªu t¶ ®Æc trng nh "KiÕn thøc vÒ viÖc mét viÖc nµo ®ã diÔn ra nh thÕ nµo". KiÕn thøc quy tr×nh xuÊt hiÖn tõ quy tr×nh tiÕp thu ®Ó thu ®îc kiÕn thøc, vÝ dô thiÕt lËp c¸c quan hÖ nh©n qu¶, ¸p dông c¸c thuËt to¸n vµ ph¬ng ph¸p gi¶i quyÕt vÊn ®Ò b»ng c¸ch ®¸nh gi¸ kinh nghiÖm.

ViÖc xö lý hÖ thèng ho¸ c¸c quy tr×nh nh vËy cã ý nghÜa lín trong ®µo t¹o ®¹i häc, v× khi ngêi sinh viªn biÕt cã thÓ tiÕn

hµnh nh thÕ nµo ®Ó gi¶ng gi¶i c¸c d÷ liÖu, gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò, t×m ra nh÷ng ý tëng míi,..., th× sinh viªn ®ã sÏ cµng cã ®éng c¬ vµ cã kh¶ n¨ng ®Ó thùc hiÖn c¸c qu¸ tr×nh t duy ®ã. Theo c¸ch h×nh dung nµy, trong mèi liªn kÕt víi kiÕn thøc x¸c nhËn, kiÕn thøc quy tr×nh t¹o thµnh ®iÒu kiÖn cho viÖc x©y dùng c¸c qu¸ tr×nh nhËn thøc :

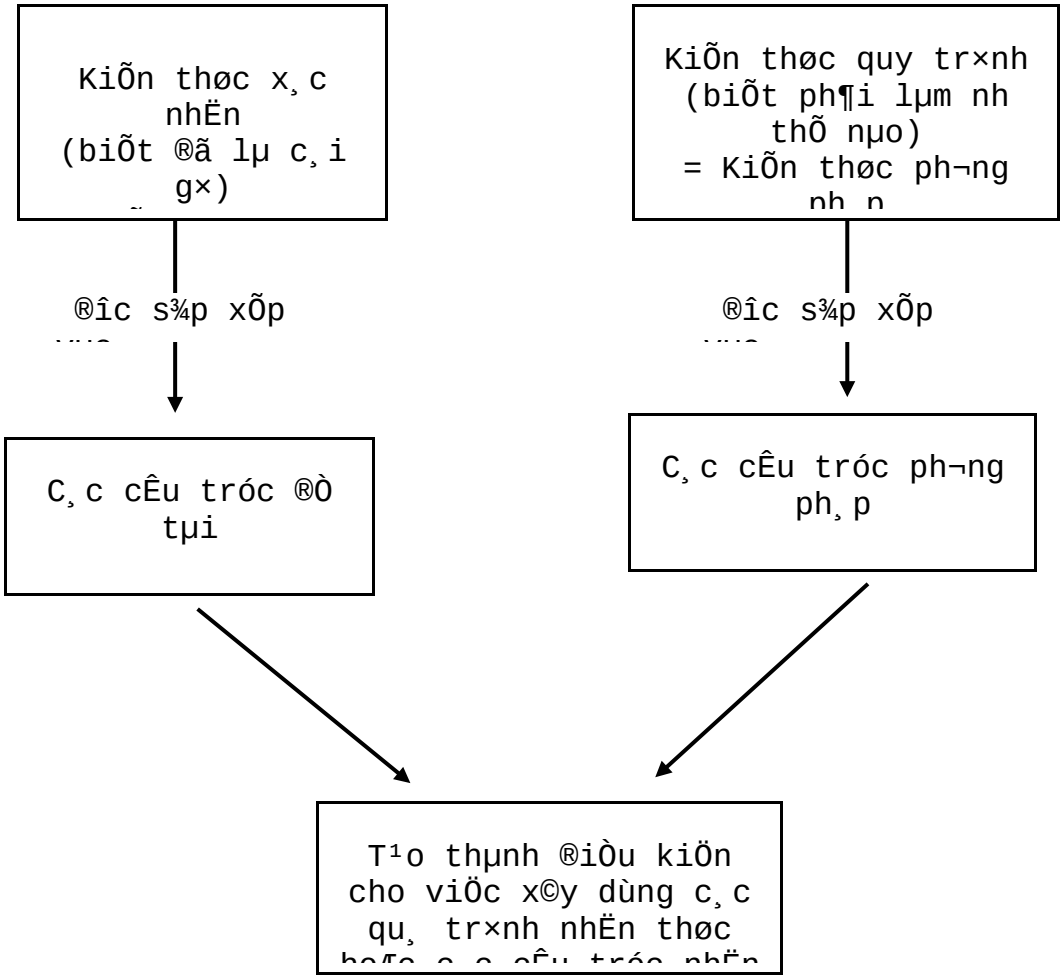

3. Ho¹t ®éng häc tËp vµ ®éng c¬ häc tËp

Ngoµi ra, khi ®Þnh h×nh qu¸ tr×nh d¹y häc gi¸o viªn cÇn ph¶i thêng xuyªn lu ý viÖc t¹o ®éng c¬ häc tËp cho sinh viªn. Khi häc tËp, sinh viªn cã thÓ bÞ ¶nh hëng bëi hai lo¹i ®éng c¬ : ®éng c¬ bªn ngoµi, vÝ dô thëng hay ph¹t, yªu cÇu cña gi¸o viªn hoÆc cña b¹n häc, c¸c biÖn ph¸p thi ®ua....., vµ ®éng c¬ bªn trong, vÝ dô mèi quan t©m ®èi víi ngµnh häc, sù ham muèn hiÓu biÕt, cè g¾ng n©ng cao tr×nh ®é v¨n ho¸, hoÆc tÇm quan träng cña néi dung häc tËp ®èi víi qu¸ tr×nh häc tËp tiÕp theo hoÆc ®èi víi nghÒ nghiÖp ®Þnh theo ®uæi. VÊn ®Ò t¹o ®éng c¬ häc tËp lµ vÊn ®Ò cã liªn kÕt chÆt chÏ víi vÊn ®Ò sù chó ý cña sinh viªn trong qu¸ tr×nh d¹y häc.

TÊt nhiªn c¸c ®éng c¬ häc tËp bªn trong vµ bªn ngoµi kh«ng mang l¹i nh÷ng kÕt qu¶ nh nhau :Sù d¹y häc sÏ hiÖu qu¶ h¬n nÕu ®éng c¬ häc tËp bªn trong cã ¶nh hëng chi phèi. §Ó lµm ®îc ®iÒu ®ã,

gi¸o viªn cÇn ph¶i lµm tÊt c¶ ®Ó gîi lªn mèi quan t©m cña sinh viªn ®èi víi néi dung häc tËp.

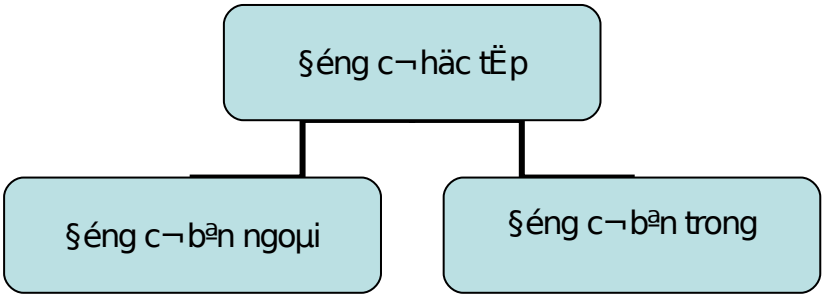

C¸ch c xö cã thÓ ®îc t¹o ®éng c¬ th«ng qua c¸c kÝch thÝch hoÆc khuyÕn khÝch. Ngêi ta ph©n biÖt gi÷a ®éng c¬ bªn trong, ®îc t¹o ra mµ kh«ng cÇn cã t¸c ®éng tõ bªn ngoµi, víi ®éng c¬ bªn ngoµi, ®îc t¹o ra bëi sù khen thëng.

Mét ®éng c¬ häc tËp ®îc cho lµ ®éng c¬ bªn trong nhng cã thÓ bÞ chi phèi bëi nh÷ng phÇn thëng ngÇm. §iÒu ®ã cã nghÜa lµ, trªn thùc tÕ ho¹t ®éng ®ã kh«ng ph¶i cã ®éng c¬ bªn trong, mµ cã ®éng c¬ bªn ngoµi.

C¸c t¸c nh©n t¨ng cêng sau ®©y - dùa theo ®Ò xuÊt cña Gage vµ Berliner - cã thÓ ®îc ¸p dông trong kü thuËt t¹o lËp ®éng c¬ trong d¹y häc :

- *Nªu môc ®Ých*

§iÒu quan träng lµ cho biÕt môc ®Ých, sao cho häc sinh cã thÓ biÕt hä cÇn ph¶i tãm b¾t nh÷ng néi dung häc tËp nµo. Häc sinh cÇn ph¶i biÕt hä sÏ ph¶i ®i ®Õn ®©u ®Ó bíc lªn con ®êng häc tËp vÊt v¶ hiÖn nay vµ sau nµy. Qu¸ tr×nh cña buæi häc ph¶i ®i theo mét "sîi chØ ®á", nã lu«n lu«n nh¾c nhë häc sinh vÒ môc ®Ých cña buæi häc. C¸c ®å vËt hoÆc h×nh ¶nh mµ häc sinh ®îc nh×n thÊy trong giê häc cã thÓ cã t¸c dông hç trî. C¸c môc tiªu häc tËp ph¶i ®îc ph¸t biÓu cµng cô thÓ cµng tèt. Trong khi ®ã, gi¸o viªn ph¶i lu«n lu«n më ra ý nghÜa cña néi dung häc tËp míi. CÇn ph¶i cè g¾ng ®Ó häc sinh ph¸t hiÖn ra néi dung häc tËp míi. TÊt nhiªn, ®iÒu kiÖn ®Ó lµm viÖc nµy lµ gi¸o viªn ph¶i g¾n bã víi chñ ®Ò häc tËp.

- *BËc khã kh¨n cña chñ ®Ò häc tËp*

Chñ ®Ò häc tËp ph¶i cã mét bËc khã kh¨n thÝch hîp. Yªu cÇu nµy sÏ ®îc ®¸p øng nÕu häc sinh cã thÓ gi¶i quyÕt vÊn ®Ò víi sù gióp ®ì t¬ng øng cña gi¸o viªn vµ sù cè g¾ng thÝch hîp cña b¶n th©n. Trong khi ®ã, häc sinh sÏ nhËn biÕt tiÕn bé häc tËp cña chÝnh m×nh. NhiÖm vô cña gi¸o viªn ph¶i lµ dÉn d¾t häc sinh ®i tõ nh÷ng Ên tîng thÊt väng ®Õn nh÷ng Ên tîng thµnh c«ng, b»ng c¸ch ®ã sÏ t¹o ra th¸i ®é tÝch cùc ®èi víi néi dung häc tËp. Khi lÆp ®i lÆp l¹i nhiÒu lÇn qu¸ tr×nh nµy, häc sinh sÏ cã mét th¸i ®é c¬ b¶n lµ tÝch cùc ®èi víi trêng häc, ®iÒu nµy sÏ t¹o ®iÒu kiÖn thuËn lîi cho sù thµnh c«ng cña häc tËp. C¸c biÖn ph¸p thÝch hîp ®Ó ®¹t ®îc ®iÒu nµy lµ :

§Ò cao nh÷ng ®Æc ®iÓm tÝch cùc trong nh÷ng ph¸t biÓu cña häc sinh

N¾m b¾t nh÷ng ý tëng vµ ®Ò xuÊt cña nh÷ng ngêi ®îc ®µo t¹o, c«ng nhËn vµ kÕt hîp chóng vµo t×nh huèng häc tËp

§Ó lµm viÖc nµy, tuú theo ®iÒu kiÖn nhµ trêng vµ nghÒ nghiÖp cã thÓ ®a ra sù ph©n biÖt néi bé ®Ó gîi lªn sù tß mß ®Æc biÖt quan träng ®èi víi viÖc häc tËp. Trong d¹y häc tÝnh to¸n chuyªn ngµnh cã thÓ ®a ra c¸c bµi tËp cã møc ®é khã dÔ kh¸c nhau hoÆc c¸c bµi tËp nh nhau víi c¸c c«ng cô trî gióp kh¸c nhau. Häc sinh cã tr×nh ®é kh¸ h¬n cã thÓ gi¶i ®îc nhiÒu bµi tËp h¬n so víi nh÷ng häc sinh tr×nh ®é yÕu h¬n. Trong d¹y häc lý thuyÕt chuyªn ngµnh, cã thÓ ph¸t triÓn c¸c v¨n b¶n híng dÉn kh¸c nhau vµ c¸c tê híng dÉn lµm bµi cho c«ng viÖc nhãm, t¬ng øng víi n¨ng lùc vÒ ph¬ng ph¸p cña ngêi d¹y. Trong c«ng viÖc nhãm cã ph©n c«ng tr¸ch nhiÖm, nh÷ng häc sinh kh¸ cã thÓ xö lý nh÷ng néi dung häc tËp khã h¬n vµ sau ®ã sÏ tr×nh bµy chóng, tr¸i l¹i nh÷ng häc sinh yÕu h¬n cã thÓ tËp trung vµo nh÷ng néi dung ®¬n gi¶n h¬n. Häc sinh còng ph¶i cã thÓ ®îc sö dông nh nh÷ng "gi¸o viªn trî gióp", chÝnh v× c¸c em ®· biÕt vµ lµm quen víi néi dung bµi häc. §iÒu nµy ®ßi hái n¨ng lùc x· héi cña tÊt c¶ c¸c häc sinh vµ gi¶m t¶i cho gi¸o viªn ®Ó cã thÓ dµnh thêi gian quan t©m ®Õn nh÷ng häc sinh kÐm nhÊt trong líp.

➢ *TÝnh tß mß cña con ngêi*

CÇn ph¶i u tiªn lùa chän c¸ch ®Æt vÊn ®Ò lÊy tõ thÕ giíi cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp cña häc sinh ®Ó khªu gîi tÝnh tß mß. Nh÷ng vÝ dô ®îc ®a ra ph¶i cho phÐp cã nh÷ng ®iÓm liªn kÕt víi nh÷ng kiÕn thøc trÝc ®ã tõ trêng häc, tõ cuéc sèng c¸ nh©n vµ thÕ giíi lµm viÖc cña nh÷ng ngêi ®îc ®µo t¹o. Trong phÇn lín c¸c trêng hîp, häc sinh thêng thÓ hiÖn tÝch cùc h¬n ®èi víi nh÷ng vÝ dô ®îc suy nghÜ kü vµ gi¸o viªn cã thÓ vËn dông trÝ tuÖ tËp thÓ ®Ó gi¶i quyÕt néi dung häc tËp cña buæi häc. ë ®©y cã nh÷ng kh¶ n¨ng kh¸c nhau nh sau :

H«m nay chóng ta häc vÒ ®Ò tµi hµn. C¸c em nghÜ g× vÒ ®Ò tµi ®ã ?

Häc sinh sÏ lÇn lît ph¸t biÓu vÒ ®Ò tµi ®ã

Ph¬ng ph¸p K-W-L (®· biÕt, muèn biÕt, häc ®îc) cña Ogle : 1. Häc sinh x¸c ®Þnh xem m×nh ®· biÕt g× vÒ ®Ò tµi nµy. 2. Häc sinh x¸c ®Þnh xem m×nh cßn muèn biÕt nh÷ng g× vµ xö lý néi dung häc tËp. 3. Häc sinh suy nghÜ xem m×nh thùc sù ®· häc ®îc nh÷ng g×.

➢ *Khen thëng*

§éng c¬ b¸n ngoµi li¸n kÕt víi nh÷ng yÕu tè m«i trêng xung quanh nh sù khen ngîi, bøc ¶nh häc sinh ch¨m chØ, ®iÓm tèt, sù c«ng nhËn vÒ mÆt x· héi, c¸c lîi Ých vËt chÊt, ®Þa vÞ trong céng ®ång líp, triÓn väng nghÒ nghiÖp, lêi khen cña gi¸o vi¸n. C¸c yÕu tè t¨ng cêng nµy cã t¸c dông kh¸c nhau ®èi víi häc sinh vµ ph¶i ®îc ¸p dông tïy theo tuæi còng nh giíi tÝnh cña häc sinh.

Mét h×nh thøc rÊt thêng xuy¸n cña ®éng c¬ b¸n ngoµi lµ sù khen ngîi lµm t¨ng uy tÝn vÒ mÆt x· héi cña häc sinh trong líp häc. H×nh thøc khen thëng nµy ph¶i ®îc ¸p dông mét c¸ch cÈn thËn vµ ®óng møc. Cã häc sinh nµo l¹i muèn nghe c©u khen ngîi "Giái l¾m" 15 lÇn trong vßng 45 phót ? V× vËy, ®iÒu quan träng lµ thay ®æi c¸ch nãi vµ sö dông c¸c ph¬ng tiÖn kh«ng dïng lêi nãi, nh cö chØ, thÓ hiÖn nÐt mÆt, vÝ dô cêi, gËt ®Çu, gi¬ ngãn tay c¸i l¸n trêi.

Khi b¾t ®Çu mét phÇn míi cña ch¬ng tr×nh d¹y häc th× cÇn chØ ra lîi Ých cña néi dung häc tËp. Còng cã thÓ ®a ra c¸c chØ dÉn vÒ c¸c kú thi gi÷a kú vµ thi tèt nghiÖp.

Tïy theo líp häc, sù khen ngîi còng cã thÓ ®îc thÓ hiÖn b»ng sù hç trî vËt chÊt. §èi víi viÖc xö lý mét dù ¸n phøc t¹p trong c«ng viÖc nhãm cã thÓ ®Ò ra mét gi¶i thëng. §èi víi nh÷ng kÕt qu¶ xuÊt s¾c t¹i c¸c kú thi tèt nghiÖp, c¸c gi¶i thëng cÇn ®îc c¸c c¬ quan h÷u quan, c¬ quan chÝnh phñ ®Ò ra vµ cÇn n¸u râ víi häc sinh vÒ ®iÒu ®ã.

➢ *§Þnh h×nh buæi häc*

Schelten viÕt r»ng th«ng qua sù tham gia nhiÖt t×nh vµ n¨ng lùc chuy¸n m«n cña m×nh, gi¸o vi¸n cÇn ®¹t ®îc uy quyÒn theo tinh thÇn uy tÝn vµ sù t«n träng. Nh÷ng tÊm phim vµ ph¬ng tiÖn minh häa mµ bÒ ngoµi kh«ng ph¶i lóc nµo còng hoµn h¶o, thêng ®îc häc sinh t¸n thëng víi sù chó ý cao h¬n. Häc sinh thêng theo dâi c¸c thÝ nghiÖm mét c¸ch ch¨m chó vµ còng lu«n lu«n c¨ng th¼ng muèn biÕt xem chóng cã thµnh c«ng hay kh«ng. Gi¸o vi¸n cÇn ph¶i thêng xuy¸n lu ý víi häc sinh r»ng mét tiÕt häc ®îc chuÈn bÞ tèt cÇn rÊt nhiÒu c«ng søc vµ thêi gian nh thÕ nµo ?.

CÇn tr¸nh sù ®¬n ®iÖu trong d¹y häc. V× vËy c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc, c¸c ph¬ng tiÖn d¹y vµ häc vµ c¸ch thÓ hiÖn ng«n ng÷ cÇn ph¶i thay ®æi. Trong khi ®ã, sù tÝch cùc cña häc sinh quyÕt ®Þnh mét c¸ch c¬ b¶n ®Õn viÖc lùa chän ph¬ng ph¸p d¹y häc vµ h×nh thøc x· héi cña d¹y häc.

➢ *C¸ch c xö cña gi¸o viªn*

Gi¸o viªn lµ nh÷ng mÉu mùc vÒ mÆt con ngêi, tÝnh chÝnh x¸c, tÝnh cÈn thËn, th¸i ®é ®èi víi c«ng viÖc vµ mèi quan t©m cña chÝnh m×nh ®èi víi nh÷ng ®Ò tµi nhÊt ®Þnh - ®ã lµ míi chØ kÓ ra mét sè ®iÓm. V× vËy, gi¸o viªn ph¶i quan t©m ®Õn néi dung häc tËp cña häc sinh vµ chØ ra lîi Ých cña néi dung ®ã, tù m×nh gi¶i thÝch vÒ sù thu thËp kiÕn thøc cho nh÷ng ®Ò tµi míi, nhng ®«i khi còng thõa nhËn nh÷ng kÏ hë trong kiÕn thøc cña m×nh. Mét nhiÖm vô quan träng trong t¬ng lai lµ dÉn d¾t d©n chóng tõ mét x· héi ®îc d¹y häc ®Õn mét x· héi häc tËp. Trong khi ®ã th× kh«ng thÓ tô tËp qu¸ nhiÒu kiÕn thøc mµ ph¶i ph¸t triÓn c¸c chiÕn lîc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. ChØ cã thÓ ®¹t ®îc ®iÒu nµy nÕu gi¸o viªn vµ häc sinh cïng nhau ®Æt ra nh÷ng nhiÖm vô, ch¼ng h¹n trong mét dù ¸n míi mÎ ®èi víi c¶ hai bªn vµ lµ mét th¸ch thøc thùc sù. Th«ng qua sù míi mÎ cña vÊn ®Ò ®èi víi häc sinh vµ gi¸o viªn, vÊn ®Ò ®ã sÏ t¸c ®éng mét c¸ch thËt sù h¬n so víi nh÷ng vÊn ®Ò ®· ®îc gi¶i quyÕt mµ v× vËy nãi cho cïng cã vÎ nh nh÷ng vÊn ®Ò nh©n t¹o. C¸ch tiÕp cËn nh vËy kh«ng chØ t¹o ®iÒu kiÖn ®Ó thu ®îc n¨ng lùc hµnh ®éng trong qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, mµ cßn cho häc sinh c¬ héi ®Ó häc tËp c¸ch gi¶i quyÕt vÊn ®Ò cña ngêi d¹y häc.

Con ngêi häc tËp nhanh nhÊt th«ng qua nh÷ng vÊn ®Ò vµ t×nh huèng kh«ng g©y lo l¾ng, phøc t¹p, cã tÝnh ngµy thêng vµ liªn quan ®Õn nghÒ nghiÖp. Nhng c¸c c¸ch gi¶i quyÕt vÊn ®Ò ®ßi hái r»ng :

a) NhËn thøc vÒ vÊn ®Ò ph¶i ®îc khªu gîi, trÍc tiªn c¸c vÊn ®Ò ph¶i ®îc nhËn ra, gi¸ trÞ vµ ý nghÜa cña néi dung häc tËp ph¶i dÔ hiÓu

b) VÊn ®Ò ph¶i ®îc ®Þnh nghÜa ®óng

c) Nh÷ng g× ®· häc ph¶i ®îc ghi nhí, ph¶i sö dông sù tß mß nh ®éng c¬ häc tËp

d) Ph¶i thu ®îc nh÷ng kiÓu mÉu t duy nhÊt ®Þnh, nhËn ra c¸c mèi liªn kÕt, trÍc tiªn xuÊt ph¸t tõ nh÷ng viÖc ®· biÕt, chØ ra nh÷ng mèi liªn quan vµ sau ®ã kh¶o s¸t c¸c chi tiÕt

e) "§ãng gãi" nh÷ng th«ng tin cha biÕt vµo nh÷ng th«ng tin ®· biÕt

f) Sö dông c¸c kªnh ®Çu vµo kh¸c nhau (nghe, nh×n, ...)

2.2. CÁC LÝ THUYẾT HỌC TẬP – CỞ SỞ TÂM LÝ CỦA DẠY VÀ HỌC

C¸c lý thuyÕt häc tËp t×m c¸ch gi¶i thÝch c¬ chÕ tcña sù häc tËp. V× b¶n th©n qu¸ tr×nh häc tËp lµ kh«ng thÓ quan s¸t ®îc mµ chØ cã thÓ x¸c ®Þnh tõ nh÷ng kÕt qu¶ cña nã, nªn c¸c lý thuyÕt häc tËp b¾t buéc mang ®Æc trng gi¶ thuyÕt.

1.2.1. C¸c luång triÕt häc nhËn thøc – C¬ së triÕt häc cña c¸c lý thuyÕt häc tËp

Cã thÓ ph©n biÖt hai luång triÕt häc nhËn thøc lµ lý thuyÕt kh¸ch quan vµ lý thuyÕt chñ quan.

Lý thuyÕt kh¸ch quan dùa trªn c¸c gi¶ thuyÕt c¬ b¶n sau :

1. T¹i mét thêi ®iÓm nhÊt ®Þnh cã mét kiÕn thøc cã gi¸ trÞ chung (kiÕn thøc kh¸ch quan) mµ nhê nã ngêi ta cã thÓ gi¶i thÝch thÕ giíi

2. KiÕn thøc nµy rÊt æn ®Þnh vµ cã thÓ ®îc thiÕt lËp cÊu tróc sao cho cã thÓ ®îc d¹y häc ®Õn nh÷ng ngêi häc tËp

3. Nh÷ng ngêi häc tiÕp nhËn kiÕn thøc nµy vµ hiÓu nã theo cïng ý nghÜa nh nhau, v× nã lµ sù ph¶n ¸nh cña hiÖn thùc

4. Gi¸o viªn gióp ngêi häc tiÕp nhËn néi dung cña kiÕn thøc kh¸ch quan vÒ thÕ giíi ®Ó ®a vµo c¸c cÊu tróc t duy cña m×nh

Lý thuyÕt chñ quan dùa trªn nh÷ng gi¶ thiÕt c¬ b¶n sau :

1. Kh«ng cã kiÕn thøc kh¸ch quan. Mçi ngêi thiÕt lËp cÊu tróc vµ gi¶ng gi¶i hiÖn thùc trªn c¬ së kinh nghiÖm cña m×nh

2. Mçi ngêi hiÓu hiÖn thùc mét c¸ch h¬i kh¸c, tøc lµ theo c¸ch mµ ngêi ®ã x©y dùng nã tõ kinh nghiÖm cña m×nh

3. NhiÖm vô cña gi¸o viªn lµ t¹o cho ngêi häc nh÷ng hoµn c¶nh vµ ®Æt ra nh÷ng vÊn ®Ò ®Ó ngêi häc cã thÓ tù x©y dùng kiÕn thøc cña m×nh. KiÕn thøc kh«ng thÓ ®îc tiÕp nhËn mét c¸ch thô ®éng - khi ®ã nã chØ lµ kiÕn thøc ngñ (Jonassen, D.H. 1992).

1.2.2. ThuyÕt ph¶n x¹ cã ®iÒu kiÖn cña Pavlov

N¨m 1989, nhµ sinh lý häc ngêi Nga Pavlov lµ ngêi ®Çu tiªn ®· ®iÒu tra nh÷ng d÷ liÖu kh¸ch quan vÒ c¸c qu¸ tr×nh häc tËp. Pavlov ®· nghiªn cøu hÖ thèng tiªu hãa cña chã. Mét h«m, «ng ng¹c nhiªn nhËn thÊy r»ng tuyÕn níc bät ë con chã cña «ng ®· ho¹t ®éng cho dï nã vÉn hoµn toµn cha cã thøc ¨n. Nguyªn nh©n

chØ lµ do nh÷ng ngêi trî lý cña «ng trong phßng ®ang khua kho¾ng l¹ch c¹ch víi thøc ¨n.

Pavlov ®· tù hái, liÖu nh÷ng qu¸ tr×nh häc hái cã thÓ lµ nguyªn nh©n gi¶i thÝch cho ph¶n øng cña con chã hay kh«ng. Ngµy nay, nh÷ng thÝ nghiÖm mµ «ng thùc hiÖn ®Ó tr¶ lêi c©u hái nµy ®· trë thµnh næi tiÕng. Pavlov ®· d¹y cho nh÷ng con chã cña m×nh tiÕt níc bät kh«ng chØ khi nh×n thÊy mét miÕng thÞt ngon, mµ c¶ khi nghe tiÕng chu«ng kªu. §Ó lµm viÖc nµy th× chØ cÇn nhiÒu lÇn cho con chã thÊy mét miÕng thÞt vµ ngay sau ®ã bÊm cho chu«ng kªu. Trong n·o con chã, miÕng thÞt vµ tiÕng chu«ng kªu ®· ®îc liªn kÕt víi nhau m¹nh ®Õn møc lµ sau nhiÒu lÇn lÆp l¹i th× con chã tiÕt níc bät c¶ khi chØ nghe thÊy tiÕng chu«ng. Ph¬ng ph¸p d¹y häc nµy ®· trë nªn næi tiÕng nh ph¬ng ph¸p "ph¶n x¹ cã ®iÒu kiÖn". Ngêi ta tin r»ng, víi nh÷ng ph¬ng ph¸p ph¶n x¹ cã ®iÒu kiÖn kh¸c nhau th× cã thÓ d¹y cho ®éng vËt vµ con ngêi tÊt c¶ nh÷ng g× cã thÓ cã.

1.2.3. **ThuyÕt hµnh vi** (Behavorism)**: Häc tËp lµ sù thay ®æi hµnh vi**

Dùa trªn lý thuyÕt ph¶n x¹ cã ®iÒu kiÖn cña Pavlov (nhµ sinh lý häc Nga), n¨m 1913 nhµ t©m lý häc Mü Watson ®· x©y dùng lý thuyÕt hµnh vi gi¶i thÝch c¬ chÕ t©m lý cña viÖc häc tËp. Thorndike, Skinner vµ nhiÒu nhµ t©m lý häc kh¸c ®· tiÕp tôc ph¸t triÓn nh÷ng m« h×nh kh¸c nhau cña thuyÕt hµnh vi.

ThuyÕt hµnh vi cho r»ng häc tËp lµ mét qu¸ tr×nh ®¬n gi¶n mµ trong ®ã nh÷ng mèi liªn hÖ phøc t¹p sÏ ®îc lµm cho dÔ hiÓu vµ râ rµng th«ng qua c¸c bíc häc tËp nhá ®îc s¾p xÕp mét c¸ch hîp lý. C¬ chÕ cña viÖc häc tËp dùa trªn c¬ chÕ kÝch thÝch vµ ph¶n øng. Th«ng qua nh÷ng kÝch thÝch vÒ néi dung, ph¬ng ph¸p d¹y häc vµ ®¸nh gi¸, ngêi häc cã nh÷ng ph¶n øng t¹o ra nh÷ng hµnh vi häc tËp vµ qua viÖc luyÖn tËp ®ã thay ®æi hµnh vi cña m×nh. V× vËy qu¸ tr×nh häc tËp ®îc hiÓu lµ qu¸ tr×nh thay ®æi hµnh vi. HiÖu qu¶ cña nã cã thÓ râ khi luyÖn tËp còng nh khi häc tËp c¸c qu¸ tr×nh t©m lý vËn ®éng vµ nhËn thøc ®¬n gi¶n. Cã nhiÒu m« h×nh kh¸c nhau cña thuyÕt hµnh vi, cã thÓ n©u mét sè quan niÖm c¬ b¶n cña thuyÕt hµnh vi nh sau:

- Các lý thuyết hành vi giới hạn việc nghiên cứu cơ chế học tập vào các hành vi bên ngoài có thể quan sát khách quan bằng thực nghiệm. Thuyết hành vi là lý thuyết dạy học định hướng khách thể.

- Thuyết hành vi không quan tâm đến các quá trình tâm lý chủ quan bên trong của người học như tri giác, cảm giác, tư duy, ý thức, vì cho rằng những yếu tố này không thể quan sát khách quan được. Bộ não được coi như là một "hộp đen" không quan sát được.

- Thuyết hành vi cổ điển (Watson): Quan niệm học tập là tác động qua lại giữa kích thích và phản ứng (S-R), nhằm thay đổi hành vi. Vì vậy trong dạy học cần tạo ra những kích thích nhằm dẫn đến các phản ứng học tập và thông qua đó thay đổi hành vi.

- Thuyết hành vi Skiner: Khác với thuyết hành vi cổ điển, Skiner không chỉ quan tâm đến mối quan hệ giữa kích thích và phản ứng mà đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ giữa

hành vi và hệ quả của chúng (S-R-C). Chẳng hạn khi học sinh làm đúng thì được thưởng, làm sai thì bị trách phạt. Những hệ quả của hành vi này có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi học tập của học sinh.

Mô hình học tập theo thuyết hành vi

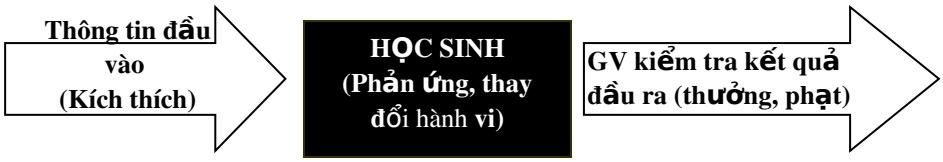

Có thể tóm tắt những đặc điểm chung của cơ chế học tập theo thuyết hành vi như sau:

- Dạy học ®îc ®Þnh híng theo c¸c hành vi ®Æc trng cã thÓ quan s¸t ®îc.
- C¸c qu¸ tr×nh häc tËp phøc t¹p ®îc chia thµnh mét chuçi c¸c bíc häc tËp ®¬n gi¶n, trong ®ã bao gåm c¸c hành vi cô thÓ víi tr×nh tù ®îc quy ®Þnh s½n. Nh÷ng hành vi phøc t¹p được x©y dùng th«ng qua sù kÕt hîp c¸c bíc häc tËp ®¬n gi¶n.
- Gi¸o viªn hç trî vµ khuyÕn khÝch hành vi ®óng ®¾n cña ng-êi häc, tøc lµ sÏ s¾p xÕp viÖc häc tËp sao cho ngêi häc ®¹t ®-îc hành vi mong muèn vµ sÏ ®îc ph¶n håi trùc tiÕp (khen thëng vµ c«ng nhËn).
- Gi¸o viªn thêng xuyªn ®iÒu chØnh vµ gi¸m s¸t qu¸ tr×nh häc tËp ®Ó kiÓm so¸t tiÕn bé häc tËp vµ ®iÒu chØnh ngay nh÷ng sai lÇm.

Thuyết hµnh vi ®îc øng dông ®Æc biÖt trong d¹y häc ch¬ng tr×nh ho¸, d¹y häc ®îc hç trî b»ng m¸y vi tÝnh, trong d¹y häc th«ng b¸o tri thøc vµ huÊn luyÖn thao t¸c. Trong ®ã nguyªn t¾c quan träng lµ ph©n chia néi dung häc tËp thµnh nh÷ng ®¬n vÞ kiÕn thøc nhá, tæ chøc cho häc sinh lÜnh héi tri thøc, kü n¨ng theo mét tr×nh tù vµ thêng xuyªn kiÓm tra kÕt qu¶ ®Çu ra ®Ó ®iÒu chØnh qu¸ tr×nh häc tËp.

Khi thuyết hµnh vi míi ra ®êi, ngêi ta tin r»ng đã t×m ®îc c¬ chÕ v¹n n¨ng cho viÖc d¹y häc vµ b¾t ®Çu ®a nã vµo trêng häc. §èi víi thêi kú ®ã th× nh÷ng ®æi míi nµy cã tÝnh c¸ch m¹ng: LÇn ®Çu tiªn häc sinh ®îc cho phÐp cã tèc ®é häc tËp riªng cña m×nh. Theo quan ®iÓm nµy nh÷ng häc sinh häc chËm h¬n chØ cÇn nhiÒu thêi gian h¬n ®Ó ®¹t ®îc cïng kÕt qu¶ häc tËp nh nh÷ng häc sinh häc nhanh h¬n. Tuy nhiªn, thuyết hµnh vi béc lé nh÷ng nhîc ®iÓm vµ bÞ phª ph¸n m¹nh mÏ:

- Thuyết hành vi chỉ chú ý đến các kích thích từ bên ngoài. Tuy nhiên hoạt động học tập thực tế không chỉ do kích thích từ bên ngoài mà còn do sự chủ động bên trong của chủ thể nhận thức.
- Quá trình nhận thức bên trong của chủ thể nhận thức, đặc biệt là tư duy đóng vai trò quan trọng trong hoạt động học tập. Quá trình này không được thuyết hành vi chú ý đến.

- Việc chia quá trình học tập thành chuỗi các hành vi đơn giản chưa tạo ra hiểu biết đầy đủ đối với các mối quan hệ tổng thể.

1.2.4. **ThuyÕt nhËn thøc** (Cognitivism): **Häc tËp lµ qu¸ tr×nh xö lý th«ng tin**

ThuyÕt nhËn thøc ra ®êi trong nöa ®Çu vµ ph¸t triÓn m¹nh trong nöa sau cña thÕ kû 20. C¸c ®¹i diÖn lín cña thuyÕt nµy lµ nhµ t©m lý häc ngêi Áo Piagiª còng nh c¸c nhµ t©m lý häc X« viÕt nh Vg«tski, Leontev.

Kh¸c víi thuyÕt hµnh vi, c¸c nhµ t©m lý häc ®¹i diÖn cho thuyÕt nhËn thøc x©y dùng lý thuyÕt vÒ sù häc tËp nhÊn m¹nh ý nghÜa cña c¸c cÊu tróc nhËn thøc ®èi víi sù häc tËp. Trong lý thuyÕt nhËn thøc còng cã nhiÒu xu híng kh¸c nhau. Nh÷ng quan niÖm c¬ b¶n cña c¸c lý thuyÕt nhËn thøc lµ:

- C¸c lý thuyết nhận thức nghiªn cứu qu¸ tr×nh nhận thức bªn trong với tư c¸ch là một qu¸ tr×nh xử lý th«ng tin. Bộ n·o xử lý c¸c th«ng tin tương tự như một hệ thống kỹ thuật.

- Theo lý thuyÕt nhËn thøc, qu¸ tr×nh nhận thức là qu¸ tr×nh cã cấu tróc, và cã ảnh hưởng quyết định đến hành vi. Con người tiếp thu c¸c th«ng tin bªn ngoài, xử lý và đ¸nh gi¸ chóng, từ đã quyết định c¸c hành vi ứng xử.

- Trung t©m cña qu¸ tr×nh nhËn thøc lµ c¸c ho¹t ®éng trÝ tuệ nh: x¸c ®Þnh, ph©n tÝch vµ hÖ thèng hãa c¸c sù kiÖn vµ c¸c hiÖn tîng, nhí l¹i nh÷ng kiÕn thøc ®· häc, gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò vµ ph¸t triÓn, h×nh thành c¸c ý tëng míi.

- Cấu trúc nhận thức của con người hình thành qua kinh nghiệm.

- Mỗi người có cấu trúc nhận thức riêng. Vì vậy muốn có sự thay đổi đối với một người thì cần có tác động phù hợp nhằm thay đổi nhận thức của người đó.

- Con người có thể tự điều chỉnh quá trình nhận thức: tự đặt mục đích, xây dựng kế hoạch và thực hiện. Trong đó có thể tự quan sát, tự đánh giá và tự hưng phấn, không cần kích thích từ bên ngoài.

M« h×nh häc tËp theo thuyÕt nhËn thøc

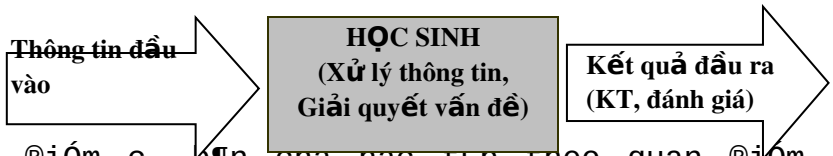

Nh÷ng ®Æc ®iÓm c¬ b¶n cña häc tËp theo quan ®iÓm cña thuyÕt nhËn thøc lµ:

- NhiÖm vô cña ngêi d¹y lµ t¹o ra m«i trêng häc tËp thuËn lîi, thêng xuyªn khuyÕn khÝch c¸c qu¸ tr×nh t duy, häc sinh cÇn ®îc t¹o c¬ héi hµnh ®éng vµ t duy tÝch cùc.

- Gi¶i quyÕt vÊn ®Ò cã ý nghÜa ®Æc biÖt quan träng trong viÖc ph¸t triÓn t duy. C¸c qu¸ tr×nh t duy ®îc thùc hiÖn kh«ng chØ th«ng qua c¸c vÊn ®Ò ®¬n gi¶n mµ cßn th«ng qua viÖc ®a ra c¸c nội dung häc tËp phøc hợp.

- C¸c PP häc tËp cã vai trß quan träng trong qu¸ tr×nh häc tËp cña häc sinh. C¸c PP häc tËp gåm tÊt c¶ c¸c c¸ch thøc lµm viÖc vµ t duy mµ häc sinh sö dông ®Ó tæ chøc vµ thùc hiÖn qu¸ tr×nh häc tËp cña m×nh mét c¸ch hiÖu qu¶ nhÊt.
- ViÖc häc tËp thùc hiÖn trong nhãm cã vai trß quan trọng, gióp t¨ng cêng nh÷ng kh¶ n¨ng vÒ mÆt x· héi.
- Cần cã sù kÕt hîp thÝch hîp gi÷a nh÷ng nội dung do gi¸o viªn truyÒn ®¹t vµ nh÷ng nhiệm vụ tự lực chiÕm lÜnh vµ vËn dông tri thøc cña häc sinh.
- Kh«ng chØ kÕt qu¶ häc tËp mµ qu¸ tr×nh häc tËp vµ qu¸ tr×nh t duy lµ ®iÒu quan träng.

Ngày nay thuyết nhận thức được thừa nhận và ứng dụng rộng rãi trong dạy học. Những kết quả nghiên cứu của các lý thuyết nhận thức được vận dụng trong việc tối ưu hoá quá trình dạy học nhằm phát triển khả năng nhận thức của học sinh, đặc biệt là phát triển tư duy. Các phương pháp, quan điểm dạy học được đặc biệt chú ý là dạy học giải quyết vấn đề, dạy học định hướng hành động, dạy học khám phá, dạy học theo nhóm.

Tuy nhiên việc vận dụng thuyết nhận thức có cũng có những giới hạn: Việc dạy học nhằm phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, dạy học khám phá đòi hỏi nhiều thời gian và đòi hỏi cao ở sự chuẩn bị cũng như năng lực của giáo viên. Ngoài ra, cấu trúc quá trình tư duy không quan sát trực tiếp được những nên những mô hình dạy học nhằm tối ưu hoá quá trình nhận thức cũng chỉ mang tính giả thuyết.

1.2.5. **ThuyÕt kiÕn t¹o** (Constructionalism)**: Häc tËp lµ tù kiÕn t¹o tri thøc**

T tëng vÒ d¹y häc kiÕn t¹o ®· cã tõ l©u, lý thuyÕt kiÕn t¹o ®îc ph¸t triÓn tõ kho¶ng nh÷ng n¨m 60 cña thÕ kû 20, ®îc ®Æc biÖt chó ý tõ cuèi thÕ kû 20. ThuyÕt kiÕn t¹o cã thÓ coi lµ mét híng ph¸t triÓn tiÕp theo cña thuyÕt nhËn thøc. T tëng nÒn t¶ng c¬ b¶n cña thuyÕt kiÕn t¹o lµ ®Æt vai trß cña chñ thÓ nhËn thøc lªn vÞ trÝ hµng ®Çu cña qu¸ tr×nh nhËn thøc. ThuyÕt kiÕn t¹o lµ lý thuyÕt d¹y häc ®Þnh híng chñ thÓ nhËn thøc. Khi häc tËp, tÊt c¶ nh÷ng g× mµ mçi ngêi tr¶i nghiÖm sÏ ®îc s¾p xÕp vµo trong "bøc tranh toµn c¶nh vÒ thÕ giíi " cña riªng ngêi ®ã, tøc lµ mçi ngêi tù kiÕn t¹o riªng cho m×nh mét bøc tranh thÕ giíi. Tõ ®ã cho thÊy c¬ chÕ häc tËp theo thuyÕt kiÕn t¹o tr¸i ngîc víi c¬ chÕ häc tËp theo thuyÕt hµnh vi: thay cho viÖc cho häc sinh tham gia c¸c ch¬ng tr×nh d¹y häc ®îc lËp tr×nh s½n (ch¬ng tr×nh ho¸), ngêi ta ph¶i ®Ó cho häc sinh cã c¬ héi ®Ó tù t×m hiÓu. Häc sinh ph¶i häc tËp tõ lý trÝ riªng vµ kh«ng ph¶i tu©n theo mét ch¬ng tr×nh d¹y häc cøng nh¾c, mµ cã thÓ tù m×nh ®iÒu chØnh qu¸ tr×nh häc tËp cña chÝnh m×nh.

Cã thÓ tãm t¾t nh÷ng quan niÖm chÝnh cña thuyÕt kiÕn t¹o nh sau:

- Kh«ng cã tri thøc kh¸ch quan tuyÖt ®èi. Tri thức được xuất hiện thông qua việc chủ thể nhận thức tự cấu trúc vào hệ thống bên trong của mình, vì thế tri thức mang tính chủ quan.

- Cần tổ chức sự tương tác giữa người học và đối tượng học tập trong mét m«i trêng häc tËp, để giúp người học xây dựng thông tin mới vào cấu trúc tư duy của chính mình, đã được chủ thể điều chỉnh.

- Học không chỉ là khám phá mà còn là sự giải thích, cấu trúc mới tri thức.

Nh÷ng ®Æc ®iÓm c¬ b¶n cña häc tËp theo thuyÕt kiÕn t¹o lµ:

- Tri thøc lµ mét qu¸ tr×nh vµ s¶n phÈm ®îc kiến tạo theo tõng c¸ nh©n th«ng qua t¬ng t¸c gi÷a ®èi tîng häc tËp vµ ngêi häc.

- Néi dung học tËp ph¶i ®Þnh híng theo nh÷ng lÜnh vùc vµ vÊn ®Ò phøc hợp, g¾n với cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp, ®îc khảo s¸t mét c¸ch tæng thÓ.

- Néi dung häc tËp cÇn ®Þnh híng vào hứng thó người học, v× cã thÓ häc hái dÔ nhÊt tõ nh÷ng kinh nghiÖm mµ ngêi ta thÊy hứng thó hoÆc cã tÝnh th¸ch thøc.

- ViÖc häc tËp chØ cã thÓ ®îc thùc hiÖn th«ng qua ho¹t ®éng tÝch cùc cña häc sinh, v× chØ tõ nh÷ng kinh nghiÖm vµ kiÕn thøc míi cña b¶n th©n th× míi cã thÓ thay ®æi vµ c¸ nh©n hãa nh÷ng kiÕn thøc vµ kh¶ n¨ng ®· cã.

- Häc tËp trong nhãm cã ý nghĩa quan trọng, th«ng qua t¬ng t¸c mang tÝnh x· héi trong nhãm gãp phÇn cho người học tù ®iÒu chØnh sù häc tËp cña b¶n th©n m×nh.

- Học qua sai lÇm lµ ®iÒu rÊt cã ý nghÜa, häc sinh cÇn ®îc ph©n tÝch sai lÇm ®Ó kh«ng lÆp l¹i.

- Thuyết kiến tạo kh«ng chØ giíi h¹n ë nh÷ng khÝa c¹nh nhÊn thøc cña viÖc d¹y vµ häc. Sù häc tËp hîp t¸c ®SSi hái và khuyến khÝch ph¸t triển kh«ng chØ vÒ lý trÝ, mà cả về mặt t×nh cảm, th¸i ®é, giao tiếp

- ViÖc ®¸nh gi¸ c¸c kÕt qu¶ häc tËp kh«ng ®Þnh híng theo c¸c s¶n phÈm häc tËp, mµ cÇn kiÓm tra nh÷ng tiÕn bé trong qu¸ tr×nh häc tËp vµ trong nh÷ng t×nh huèng häc tËp phøc hîp.

M« h×nh häc tËp theo thuyÕt kiÕn t¹o

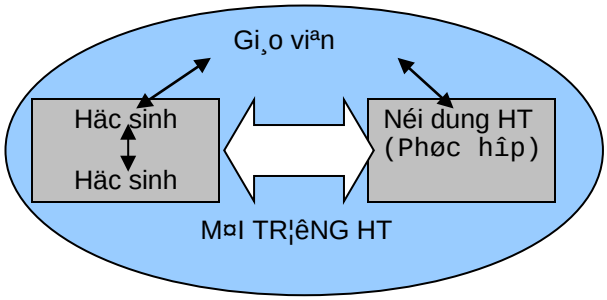

§iÒu c¬ b¶n ®èi víi viÖc häc tËp theo thuyÕt kiÕn t¹o lµ tÝnh tù lùc cña häc sinh (häc tËp tù ®iÒu khiÓn trong nhãm). C¸c xu híng kh¸c nhau cña thuyÕt kiÕn t¹o kh«ng nhÊt trÝ vÒ møc ®é cña

tÝnh tù lùc cña häc sinh vµ ¶nh hëng cña gi¸o viªn. Cã thÓ ph¸c häa kh¸i qu¸t ba quan ®iÓm c¬ b¶n sau:

• ThuyÕt kiÕn t¹o néi sinh: Lý thuyÕt nµy ®i xa nhÊt trong viÖc ®Ò cao vai trß tù lùc. C¸c ®¹i diÖn cña nã chØ muèn t¹o ra nh÷ng m«i trêng häc tËp, ®iÒu kiÖn häc tËp cã tÝnh khuyÕn khÝch, sao cho nhê nh÷ng kinh nghiÖm míi còng nh kiÕn thøc vµ kü n¨ng ®· cã, häc sinh trong nhãm häc tËp cã thÓ më réng vµ thiÕt kÕ l¹i sù hiÓu biÕt, kiÕn thøc vµ kü n¨ng cña m×nh mµ kh«ng cÇn sù gióp ®ì quan träng cña gi¸o viªn.

• ThuyÕt kiÕn t¹o ngo¹i sinh: Nh÷ng ngêi theo thuyÕt kiÕn t¹o ngo¹i sinh ñng hé sù t¸c ®éng m¹nh cña gi¸o viªn nh nh÷ng m« h×nh theo nghÜa cña sù häc tËp x· héi. Ngêi häc sÏ quan s¸t gi¸o viªn trong hµnh ®éng vµ t duy vµ t×m c¸ch tiÕp nhËn c¸c hµnh ®éng vµ t duy ®ã nh lµ c¸c m« h×nh mÉu. Th«ng qua ®ã, nh÷ng kinh nghiÖm cò vµ nh÷ng kiÕn thøc míi sÏ ®îc kÕt hîp vµ ®Þnh híng vµo sù hiÓu biÕt cña b¶n th©n. Tuy nhiªn m« h×nh do gi¸o viªn ®a ra sÏ kh«ng chØ ®îc tiÕp nhËn mµ cßn ®îc ®iÒu chØnh cho phï hîp víi sù hiÓu biÕt riªng cña b¶n th©n häc sinh.

• ThuyÕt kiÕn t¹o biÖn chøng n»m gi÷a thuyÕt kiÕn t¹o néi sinh vµ thuyÕt kiÕn t¹o ngo¹i sinh. Nh÷ng ngêi theo thuyÕt kiÕn t¹o biÖn chøng biÖn chøng tin r»ng nÕu chØ cã sù häc tËp ®éc lËp theo tinh thÇn cña thuyÕt kiÕn t¹o néi sinh th× Ýt cã hiÖu qu¶ häc tËp. Hä ñng hé sù d¹y häc trong ®ã gi¸o viªn cung cÊp c¸c trî gióp, nhng tõ chèi viÖc truyÒn ®¹t c¸c cÊu tróc vµ chiÕn lîc cã s½n còng nh viÖc häc tËp theo m« h×nh. Môc ®Ých cña chóng lµ lµm cho häc viªn ngµy cµng trë nªn ®éc lËp h¬n

ThuyÕt kiÕn t¹o ngµy cµng ®îc chó ý trong nh÷ng n¨m gÇn ®©y. NhiÒu quan ®iÓm d¹y häc míi b¾t nguån hoÆc ®îc hç trî tõ thuyÕt kiÕn t¹o: viÖc häc tËp tù ®iÒu khiÓn, häc tËp víi nh÷ng vÊn ®Ò phc hîp, häc theo t×nh huèng, häc theo nhãm, häc qua sai lÇm, nhÊn m¹nh nhiÒu h¬n vµo d¹y d¹y ®Þnh híng qu¸ tr×nh thay cho ®Þnh híng s¶n phÈm.

Tuy nhiªn, thuyÕt kiÕn t¹o còng cã nh÷ng h¹n chÕ vµ nh÷ng ý kiÕn phª ph¸n:

- Quan điểm cực đoan trong thuyết kiến tạo phủ nhận sự tồn tại của tri thức khách quan. Tuy nhiªn trong mét thêi ®iÓm x¸c ®Þnh cã nh÷ng tri thøc chung mang tÝnh kh¸ch quan ®îc thõa nhËn, cã thÓ cÊu tróc ®Ó truyÒn thô cho ng-êi kh¸c.
- Một số tác giả nhấn mạnh quá đơn phương rằng chỉ có thể học tập có ý nghĩa những gì mà người ta quan tâm. Tuy nhiên cuộc sống đòi hỏi cả những điều mà khi còn đi học người ta không quan tâm.
- NÕu chØ chó träng các đề tài phức tạp mà không chú ý luyện tập cơ bản có thể hạn chế hiệu quả học tập.

- Việc nhấn mạnh đơn phương việc học trong nhóm cần được xem xét. Năng lực học tập cá nhân vẫn luôn luôn đóng vai trò quan trọng.
- Dạy học theo lý thuyết kiến tạo đòi hỏi thời gian lớn và yêu cầu cao về năng lực của giáo viên.

Tãm l¹i, cã nhiÒu lý thuyÕt häc tËp kh¸c nhau, mçi mét lý thuyÕt cã nh÷ng u ®iÓm vµ h¹n chÕ riªng. Tuy nhiªn cho ®Õn nay kh«ng cã mét lý thuyÕt häc tËp nµo mang tÝnh tæng qu¸t, toµn n¨ng trong viÖc gi¶i thÝch c¬ chÕ cña viÖc häc tËp. C¸c nhµ chuyªn m«n còng kh«ng cßn tham väng ph¸t triÓn mét lý thuyÕt häc tËp toµn n¨ng. Mçi c¸ch tiÕp cËn cã nh÷ng cã gi¸ trÞ riªng, nhng chóng kh«ng thÓ miªu t¶ ®îc mét c¸ch tæng qu¸t c¬ chÕ cña viÖc häc tËp. Ngµy nay, ngêi ta ph¸t triÓn nhiÒu m« h×nh lý thuyÕt riªng lÎ cho viÖc häc tËp. Trong vËn dông th× cÇn vËn dông phèi hîp c¸c lý thuyÕt mét c¸ch thÝch hîp.

Bài tập

1. ¤ng/Bµ h·y tãm t¾t néi dung c¬ b¶n cña c¸c lý thuyÕt häc tËp theo kinh nghiÖm vµ hiÓu biÕt riªng cña m×nh vµ ®¸nh gi¸ kh¶ n¨ng øng dông chóng trong chØ ®¹o ®æi míi viÖc d¹y häc.

2. ¤ng/Bµ h·y lÊy vÝ dô minh ho¹ cho viÖc vËn dông c¸c lý thuyÕt d¹y häc nh»m c¶i tiÕn viÖc bải dìng c¸n bé qu¶n lý gi¸o dôc.

Tµi liÖu tham kh¶o

1. Walter Edelmann: Lernpychologie. Psychologie Verlags Union, Weinheim, 2000.
2. Guy Bodenmann: Klassische Lerntheorien. Verlag Hans Huber, Bern, 2004.
3. Franzjörg Baumgart: Entwicklungs- und Lerntheorien. Klinkhardt 2001.

2.3. c¸c chiÕn lîc häc tËp

2.3.1. Kh¸i niÖm

Cã nhiÒu ®Þnh nghÜa vµ sù ph©n lo¹i chiÕn lîc häc tËp. Nhng tèi thiÓu th× còng cã sù nhÊt trÝ réng r·i vÒ hai khÝa c¹nh sau :

- ChiÕn lîc häc tËp tríc tiªn lµ nh÷ng **qu¸ tr×nh néi t¹i**
- VÒ c¬ b¶n, chóng kh«ng ph¶i lµ nh÷ng qu¸ tr×nh hoÆc nh÷ng c¬ chÕ tù ®éng diÔn ra mét c¸ch cøng nh¾c (vÝ dô theo nghÜa cña nh÷ng kü thuËt häc tËp ®îc ¸p dông mét c¸ch cøng nh¾c), mµ lµ nh÷ng qu¸ tr×nh ®îc lùa chän, thùc hiÖn vµ thay ®æi

cho phï hîp mét c¸ch cã môc ®Ých, cã nhËn thøc hoÆc kh«ng nhËn thøc, vµ Ýt hoÆc nhiÒu ®îc kiÓm so¸t.

C¸c chiÕn lîc häc tËp lµ nh÷ng c¸ch lµm viÖc, víi møc ®é phøc t¹p kh¸c nhau, ®îc tæng qu¸t hãa theo nh÷ng c¸ch kh¸c nhau, ®îc ¸p dông mét c¸ch cã chñ ý hoÆc kh«ng chñ ý ®Ó ®¹t ®îc c¸c môc tiªu häc tËp.

Do ®ã chóng miªu t¶ nh÷ng c¸ch øng xö cã thÓ phôc vô cho viÖc gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô häc tËp. Trong khi ®ã, ý tëng c¬ b¶n lµ khi ¸p dông nh÷ng c¸ch tiÕp cËn kh¸c nhau ®èi víi mét néi dung häc tËp th× nh÷ng ngêi häc còng sÏ thu ®îc nh÷ng kÕt qu¶ häc tËp kh¸c nhau. Kh¸i niÖm chiÕn lîc nhÊn m¹nh c¸ch tiÕp cËn cã kÕ ho¹ch vµ nh÷ng nguyªn t¾c c¬ b¶n mµ dùa theo ®ã sÏ ®a ra nh÷ng quyÕt ®Þnh cô thÓ trong nh÷ng t×nh huèng häc tËp. NÕu nh÷ng ngêi häc cã thÓ ¸p dông c¸c chiÕn lîc häc tËp mét c¸ch linh ho¹t trong nh÷ng t×nh huèng häc tËp, tuú theo c¸c yªu cÇu nhiÖm vô t¬ng øng, th× hä sÏ cã n¨ng lùc häc tËp.

N¨ng lùc ®ßi hái ph¶i cã hiÓu biÕt chiÕn lîc vµ kiÕn thøc chuyªn ngµnh

Nghiªn cøu vÒ vÊn ®Ò n¨ng lùc cña c¸c chuyªn gia ®· chøng minh rã rµng r»ng viÖc ¸p dông c¸c chiÕn lîc phô thuéc nhiÒu vµo nh÷ng c¸i gäi lµ kiÕn thøc chuyªn ngµnh. §iÒu ®ã cã nghÜa lµ, nh÷ng ngêi häc ph¶i n¾m v÷ng c¸c chiÕn lîc t¬ng øng vµ cã kiÕn thøc chuyªn ngµnh thÝch hîp. Nh vËy, nh÷ng ngêi häc cÇn cã c¶ n¨ng lùc häc tËp nãi chung vµ c¶ kiÕn thøc chuyªn m«n ®îc s¾p xÕp ®Ó cã thÓ cã ®îc n¨ng lùc vÒ ph¬ng ph¸p chuyªn m«n.

Sù ph©n chia c¸c chiÕn lîc häc tËp chung nh sau cã vÎ nh lµ hîp lý :

ë t©m ®iÓm lµ sù häc tËp nh qu¸ tr×nh tiÕp nhËn, xö lý vµ ®¸nh gi¸ th«ng tin, víi nh÷ng chiÕn lîc ®Æc biÖt c¬ b¶n cho c¸c qu¸ tr×nh ®ã.

Nhng khi häc tËp ë nh÷ng t×nh huèng cô thÓ th× kh«ng chØ c¸c qu¸ tr×nh nhËn thøc míi cã vai trß, mµ c¶ nh÷ng chiÕn lîc tiÕp theo còng cã vai trß, ®ã lµ nh÷ng chiÕn lîc ®Þnh híng vµo viÖc t¹o ra m«i trêng häc tËp thÝch hîp. Trong sè ®ã cã sù qu¶n lý thêi gian, lËp kÕ ho¹ch c«ng viÖc, ®Þnh h×nh chç lµm viÖc, häc tËp trong céng ®ång,...

Thªm vµo ®ã lµ nh÷ng chiÕn lîc mµ sÏ gióp gi¶i quyÕt c¸c t×nh huèng häc tËp t¬ng øng. C¸c chiÕn lîc nµy trÝc tiªn lµ viÖc ¸p dông theo t×nh huèng nh÷ng chiÕn lîc tiÕp nhËn vµ xö lý th«ng tin (vÝ dô x¸c ®Þnh yªu cÇu, xö lý vµ hÖ thèng ho¸ th«ng tin).

Cuèi cïng, ®øng trªn nh÷ng hÖ thèng c¸c chiÕn lîc riªng rÏ nµy lµ nh÷ng chiÕn lîc cã chøc n¨ng l·nh ®¹o, tõ sù nhËn thøc qu¸ tr×nh häc tËp, lùa chän c¸c chiÕn lîc häc tËp thÝch hîp cho ®Õn viÖc kiÓm tra t¸c ®éng cña chóng vµ nÕu cÇn th× ®iÒu chØnh cho

phï hîp. Nh×n chung, trong tµi liÖu chuyªn m«n viÖc nµy ®îc coi nh sù siªu nhËn thøc vµ bao gåm c¸c thµnh phÇn nh lËp kÕ ho¹ch c¸c bíc häc tËp, gi¸m s¸t kÕt qu¶ häc tËp, suy nghÜ vÒ nh÷ng ph¬ng ph¸p vµ kÕt qu¶ häc tËp.

ChiÕn lîc häc tËp miªu t¶ nh÷ng c¸ch c xö cã thÓ phôc vô cho viÖc gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô häc tËp. ý tëng c¬ b¶n ë ®©y lµ, th«ng qua nh÷ng c¸ch tiÕp cËn kh¸c nhau ®èi víi mét néi dung häc tËp ngêi ta còng sÏ thu ®îc nh÷ng kÕt qu¶ häc tËp kh¸c nhau.

C¸c chiÕn lîc häc tËp cã thÓ ®îc quan s¸t ë 3 cÊp : chiÕn lîc nhËn thøc, chiÕn lîc häc tËp siªu nhËn thøc vµ chiÕn lîc häc tËp liªn quan ®Õn nguån lùc.

2.3.2. ChiÕn lîc nhËn thøc : §©y lµ nh÷ng chiÕn lîc häc tËp liªn quan víi viÖc tiÕp nhËn th«ng tin mét c¸ch trùc tiÕp, tøc lµ nh÷ng kü thuËt lµm viÖc mµ ngêi ta sö dông ®Ó ghi nhí c¸c th«ng tin míi.

ChiÕn lîc häc tËp theo nhËn thøc	VÝ dô
Tæ chøc : Môc ®Ých lµ s¾p xÕp c¸c th«ng tin míi theo nh÷ng phÇn cña chóng vµ nh÷ng mèi quan hÖ cña chóng, ®Ó gi¶m khèi lîng th«ng tin vµ ®iÒu khiÓn viÖc gäi ra th«ng tin th«ng qua c¸c cÊu tróc.	LËp c¸c b¶n ph¸c th¶o G¹ch ch©n hoÆc ®¸nh dÊu c¸c tõ kho¸
Xö lý kü : Môc ®Ých lµ ®a nh÷ng th«ng tin míi vµo mèi quan hÖ víi nh÷ng th«ng tin cã liªn quan vµ/ hoÆc ®· ®îc biÕt, ®Ó cã thÓ hiÓu c¸i míi mét c¸ch tèt h¬n	NghÜ ra c¸c vÝ dô cô thÓ LËp ra nh÷ng sù t¬ng ®¬ng víi kiÕn thøc ®· biÕt
KiÓm tra mét c¸ch phª ph¸n : Môc ®Ých lµ x¸c ®Þnh vµ ®¸nh gi¸ c¸c quan ®iÓm thay thÕ	KiÓm tra mèi quan hÖ cña c¸c lËp luËn Suy nghÜ vÒ c¸c quan ®iÓm cho nh÷ng kh¸i niÖm võa míi häc
¤n l¹i : ChØ th«ng qua «n l¹i th× míi ®¶m b¶o ghi nhí kiÕn thøc	§äc ®i ®äc l¹i nhiÒu lÇn Häc thuéc lßng c¸c kh¸i niÖm then chèt

2.3.3. ChiÕn lîc siªu nhËn thøc : Tr¸i víi chiÕn lîc häc tËp theo nhËn thøc, nh÷ng cè g¾ng siªu nhËn thøc nµy Ýt liªn quan ®Õn b¶n th©n qu¸ tr×nh häc tËp, mµ liªn quan nhiÒu h¬n ®Õn sù kiÓm so¸t nh÷ng tiÕn bé häc tËp cña b¶n th©n ngêi häc.

ChiÕn lîc häc tËp siªu nhËn thøc	VÝ dô
Tù lËp kÕ ho¹ch tiÕn bé häc tËp : xuÊt ph¸t tõ môc ®Ých, c¸c ho¹t ®éng häc tËp sÏ ®îc lùa chän vµ s¾p xÕp	LËp kÕ ho¹ch tr×nh tù häc tËp Ph©n lo¹i nh÷ng c¸i thÝch hîp vµ nh÷ng c¸i kh«ng thÝch hîp
Gi¸m s¸t kÕt qu¶ häc tËp : liªn quan ®Õn viÖc gi¸m s¸t liªn tôc vµ gi¶ng gi¶i qu¸ tr×nh häc tËp xÐt vÒ mÆt tiÕn bé häc tËp (nhiÖm vô ®Ò ra ®· ®îc thùc hiÖn ®Õn møc nµo ?, Nh÷ng khã kh¨n nÕu cã n»m ë ®©u ?) vµ sù sö dông c¸c chiÕn lîc häc tËp mét c¸ch thÝch hîp (Cã sö dông nh÷ng chiÕn lîc häc tËp thÝch hîp hay kh«ng ? C¸c chiÕn lîc häc tËp cã ®îc sö dông mét c¸ch hiÖu qu¶ kh«ng ?)	Xö lý kü bµi tËp vÝ dô T×m c¸ch gi¶i thÝch cho nh÷ng ngêi kh¸c vÒ néi dung häc tËp
§iÒu chØnh c¸c bíc häc tËp : Ngêi häc kiÓm tra xem m×nh cã cßn ®ang trªn con ®êng ®i tíi ®Ých hay kh«ng. Khi gÆp khã kh¨n hoÆc trë ng¹i, ph¶i suy nghÜ vÒ nh÷ng chiÕn lîc kh¸c hoÆc ph©n tÝch nguyªn nh©n.	LÆp l¹i c¸c qu¸ tr×nh häc tËp ®èi víi nh÷ng lÜnh vùc néi dung cha râ rµng

2.3.4. ChiÕn lîc huy ®éng nguån lùc: ë ®©y, tríc tiªn lµ nãi ®Õn sù tæ chøc c¸c ®iÒu kiÖn khung trong häc tËp.

ViÖc ¸p dông c¸c chiÕn lîc häc tËp ®ßi hái ngêi häc tù suy nghÜ vÒ c¸ch c xö häc tËp cña m×nh. Nhng tÊt nhiªn gi¸o viªn hoÆc ngêi trî gi¶ng còng cã kh¶ n¨ng ®a ra nh÷ng gîi ý ®Ó suy nghÜ vµ kiÓm tra c¸c chiÕn lîc häc tËp.

C¸c chiÕn lîc huy ®éng nguån lùc	VÝ dô
Cè g¾ng, ch¨m chó	NghÞ lùc m¹nh vµ tËp trung häc tËp c¶ ë nh÷ng lÜnh vùc néi dung kh«ng thÝch KÐo dµi thêi gian häc tËp, vÝ dô vµo buæi tèi vµ nh÷ng ngµy nghØ cuèi tuÇn

Qu¶n lý thêi gian	X¸c ®Þnh nh÷ng thêi gian häc tËp cè ®Þnh §Þnh ra giê nghØ gi¶i lao, thùc hiÖn vµ tu©n thñ
§Þnh h×nh chç lµm viÖc	§Þnh h×nh chç häc tËp sao cho kh«ng cã g× cã thÓ lµm mÊt tËp trung (vÝ dô tivi, thó nu«i, ®ång nghiÖp) ®Þnh h×nh chç häc tËp sao cho lu«n cã s½n nh÷ng dông cô trî gióp häc tËp cÇn thiÕt trong tÇm tay (bót, m¸y dËp lç, giÊy)
Sö dông c¸c nguån th«ng tin bæ sung	C¸c s¸ch tra cøu, tõ ®iÓn C¸c nguån th«ng tin ®iÖn tö (internet, ®Üa CD) S¸ch (mua, mîn tõ th viÖn)
Cïng nhau häc tËp	C¸c nhãm häc tËp C¸c buæi th¶o luËn vÒ néi dung häc tËp Chat, email víi ngêi phô ®¹o

Bµi tËp ®Ó tù nghi²n cøu :

1. ¤ng/bµ cã thÓ suy ra nh÷ng kÕt luËn nµo tõ sù nhÊn m¹nh c¸c chiÕn lîc häc tËp ®èi víi sù häc tËp cña m×nh vµ ho¹t ®éng d¹y häc sau nµy cña m×nh

2. H·y gi¶i thÝch mét chiÕn lîc häc tËp tr²n mét vÝ dô tõ sù häc tËp cña m×nh

Tµi liÖu tham kh¶o :

1. Helmke, A.(2003): Unterrichtsqualität – erfassen, bewerten, verbessern. Seelze: Kallmeyer

2. Hofmann, F. (2000): Aufbau von Lernkompetenz fördern. Innsbruck: Studienverlag

3. Metzig, W./Schuster, M. (1993): Lernen zu Lernen. Lernstrategien wirkungsvoll einsetzen. Berlin: Springer

4. Schnotz, W. (2003): www.paeps.de , Lektion13 „Lernstrategien“

3. Kh¸i niÖm vµ Ph¬ng híng ®æi míi ph¬ng ph¸p d¹y häc

3.1. kh¸i niÖm vµ c¸c b×nh diÖn cña ph¬ng ph¸p d¹y häc

Ph¬ng ph¸p d¹y häc (PPDH) lµ kh¸i niÖm c¬ b¶n cña 1ý luËn d¹y häc, lµ ,,c«ng cô'' quan träng hµng ®Çu, vµ còng rÊt phøc t¹p cña nghÒ d¹y häc. Tõ hµng tr¨m n¨m nay ngêi ta ®· bµn ®Õn kh¸i niÖm nµy. Tuy nhiªn, cho ®Õn nay vÉn cßn nhiÒu vÊn ®Ò trong c¸ch ®Þnh nghÜa, ph©n lo¹i còng nh vÒ m« h×nh cÊu tróc cña PPDH.

3.1.1. Kh¸i niÖm PPDH theo nghÜa réng

ThuËt ng÷ ph¬ng ph¸p (PP) b¾t nguån tõ tiÕng Hy l¹p (methodos) cã nghÜa lµ con ®êng ®Ó ®¹t môc tiªu. Theo ®ã, PPDH lµ con ®-êng ®Ó ®¹t môc tiªu d¹y häc. PPDH lµ c¸ch thøc hµnh ®éng cña gi¸o viªn (GV) vµ häc sinh (HS) trong qu¸ tr×nh d¹y häc. C¸ch thøc hµnh ®éng bao giê còng diÔn ra trong nh÷ng h×nh thøc cô thÓ. C¸ch thøc vµ h×nh thøc kh«ng t¸ch nhau mét c¸ch ®éc lËp.

Theo Hilbert Meyer (2002, tr. 45): *"PPDH là những hình thức và cách thức, thông qua đó và bằng cách đó GV và HS lĩnh hội những hiện thực tự nhiên và xã hội xung quanh trong những điều kiện khung của cơ sở đào tạo"*. Đây là một khái niệm rộng về PPDH. Như vậy theo nghĩa rộng PPDH bao gồm cả các cách thức và hình thức hành động.

Tõ ®ã cã thÓ hiÓu: *PPDH lµ nh÷ng h×nh thøc vµ c¸ch thøc ho¹t ®éng cña GV vµ häc sinh trong nh÷ng ®iÒu kiÖn d¹y häc x¸c ®Þnh nh»m ®¹t môc tiªu d¹y häc.*

PPDH lµ mét kh¸i niÖm rÊt phøc hîp, cã nhiÒu b×nh diÖn, ph-¬ng diÖn kh¸c nhau. Cã thÓ nªu ra mét sè ®Æc ®iÓm cña PPDH nh sau:

- PPDH ®Þnh híng thùc hiÖn môc tiªu d¹y häc;
- PPDH lµ sù thèng nhÊt cña PP d¹y vµ PP häc;
- PPDH thùc hiÖn thèng nhÊt chøc n¨ng ®µo t¹o vµ gi¸o dôc;
- PPDH lµ sù thèng nhÊt cña 1« gic néi dung d¹y häc vµ l« gic t©m lý nhËn thøc;
- PPDH cã mÆt bªn ngoµi vµ bªn trong;
- PPDH cã mÆt kh¸ch quan vµ mÆt chñ quan;
- PPDH lµ sù thèng nhÊt cña c¸ch thøc hµnh ®éng vµ ph¬ng tiÖn d¹y häc (PTDH).

Trong nh÷ng nghiªn cøu míi vÒ d¹y häc, lý thuyÕt kiÕn t¹o ®îc ®Æc biÖt chó ý, trong ®ã cã viÖc t¹o m«i trêng häc tËp thÝch

hîp. MÆt kh¸c ®Þnh híng chung cña viÖc ®æi míi gi¸o dôc gi¸o dôc lµ chó träng viÖc h×nh thµnh n¨ng lùc cho häc sinh. Theo ®ã, cã thÓ hiÓu:

> *PPDH lµ nh÷ng h×nh thøc vµ c¸ch thøc ho¹t ®éng cña GV vµ häc sinh trong nh÷ng m«i trêng d¹y häc ®îc chuÈn bÞ, nh»m ®¹t môc ®Ých d¹y häc, ph¸t triÓn c¸c n¨ng lùc c¸ nh©n.*

Do tÝnh phøc hîp cña kh¸i niÖm PPDH nªn viÖc ph©n lo¹i vµ m« t¶ cÊu tróc cña kh¸i niÖm PPDH rÊt kh¸c nhau vµ theo nhiÒu b×nh diÖn kh¸c nhau. Sau ®©y lµ mét sè m« h×nh cÊu tróc PPDH theo nghÜa réng vµ ph¬ng ph¸p luËn d¹y häc.

3.1.2. M« h×nh cÊu tróc hai mÆt cña PPDH

Lothar Klingberg (1982, tr. 257-258)) m« t¶ cÊu tróc cña PPDH theo mÆt bªn ngoµi vµ mÆt bªn trong.

> MÆt bªn ngoµi cña PPDH lµ nh÷ng h×nh thøc bªn ngoµi cña ho¹t ®éng cña GV vµ HS trong d¹y häc, cã thÓ dÔ dµng nhËn biÕt ngay khi quan s¸t giê häc.
>
> MÆt bªn trong cña PPDH: lµ nh÷ng thµnh phÇn kh«ng dÔ dµng nhËn biÕt ngay th«ng qua viÖc quan s¸t giê d¹y mµ cÇn cã sù quan s¸t kü vµ ph©n tÝch ®Ó nhËn biÕt chóng.

3.1.3. M« h×nh n¨m thµnh tè c¬ b¶n cña PPDH

Hilbert Meier (2002, tr.116-146) m« t¶ 5 kh¸i niÖm c¬ b¶n cña ph¹m trï PPDH trªn c¬ së ph©n tÝch cÊu tróc cña qu¸ tr×nh d¹y häc.

> T×nh huèng hµnh ®éng: lµ nh÷ng ®¬n vÞ hµnh ®éng PP cã ý thøc cña GV vµ HS diÔn ra trong mét thêi gian ng¾n, theo mét cÊu tróc x¸c ®Þnh trong qu¸ tr×nh d¹y häc, nh»m thùc hiÖn mét nhiÖm vô vµ cã kÕt qu¶ cô thÓ. C¸c t×nh huèng hµnh ®éng ®îc thùc hiÖn th«ng qua c¸c kü thuËt hµnh ®éng PPDH, gäi lµ kü thuËt d¹y häc (KTDH). VÝ dô c¸c t×nh huèng hµnh ®éng: ®Æt c©u hái vµ tr¶ lêi, tr×nh bµy mét nhiÖm vô, lµm mÉu 1 thao t¸c, v.v.
>
> M« h×nh hµnh ®éng: M« h×nh hµnh ®éng PP m« t¶ cÊu tróc c¸ch thøc ho¹t ®éng cña GV vµ HS trong mét qu¸ tr×nh d¹y häc cô thÓ. C¸c m« h×nh hµnh ®éng quy ®Þnh cÊu tróc néi dung vµ PP cña mét QTDH, mét giê häc cô thÓ, chóng cã ®iÓm khëi ®Çu vµ ®iÓm kÕt thóc víi kÕt qu¶ x¸c ®Þnh. Cã thÓ coi m« h×nh hµnh ®éng lµ PPDH cô thÓ, phï hîp víi nh÷ng néi dung d¹y häc x¸c ®Þnh, vÝ dô thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i, luyÖn tËp.
>
> TiÕn tr×nh d¹y häc: Mçi PPDH cã nh÷ng bíc cÊu tróc kh¸c nhau, còng nh mçi bµi häc thùc hiÖn nh÷ng chøc n¨ng LLDH

kh¸c nhau. TiÕn tr×nh d¹y häc cßn ®îc gäi lµ c¸c bíc d¹y häc hay tiÕn tr×nh PP. TiÕn tr×nh d¹y häc m« t¶ cÊu tróc cña qu¸ tr×nh d¹y häc theo mét tr×nh tù x¸c ®Þnh cña c¸c bíc d¹y häc, quy ®Þnh tiÕn tr×nh thêi gian, tiÕn tr×nh l« gic hµnh ®éng. C¸c bíc chung nhÊt cña tiÕn tr×nh PP lµ më ®Çu, thùc hiÖn, kÕt thóc.

H×nh thøc x· héi: C¸c h×nh thøc x· héi cßn gäi lµ h×nh thøc hîp t¸c cña PPDH, lµ c¸c h×nh thøc tæ chøc céng t¸c lµm viÖc cña GV vµ HS, bao gåm bèn h×nh thøc c¬ b¶n lµ: d¹y häc toµn líp, d¹y häc nhãm, häc ®«i vµ lµm viÖc c¸ thÓ.

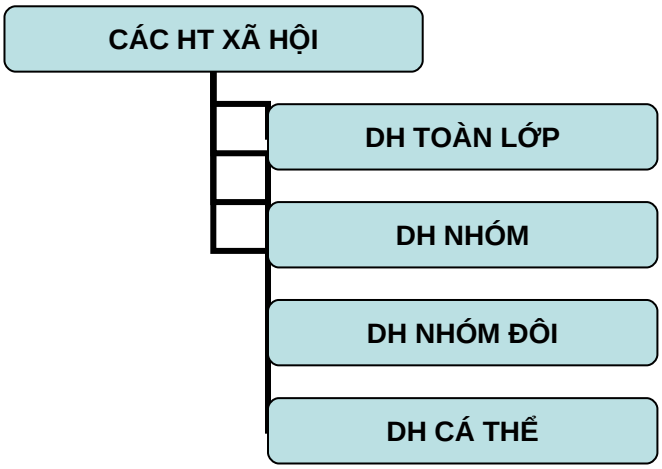

H×nh thøc d¹y häc lín: C¸c h×nh thøc lín cña PPDH, cßn gäi lµ c¸c h×nh thøc tæ chøc d¹y häc (HTTCDH), lµ mét yÕu tè bªn ngoµi cña PPDH. §ã lµ nh÷ng h×nh thøc lín cña ho¹t ®éng d¹y häc, ®îc tæ chøc theo nh÷ng cÊu tróc x¸c ®Þnh nh»m thùc hiÖn c¸c nhiÖm vô d¹y häc. Trong mét HTTCDH cã thÓ cã nhiÒu PPDH cô thÓ vµ nhiÒu h×nh thøc x· héi kh¸c nhau. Cã nhiÒu quan niÖm ph©n lo¹i c¸c HTTCDH kh¸c nhau, cã thÓ kÓ ra c¸c HTTCDH nh: H×nh thøc lªn líp, th¶o luËn, tham quan, thùc hµnh, thùc tËp, d¹y häc theo dù ¸n, tù häc, gióp ®ì riªng.

C¸c kh¸i niÖm trªn cã mèi quan hÖ chÆt chÏ vµ cã thÓ s¾p xÕp trong ba b×nh diÖn: B×nh diÖn vÜ m« lµ c¸c HTTCDH. B×nh diÖn trung gian lµ c¸c thµnh phÇn: m« h×nh hµnh ®éng, tiÕn tr×nh PP vµ c¸c h×nh thøc x· héi. B×nh diÖn vi m« lµ c¸c t×nh huèng hµnh ®éng.

Hilbert Meier (2004, tr.75) ph©n biÖt c¸c h×nh thøc d¹y häc lín (HTTCDH) nh sau:

D¹y häc theo häc tr×nh (bao gåm nhiÒu h×nh thøc nh bµi gi¶ng, luyÖn tËp, th¶o luËn, tham quan...)

D¹y häc theo dù ¸n

Lµm viÖc tù do

D¹y häc hçn hîp

Trong d¹y häc ®¹i häc cã thÓ ph©n biÖt c¸c h×nh thøc tæ chøc d¹y häc sau :

Bµi gi¶ng

Ceminar

LuyÖn tËp

Thùc tËp

Dù ¸n

Tham quan

Th¶o luËn khoa häc

Nghi²n cøu khoa häc

Nh vËy theo m« h×nh nµy d¹y häc theo dù ¸n lµ mét h×nh thøc d¹y häc lín hay HTTCDH, kh«ng ph¶i mét PPDH cô thÓ. Trong mét dù ¸n cã thÓ sö dông c¸c h×nh thøc x· héi hay PPDH cô thÓ kh¸c nhau.

3.1.4. M« h×nh ba b×nh diÖn Quan ®iÓm d¹y häc - PPDH - KTDH

M« h×nh nµy ph©n biÖt ba b×nh diÖn theo ®é réng cña kh¸i niÖm, ®ã lµ c¸c quan ®iÓm d¹y häc (Q§DH), PPDH vµ KTDH.

a. **Quan ®iÓm d¹y häc (Q§DH):** lµ nh÷ng ®Þnh híng tæng thÓ cho c¸c hµnh ®éng PP, trong ®ã cã sù kÕt hîp gi÷a c¸c nguy²n t¾c d¹y häc lµm nÒn t¶ng, nh÷ng c¬ së lý thuyÕt cña LLDH ®¹i c¬ng hay chuy²n ngµnh, nh÷ng ®iÒu kiÖn d¹y häc vµ tæ chøc còng nh nh nh÷ng ®Þnh híng vÒ vai trß cña GV vµ HS trong qu¸ tr×nh DH. Q§DH lµ nh÷ng ®Þnh híng mang tÝnh chiÕn lîc dµi h¹n, cã tÝnh c¬ng lÜnh, lµ m« h×nh lý thuyÕt cña PPDH. Tuy nhi²n c¸c quan ®iÓm d¹y häc cha ®a ra nh÷ng m« h×nh hµnh ®éng còng nh nh÷ng h×nh thøc x· héi cô thÓ cña cho hµnh ®éng PP. Cã thÓ kÓ ra c¸c Q§HD nh: DH gi¶i thÝch- minh ho¹, DH kÕ thõa, d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, DH kh¸m ph¸, DH nghi²n cøu, DH ®Þnh híng hµnh ®éng, DH ®Þnh híng häc sinh, DH theo t×nh huèng, DH tæng thÓ, DH g¾n víi kinh nghiÖm, DH ®Þnh híng môc ti²u, DH giao tiÕp, DH më, v.v. Ngoµi ra trong c¸c m«n cßn cã nh÷ng Q§DH ®Æc thï.

b. **Ph¬ng ph¸p d¹y häc**: Kh¸i niÖm PPDH ë ®©y ®îc hiÓu víi nghÜa hÑp h¬n Q§ DH. PPDH phï híp víi môc ti²u DH x¸c ®Þnh, phï hîp víi nh÷ng néi dung vµ nh÷ng ®iÒu kiÖn DH cô thÓ. B²n c¹nh c¸c PPDH truyÒn thèng quen thuéc nh thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i, biÓu diÔn trùc quan, lµm mÉu, cã thÓ kÓ ra mét sè PP kh¸c nh: PPDA, PP nghi²n cøu trêng hîp, PP ®iÒu phèi, PP ®ãng vai… :

Thuyết trình	Mô phỏng
Đàm thoại	Thảo luận về tương lai
Trình diễn	PP điều phối
Làm mẫu	Nhiệm vụ thiết kế

Luyện tập	Nhiệm vụ phân tích
Thực nghiệm	PP văn bản hướng dẫn
Thảo luận	Học theo chặng
Nghiên cứu trường hợp	Khám phá trên mạng (WebQuest)
Trò chơi	Học thông qua dạy
Đóng vai	Dạy học vi mô
……	……

c. **Kü thuËt d¹y häc (KTDH):** lµ nh÷ng ®éng t¸c, c¸ch thøc hµnh ®éng cña cña GV vµ HS trong c¸c t×nh huèng hµnh ®éng nhá nh»m thùc hiÖn vµ ®iÒu khiÓn qu¸ tr×nh d¹y häc. C¸c KTDH cha ph¶i lµ c¸c PPDH ®éc lËp. C¸c KTDH v« cïng phong phó vÒ sè l-îng, cã thÓ tíi hµng ngµn. B¸n c¹nh nh÷ng KTDH th«ng thêng, ngµy nay ngêi ta ®Æc biÖt chó träng c¸c KTDH ph¸t huy tÝnh tÝch cùc, s¸ng t¹o cña ngêi häc, VD: KT ,,§éng n·o'', KT ,,tia chíp'', KT t¬ng tù, KT lîc ®å t duy. Sau đây là bảng liệt kê một số kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực:

Động não	Thông tin phản hồi
Động não viết	Tia chớp
Động não không công khai	Kỹ thuật 3 lần 3
Kỹ thuật phòng tranh	„Bắn bia“
Tham vấn bằng phiếu	Kỹ thuật ổ bi
Tham vấn bằng điểm	Lược đồ tư duy
Tranh châm biếm	Thảo luận ủng hộ và chống
Kỹ thuật bể cá	Điều cấm kỵ
Nhóm lắp ghép	Chiếc ghế nóng
Kỹ thuật 635 (XYZ)	……

Q§DH lµ kh¸i niÖm réng, ®Þnh híng cho viÖc lùa chän c¸c PPDH cô thÓ. C¸c PPDH lµ kh¸i niÖm hÑp h¬n, ®a ra m« h×nh hµnh ®éng. KTDH lµ kh¸i niÖm nhá nhÊt, thùc hiÖn c¸c t×nh huèng hµnh ®éng. Mét Q§DH cã nh÷ng PPDH phï hîp, mét PPDH cô thÓ cã c¸c KTDH ®Æc thï. Tuy nhi¸n cã nh÷ng PP phï hîp víi nhiÒu Q§DH, còng nh nh÷ng KT§H dïng trong nhiÒu PP kh¸c nhau. ViÖc ph©n biÖt gi÷a c¸c Q§ DH, PPDH, KTDH mang tÝnh t¬ng ®èi. Trong m« h×nh nµy thêng kh«ng cã sù ph©n biÖt gi÷a ph¬ng ph¸p d¹y häc vµ h×nh thøc d¹y häc. C¸c h×nh thøc tæ chøc hay h×nh thøc x· héi còng ®îc gäi lµ c¸c PPDH.

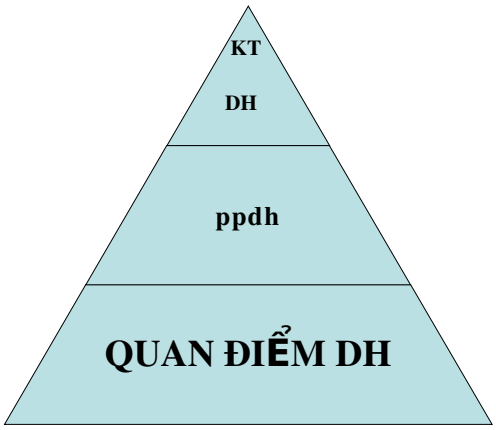

C¸c m« h×nh cÊu tróc PPDH cho thÊy kh¸i niÖm PPDH rÊt phøc hîp. PPDH ®îc hiÓu theo nghÜa réng vµ nghÜa hÑp. PPDH nghÜa réng cã nhiÒu b×nh diÖn, ph¬ng diÖn víi møc ®é réng hÑp kh¸c nhau, tõ c¸c Q§DH hay HTDH rÊt lín, tíi c¸c KTDH rÊt nhá, vµ kh«ng ph¶i bao giê còng hoµn toµn ph©n biÖt víi nhau. §ã còng 1µ nguyªn nh©n cña sù kh«ng thèng nhÊt trong viÖc ph©n lo¹i hay gäi tªn c¸c PPDH vµ HTDH. Ngoµi ra ngêi ta cßn ph©n lo¹i PPDH theo rÊt nhiÒu c¬ së ph©n lo¹i kh¸c nhau. Tuy nhiªn viÖc ph©n chia c¸c b×nh diÖn hay ph©n lo¹i PPDH còng chØ mang tÝnh t¬ng ®èi, kh«ng thÓ t×m ®îc mét b¶ng ph©n lo¹i PPDH cã hÖ thèng râ rµng nh viÖc s¾p xÕp c¸c nguyªn tè ho¸ häc. Trong thùc tÕ, nhiÒu khi ngêi ta dïng chung kh¸i niÖm PPDH cho c¸c b×nh diÖn, ph¬ng diÖn kh¸c nhau v× chóng ®Òu thuéc ph¹m trï PPDH. VÝ dô c¸c kh¸i niÖm: ,,PP d¹y häc tÝch cùc'', ,,PPDH lÊy häc sinh 1µm trung t©m'', “PPDH nªu vÊn ®Ò” kh«ng ph¶i c¸c PPDH cô thÓ, ®ã lµ c¸c Q§DH. C¸c h×nh thøc d¹y häc nh tham quan, thùc hµnh còng ®îc gäi lµ ,,PP tham quan'', ,,PP thùc hµnh''. Khi ®ã cÇn hiÓu ®©y 1µ nh÷ng PPDH ,,lín'', PP vÜ m«, thuéc b×nh diÖn vÜ m«. C¸c KTDH ®«i khi còng ®îc gäi lµ PPDH, khi ®ã cã thÓ hiÓu ®ã lµ c¸c PP ,“nhá'“, PP vi m«, thuéc b×nh diÖn vi m«.

- **Bµi tËp**

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh nh÷ng quan niÖm cña m×nh vÒ PPDH víi nh÷ng quan niÖm ®· tr×nh bµy trong bµi. ¤ng bµ t¸n thµnh hay kh«ng t¸n thµnh víi nh÷ng quan niÖm nµo? Nh÷ng quan niÖm vÒ PPDH ®· tr×nh bµy trong bµi cã thÓ gîi ý cho ¤ng/Bµ trong viÖc tiÕp tôc t×m hiÓu PPDH vµ c¶i tiÕn PPDH cña m×nh?

2. ¤ng/Bµ h·y lÊy vÝ dô minh ho¹ cho viÖc thiÕt kÕ bµi d¹y trong ®ã thÓ hiÖn viÖc thiÕt kÕ vÒ PPDH ®îc thùc hiÖn tõ b×nh diÖn vÜ m«, ®Õn b×nh diÖn trung gian vµ b×nh diÖn vi m«.

3.2. Mét sè ph¬ng híng vµ biÖn ph¸p ®æi míi ppdh

3.2.1. Mét sè c¬ së khoa häc cña ®æi míi PPDH

PPDH lµ mét ph¹m trï cña khoa häc gi¸o dôc. ViÖc ®æi míi PPDH cÇn dùa trªn nh÷ng c¬ së khoa häc gi¸o dôc vµ thùc tiÔn. Khoa häc gi¸o dôc lµ lÜnh vùc rÊt réng lín vµ phøc hîp, cã nhiÒu chuyªn ngµnh kh¸c nhau. V× vËy viÖc ®æi míi PPDH còng ®-îc tiÕp cËn díi rÊt nhiÒu c¸ch tiÕp cËn kh¸c nhau.

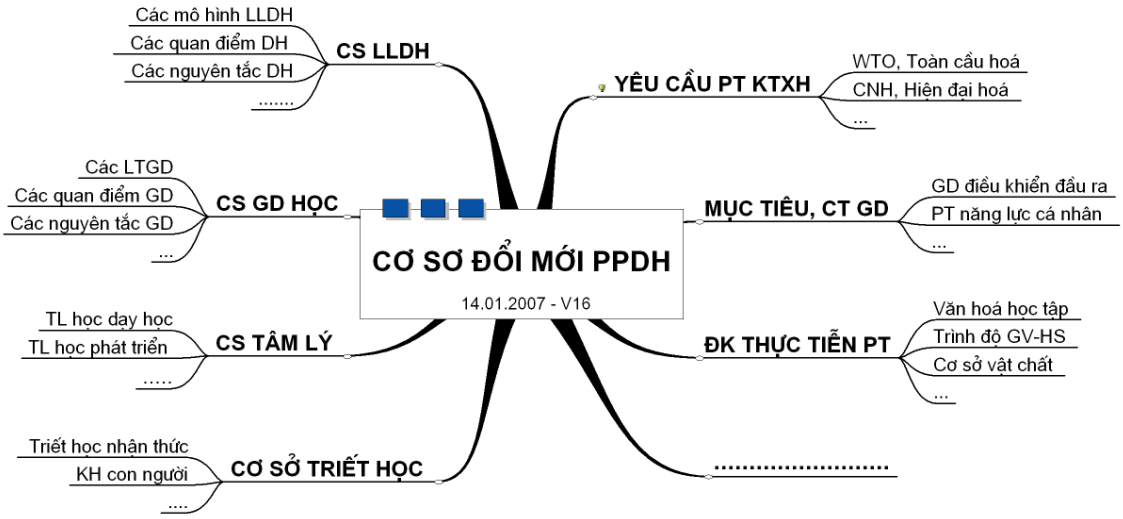

Tõ kÕt qu¶ nghiªn cøu cña nhiÒu lÜnh vùc c¸c khoa häc gi¸o dôc nh triÕt häc gi¸o dôc, t©m lý häc, gi¸o dôc häc vµ lý luËn d¹y häc cã thÓ rót ra nh÷ng c¬ së khoa häc cña viÖc ®æi míi PPDH. Trong c¸c môc trªn ®©y cña tµi liÖu nµy ®· tr×nh bµy mét sè c¬ së thùc tiÔn vµ lý luËn. ë ®©y kh«ng tr×nh bµy chi tiÕt kÕt qu¶ nghiªn cøu cña c¸c khoa häc gi¸o dôc riªng rÏ mµ chØ tãm t¾t mét sè c¬ së cña viÖc ®æi míi PPDH rót ra tõ kÕt qu¶ nghiªn cøu cña c¸c ngµnh khoa häc ®ã. Nh÷ng c¬ së nµy kh«ng hoµn toµn t¸ch biÖt mµ cã mèi liÖn hÖ víi nhau.

Tõ kÕt qu¶ nghiªn cøu cña triÕt häc nhËn thøc cã thÓ rót ra nh÷ng c¬ së sau ®©y cho viÖc tæ chøc ho¹t ®éng nhËn thøc cña häc sinh trong qu¸ tr×nh d¹y häc:

Sù thèng nhÊt gi÷a kh¸ch thÓ vµ chñ thÓ trong qu¸ tr×nh nhËn thøc.

Sù thèng nhÊt gi÷a lý thuyÕt vµ tiÔn,

Sù liªn kÕt gi÷a t duy vµ hµnh ®éng,

Sù thèng nhÊt gi÷a nhËn thøc c¶m tÝnh vµ nhËn thøc lý tÝnh,

Sù liªn kÕt gi÷a trêng häc vµ cuéc sèng,

Sù liªn kÕt gi÷a kinh nghiÖm vµ ph¬ng ph¸p.

Phï hîp víi nh÷ng quan ®iÓm cña triÕt häc nhËn thøc, c¸c nghiªn cøu thuéc nhiÒu lÜnh vùc cña t©m lý häc còng dÉn ®Õn nh÷ng kết luận sau ®©y:

Trong qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc, c¸c hµnh ®éng trÝ tuÖ vµ thùc hµnh ph¶i cã quan hÖ t¬ng hç víi nhau.

C¸c phÈm chÊt nh©n c¸ch ph¶i ®îc h×nh thµnh th«ng qua c¸c ho¹t ®éng phøc hîp vµ trong mét tæng thÓ.

Trong qu¸ tr×nh tiÕp thu kiÕn thøc, kinh nghiÖm tõ ho¹t ®éng cña b¶n th©n ®ãng vai trß lín.

ViÖc häc tËp cÇn ®îc thùc hiÖn th«ng qua viÖc häc sinh t¬¬ng t¸c víi m«i trêng xung quanh.

M«i trêng häc tËp tÝch cùc, tÝnh ®éc lËp, viÖc sö dông nhiÒu gi¸c quan vµ viÖc häc tËp kiÓu kh¸m ph¸ cã ý nghÜa lín ®èi víi sù ph¸t triÓn ®éng c¬ vµ kÕt qu¶ häc tËp.

Nh÷ng biÖn ph¸p nh»m n©ng cao ®éng c¬ häc tËp cña häc sinh b»ng c¸ch Đp buéc hoÆc ®e däa trõng ph¹t, thêng kh«ng mang l¹i hiÖu qu¶ mµ sÏ ®a ®Õn hÖ qu¶ tiªu cùc.

Khi gi¶i quyÕt nh÷ng nhiÖm vô gÇn víi c¸c t×nh huèng thùc tÕ sÏ cã t¸c dông thóc ®Èy ®éng c¬ häc tËp cña häc sinh nhiÒu h¬n khi gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô xa l¹ víi thùc tÕ.

Sù tham gia c¸ nh©n cña häc sinh vµo c¸c qu¸ tr×nh häc tËp vµ néi dung häc tËp còng nh sù tù tr¶i nghiÖm cña häc sinh cã t¸c ®éng tÝch cùc ®èi víi ®éng c¬ vµ kÕt qu¶ häc tËp.

Ho¹t ®éng thùc hµnh vËt chÊt cã nh÷ng ¶nh hëng tÝch cùc ®Õn ®éng c¬ vµ kÕt qu¶ häc tËp.

Quan hÖ gi¸o viªn - häc sinh theo quan niÖm cña d¹y häc hiÖn ®¹i lµ mèi quan hÖ t¬ng t¸c, kh«ng ph¶i do gi¸o viªn chi phèi mét c¸ch ¸p ®Æt mét chiÒu. Trong ®ã gi¸o viªn chÞu tr¸ch nhiÖm chñ ®¹o, nhng häc sinh tham gia mét c¸ch tÝch cùc vµ tù lùc, cïng quyÕt ®Þnh vµ cïng chÞu tr¸ch nhiÖm.

Tõ nh÷ng c¬ së cña c¸c khoa häc gi¸o dôc cã thÓ tãm t¾t mét sè quan ®iÓm chung cho viÖc tæ chøc häc tËp trong nhµ trêng nh sau:

Qóa tr×nh häc tËp lµ qu¸ tr×nh t¬ng t¸c trong m«i trêng häc tËp cã chuÈn bÞ gi÷a häc sinh víi néi dung häc tËp vµ víi gi¸o viªn còng nh gi÷a häc sinh víi nhau. M«i trêng häc tËp cÇn khuyÕn khÝch tÝnh tÝch cùc, tù lùc, s¸ng t¹o, sù ph©n ho¸ còng sù céng t¸c trong häc tËp.

Trong qu¸ tr×nh häc tËp, häc sinh tù kiÕn t¹o tri thøc trªn c¬ së tri thøc, kü n¨ng, th¸i ®é vµ kinh nghiÖm riªng cña m×nh. Qu¸ tr×nh häc tËp mang tÝnh c¸ thÓ. Mçi häc sinh cÇn ý thøc ®îc

nh÷ng con ®ªng, c¸ch thøc häc tËp riªng cña m×nh phï hîp víi ®Æc ®iÓm c¸ nh©n.

Qu¸ tr×nh häc tËp ®ßi hái tÝnh tù ®iÒu khiÓn, tÝnh tr¸ch nhiÖm cña häc sinh. Häc sinh cÇn cã tr¸ch nhiÖm víi qu¸ tr×nh vµ kÕt qu¶ häc tËp trong giê häc còng nh trong viÖc tù häc, biÕt tù x¸c ®Þnh môc ®Ých, lËp kÕ ho¹ch, ®¸nh gi¸ vµ ®iÒu khiÓn qu¸ tr×nh tù häc mét c¸ch tÝch cùc.

Bªn c¹nh viÖc häc tËp c¸c tri thøc míi, c¸c giai ®o¹n ®éng, luyÖn tËp, thùc hµnh, hÖ thèng ho¸ còng nh ®µo s©u vµ cñng cè tri thøc ®ãng vai trß quan träng trong häc tËp.

Bªn c¹nh nh÷ng tri thøc chuyªn m«n hÖ thèng, nh÷ng chñ ®Ò tÝch hîp, liªn m«n g¾n víi thùc tiÔn cuéc sèng vµ x· héi, ®Þnh híng hµnh ®éng cã vai trß quan träng trong viÖc chuÈn bÞ cho häc sinh gi¶i quyÕt nh÷ng t×nh huèng cña cuéc sèng vµ t×nh huèng nghÒ nghiÖp sau nµy.

Ph¬ng tiÖn d¹y häc kh«ng chØ lµ ph¬ng tiÖn cña viÖc d¹y mµ cßn ph¶i lµ ph¬ng tiÖn cña viÖc häc. C¸c ph¬ng tiÖn hiÖn ®¹i nh ®a ph¬ng tiÖn, Internet hç trî qu¸ tr×nh häc tËp vµ chuÈn bÞ cho häc sinh lµm quen víi c¸c ph¬ng tiÖn trong m«i trêng lµm viÖc vµ cuéc sèng hiÖn ®¹i. CÇn t¹o ®iÒu kiÖn cho häc sinh sö dông c¸c ph¬ng tiÖn hiÖn ®¹i theo híng tÝch cùc ho¸ vµ t¨ng c-êng tÝnh tù lùc trong häc tËp.

ViÖc kÕt hîp chó ý c¸c ®Æc ®iÓm chuyªn biÖt vÒ giíi tÝnh kh¸c nhau trong d¹y häc gióp ph¸t huy nh÷ng ®iÓm m¹nh riªng cña häc sinh theo sù kh¸c biÖt vÒ c¸ thÓ cña hä. §iÒu ®ã hç trî viÖc thùc hiÖn quan ®iÓm b×nh ®¼ng nam n÷.

3.2.2. Mét sè biÖn ph¸p ®æi míi PPDH

a) C¶i tiÕn c¸c PPDH truyÒn thèng

C¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc truyÒn thèng nh thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i, luyÖn tËp lu«n lµ nh÷ng PP quan träng trong d¹y häc. §æi míi PPDH kh«ng cã nghÜa lµ lo¹i bá c¸c PPDH truyÒn thèng quen thuéc mµ cÇn b¾t ®Çu b»ng viÖc c¶i tiÕn ®Ó n©ng cao hiÖu qu¶ vµ h¹n chÕ nhîc ®iÓm cña chóng. §Ó n©ng cao hiÖu qu¶ cña c¸c PPDH nµy ngêi gi¸o viªn tríc hÕt cÇn n¾m v÷ng nh÷ng yªu cÇu vµ sö dung thµnh th¹o c¸c kü thuËt cña chóng trong viÖc chuÈn bÞ còng nh tiÕn hµnh bµi lªn líp, ch¼ng h¹n nh kü thuËt më bµi, kü thuËt tr×nh bµy, gi¶i thÝch trong khi thuyÕt tr×nh, kü thuËt ®Æt c¸c c©u hái vµ xö lý c¸c c©u tr¶ lêi trong ®µm tho¹i, hay kü thuËt lµm mÉu trong luyÖn tËp. Tuy nhiªn, c¸c PPDH truyÒn thèng cã nh÷ng h¹n chÕ tÊt yÕu, v× thÕ bªn c¹nh c¸c PPDH truyÒn thèng cÇn kÕt hîp sö dông c¸c PPDH míi, ®Æc biÖt lµ nh÷ng ph¬ng ph¸p vµ kü thuËt d¹y häc ph¸t huy tÝnh tÝch cùc vµ s¸ng t¹o cña häc sinh. Ch¼ng h¹n cã thÓ t¨ng cêng tÝnh

tÝch cùc nhËn thøc cña häc sinh trong thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i theo quan ®iÓm d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

b) KÕt hîp ®a d¹ng c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc

Kh«ng cã mét ph¬ng ph¸p d¹y häc toµn n¨ng phï hîp víi mäi môc tiªu vµ néi dung d¹y häc. Mçi ph¬ng ph¸p vµ h×nh thøc d¹y häc cã nh÷ng u, nhù¬c ®iÓm vµ giíi h¹n sö dông riªng. V× vËy viÖc phèi hîp ®a d¹ng c¸c PP vµ h×nh thøc d¹y häc trong toµn bé qu¸ tr×nh d¹y häc lµ ph¬ng híng quan träng ®Ó ph¸t huy tÝnh tÝch cùc vµ n©ng cao chÊt lîng d¹y häc. D¹y häc toµn líp, d¹y häc nhãm, nhãm ®«i vµ d¹y häc c¸ thÓ lµ nh÷ng h×nh thøc x· héi cña d¹y häc cÇn kÕt hîp víi nhau, mçi mét h×nh thøc cã nh÷ng chøc n¨ng riªng. T×nh tr¹ng ®éc t«n cña d¹y häc toµn líp vµ sù l¹m dông ph¬ng ph¸p thuyÕt tr×nh cÇn ®îc kh¾c phôc, ®Æc biÖt th«ng qua lµm viÖc nhãm.

Trong thùc tiÔn d¹y häc ë trêng THPT hiÖn nay, nhiÒu gi¸o viªn ®· c¶i tiÕn bµi lªn líp theo híng kÕt hîp thuyÕt tr×nh cña GV víi h×nh thøc lµm viÖc nhãm, gãp phÇn tÝch cùc ho¸ ho¹t ®éng nhËn thøc cña häc sinh. Tuy nhiªn h×nh thøc lµm viÖc nhãm rÊt ®a d¹ng, kh«ng chØ giíi h¹n ë viÖc gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô häc tËp nhá xen kÏ trong bµi thuyÕt tr×nh, mµ cßn cã nh÷ng h×nh thøc lµm viÖc nhãm gi¶i quyÕt nh÷ng nhiÖm vô phøc hîp, cã thÓ chiÕm mét hoÆc nhiÒu tiÕt häc, sö dông nh÷ng PP chuyªn biÖt nh PP ®ãng vai, nghiªn cøu trêng hîp, dù ¸n. MÆt kh¸c, viÖc bæ sung d¹y häc toµn líp b»ng lµm viÖc nhãm xen kÏ trong mét tiÕt häc míi chØ cho thÊy rã viÖc tÝch cùc ho¸ ”bªn ngoµi” cña häc sinh. Muèn ®¶m b¶o viÖc tÝch cùc ho¸ ”bªn trong” cÇn chó ý ®Õn mÆt bªn trong cña PPDH, vËn dông d¹y häc GQV§ vµ c¸c PPDH tÝch cùc kh¸c.

c) VËn dông d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò (GQV§)

D¹y häc GQV§ (d¹y häc nªu vÊn ®Ò, d¹y häc nhËn biÕt vµ gi¶i quyÕt vÊn ®Ò) lµ quan ®iÓm d¹y häc nh»m ph¸t triÓn n¨ng lùc t duy, kh¶ n¨ng nhËn biÕt vµ gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. Häc sinh ®îc ®Æt trong mét t×nh huèng cã vÊn ®Ò, ®ã lµ t×nh huèng chøa ®ùng m©u thÉn nhËn thøc, th«ng qua viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, gióp häc sinh lÜnh héi tri thøc, kü n¨ng vµ PP nhËn thøc. D¹y häc GQVĐ lµ con ®êng c¬ b¶n ®Ó ph¸t huy tÝnh tÝch cùc nhËn thøc cña häc sinh, cã thÓ ¸p dông trong nhiÒu h×nh thøc d¹y häc víi nh÷ng møc ®é tù lùc kh¸c nhau cña häc sinh.

C¸c t×nh huèng cã vÊn ®Ò lµ nh÷ng t×nh huèng khoa häc chuyªn m«n, còng cã thÓ lµ nh÷ng t×nh huèng g¾n víi thùc tiÔn. Trong thùc tiÔn d¹y häc hiÖn nay, d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò thêng chó ý ®Õn nh÷ng vÊn ®Ò khoa häc chuyªn m«n mµ Ýt chó ý h¬n ®Õn c¸c vÊn ®Ò g¾n víi thùc tiÔn. Tuy nhiªn nÕu chØ chó träng viÖc gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò nhËn thøc trong khoa häc chuyªn m«n th× häc sinh vÉn cha ®-îc chuÈn bÞ tèt cho viÖc gi¶i quyÕt c¸c t×nh huèng thùc tiÔn. V× vËy bªn c¹nh d¹y häc GQV§, lý luËn d¹y häc cßn x©y dùng quan ®iÓm d¹y häc theo t×nh huèng.

d) VËn dông d¹y häc theo t×nh huèng

D¹y häc theo t×nh huèng lµ mét quan ®iÓm d¹y häc, trong ®ã viÖc d¹y häc ®îc tæ chøc theo mét chñ ®Ò phøc hîp g¾n víi c¸c t×nh

huèng thùc tiÔn cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp. Qóa tr×nh häc tËp ®îc tæ chøc trong mét m«i trêng häc tËp t¹o ®iÒu kiÖn cho häc sinh kiÕn t¹o tri thøc theo c¸ nh©n vµ trong mèi t¬ng t¸c x· héi cña viÖc häc tËp.

C¸c chñ ®Ò d¹y häc phøc hîp lµ nh÷ng chñ ®Ò cã néi dung liªn quan ®Õn nhiÒu m«n häc hoÆc lÜnh vùc tri thøc kh¸c nhau, g¾n víi thùc tiÔn. Trong nhµ trêng, c¸c m«n häc ®îc ph©n theo c¸c m«n khoa häc chuyªn m«n, cßn cuéc sèng th× lu«n diÔn ra trong nh÷ng mèi quan hÖ phøc hîp. V× vËy sö dông c¸c chñ ®Ò d¹y häc phøc hîp gãp phÇn kh¾c phôc t×nh tr¹ng xa rêi thùc tiÔn cña c¸c m«n khoa häc chuyªn m«n, rÌn luyÖn cho häc sinh n¨ng lùc gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò phøc hîp, liªn m«n.

Ph¬ng ph¸p nghiªn cøu trêng hîp lµ mét ph¬ng ph¸p d¹y häc ®iÓn h×nh cña d¹y häc theo t×nh huèng, trong ®ã häc sinh tù lùc gi¶i quyÕt mét t×nh huèng ®iÓn h×nh, g¾n víi thùc tiÔn th«ng qua lµm viÖc nhãm.

VËn dông d¹y häc theo c¸c t×nh huèng g¾n víi thùc tiÔn lµ con ®êng quan träng ®Ó g¾n viÖc ®µo t¹o trong nhµ trêng víi thùc tiÔn ®êi sèng, gãp phÇn kh¾c phôc t×nh tr¹ng gi¸o dôc hµn l©m, xa rêi thùc tiÔn hiÖn nay cña nhµ trêng phæ th«ng.

Tuy nhiªn c¸c t×nh huèng ®îc ®a vµo d¹y häc lµ nh÷ng t×nh huèng m« pháng l¹i, cha ph¶i t×nh huèng thùc. NÕu chØ gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò trong phßng häc lý thuyÕt th× häc sinh còng cha cã ho¹t ®éng thùc tiÔn thùc sù, cha cã sù kÕt hîp gi÷a lý thuyÕt vµ thùc hµnh.

e) VËn dông d¹y häc ®Þnh híng hµnh ®éng

D¹y häc ®Þnh híng hµnh ®éng (DH §HH§) lµ quan ®iÓm d¹y häc nh»m lµm cho ho¹t ®éng trÝ ãc vµ ho¹t ®éng ch©n tay kÕt hîp chÆt chÏ víi nhau. Trong qu¸ tr×nh häc tËp, häc sinh thùc hiÖn c¸c nhiÖm vô häc tËp vµ hoµn thµnh c¸c s¶n phÈm hµnh ®éng, cã sù kÕt hîp linh ho¹t gi÷a ho¹t ®éng trÝ tuÖ vµ ho¹t ®éng tay ch©n. §©y lµ mét quan ®iÓm d¹y häc tÝch cùc ho¸ vµ tiÕp cËn toµn thÓ. VËn dông DH §HH§ cã ý nghÜa quan trong cho viÖc thùc hiÖn nguyªn lý gi¸o dôc kÕt hîp lý thuyÕt víi thùc tiÔn, t duy vµ hµnh ®éng, nhµ trêng vµ x· héi.

D¹y häc theo dù ¸n lµ mét h×nh thøc ®iÓn h×nh cña DH §HH§, trong ®ã häc sinh tù lùc thùc hiÖn trong nhãm mét nhiÖm vô häc tËp phøc hîp, g¾n víi c¸c vÊn ®Ò thùc tiÔn, kÕt hîp lý thuyÕt vµ thùc hµnh, cã t¹o ra c¸c s¶n phÈm cã thÓ c«ng bè. Trong d¹y häc theo dù ¸n cã thÓ vËn dông nhiÒu lý thuyÕt vµ quan ®iÓm d¹y häc hiÖn ®¹i nh lý thuyÕt kiÕn t¹o, d¹y häc ®Þnh híng häc sinh, d¹y häc hîp t¸c, d¹y häc tÝch hîp, d¹y häc kh¸m ph¸, s¸ng t¹o, d¹y häc theo t×nh huèng vµ d¹y häc ®Þnh híng hµnh ®éng.

f) T¨ng cêng sö dông ph¬ng tiÖn d¹y häc vµ c«ng nghÖ th«ng tin trong d¹y häc

Ph¬ng tiÖn d¹y häc (PTDH) cã vai trß quan träng trong viÖc ®æi míi PPDH, nh»m t¨ng cêng tÝnh trùc quan vµ thÝ nghiÖm, thùc hµnh

trong d¹y häc. ViÖc sö dông c¸c PTDH cÇn phï hîp víi mèi quan hÖ gi÷a PTDH vµ PPDH. Trong khu«n khæ dù ¸n ph¸t triÓn gi¸o dôc THPT, viÖc trang bÞ míi c¸c PTDH míi cho c¸c trêng THPT ®îc t¨ng cêng. Tuy nhiªn c¸c PTDH tù t¹o cña gi¸o viªn lu«n cã ý nghÜa quan träng, cÇn ®îc ph¸t huy.

§a ph¬ng tiÖn vµ c«ng nghÖ th«ng tin võa lµ néi dung d¹y häc võa lµ ph¬ng tiÖn d¹y häc trong d¹y häc hiÖn ®¹i. §a ph¬ng tiÖn vµ c«ng nghÖ th«ng tin cã nhiÒu kh¶ n¨ng øng dông trong d¹y häc. Bªn c¹nh viÖc sö dông ®a ph¬ng tiÖn nh mét ph¬ng tiÖn tr×nh diÔn, cÇn t¨ng cêng sö dông c¸c phÇn mÒm d¹y häc còng nh c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc sö dông m¹ng ®iÖn tö (E-Learning). Ph¬ng tiÖn d¹y häc míi còng hç trî viÖc t×m ra vµ sö dông c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc míi. Webquest lµ mét vÝ vô vÒ ph¬ng ph¸p d¹y häc míi víi ph¬ng tiÖn míi lµ d¹y häc sö dông m¹ng ®iÖn tö, trong ®ã häc sinh kh¸m ph¸ tri thøc trªn m¹ng mét c¸ch cã ®Þnh híng.

g) Sö dông c¸c kü thuËt d¹y häc ph¸t huy tÝnh tÝch cùc vµ s¸ng t¹o

Kü thuËt d¹y häc (KTDH) lµ nh÷ng c¸ch thøc hµnh ®éng cña cña GV vµ HS trong c¸c t×nh huèng hµnh ®éng nhá nh»m thùc hiÖn vµ ®iÒu khiÓn qu¸ tr×nh d¹y häc. C¸c KTDH lµ nh÷ng ®¬n vÞ nhá nhÊt cña PPDH. Cã nh÷ng KTDH chung, cã nh÷ng kü thuËt ®Æc thï cña tõng PPDH, vÝ dô kü thuËt ®Æt c©u hái trong ®µm tho¹i. Ngµy nay ngêi ta chó träng ph¸t triÓn vµ sö dông c¸c KTDH ph¸t huy tÝnh tÝch cùc, s¸ng t¹o cña ngêi häc nh “®éng n·o”, “tia chíp”, “bÓ c¸”, XYZ, “3 lÇn 3”...

h) T¨ng cêng c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc ®Æc thï bé m«n

Ph¬ng ph¸p d¹y häc cã mèi quan hÖ biÖn chøng víi néi dung d¹y häc. V× vËy bªn c¹nh nh÷ng ph¬ng ph¸p chung cã thÓ sö dông cho nhiÒu bé m«n kh¸c nhau th× viÖc sö dông c¸c PPDH ®Æc thï cã vai trß quan träng trong d¹y häc bé m«n. C¸c PPDH ®Æc thï bé m«n ®îc x©y dùng trªn c¬ së lý luËn d¹y häc bé m«n. VÝ dô c¸c PP d¹y häc trong d¹y häc kü thuËt nh tr×nh diÔn vËt phÈm kü thuËt, lµm mÉu thao t¸c, ph©n tÝch s¶n phÈm kü thuËt, thiÕt kÕ kü thuËt, l¾p r¸p m« h×nh, c¸c dù ¸n trong d¹y häc kü thuËt. ThÝ nghiÖm lµ mét PPDH ®Æc thï quan träng cña c¸c m«n khoa häc tù nhiªn.

i) Bải dìng ph¬ng ph¸p häc tËp cho häc sinh

Ph¬ng ph¸p häc tËp mét c¸ch tù lùc ®ãng vai trß quan träng trong viÖc tÝch cùc ho¸, ph¸t huy tÝnh s¸ng t¹o cña häc sinh. Cã nh÷ng ph¬ng ph¸p nhËn thøc chung nh ph¬ng ph¸p thu thËp, xö lý, ®¸nh gi¸ th«ng tin, ph¬ng ph¸p tæ chøc lµm viÖc, PP lµm viÖc nhãm, cã nh÷ng ph¬ng ph¸p häc tËp chuyªn biÖt cña tõng bé m«n. B»ng nhiÒu h×nh thøc kh¸c nhau, cÇn luyÖn tËp cho häc sinh c¸c PP häc tËp chung vµ c¸c PP häc tËp trong bé m«n.

j) *C¶i tiÕn viÖc kiÓm tra ®¸nh gi¸*

§æi míi PPDH cÇn g¾n liÒn víi ®æi míi vÒ ®¸nh gi¸ qu¸ tr×nh d¹y häc còng nh ®æi míi viÖc kiÓm tra vµ ®¸nh gi¸ thµnh tÝch häc tËp cña häc sinh.

CÇn bải dìng cho häc sinh nh÷ng kü thuËt th«ng tin ph¶n hải nh»m t¹o ®iÒu kiÖn cho häc sinh tham gia ®¸nh gi¸ vµ c¶i tiÕn qu¸ tr×nh d¹y häc.

Trong ®¸nh gi¸ thµnh tÝch häc tËp cña häc sinh kh«ng chØ ®¸nh gi¸ kÕt qu¶ mµ chó ý c¶ qu¸ tr×nh häc tËp.

§¸nh gi¸ thµnh tÝch häc tËp theo quan ®iÓm ph¸t triÓn n¨ng lùc kh«ng giíi h¹n vµo kh¶ n¨ng t¸i hiÖn tri thøc mµ chó träng kh¶ n¨ng vËn dông tri thøc trong viÖc gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô phøc hîp. Trong xu híng x©y dùng c¸c bµi tËp còng nh c¸c bµi thi, kiÓm tra theo quan ®iÓm ph¸t triÓn n¨ng lùc ngêi ta chia thµnh 3 møc ®é chÝnh cña nhiÖm vô nh sau:

> T¸i hiÖn: Träng t©m lµ t¸i hiÖn, nhËn biÕt c¸c tri thøc ®· häc.
>
> VËn dông: Träng t©m lµ viÖc øng dông tri thøc ®· häc ®Ó gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô trong nh÷ng t×nh huèng kh¸c nhau; ph©n tÝch, tæng hîp, so s¸nh... ®Ó x¸c ®Þnh c¸c mèi quan hÖ cña cña c¸c ®èi tîng.
>
> §¸nh gi¸: Träng t©m lµ vËn dông tri thøc, kü n¨ng ®· häc ®Ó gi¶i quyÕt c¸c nhiÖm vô phøc hîp, gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò, ®¸nh gi¸ c¸c ph¬ng ¸n kh¸c nhau vµ quyÕt ®Þnh, ®¸nh gi¸ c¸c gi¸ trÞ.

CÇn sö dông phèi hîp c¸c h×nh thøc, ph¬ng ph¸p kiÓm tra, ®¸nh gi¸ kh¸c nhau. KÕt hîp gi÷a kiÓm tra miÖng, kiÓm tra viÕt vµ bµi tËp thùc hµnh. KÕt hîp gi÷a tr¾c nghiÖm tù luËn vµ tr¾c nghiÖm kh¸ch quan. HiÖn nay ë ViÖt nam cã xu híng chän h×nh thøc tr¾c nghiÖm kh¸ch quan cho c¸c kú thi tèt nghiÖp hay thi tuyÓn ®¹i häc. Tr¾c nghiÖm kh¸ch quan cã nh÷ng u ®iÓm ri²ng cho c¸c kú thi nµy. Tuy nhi²n trong ®µo t¹o th× kh«ng ®îc l¹m dông h×nh thøc nµy. V× nhîc ®iÓm c¬ b¶n cña tr¾c nghiÖm kh¸ch quan lµ khã ®¸nh gi¸ ®îc kh¶ n¨ng s¸ng t¹o còng nh n¨ng lùc gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò phøc hîp.

Tãm l¹i cã rÊt nhiÒu ph¬ng híng ®æi míi PPDH víi nh÷ng c¸ch tiÕp cËn kh¸c nhau, tr²n ®©y chØ lµ mét sè ph¬ng híng chung. ViÖc ®æi míi PPDH ®ßi hái nh÷ng ®iÒu kiÖn thÝch hîp vÒ ph¬ng tiÖn, c¬ së vËt chÊt vµ tæ chøc d¹y häc, ®iÒu kiÖn vÒ tæ chøc, qu¶n lý.

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn trong nhãm chuy²n m«n vÒ ph¬ng h-íng ®æi míi PPDH: Mçi ngêi h·y ®a ra 5 ph¬ng híng/biÖn ph¸p mµ m×nh cho lµ quan träng nhÊt cÇn chó träng trong thêi gian tíi ®Ó c¶i tiÕn viÖc d¹y häc trong bé m«n hay trong trêng cña cña ¤ng/Bµ? Th¶o luËn ®Ó thèng nhÊt chän ra 5 ph¬ng híng/biÖn ph¸p mµ nhãm cho lµ quan träng nhÊt, s¾p xÕp chóng theo thø tù møc ®é cÇn thiÕt.

2. H·y x©y dùng mét vÝ dô minh ho¹ vÒ viÖc thùc hiÖn mét trong nh÷ng biÖn ph¸p n²u tr²n, ch¼ng h¹n th«ng qua mét ph¸c

th¶o kÕ ho¹ch bµi d¹y hoÆc ph¸c th¶o mét kÕ ho¹ch hµnh ®éng vÒ mÆt qu¶n lý.

4. mét sè ph¬ng ph¸p d¹y häc tÝch cùc

Kh¸i niÖm ph¬ng ph¸p d¹y häc tÝch cùc kh«ng chØ mét phu¬ng ph¸p d¹y häc cô thÓ mµ lµ mét kh¸i niÖm PPDH theo nghÜa réng, bao gåm nh÷ng quan ®iÓm, h×nh thøc, ph¬ng ph¸p, kü thuËt d¹y häc nh»m ph¸t huy tÝnh tÝch cùc, tù lùc vµ s¸ng t¹o cña häc sinh.

4.1. D¹y häc nhãm

4.1.1. Kh¸i niÖm

D¹y häc nhãm lµ mét h×nh thøc x· héi cña d¹y häc, trong ®ã häc sinh cña mét líp häc ®îc chia thµnh c¸c nhãm nhá trong kho¶ng thêi gian giíi h¹n, mçi nhãm tù lùc hoµn thµnh c¸c nhiÖm vô häc tËp trªn c¬ së ph©n c«ng vµ hîp t¸c lµm viÖc. KÕt qu¶ lµm viÖc cña nhãm sau ®ã ®îc tr×nh bµy vµ ®¸nh gi¸ tríc toµn líp.

D¹y häc nhãm cßn ®îc gäi b»ng nh÷ng tªn gäi kh¸c nhau nh d¹y häc hîp t¸c, d¹y häc theo nhãm nhá. D¹y häc nhãm kh«ng ph¶i mét ph¬ng ph¸p d¹y häc cô thÓ mµ lµ mét h×nh thøc x· héi, hay h×nh lµ h×nh thøc hîp t¸c cña d¹y häc. Còng cã tµi liÖu gäi ®©y lµ mét h×nh thøc tæ chøc d¹y häc. Tuú theo nhiÖm vô cÇn gi¶i quyÕt trong cña nhãm mµ cã nh÷ng ph¬ng ph¸p lµm viÖc kh¸c nhau ®îc sö dông. Khi kh«ng ph©n biÖt gi÷a h×nh thøc vµ PPDH cô thÓ th× d¹y häc nhãm trong nhiÒu tµi liÖu còng ®îc gäi lµ PPDH nhãm.

Sè lîng häc sinh trong mét nhãm thêng kho¶ng 4 -6 häc sinh. NhiÖm vô cña c¸c nhãm cã thÓ gièng nhau hoÆc mçi nhãm nhËn mét nhiÖm vô kh¸c nhau, lµ c¸c phÇn trong mét chñ ®Ò chung.

D¹y häc nhãm thêng ®îc ¸p dông ®Ó ®i s©u, vËn dông, luyÖn tËp, cñng cè mét chñ ®Ò ®· häc, nhng còng cã thÓ ®Ó t×m hiÓu mét chñ ®Ò míi. Trong c¸c m«n khoa häc tù nhiªn, c«ng viÖc nhãm cã thÓ ®îc sö dông ®Ó tiÕn hµnh c¸c thÝ nghiÖm vµ t×m c¸c gi¶i ph¸p cho nh÷ng vÊn ®Ò ®îc ®Æt ra. Trong c¸c m«n nghÖ thuËt, ©m nh¹c, c¸c m«n khoa häc x· héi, c¸c ®Ò tµi chuyªn m«n cã thÓ ®îc xö lý ®éc lËp trong c¸c nhãm, c¸c s¶n phÈm häc tËp sÏ ®îc sÏ t¹o ra. Trong m«n ngo¹i ng÷ cã thÓ chuÈn bÞ c¸c trß ch¬i ®ãng kÞch,....

ë møc ®é cao, cã thÓ ®Ò ra nh÷ng nhiÖm vô cho c¸c nhãm häc sinh hoµn toµn ®éc lËp xö lý c¸c lÜnh vùc ®Ò tµi vµ tr×nh bµy kÕt qu¶ cña m×nh cho nh÷ng häc sinh kh¸c ë d¹ng bµi gi¶ng.

4.1.2. Môc ®Ých vµ c«ng dông cña d¹y häc nhãm

Môc ®Ých chÝnh cña d¹y häc nhãm lµ th«ng qua céng t¸c lµm viÖc trong mét nhiÖm vô häc tËp nh»m ph¸t triÓn tÝnh tù lùc,

s¸ng t¹o còng nh n¨ng lùc x· héi, ®Æc biÖt lµ kh¶ n¨ng céng t¸c lµm viÖc, th¸i ®é ®oµn kÕt cña häc sinh

D¹y häc nhãm nÕu ®îc tæ chøc tèt, sÏ thùc hiÖn ®îc nh÷ng chøc n¨ng vµ c«ng dông kh¸c víi d¹y häc toµn líp, do ®ã cã t¸c dông bæ sung cho d¹y häc toµn líp:

- *Ph¸t huy tÝnh tÝch cùc, tù lùc vµ tÝnh tr¸ch nhiÖm cña häc sinh:* Trong häc nhãm, häc sinh ph¶i tù lùc gi¶i quyÕt nhiÖm vô häc tËp, ®ßi hái sù tham gia tÝch cùc cña c¸c thµnh viªn, tr¸ch nhiÖm víi nhiÖm vô vµ kÕt qu¶ lµm viÖc cña m×nh. D¹y häc nhãm hç trî t duy, t×nh c¶m vµ hµnh ®éng ®éc lËp, s¸ng t¹o cña häc sinh.
- *Ph¸t triÓn n¨ng lùc céng t¸c lµm viÖc:* C«ng viÖc nhãm lµ ph¬ng ph¸p lµm viÖc ®îc häc sinh a thÝch. Häc sinh ®îc luyÖn tËp nh÷ng kü n¨ng céng t¸c lµm viÖc nh tinh thÇn ®ång ®éi, sù quan t©m ®Õn nh÷ng ngêi kh¸c vµ tÝnh khoan dung.
- *Ph¸t triÓn n¨ng lùc giao tiÕp*: Th«ng qua céng t¸c lµm viÖc trong nhãm, gióp häc sinh ph¸t triÓn n¨ng lùc giao tiÕp nh biÕt l¾ng nghe, chÊp nhËn vµ phª ph¸n ý kiÕn ngêi kh¸c, biÕt tr×nh bµy, b¶o vÖ ý kiÕn cña m×nh trong nhãm.
- *Hç trî qóa tr×nh häc tËp mang tÝnh x· héi:* D¹y häc nhãm lµ qu¸ tr×nh häc tËp mang tÝnh x· héi. Häc sinh häc tËp trong mèi t¬ng t¸c lÉn nhau trong nhãm, cã thÓ gióp ®ì lÉn nhau, t¹o lËp, cñng cè c¸c quan hÖ x· héi vµ kh«ng c¶m thÊy ph¶i chÞu ¸p lùc cña gi¸o viªn.
- *T¨ng cêng sù tù tin cho häc sinh*: V× häc sinh ®îc liªn kÕt víi nhau qua giao tiÕp x· héi, c¸c em sÏ m¹nh d¹n h¬n vµ Ýt sî m¾c ph¶i sai lÇm. MÆt kh¸c, th«ng qua giao tiÕp sÏ gióp kh¾c phôc sù th« b¹o, côc c»n.
- *Ph¸t triÓn n¨ng lùc ph¬ng ph¸p:* Th«ng qua qu¸ tr×nh tù lùc lµm viÖc vµ lµm viÖc nhãm gióp häc sinh rÌn luyÖn, ph¸t triÓn phu¬ng ph¸p lµm viÖc.
- *D¹y häc nhãm t¹o kh¶ n¨ng d¹y häc ph©n ho¸ :* Lùa chän nhãm theo høng thó chung hay lùa chän ngÉu nhiªn, c¸c ®ßi hái nh nhau hay kh¸c nhau vÒ møc ®é khã kh¨n, c¸ch häc tËp nh nhau hay kh¸c nhau, ph©n c«ng c«ng viÖc nh nhau hoÆc kh¸c nhau, nam häc sinh vµ n÷ häc sinh lµm bµi cïng nhau hay riªng rÏ.
- *T¨ng cêng kÕt qu¶ häc tËp:* Nh÷ng nghiªn cøu so s¸nh kÕt qu¶ häc tËp cña häc sinh cho thÊy r»ng, nh÷ng trêng häc ®¹t kÕt qu¶ d¹y häc ®Æc biÖt tèt lµ nh÷ng trêng cã ¸p dông vµ tæ chøc tèt h×nh thøc d¹y häc nhãm.

4.1.3. TiÕn tr×nh d¹y häc nhãm

TiÕn tr×nh d¹y häc nhãm cã thÓ ®îc chia thµnh 3 giai ®o¹n c¬ b¶n.

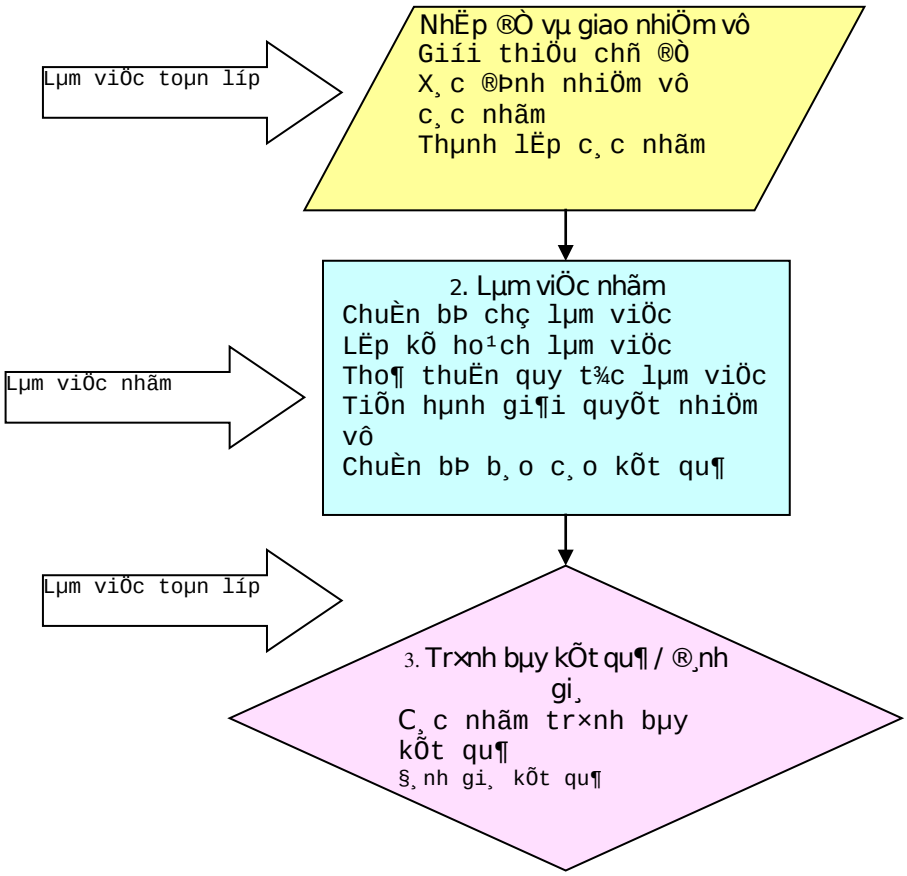

1) NhËp ®Ò vµ giao nhiÖm vô

Giai ®o¹n nµy ®îc thùc hiÖn trong toµn líp, bao gåm nh÷ng ho¹t ®éng chÝnh sau:

- Giíi thiÖu chñ ®Ò chung cña giê häc: Th«ng thêng gi¸o viªn thùc hiÖn viÖc giíi thiÖu chñ ®Ò, nhiÖm vô chung còng nh nh÷ng chØ dÉn cÇn thiÕt, th«ng qua thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i hay lµm mÉu. §«i khi viÖc nµy còng ®îc giao cho häc sinh tr×nh bµy víi ®iÒu kiÖn lµ ®· cã sù thèng nhÊt vµ chuÈn bÞ tõ tríc cïng gi¸o viªn.
- X¸c ®Þnh nhiÖm vô cña c¸c nhãm: X¸c ®Þnh vµ gi¶i thÝch nhiÖm vô cô thÓ cña c¸c nhãm, x¸c ®Þnh râ nh÷ng môc tiªu cô thÓ cÇn ®¹t ®uîc. Th«ng thêng, nhiÖm vô cña c¸c nhãm lµ gièng nhau, nhng còng cã thÓ kh¸c nhau.
- Thµnh lËp c¸c nhãm lµm viÖc: cã rÊt nhiÒu ph¬ng ¸n thµnh lËp nhãm kh¸c nhau. Tuú theo môc tiªu d¹y häc ®Ó quyÕt ®Þnh c¸ch thµnh lËp nhãm.

2) Lµm viÖc nhãm

Trong giai ®o¹n nµy c¸c nhãm tù lùc thùc hiÖn nhiÖm vô ®uîc giao, trong ®ã cã nh÷ng ho¹t ®éng chÝnh lµ:

- ChuÈn bÞ chç lµm viÖc nhãm: CÇn s¾p xÕp bµn ghÕ phï hîp víi c«ng viÖc nhãm, sao cho c¸c thµnh viªn cã thÓ ®èi diÖn nhau ®Ó th¶o luËn. CÇn lµm nhanh ®Ó kh«ng tèn thêi gian vµ gi÷ trËt tù.

- LËp kÕ ho¹ch lµm viÖc:
  - ChuÈn bÞ tµi liÖu häc tËp
  - §äc s¬ qua tµi liÖu
  - Lµm râ xem tÊt c¶ mäi ngêi cã hiÓu c¸c yªu cÇu cña nhiÖm vô hay kh«ng
  - Ph©n c«ng c«ng viÖc trong nhãm
  - LËp kÕ ho¹ch thêi gian
- Tho¶ thuËn vÒ quy t¾c lµm viÖc:
  - Mçi thµnh viªn ®Òu cã phÇn nhiÖm vô cña m×nh
  - Tõng ngêi ghi l¹i kÕt qu¶ lµm viÖc
  - Mçi ngêi ngêi l¾ng nghe nh÷ng ngêi kh¸c
  - Kh«ng ai ®îc ng¾t lêi ngêi kh¸c
- TiÕn hµnh gi¶i quyÕt nhiÖm vô
  - §äc kü tµi liÖu
  - C¸ nh©n thùc hiÖn c«ng viÖc ®· ph©n c«ng
  - Th¶o luËn trong nhãm vÒ viÖc gi¶i quyÕt nhiÖm vô
  - S¾p xÕp kÕt qu¶ c«ng viÖc
- ChuÈn bÞ b¸o c¸o kÕt qu¶ tríc líp
  - X¸c ®Þnh néi dung, c¸ch tr×nh bµy kÕt qu¶
  - Ph©n c«ng c¸c nhiÖm vô tr×nh bµy trong nhãm
  - Lµm c¸c h×nh ¶nh minh häa
  - Quy ®Þnh tiÕn tr×nh bµi tr×nh bµy cña nhãm

3) Tr×nh bµy vµ ®¸nh gi¸ kÕt qu¶

- §¹i diÖn c¸c nhãm tr×nh bµy kÕt qu¶ tríc toµn líp: th«ng thêng tr×nh bµy miÖng hoÆc tr×nh miÖng víi b¸o c¸o viÕt kÌm theo. Cã thÓ tr×nh bµy cã minh ho¹ th«ng qua biÓu diÔn hoÆc tr×nh bµy mÉu kÕt qu¶ lµm viÖc nhãm
- KÕt qu¶ tr×nh bµy cña c¸c nhãm ®îc ®¸nh gi¸ vµ rót ra nh÷ng kÕt luËn cho viÖc häc tËp tiÕp theo.

4.1.4. C¸c tiªu chÝ thµnh lËp nhãm

Cã rÊt nhiÒu tiªu chÝ ®Ó t¹o lËp nhãm, kh«ng nªn ¸p dông mét tiªu chÝ duy nhÊt trong c¶ n¨m häc. B¶ng sau ®©y tr×nh bµy 10 ph¬ng ¸n kh¸c nhau:

☺: u ®iÓm ☹: nhîc ®iÓm

Tiªu chÝ	**C¸ch thùc hiÖn - ¦u, nhîc ®iÓm**
1. C¸c nhãm gåm nh÷ng ngêi	☺ §èi víi häc sinh th× ®©y lµ c¸ch dÔ chÞu nhÊt ®Ó thµnh lËp nhãm, ®¶m b¶o c«ng viÖc thµnh c«ng nhanh nhÊt

tù nguyÖn, chung mèi quan t©m	☹	DÔ t¹o ra sù t¸ch biÖt gi÷a c¸c nhãm trong líp, v× vËy c¸ch t¹o lËp nhãm nh thÕ nµy kh«ng nªn lµ kh¶ n¨ng duy nhÊt
2. C¸c nhãm ngÉu nhiªn		B»ng c¸ch ®Õm sè, ph¸t thÎ, g¾p th¨m, s¾p xÕp theo mµu s¾c,....
	☺	C¸c nhãm lu«n lu«n míi sÏ ®¶m b¶o lµ tÊt c¶ c¸c häc sinh ®Òu cã thÓ häc tËp chung nhãm víi tÊt c¶ c¸c häc sinh kh¸c
	☹	Nguy c¬ cã trôc trÆc sÏ t¨ng cao. Häc sinh ph¶i sím lµm quen víi viÖc ®ã ®Ó thÊy r»ng c¸ch lËp nhãm nh vËy lµ b×nh thêng
3. Nhãm ghÐp h×nh		XÐ nhá mét bøc tranh hoÆc c¸c tê tµi liÖu cÇn xö lý. Häc sinh ®îc ph¸t c¸c mÈu xÐ nhá, nh÷ng häc sinh ghÐp thµnh bøc tranh hoÆc tê tµi liÖu ®ã sÏ t¹o thµnh nhãm
	☺	C¸ch t¹o lËp nhãm kiÓu vui ch¬i, kh«ng g©y ra sù ®èi ®Þch
	☹	CÇn mét Ýt chi phÝ ®Ó chuÈn bÞ vµ cÇn nhiÒu thêi gian h¬n ®Ó t¹o lËp nhãm
4. C¸c nhãm víi nh÷ng ®Æc ®iÓm chung		VÝ dô tÊt c¶ nh÷ng häc sinh cïng sinh ra trong mïa ®«ng, mïa xu©n, mïa hÌ hoÆc mïa thu sÏ t¹o thµnh nhãm
	☺	T¹o lËp nhãm mét c¸ch ®éc ®¸o, t¹o ra niÒm vui vµ häc sinh cã thÓ biÕt nhau râ h¬n
	☹	C¸ch lµm nµy mÊt ®i tÝnh ®éc ®¸o nÕu ®îc sö dông thêng xuyªn
5. C¸c nhãm cè ®Þnh trong mét thêi gian dµi		C¸c nhãm ®îc duy tr× trong mét sè tuÇn hoÆc mét sè th¸ng. C¸c nhãm nµy thËm chÝ cã thÓ ®îc ®Æt tªn riªng.
	☺	C¸ch lµm nµy ®· ®îc chøng tá tèt trong nh÷ng nhãm häc tËp cã nhiÒu vÊn ®Ò
	☹	Sau khi ®· quen nhau mét thêi gian dµi th× viÖc lËp c¸c nhãm míi sÏ khã kh¨n
6. Nhãm cã häc sinh kh¸ ®Ó hç trî häc sinh yÕu		Nh÷ng häc sinh kh¸ giái trong líp cïng luyÖn tËp víi c¸c häc sinh yÕu h¬n vµ ®¶m nhËn tr¸ch nhiÖm cña ngêi híng dÉn
	☺	TÊt c¶ ®Òu ®îc lîi. Nh÷ng häc sinh giái ®¶m nhËn tr¸ch nhiÖm, nh÷ng häc sinh yÕu ®îc gióp ®ì
	☹	Ngoµi viÖc mÊt nhiÒu thêi gian th× chØ cã Ýt nhîc ®iÓm, trõ phi nh÷ng häc sinh giái híng dÉn sai

7. Ph©n chia theo n¨ng lùc häc tËp kh¸c nhau		Nh÷ng häc sinh yÕu h¬n sÏ xö lý c¸c bµi tËp c¬ b¶n, nh÷ng häc sinh ®Æc biÖt giái sÏ nhËn ®îc thªm nh÷ng bµi tËp bæ sung
	☺	Häc sinh cã thÓ tù x¸c ®Þnh môc ®Ých cña m×nh. VÝ dô ai bÞ ®iÓm kÐm trong m«n to¸n th× cã thÓ tËp trung vµo mét sè Ýt bµi tËp
	☹	C¸ch lµm nµy dÉn ®Õn kÕt qu¶ lµ nhãm häc tËp c¶m thÊy bÞ chia thµnh nh÷ng häc sinh th«ng minh vµ nh÷ng häc sinh kÐm.
8. Ph©n chia theo c¸c d¹ng häc tËp		§îc ¸p dông thêng xuyªn khi häc tËp theo t×nh huèng. Nh÷ng häc sinh thÝch häc tËp víi h×nh ¶nh, ©m thanh hoÆc biÓu tîng sÏ nhËn ®îc nh÷ng bµi tËp t¬ng ønng
	☺	Häc sinh sÏ biÕt c¸c em thuéc d¹ng häc tËp nh thÕ nµo ?
	☹	Häc sinh chØ häc nh÷ng g× m×nh thÝch vµ bá qua nh÷ng néi dung kh¸c
9. Nhãm víi c¸c bµi tËp kh¸c nhau		VÝ dô, trong khu«n khæ mét dù ¸n, mét sè häc sinh sÏ kh¶o s¸t mét xÝ nghiÖp, mét sè kh¸c kh¶o s¸t mét c¬ së ch¨m sãc x· héi, mét sè kh¸c n÷a l¹i tiÕn hµnh ®iÒu tra d luËn
	☺	T¹o ®iÒu kiÖn häc tËp theo kinh nghiÖm ®èi víi nh÷ng g× ®Æc biÖt quan t©m
	☹	Thêng chØ cã thÓ ®îc ¸p dông trong khu«n khæ mét dù ¸n lín
10. Ph©n chia häc sinh nam vµ n÷	☺	Cã thÓ thÝch hîp nÕu häc vÒ nh÷ng chñ ®Ò ®Æc trng cho con trai vµ con g¸i, vÝ dô trong gi¶ng d¹y vÒ t×nh dôc, chñ ®Ò lùa chän nghÒ nghiÖp,...
	☹	NÕu bÞ l¹m dông sÏ dÉn ®Õn mÊt b×nh ®¼ng nam n÷.

4.1.5. Nhîc ®iÓm cña d¹y häc nhãm

- D¹y häc nhãm ®ßi hái thêi gian nhiÒu. Thêi gian 45 phót cña mét tiÕt häc còng lµ mét trë ng¹i trªn con ®êng ®¹t ®-îc thµnh c«ng cho c«ng viÖc nhãm. Mét qu¸ tr×nh häc tËp víi c¸c giai ®o¹n dÉn nhËp vµo mét chñ ®Ò, ph©n c«ng nhiÖm vô, lµm viÖc nhãm vµ tiÕp theo lµ sù tr×nh bµy kÕt qu¶ cña nhiÒu nhãm, ... nh÷ng viÖc ®ã khã ®îc tæ chøc mét c¸ch tháa ®¸ng trong mét tiÕt häc.

- C«ng viÖc nhãm kh«ng ph¶i bao giê còng mang l¹i kÕt qu¶ mong muèn. NÕu ®îc tæ chøc vµ thùc hiÖn kÐm, nã thêng sÏ dÉn ®Õn kÕt qu¶ ngîc l¹i víi nh÷ng g× dù ®Þnh sÏ ®¹t.
- Trong c¸c nhãm cha ®îc luyÖn tËp dÔ x¶y ra hçn lo¹n. VÝ dô, cã thÓ x¶y ra chuyÖn lµ mét häc sinh phô tr¸ch nhãm theo kiÓu ®éc ®o¸n, ®a sè c¸c thµnh viªn trong nhãm kh«ng lµm bµi mµ l¹i quan t©m ®Õn nh÷ng viÖc kh¸c, trong nhãm vµ gi÷a c¸c nhãm ph¸t sinh t×nh tr¹ng ®èi ®Þch, lo sî vµ giËn d÷. Khi ®ã, sù tr×nh bµy kÕt qu¶ lµm viÖc sÏ còng nh b¶n th©n qu¸ tr×nh lµm viÖc cña nhãm sÏ diÔn ra theo c¸ch kh«ng tháa m·n.

4.1.6. Nh÷ng chØ dÉn ®èi víi gi¸o viªn

NÕu muèn thµnh c«ng víi d¹y häc nhãm th× ngêi gi¸o viªn ph¶i n¾m v÷ng ph¬ng ph¸p thùc hiÖn. D¹y häc nhãm ®ßi hái gi¸o viªn ph¶i cã n¨ng lùc lËp kÕ ho¹ch vµ tæ chøc, cßn häc sinh ph¶i cã sù hiÓu biÕt vÒ ph¬ng ph¸p, ®îc luyÖn tËp vµ th«ng th¹o c¸ch häc nµy. Khi lËp kÕ ho¹ch, c«ng viÖc nhãm ph¶i ®îc ph¶n ¸nh trong toµn bé qu¸ tr×nh d¹y häc. VÝ dô cÇn ph¶i suy nghÜ xem cÇn sù híng dÉn cña gi¸o viªn nh thÕ nµo ®Ó c¸c nhãm cã thÓ lµm viÖc mét c¸ch hiÖu qu¶. §iÒu kiÖn ®Ó häc sinh ®¹t ®îc thµnh c«ng trong häc tËp còng lµ ph¶i n¾m v÷ng c¸c kü thuËt lµm viÖc c¬ b¶n. Thµnh c«ng cña c«ng viÖc nhãm cßn phô thuéc vµo viÖc ®Ò ra c¸c yªu cÇu c«ng viÖc mét c¸ch râ rµng vµ phï hîp.

Sau ®©y lµ c¸c c©u hái kiÓm tra dïng cho viÖc chuÈn bÞ d¹y häc nhãm:

- Chñ ®Ò cã hîp víi d¹y häc nhãm kh«ng?
- C¸c nhãm lµm viÖc víi nhiÖm vô gièng nhau hay kh¸c nhau?
- Häc sinh ®· cã ®ñ kiÕn thøc ®iÒu kiÖn cho c«ng viÖc nhãm cha?
- CÇn tr×nh bµy nhiÖm vô lµm viÖc nhãm nhãm nh thÕ nµo?
- CÇn chia nhãm theo tiªu chÝ nµo?
- CÇn tæ chøc phßng lµm viÖc, kª bµn ghÕ nh thÕ nµo?

Mét sè chó ý trong khi thùc hiÖn d¹y häc nhãm:

- CÇn luyÖn tËp cho häc sinh quy t¾c lµm viÖc nhãm
- Trao ®æi vÒ tiÕn tr×nh lµm viÖc nhãm
- LuyÖn tËp vÒ kü thuËt lµm viÖc nhãm
- Duy tr× trËt tù cÇn thiÕt trong lµm viÖc nhãm
- Gi¸o viªn quan s¸t c¸c nhãm häc sinh
- Gióp æn ®Þnh c¸c nhãm lµm viÖc khi cÇn thiÕt.

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh u, nhîc ®iÓm cña d¹y häc nhãm so víi d¹y häc toµn líp theo truyÒn thèng quen thuéc.

2. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông d¹y häc nhãm trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch, t×m ra mét sè chñ ®Ò cã thÓ vËn dông d¹y häc nhãm.

3. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ vÊn ®Ò sau: Trong lµm viÖc nhãm, dÔ quan s¸t vµ ®¸nh gi¸ ®îc ho¹t ®éng bªn ngoµi cña häc sinh, Nhng cã ph¶i cø cã lµm viÖc nhãm lµ cã sù tÝch cùc "bªn trong" hay kh«ng?. Th«ng qua nh÷ng yÕu nµo ®Ó nhËn biÕt vµ t¨ng cêng tÝnh tÝch cùc bªn trong cña häc sinh trong ho¹t ®éng nhãm?

4. ¤ng/Bµ h·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o mét kÕ ho¹ch d¹y häc nhãm cho mét ®Ò tµi cô thÓ trong m«n häc.

4.2.d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò

D¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò (DHGQV§) lµ con ®êng quan träng ®Ó ph¸t huy tÝnh tÝch cùc cña häc sinh. Quan ®iÓm d¹y häc nµy kh«ng xa l¹ ë ViÖt nam vµ ®· ®îc tr×nh bµy trong hÇu hÕt c¸c gi¸o tr×nh vÒ PPDH ®¹i c¬ng vµ bé m«n. Bµi nµy tr×nh bµy tãm t¾t nh÷ng néi dung c¬ b¶n cña DHGQV§ nh»m lµm c¬ c¬ cho nh÷ng PPDH ph¸t huy tÝnh tÝch cùc tiÕp theo sau.

4.2.1. Kh¸i niÖm vÊn ®Ò vµ d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò

Vấn đề là những câu hỏi hay nhiệm vụ đặt ra mà việc giải quyết chúng chưa có quy luật sẵn cũng như những tri thức, kỹ năng sẵn có chưa đủ giải quyết mà còn khó khăn, cản trở cần vượt qua. Một vấn đề được đặc trưng bởi ba thành phần:

- Trạng thái xuất phát: không mong muốn
- Trạng thái đích: Trạng thái mong muốn
- Sự cản trở

CÊu tróc cña vÊn ®Ò

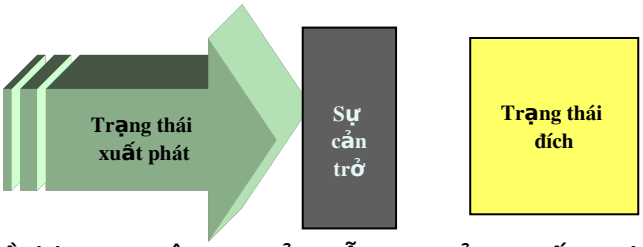

Vấn đề kh¸c nhiệm vụ ở chỗ khi giải quyết mét nhiÖm vô th× ®· cã sẵn tr×nh tù vµ c¸ch thøc gi¶i quyÕt, cũng như những kiến thức kỹ năng ®· cã ®ñ ®Ó gi¶i quyÕt nhiÖm vô ®ã.

Tình huống có vấn đề xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một mục đích muốn đạt tới, nhận biết một nhiệm vụ cần giải quyết nhưng chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng…) để giải quyết.

Dạy học giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở lý thuyết nhận thức. Theo quan ®iÓm cña t©m lý häc nhËn thøc, giải quyết vấn đề có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển tư duy và nhận thức của con người. „Tư duy chỉ bắt đầu khi xuất hiện tình huống có vấn đề“ (Rubinstein). V× vËy theo quan ®iÓm d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò qu¸ tr×nh d¹y häc ®îc tæ chøc th«ng qua viÖc gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò.

DHGQVĐ là một QĐDH nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của học sinh. Học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề ®ã giúp học sinh lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức.

Cã nhiÒu quan niÖm còng nh tªn gäi kh¸c nhau ®èi víi d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò nh d¹y häc nªu vÊn ®Ò, d¹y häc nhËn biÕt vµ gi¶i quyÕt vÊn ®Ò v.v. Môc tiªu c¬ b¶n cña d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò nh»m rÌn luyÖn n¨ng lùc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, tÊt nhiªn trong ®ã cÇn bao gåm kh¶ n¨ng nhËn biÕt, ph¸t hiÖn vÊn ®Ò. D¹y häc GQV§ kh«ng ph¶i lµ mét PPDH cô thÓ mµ lµ mét quan ®iÓm d¹y häc.

4.2.2. CÊu tróc cña qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vÊn ®Ò

CÊu tróc qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vÊn ®Ò cã thÓ m« t¶ qua c¸c b-íc c¬ b¶n sau ®©y:

S¬ ®å cÊu tróc qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vÊn ®Ò

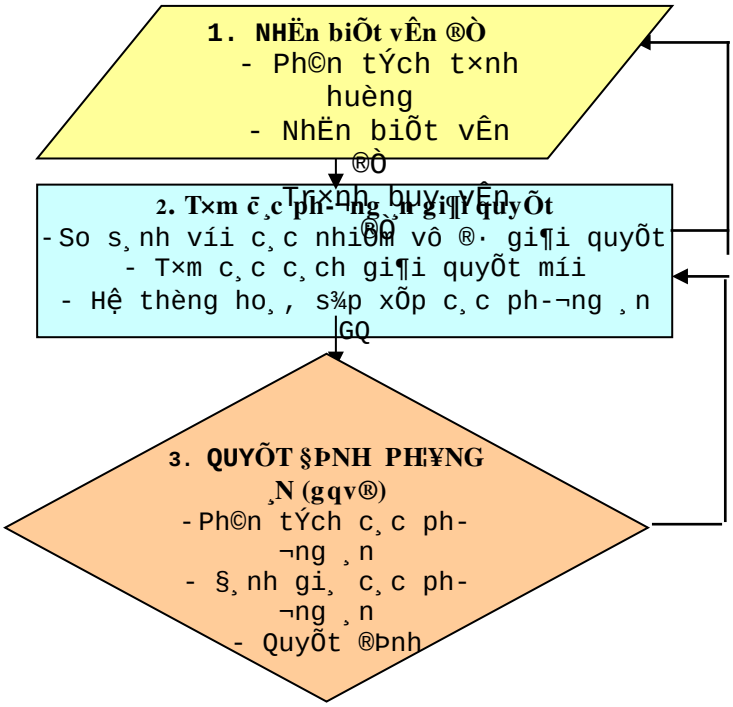

Bíc 1.: NhËn biÕt vÊn ®Ò

Trong bíc nµy cÇn ph©n tÝch t×nh huèng ®Æt ra, nh»m nhËn biÕt ®îc vÊn ®Ò. Trong d¹y häc th× ®ã lµ cÇn ®Æt häc sinh vµo t×nh huèng cã vÊn ®Ò. VÊn ®Ò cÇn ®îc tr×nh bµy râ rµng, cßn gäi lµ ph¸t biÓu vÊn ®Ò

Bíc 2. T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt

NhiÖm vô cña bíc nµy lµ t×m c¸c ph¬ng ¸n kh¸c nhau ®Ó gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. §Ó t×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, cÇn so s¸nh, liªn hÖ vÝi nh÷ng c¸ch gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò t¬ng tù ®· biÕt còng nh t×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt míi. C¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt ®· t×m ra cÇn ®îc s¾p xÕp, hÖ thèng ho¸ ®Ó xö lý ë giai ®o¹n tiÕp theo. Khi cã khã kh¨n hoÆc kh«ng t×m ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt th× cÇn trë l¹i viÖc nhËn biÕt vÊn ®Ò ®Ó kiÓm tra l¹i viÖc nhËn biÕt vµ hiÓu vÊn ®Ò.

Bíc 3: QuyÕt ®Þnh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt

Trong bíc nµy cÇn quyÕt ®Þnh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, tøc lµ cÇn gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. C¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt ®· ®îc t×m ra cÇn ®îc ph©n tÝch, so s¸nh vµ ®¸nh gi¸ xem cã thùc hiÖn ®îc viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò hay kh«ng. NÕu cã nhiÒu ph¬ng ¸n cã thÓ gi¶i quyÕt th× cÇn so s¸nh ®Ó x¸c ®Þnh ph¬ng ¸n tèi u. NÕu viÖc kiÓm tra c¸c ph¬ng ¸n ®· ®Ò xuÊt ®a ®Õn kÕt qu¶ lµ kh«ng gi¶i quyÕt ®îc vÊn ®Ò th× cÇn trë l¹i giai ®o¹n t×m kiÕm ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt míi. Khi ®· quyÕt ®Þnh ®îc ph¬ng ¸n thÝch hîp,

gi¶i quyÕt ®îc vÊn ®Ò tøc lµ ®· kÕt thóc viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

§ã lµ 3 giai ®o¹n c¬ b¶n cña qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. Trong d¹y häc GQV§, sau khi kÕt thóc viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò cã thÓ luyÖn tËp vËn dông c¸ch gi¶i quyÕt vÊn ®Ò trong nh÷ng t×nh huèng kh¸c nhau.

Trong c¸c tµi liÖu vÒ DHGQV§ ngêi ta ®a ra nhiÒu m« h×nh cÊu tróc gåm nhiÒu bíc kh¸c nhau cña d¹y häc GQV§, vÝ dô cÊu tróc 4 bíc sau:

- T¹o t×nh huèng cã vÊn ®Ò (nhËn biÕt vÊn ®Ò)
- LËp kÕ ho¹ch gi¶i quyÕt (t×m ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt)
- Thùc hiÖn kÕ ho¹ch (gi¶i quyÕt vÊn ®Ò)
- VËn dông (vËn dông c¸ch GQV§ trong nh÷ng t×nh huèng kh¸c nhau)

5. VËn dông d¹y häc GQV§

DH GQV§ kh«ng ph¶i mét PPDH cô thÓ mµ lµ mét quan ®iÓm d¹y häc, nªn cã thÓ vËn dông trong hÇu hÕt c¸c h×nh thức vµ PPDH. Trong c¸c ph¬ng ph¸p d¹y häc truyÒn thèng còng cã thÓ ¸p dông thuËn lîi quan ®iÓm DHGQV§ nh thuyÕt tr×nh, ®µm tho¹i ®Ó gi¶i quyÕt vÊn ®Ò. VÒ møc ®é tù lùc cña häc sinh còng cã rÊt nhiÒu møc ®é kh¸c nhau. Møc ®é thÊp nhÊt lµ GV thuyÕt tr×nh theo quan ®iÓm DHGQV§, nhng toµn bé c¸c bíc tr×nh bµy vÊn ®Ò, t×m ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vµ gi¶i quyÕt vÊn ®Ò ®Òu do GV thùc hiÖn, häc sinh tiÕp thu nh mét mÉu mùc vÒ c¸ch GQV§. C¸c møc ®é cao h¬n lµ häc sinh tham gia tõng phÇn vµo c¸c bíc GQV§. Møc ®é cao nhÊt lµ häc sinh ®éc lËp gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, thùc hiÖn tÊt c¶ c¸c bíc cña GQVV§, ch¼ng h¹n th«ng qua th¶o luËn nhãm ®Ó GQV§, th«ng qua thùc nghiÖm, nghiªn cøu c¸c trêng hîp, thùc hiÖn c¸c dù ¸n ®Ó GQV§.

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh u, nhîc ®iÓm cña d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò víi ph¬ng ph¸p thuyÕt tr×nh truyÒn thèng.

2. ¤ng/Bµ h·y ph©n tÝch sù vËn dông lý thuyÕt nhËn thøc trong d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

3. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch, t×m ra mét sè chñ ®Ò cã thÓ vËn dông d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

4. H·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o mét kÕ ho¹ch d¹y häc cho mét ®Ò tµi cô thÓ trong m«n häc trong ®ã vËn dông d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

4.3. Ph¬ng ph¸p nghi²n cøu trêng hîp (case study)

4.3.1. Kh¸i niÖm vµ ®Æc ®iÓm cña ph¬ng ph¸p nghi²n cøu trêng hîp

Ph¬ng ph¸p nghi²n cøu trêng hîp (PP NCTH) trong gi¸o dôc vµ ®µo t¹o cã nguån gèc tõ ®Çu thÕ kû 20. Tõ n¨m 1908 ë trêng th-¬ng m¹i Harvad ë Boston (Mü) ®· sö dông trong viÖc ®µo t¹o c¸c nhµ kinh tÕ xÝ nghiÖp, víi môc ®Ých chuÈn bÞ tèt h¬n cho sinh vi²n vµo thùc tiÔn nghÒ nghiÖp. Trong d¹y häc theo trêng hîp, thay v× tr×nh bµy lý thuyÕt, ngêi ta bµn th¶o vÒ nh÷ng trêng hîp cô thÓ trong thùc tiÔn. Nh vËy (PP NCTH) trêng hîp lµ mét PP d¹y häc, trong ®ã träng t©m cña qu¸ tr×nh d¹y häc lµ viÖc ph©n tÝch vµ gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò cña mét trêng hîp (t×nh huèng) ®îc lùa chän trong thùc tiÔn.

Ph¬ng ph¸p nghi²n cøu trêng hîp là một PP DH, trong đã học sinh tự lực nghi²n cứu một t×nh huống thực tiễn và giải quyết c¸c vấn đề của t×nh huống đặt ra, h×nh thøc lµm viÖc chñ yÕu lµ lµm viÖc nhãm. PP trường hợp là PP điển h×nh của DH theo t×nh huống và DH giải quyết vấn đề

PP NCTH ®Ò cËp ®Õn mét t×nh huèng tõ thùc tiÔn cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp, t×nh huèng ®ã ®· gÆp hoÆc cã thÓ gÆp trong cuéc sèng vµ c«ng viÖc nghÒ nghiÖp hµng ngµy. Nh÷ng t×nh huèng ®ã chøa ®ùng vÊn ®Ò cÇn gi¶i quyÕt. §Ó gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò ®ã ®ßi hái cã nh÷ng quyÕt ®Þnh dùa trª n c¬ së lËp luËn. C¸c trêng hîp cÇn ®îc xö lý vÒ mÆt lý luËn d¹y häc. B²n c¹nh viÖc m« t¶ trêng hîp (m« t¶ sù kiÖn) cÇn cã sù lý gi¶i, ph©n tÝch vÒ mÆt lý luËn d¹y häc, dÉi d¹ng nh÷ng ®Þnh híng, trî gióp cho viÖc d¹y vµ häc phï hîp víi môc ®Ých ®Æt ra.

Cã thÓ ®a ra nh÷ng ®Æc ®iÓm sau ®©y cña PP trêng hîp:

- *Trêng hîp* ®îc rót ra tõ thùc tiÔn d¹y häc hoÆc ph¶n ¸nh mét t×nh huèng thùc tiÔn d¹y häc. Do ®ã mét *trêng hîp* th-êng mang tÝnh phøc hîp.

- Môc ®Ých hµng ®Çu cña PP trêng hîp kh«ng ph¶i lµ viÖc truyÒn thô tri thøc lý thuyÕt mµ lµ viÖc vËn dông tri thøc vµo viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò trong nh÷ng t×nh huèng cô thÓ.

- Häc sinh ®îc ®Æt trÝc nh÷ng t×nh huèng cÇn quyÕt ®Þnh, hä cÇn x©y dùng c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò còng nh ®¸nh gi¸ c¸c ph¬ng ¸n ®ã, ®Ó quyÕt ®Þnh mét ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

- Häc viªn cÇn x¸c ®Þnh nh÷ng ph¬ng híng hµnh ®éng cã ý nghÜa quan träng trong viÖc t×m ra quyÕt ®Þnh.

4.3.2. C¸c d¹ng PP nghiªn cøu trêng hîp

Cïng víi sù ph¸t triÓn cña PP trêng hîp, cã nhiÒu d¹ng trêng hîp kh¸c nhau ®îc x©y dùng, chóng kh¸c nhau ë quy m« vµ tÝnh chÊt cña vÊn ®Ò ®îc m« t¶ còng nh träng t©m cña nhiÖm vô khi nghiªn cøu trêng hîp. Cã trêng hîp träng t©m lµ viÖc ph¸t hiÖn vÊn ®Ò, hoÆc träng t©m lµ viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, hay träng t©m lµ viÖc ®¸nh gi¸, phª ph¸n c¸ch gi¶i quyÕt vÊn ®Ò trong thùc tiÔn. Sau ®©y lµ b¶ng tãm t¾t mét sè d¹ng trêng hîp.

C¸c d¹ng cña PP NCTH

Bíc / D¹ng PP	NhËn biÕt vÊn ®Ò	ChiÕm lÜnh th«ng tin	T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò/ QuyÕt ®Þnh	Phª ph¸n c¸ch gi¶i quyÕt
Trêng hîp t×m vÊn ®Ò	Träng t©m: cÇn ph¸t hiÖn c¸c vÊn ®Ò Èn: VÊn ®Ò cha ®îc nªu râ.	Th«ng tin ®îc cho tríc nhiÒu; trong ®ã cã c¶ c¸c th«ng tin nhiÔu	T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò ®· ph¸t hiÖn, quyÕt ®Þnh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt.	So s¸nh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò víi quyÕt ®Þnh trong thùc tÕ.
Trêng hîp gi¶i quyÕt vÊn ®Ò	C¸c vÊn ®Ò ®· ®îc nªu râ trong trêng hîp	Th«ng tin ®îc cung cÊp ®Çy ®ñ.	Träng t©m: T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vµ quyÕt ®Þnh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò	So s¸nh ph¬ng ¸n GQ vÊn ®Ò víi ph¬ng ¸n thùc tÕ.
Trêng hîp t×m th«ng tin	Th«ng tin cha ®îc ®a ra ®Çy ®ñ trong khi m« t¶ trêng hîp	Träng t©m: CÇn tù thu thËp th«ng tin cho viÖc gi¶i quyÕt trêng hîp	T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vµ quyÕt ®Þnh ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt trêng hîp	
Trêng hîp ®¸nh gi¸ ph¬ng ¸n GQ vÊn ®Ò	C¸c vÊn ®Ò ®· ®îc ®a ra	C¸c th«ng tin ®· ®îc cung cÊp	Ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt còng ®· ®îc ®a ra. Ngêi häc cÇn t×m nh÷ng ph¬ng ¸n thay thÕ kh¸c	Träng t©m: Phª ph¸n ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt ®· ®a ra tríc_

4.3.3. TiÕn tr×nh thùc hiÖn PP NCTH

TiÕn tr×nh c¸c giai ®o¹n ®îc tr×nh bµy sau ®©y lµ tiÕn tr×nh lý tëng cña PP trêng hîp. Trong thùc tiÔn vËn dông cã thÓ linh ho¹t, ch¼ng h¹n cã nh÷ng giai ®o¹n ®îc rót gän, kÐo dµi h¬n hoÆc bá qua tuú theo c¸c trßng hîp cô thÓ.

C¸c bíc tiÕn hµnh PP trêng hîp

C¸c giai ®o¹n	**Môc ®Ých**
1. **NhËn biÕt trêng hîp**: Lµm quen víi trêng hîp.	N¾m ®îc vÊn ®Ò vµ t×nh huèng cÇn quyÕt ®Þnh. Tù nhËn biÕt c¸c mèi quan hÖ vÒ chuyªn m«n.
2. **Thu thËp th«ng tin:** Thu thËp th«ng tin vÒ trêng hîp tõ c¸c tµi liÖu s½n cã vµ tù t×m.	Häc c¸ch tù lùc thu thËp th«ng tin, hÖ thèng ho¸ vµ ®¸nh gi¸ th«ng tin.
3. **Nghiªn cøu, t×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt**: T×m c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vµ th¶o luËn (t×m hiÓu, nghiªn cøu, kh¶o s¸t, ®iÒu tra).	Ph¸t triÓn t duy s¸ng t¹o, t duy theo nhiÒu híng, lµm viÖc trong nhãm, hiÓu c¸c ý kiÕn kh¸c nhau, biÕt tr×nh bµy ý kiÕn trong nhãm.
4. **QuyÕt ®Þnh:** QuyÕt ®Þnh trong nhãm vÒ ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt.	§èi chiÕu vµ ®¸nh gi¸ c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt trªn c¬ së c¸c tiªu chuÈn ®¸nh gi¸ ®· ®îc lËp luËn.
5. **B¶o vÖ:** C¸c nhãm lËp luËn vµ b¶o vÖ quyÕt ®Þnh cña nhãm.	B¶o vÖ c¸c quyÕt ®Þnh víi nh÷ng luËn cø râ rµng, tr×nh bay c¸c quan ®iÓm mét c¸ch râ rµng, ph¸t hiÖn c¸c ®iÓm yÕu trong c¸c lËp luËn.
6. **So s¸nh:** So s¸nh c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt cña nhãm víi c¸c quyÕt ®Þnh trong thùc tÕ.	C©n nh¾c mèi quan hÖ theo c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt kh¸c nhau; ViÖc quyÕt ®Þnh lu«n liªn quan ®Õn c¸c t×nh huèng, ®iÒu kiÖn, thêi gian cô thÓ.

4.3.4. **u ®iÓm vµ giíi h¹n cña PP NCTH**

u ®iÓm

ViÖc sö dông PP NCTH t¹o ®iÒu kiÖn cho viÖc x©y dùng c¸c t×nh huèng nh»m g¾n lý thuyÕt víi thùc tiÔn, t duy vµ hµnh ®éng:

- PP NCTH sö dông sù liªn hÖ víi thùc tiÔn ®Ó tÝch cùc ho¸ ®éng c¬ cña ngêi häc.
- PP NCTH ®ång thêi lµ mét PP d¹y häc ®Þnh híng hµnh ®éng. §ã lµ sù xö lý c¸c t×nh huèng, trong ®ã bªn c¹nh sù lµm viÖc c¸ nh©n, yªu cÇu cã sù céng t¸c lµm viÖc vµ th¶o luËn trong nhãm. Träng t©m cña lµm viÖc nhãm lµ qu¸ tr×nh giao tiÕp x· héi vµ qu¸ tr×nh cïng quyÕt ®Þnh trong nhãm.

- PP NCTH t¹o ®iÒu kiÖn ph¸t triÓn c¸c n¨ng lùc then chèt chung, nh n¨ng lùc quyÕt ®Þnh, n¨ng lùc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, t duy hÖ thèng, tÝnh s¸ng t¹o, kh¶ n¨ng giao tiÕp vµ céng t¸c lµm viÖc.

CÇn ph©n biÖt r»ng viÖc sö dông c¸c trß hîp lµm vÝ dô minh ho¹ cho giê häc thuyÕt tr×nh kh«ng ph¶i lµ PP NCTH, mµ chØ lµ vÝ dô minh ho¹. PP NCTH cÇn bao gåm viÖc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò vµ gãp phÇn ph¸t triÓn t duy tÝch cùc - s¸ng t¹o.

Giíi h¹n cña PP NCTH

- PP NCTH ®SSi hái nhiÒu thêi gian, thÝch hîp cho viÖc vËn dông nhng kh«ng thÝch hîp víi viÖc truyÒn thô tri thøc míi mét c¸ch hÖ thèng.
- §SSi hái cao ®èi víi GV: NhiÖm vô truyÒn thô tri thøc cña GV lµ thø yÕu. Gi¸o viªn cÇn biÕt lµm viÖc víi t c¸ch lµ ngêi ®iÒu phèi vµ tæ chøc qu¸ tr×nh häc tËp.
- §SSi hái cao ®èi ngêi häc: H×nh thøc häc quen thuéc lµ lÜnh héi tri thøc ®îc s¾p xÕp s½n mét c¸ch hÖ thèng tõ gi¸o viªn kh«ng cßn thÝch hîp. Häc viÖc cÇn biÕt vËn dông tri thøc mét c¸ch tù lùc. Häc sinh thêng cã khã kh¨n trong viÖc tù lùc víi møc ®é cao.

4.3.5. C¸ch x©y dùng trß hîp vµ yªu cÇu ®èi víi trß hîp

C¸c trß hîp ®îc lùa chän tõ nh÷ng t×nh huèng thùc tiÔn, hoÆc nh÷ng t×nh huèng cã thÓ x¶y ra. Khi x©y dùng mét trß hîp cÇn bao gåm nh÷ng néi dung sau:

- PhÇn m« t¶ trß hîp: C¸c trß hîp cÇn ®îc m« t¶ râ rµng vµ cÇn thùc hiÖn c¸c chøc n¨ng lý luËn d¹y häc sau:
  - Trß hîp cÇn chøa ®ùng vÊn ®Ò vµ cã xung ®ét.
  - Trß hîp cÇn cã thÓ cã nhiÒu c¸ch gi¶i quyÕt.
  - Trß hîp cÇn t¹o ®iÒu kiÖn cho ngêi häc cã thÓ tr×nh bµy theo c¸ch nh×n cña m×nh.
  - Trß hîp cÇn võa søc, phï hîp víi ®iÒu kiÖn thêi gian vµ ngêi häc cã thÓ gi¶i quyÕt ®îc trªn c¬ së kiÕn thøc vµ kü n¨ng cña hä.
- PhÇn nhiÖm vô: X¸c ®Þnh nh÷ng nhiÖm vô häc sinh cÇn gi¶i quyÕt khi nghiªn cøu trß hîp. C¸c nhiÖm vô cÇn x¸c ®Þnh râ rµng, võa søc víi häc sinh vµ nh»m ®¹t môc tiªu cña bµi häc.

- PhÇn yªu cÇu vÒ kÕt qu¶: PhÇn nµy ®a ra nh÷ng yªu cÇu cÇn thùc hiÖn ®îc trong khi nghiªn cøu trêng hîp. ViÖc ®a ra nh÷ng yªu cÇu nh»m ®Þnh híng cho viÖc nghiªn cøu trêng hîp.

4.3.6 **VÝ dô vÒ PP NCTH**

a) Truêng hîp "NhËt ký §Æng Thuú Tr©m"

M« t¶ trêng hîp:

Ngày 22-6-1970, tại bệnh xá Đức phổ, Bác sỹ Đặng Thuỳ Trâm đã một mình chống lại 120 lính Mỹ để bảo vệ cho thương binh rút lui an toàn, chị đã hy sinh như một người anh hùng. Cuốn nhật ký của chị rơi vào tay đối phương. Frederic Whitehurst, một sỹ quan quân báo Mỹ định đốt cuốn nhật ký, thì phiên dịch Nguyễn Trung Hiếu ngăn lại:

„Đừng đốt cuốn sổ này. Bản thân trong nó ***đã có lửa rồi*** *!*"

Fredric đã không đốt cuốn nhật ký, và gìn giữ trong suốt 35 năm để đến năm 2005 cuốn nhật ký đã được trả lại cho mẹ Thuỳ Trâm và được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng. Cuốn nhật ký trở thành một hiện tượng văn học và xã hội được thế hệ trẻ đặc biệt quan tâm.

NhiÖm vô:

Hãy đọc một số đoạn của cuốn nhật ký Đặng Thuỳ Trâm hoặc trên trang Web: http://www.tuoitre.com.vn/ và thảo luận:

1) Đâu là chất lửa trong nhật ký Đặng Thuỳ Trâm?

- Đó là một lý tưởng trong sáng, lòng yêu nước và ý chí chiến đấu chống kẻ thù?
- Đó là một sức sống tràn trề, một tâm hồn đa cảm nhưng vô cùng trong sáng giữa một cuộc chiến vô cùng khốc liệt?
- Đó còn là những điều gì khác?

2) Chúng ta có sáng kiến về một chương trình hành động, một dự án „Tiếp lửa truyền thống - Mãi mãi tuổi 20" để ngọn lửa Thuỳ Trâm sáng mãi?

Yªu cÇu

Khi thảo luận về trường hợp này cÇn:

- Phân tích hình ảnh Thuỳ Trâm dưới những khía cạnh khác nhau như: lý tưởng, lòng yêu nước, trách nhiệm của người bác sỹ, tình đồng đội, tình yêu.
- Rút ra được những bài học cho cuộc sống hiện tại của thế hệ mình.
- Nghĩ đến những chương trình hành động để xứng đáng với sự hy sinh và khát vọng hoà bình của Thuỳ Trâm và thế hệ cha ông.

b) Trường hợp "Bài văn điểm 10" (dùng cho bồi dưỡng GV)

Mô tả trường hợp:

Trong kỳ thi tuyển sinh ĐH năm 2006, bài văn của Hoàng Thuỳ Nhi tại hội đồng thi ĐH Đà nẵng đạt điểm 10. Sau khi bài văn đạt điểm 10 duy nhất được công bố, xuất

hiện tình huống thật thật bất ngờ: bài văn điểm 10 này rất giống văn bài văn mẫu trong cuốn "Kiến thức cơ bản văn học 12". Có nhiều ý kiến trái ngược nhau về trường hợp này: một số giáo viên dạy văn ở bậc THPT cho rằng thí sinh này đã "đạo văn,,. Thầy giáo chấm thi Lương Vĩnh An thì cho rằng: "Nếu so với đáp án mà Bộ đưa ra thì điểm 10 cho bài viết là hoàn toàn xứng đáng!".

Nhiệm vụ:

- Với tư cách là giáo viên dạy văn/ cán bộ quản lý GD, ông/bà bình luận về trường hợp trên như thế nào?
- Với tư cách là giáo viên chấm thi, ông/bà xử lý thế nào khi thấy bài văn giống hệt bài văn mẫu?
- Thảo luận về cải tiến PPDH và PP đánh giá kết quả học tập liên quan đến việc sử dụng các bài văn mẫu.

Kết quả mong muốn: NC trường hợp này cần đề cập đến:

- Những nhược điểm của cách ra đề và chấm thi môn văn hiện nay, sự không phù hợp giữa kiểm tra đánh giá và PPDH mới.
- Những hạn chế của việc dạy văn trong việc sử dụng bài văn mẫu hiện nay.
- Đề xuất được những phương hướng đổi mới PPDH văn học và kiểm tra đánh giá học sinh liên quan đến PP sử dụng bài văn mẫu trên cơ sở các lý thuyết học tập.

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh u, nhîc ®iÓm cña ph¬ng ph¸p nghiªn cøu trêng hîp víi ph¬ng ph¸p thuyÕt tr×nh truyÒn thèng; So s¸nh sù gièng, kh¸c nhau gi÷a PPNC trêng hîp vµ d¹y häc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

2. ¤ng bµ h·y ph©n tÝch sù phï hîp vµ kh¶ n¨ng vËn dông thuyÕt kiÕn t¹o trong PP nghiªn cøu trêng hîp.

3. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông quan ®iÓm d¹y häc theo t×nh huèng vµ ph¬ng ph¸p nghiªn cøu trêng hîp trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch, t×m ra mét sè chñ ®Ò cã thÓ vËn dông d¹y häc theo t×nh huèng/ PP nghiªn cø trêng hîp.

4. H·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o mét t×nh huèng/ mét trêng hîp ®Ó cã thÓ sö dông d¹y häc theo t×nh huèng / PP nghiªn cøu trêng hîp trong m«n häc.

4.4. D¹y häc theo dù ¸n

Ngêi ta kh«ng thÓ tr¶ lêi chÝnh x¸c cho c©u hái: Ai vµ tõ bao giê ®· ®a kh¸i niÖm dù ¸n vµo trêng häc nh mét ph¬ng ph¸p d¹y häc (PPDH). Tuy nhiªn PPDH nµy ngµy nay ®îc ®Æc biÖt quan

t©m trªn ph¹m vi quèc tÕ. VËy b¶n chÊt cña PPDH nµy lµ g×? Kh¶ n¨ng vµ giíi h¹n cña nã nh thÕ nµo? V× sao nã l¹i dµnh ®îc sù quan t©m ®Æc biÖt nh vËy?

4.4.1. Kh¸i niÖm dù ¸n vµ d¹y häc theo dù ¸n

ThuËt ng÷ dù ¸n, tiÕng Anh lµ "Project", cã nguån gèc tõ tiÕng la tinh vµ ngµy nay ®îc hiÓu theo nghÜa phæ th«ng lµ mét ®Ò ¸n, mét dù th¶o hay mét kÕ ho¹ch, trong ®ã ®Ò ¸n, dù th¶o hay kÕ ho¹ch nµy cÇn ®îc thùc hiÖn nh»m ®¹t môc ®Ých ®Ò ra. Kh¸i niÖm dù ¸n ®îc sö dông phæ biÕn trong hÇu hÕt c¸c lÜnh vùc kinh tÕ-x· héi: trong s¶n xuÊt, doanh nghiÖp, trong nghiªn cøu khoa häc còng nh trong qu¶n lý x· héi...

Kh¸i niÖm dù ¸n ®· ®i tõ lÜnh vùc kinh tÕ, x· héi vµo lÜnh vùc gi¸o dôc, ®µo t¹o kh«ng chØ víi ý nghÜa lµ c¸c dù ¸n ph¸t triÓn gi¸o dôc mµ cßn ®îc sö dông nh mét ph¬ng ph¸p hay h×nh thøc d¹y häc. Kh¸i niÖm Project ®îc sö dông trong c¸c trêng d¹y kiÕn tróc-x©y dùng ë ý tõ thÕ kû 16. Tõ ®ã t tëng d¹y häc theo dù ¸n lan sang Pháp cũng như mét sè níc ch©u Çu kh¸c vµ Mü, trước hết là trong các trường đại học và chuyên nghiệp.

Đầu thế kỷ 20 c¸c nhµ s ph¹m Mü ®· x©y dựng cơ sở lý luận cho ph¬ng ph¸p dù ¸n (The Project Method) vµ coi ®ã lµ PPDH quan träng ®Ó thùc hiÖn quan ®iÓm d¹y học lấy học sinh làm trung t©m, nh»m kh¾c phôc nhîc ®iÓm cña d¹y häc truyÒn thèng coi thÇy gi¸o lµ trung t©m. Ban ®Çu, ph¬ng ph¸p dù ¸n (PPDA) ®îc sö dông trong d¹y häc thùc hµnh c¸c m«n häc kü thuËt, vÒ sau ®îc dïng trong hÇu hÕt c¸c m«n häc kh¸c, c¶ c¸c m«n khoa häc x· héi. Sau mét thêi gian phÇn nµo bÞ l·ng quªn, hiÖn nay PPDA ®îc sö dông phæ biÕn trong c¸c trêng phæ th«ng vµ ®¹i häc trªn thÕ giíi, ®Æc biÖt ë nh÷ng níc ph¸t triÓn.

ë ViÖt nam, c¸c ®Ò ¸n m«n häc, ®Ò ¸n tèt nghiÖp tõ l©u còng ®· ®îc sö dông trong ®µo t¹o ®¹i häc, c¸c h×nh thøc nµy gÇn gòi víi d¹y häc theo dù ¸n. Tuy vËy trong lÜnh vùc lý luËn d¹y häc, PPDH nµy cha ®îc quan t©m nghiªn cøu mét c¸ch thÝch ®¸ng, nªn viÖc sö dông cha ®¹t hiÖu qu¶ cao.

Cã nhiÒu quan niÖm vµ ®Þnh nghÜa kh¸c nhau vÒ d¹y häc theo dù ¸n. DHDA ®îc nhiÒu t¸c gi¶ coi lµ mét h×nh thøc d¹y häc v× khi thùc hiÖn mét dù ¸n, cã nhiÒu PPDH cô thÓ ®îc sö dông. Tuy nhiªn khi không phân biệt giữa hình thức và PPDH, người ta cũng gọi là PP dự án, khi ®ã cÇn hiểu ®ã lµ PPDH theo nghĩa rộng, một PPDH phức hợp.

> D¹y häc theo dù ¸n (DHDA) lµ mét h×nh thøc d¹y häc, trong ®ã ngêi häc thùc hiÖn mét nhiÖm vô häc tËp phøc hîp, cã sù kÕt hîp gi÷a lý thuyÕt vµ thùc tiÔn, thùc hµnh, cã t¹o ra c¸c s¶n phÈm cã thÓ giíi thiÖu. NhiÖm vô nµy ®îc ngêi häc thùc hiÖn víi tÝnh tù lùc cao trong toµn bé qu¸ tr×nh häc tËp, tõ viÖc x¸c ®Þnh môc ®Ých, lËp kÕ häach, ®Õn viÖc thùc hiÖn dù ¸n, kiÓm tra, ®iÒu chØnh, ®¸nh gi¸ qu¸ tr×nh vµ kÕt qu¶ thùc hiÖn.

4.4.2. §Æc ®iÓm cña DHDA

Trong c¸c tµi liÖu vÒ d¹y häc dù ¸n cã rÊt nhiÒu ®Æc ®iÓm ®-îc ®a ra. C¸c nhµ s ph¹m Mü ®Çu thÕ kû 20 khi x¸c lËp c¬ së lý thuyÕt cho PPDH nµy ®· nªu ra 3 ®Æc ®iÓm cèt lâi cña DHDA: ®Þnh híng häc sinh, ®Þnh híng thùc tiÔn vµ ®Þnh híng s¶n phÈm. Cã thÓ cô thÓ ho¸ c¸c ®Æc ®iÓm cña DHDA nh sau:

- §Þnh híng thùc tiÔn: Chñ ®Ò cña dù ¸n xuÊt ph¸t tõ nh÷ng t×nh huèng cña thùc tiÔn x· héi, thùc tiÔn nghÒ nghiÖp còng nh thùc tiÔn ®êi sèng. NhiÖm vô dù ¸n cÇn chøa ®ùng nh÷ng vÊn ®Ò phï hîp víi tr×nh ®é vµ kh¶ n¨ng cña ngêi häc.
- Cã ý nghÜa thùc tiÔn x· héi: C¸c dù ¸n häc tËp gãp phÇn g¾n viÖc häc tËp trong nhµ trêng víi thùc tiÔn ®êi sèng, x· héi. Trong nh÷ng trêng hîp lý tëng, viÖc thùc hiÖn c¸c dù ¸n cã thÓ mang l¹i nh÷ng t¸c ®éng x· héi tÝch cùc.
- §Þnh híng høng thó ngêi häc: Häc sinh ®îc tham gia chän ®Ò tµi, néi dung häc tËp phï hîp víi kh¶ n¨ng vµ høng thó c¸ nh©n. Ngoµi ra, høng thó cña ngêi häc cÇn ®îc tiÕp tôc ph¸t triÓn trong qu¸ tr×nh thùc hiÖn dù ¸n
- TÝnh phøc hîp: Néi dung dù ¸n cã sù kÕt hîp tri thøc cña nhiÒu lÜnh vùc hoÆc m«n häc kh¸c nhau nh»m gi¶i quyÕt mét vÊn ®Ò mang tÝnh phøc hîp.
- §Þnh híng hµnh ®éng: Trong qu¸ tr×nh thùc hiÖn dù ¸n cã sù kÕt hîp gi÷a nghi©n cøu lý thuyÕt vµ vËn dung lý thuyÕt vµo trong ho¹t ®éng thùc tiÔn, thùc hµnh. Th«ng qua ®ã, kiÓm tra, cñng cè, më réng hiÓu biÕt lý thuyÕt còng nh rÌn luyÖn kü n¨ng hµnh ®éng, kinh nghiÖm thùc tiÔn cña ngêi häc.
- TÝnh tù lùc cao cña ngêi häc : Trong DHDA, ngêi häc cÇn tham gia tÝch cùc vµ tù lùc vµo c¸c giai ®o¹n cña qu¸ tr×nh d¹y häc. §iÒu ®ã còng ®ßi hái vµ khuyÕn khÝch tÝnh tr¸ch nhiÖm, sù s¸ng t¹o cña ngêi häc. Gi¸o viªn chñ yÕu ®ãng vai trß t vÊn, híng dÉn, gióp ®ì. Tuy nhiªn møc ®é tù lùc cÇn phï hîp víi kinh nghiÖm, kh¶ n¨ng cña häc sinh vµ møc ®é khã kh¨n cña nhiÖm vô.
- Céng t¸c lµm viÖc: C¸c dù ¸n häc tËp thêng ®îc thùc hiÖn theo nhãm, trong ®ã cã sù céng t¸c lµm viÖc vµ sù ph©n c«ng c«ng viÖc gi÷a c¸c thµnh viªn trong nhãm. DHDA ®ßi hái vµ rÌn luyÖn tÝnh s½n sµng vµ kü n¨ng céng t¸c lµm viÖc gi÷a c¸c thµnh viªn tham gia, gi÷a häc sinh vµ gi¸o viªn còng nh víi c¸c lùc lîng x· héi kh¸c tham gia trong dù ¸n. §Æc ®iÓm nµy cßn ®îc gäi lµ häc tËp mang tÝnh x· héi.
- §Þnh híng s¶n phÈm: Trong qu¸ tr×nh thùc hiÖn dù ¸n, c¸c s¶n phÈm ®îc t¹o ra. S¶n phÈm cña dù ¸n kh«ng giíi h¹n trong nh÷ng thu ho¹ch lý thuyÕt, mµ trong ®a sè trêng hîp c¸c dù ¸n häc tËp t¹o ra nh÷ng s¶n phÈm vËt chÊt cña ho¹t

®éng thùc tiÔn, thùc hµnh. Nh÷ng s¶n phÈm nµy cã thÓ sö dông, c«ng bè, giíi thiÖu.

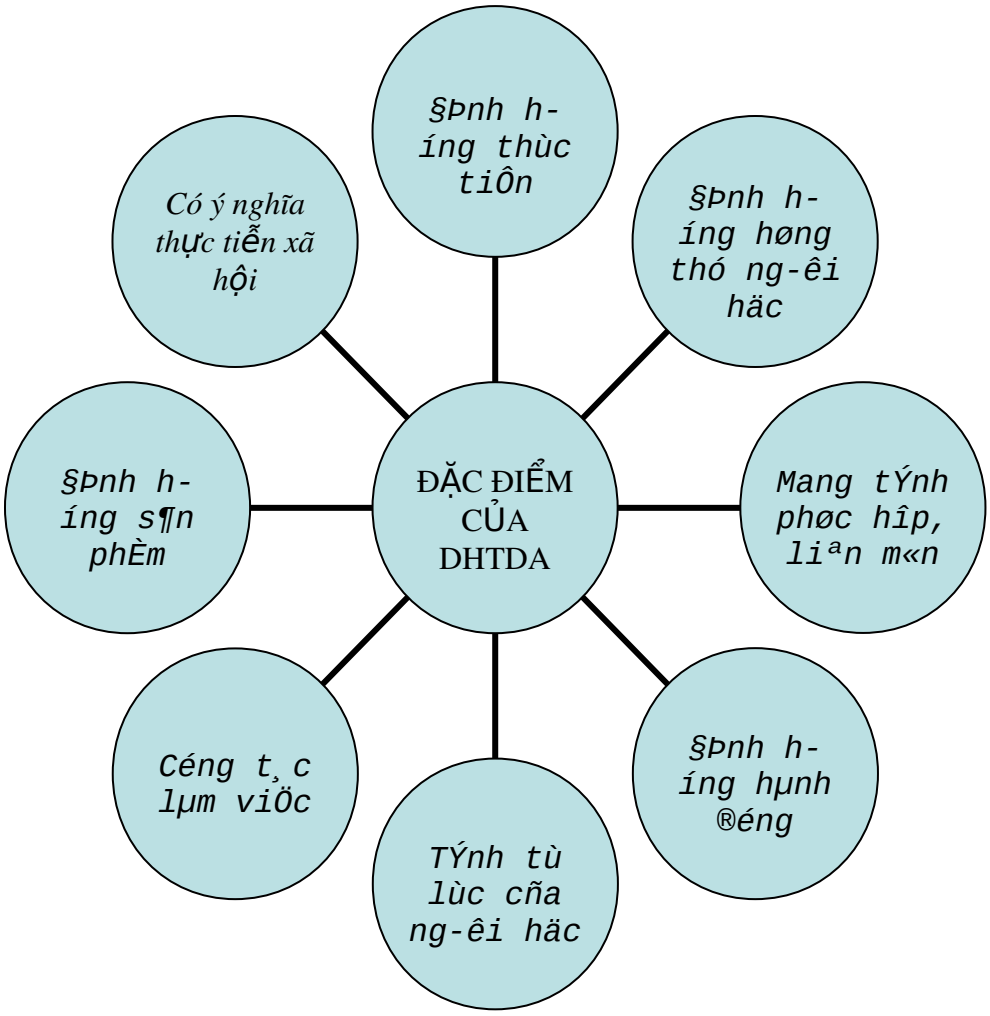

4.4.3 TiÕn tr×nh thùc hiÖn DHDA

Dùa trªn cÊu tróc chung cña mét dù ¸n trong lÜnh vùc s¶n xuÊt, kinh tÕ nhiÒu t¸c gi¶ ph©n chia cÊu tróc cña d¹y häc theo dù ¸n qua 4 giai ®o¹n sau: QuyÕt ®Þnh, lËp kÕ ho¹ch, thùc hiÖn, kÕt thóc dù ¸n. Dùa trªn cÊu tróc cña tiÕn tr×nh ph¬ng ph¸p, ngêi ta cã thÓ chia cÊu tróc cña DHDA lµm nhiÒu giai ®o¹n nhá h¬n. Sau ®©y tr×nh bµy mét c¸ch ph©n chia c¸c giai ®o¹n cña d¹y hoc theo dù ¸n theo 5 giai ®o¹n.

- Chän ®Ò tµi vµ x¸c ®Þnh môc ®Ých cña dù ¸n: Gi¸o viªn vµ häc viªn cïng nhau ®Ò xuÊt, x¸c ®Þnh ®Ò tµi vµ môc ®Ých cña dù ¸n. CÇn t¹o ra mét t×nh huèng xuÊt ph¸t, chøa ®ùng mét vÊn ®Ò, hoÆc ®Æt mét nhiÖm vô cÇn gi¶i quyÕt, trong ®ã chó ý ®Õn viÖc liªn hÖ víi hoµn c¶nh thùc tiÔn x· héi vµ ®êi sèng. CÇn chó ý ®Õn høng thó cña ngêi häc còng nh ý nghÜa x· héi cña ®Ò tµi. Gi¸o viªn cã thÓ giíi thiÖu mét sè híng ®Ò tµi ®Ó häc viªn lùa chän vµ cô thÓ ho¸. Trong trêng hîp thÝch hîp, s¸ng kiÕn vÒ viÖc x¸c ®Þnh ®Ò tµi cã thÓ xuÊt ph¸t tõ phÝa häc sinh. Giai ®o¹n nµy cßn

®îc m« t¶ thµnh hai giai ®o¹n lµ ®Ò xuÊt ý tëng dù ¸n vµ th¶o luËn ý tëng dù ¸n.

- X©y dùng kÕ ho¹ch thùc hiÖn: Trong giai ®o¹n nµy häc sinh víi sù híng dÉn cña gi¸o viªn x©y dùng ®Ò c¬ng còng nh kÕ ho¹ch cho viÖc thùc hiÖn dù ¸n. Trong viÖc x©y dùng kÕ ho¹ch cÇn x¸c ®Þnh nh÷ng c«ng viÖc cÇn lµm, thêi gian dù kiÕn, vËt liÖu, kinh phÝ, ph¬ng ph¸p tiÕn hµnh vµ ph©n c«ng c«ng viÖc trong nhãm.
- Thùc hiÖn dù ¸n: C¸c thµnh viªn thùc hiÖn c«ng viÖc theo kÕ ho¹ch ®· ®Ò ra cho nhãm vµ c¸ nh©n. Trong giai ®o¹n nµy häc sinh thùc hiÖn c¸c ho¹t ®éng trÝ tuÖ vµ ho¹t ®éng thùc tiÔn, thùc hµnh, nh÷ng ho¹t ®éng nµy xen kÏ vµ t¸c ®éng qua l¹i lÉn nhau. KiÕn thøc lý thuyÕt, c¸c ph¬ng ¸n gi¶i quyÕt vÊn ®Ò ®îc thö nghiÖm qua thùc tiÔn. Trong qu¸ tr×nh ®ã s¶n phÈm cña dù ¸n vµ th«ng tin míi ®îc t¹o ra.
- Thu thËp kÕt qu¶ vµ c«ng bè s¶n phÈm: KÕt qu¶ thùc hiÖn dù ¸n cã thÓ ®îc viÕt díi d¹ng thu ho¹ch, b¸o c¸o, luËn v¨n... Trong nhiÒu dù ¸n c¸c s¶n phÈm vËt chÊt ®îc t¹o ra qua ho¹t ®éng thùc hµnh. S¶n phÈm cña dù ¸n còng cã thÓ lµ nh÷ng hµnh ®éng phi vËt chÊt, ch¼ng h¹n viÖc biÓu diÔn 1 vë kÞch, viÖc tæ chøc mét sinh ho¹t nh»m t¹o ra c¸c t¸c ®éng x· héi. S¶n phÈm cña dù ¸n cã thÓ ®îc tr×nh bµy gi÷a c¸c nhãm sinh viªn, cã thÓ ®îc giíi thiÖu trong nhµ tr-êng, hay ngoµi x· héi.
- §¸nh gi¸ dù ¸n: Gi¸o viªn vµ häc sinh ®¸nh gi¸ qu¸ tr×nh thùc hiÖn vµ kÕt qu¶ còng nh kinh nghiÖm ®¹t ®îc. Tõ ®ã rót ra nh÷ng kinh nghiÖm cho viÖc thùc hiÖn c¸c dù ¸n tiÕp theo. KÕt qu¶ cña dù ¸n còng cã thÓ ®uîc ®¸nh gi¸ tõ bªn ngoµi.

Hai giai ®o¹n cuèi nµy còng cã thÓ ®îc m« t¶ chung thµnh giai ®o¹n kÕt thóc dù ¸n.

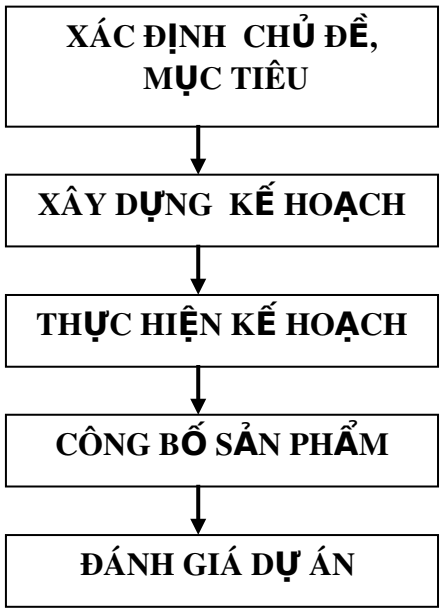

ViÖc ph©n chia c¸c giai ®o¹n trªn ®©y chØ mang tÝnh chÊt t¬ng ®èi. Trong thùc tÕ chóng cã thÓ xen kÏ vµ th©m nhËp lÉn nhau. ViÖc tù kiÓm tra, ®iÒu chØnh cÇn ®îc thùc hiÖn trong tÊt c¶ c¸c giai ®o¹n cña dù ¸n. Víi nh÷ng d¹ng dù ¸n kh¸c nhau cã thÓ x©y dùng cÊu tróc chi tiÕt riªng phï hîp víi nhiÖm vô dù ¸n.

4.4.4. Ph©n lo¹i DHDA

DHDA cã thÓ ®îc ph©n lo¹i theo nhiÒu ph¬ng diÖn kh¸c nhau. Sau ®©y lµ mét sè c¸ch ph©n lo¹i d¹y häc theo dù ¸n:

a. Ph©n lo¹i theo chuyªn m«n

- Dù ¸n trong mét m«n häc: Träng t©m néi dung n»m trong mét m«n häc.
- Dù ¸n liªn m«n: Träng t©m néi dung n»m ë nhiÒu m«n kh¸c nhau.
- Dù ¸n ngoµi chuyªn m«n: Lµ c¸c dù ¸n kh«ng phô thuéc trùc tiÕp vµo c¸c m«n häc, vÝ dô dù ¸n chuÈn bÞ cho c¸c lÔ héi trong trêng.

b. Ph©n lo¹i theo sù tham gia cña ngêi häc: Dù ¸n cho nhãm häc sinh, dù ¸n c¸ nh©n. Dù ¸n dµnh cho nhãm häc sinh lµ h×nh thøc dù ¸n d¹y häc chñ yÕu. Trong trêng phæ th«ng cßn cã dù ¸n toµn trêng, dù ¸n dµnh cho mét khèi líp, dù ¸n cho mét líp häc.

c. Ph©n lo¹i theo sù tham gia cña gi¸o viªn: Dù ¸n díi sù h-íng dÉn cña mét gi¸o viªn, dù ¸n víi sù céng t¸c híng dÉn cña nhiÒu gi¸o viªn.

d. Ph©n lo¹i theo quü thêi gian: K.Frey ®Ò nghÞ c¸ch ph©n chia nh sau:

- Dù ¸n nhá: Thùc hiÖn trong mét sè giê häc, cã thÓ tõ 2-6 giê häc.
- Dù ¸n trung b×nh: Dù ¸n trong mét hoÆc mét sè ngµy (“Ngµy dù ¸n”), nhng giíi h¹n lµ mét tuÇn hoÆc 40 giê häc.
- Dù ¸n lín: Dù ¸n thùc hiÖn víi quü thêi gian lín, tèi thiÓu lµ mét tuÇn (hay 40 giê häc), cã thÓ kÐo dµi nhiÒu tuÇn (“TuÇn dù ¸n”).

C¸ch ph©n chia theo thêi gian nµy thêng ¸p dông ë trêng phæ th«ng. Trong ®µo t¹o ®¹i häc, cã thÓ quy ®Þnh quü thêi gian lín h¬n.

e. Ph©n lo¹i theo nhiÖm vô

- Dùa theo nhiÖm vô träng t©m cña dù ¸n, H.J.Apel vµ M.Knoll kh¸i qu¸t c¸c dù ¸n theo 3 d¹ng sau:
- Dù ¸n t×m hiÓu: Lµ dù ¸n kh¶o s¸t thùc tr¹ng ®èi tîng.
- Dù ¸n nghiªn cøu: Nh»m gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò, gi¶i thÝch c¸c hiÖn tîng, qu¸ tr×nh.
- Dù ¸n kiÕn t¹o: Träng t©m lµ viÖc t¹o ra c¸c s¶n phÈm vËt chÊt hoÆc thùc hiÖn mét kÕ ho¹ch hµnh ®éng thùc tiÔn,

nh»m thùc hiÖn nh÷ng nhiÖm vô nh trang trÝ, trng bµy, biÓu diÔn, s¸ng t¸c.

C¸c lo¹i dù ¸n trªn kh«ng hoµn toµn t¸ch biÖt víi nhau. Dù ¸n cã tÝnh tæng hîp lµ dù ¸n kÕt hîp nhiÒu ho¹t ®éng kh¸c nhau. Trong tõng lÜnh vùc chuyªn m«n cã thÓ ph©n lo¹i c¸c d¹ng dù ¸n theo ®Æc thï riªng.

4.4.5. ¦u ®iÓm vµ giíi h¹n cña DHDA

C¸c ®Æc ®iÓm cña DHDA ®· thÓ hiÖn nh÷ng u ®iÓm cña ph¬ng ph¸p d¹y häc nµy. Cã thÓ tãm t¾t nh÷ng u ®iÓm c¬ b¶n sau ®©y cña d¹y häc theo dù ¸n:

- G¾n lý thuyÕt víi thùc hµnh, t duy vµ hµnh ®éng, nhµ trêng vµ x· héi.
- KÝch thÝch ®éng c¬, høng thó häc tËp cña ngêi häc.
- Ph¸t huy tÝnh tù lùc, tÝnh tr¸ch nhiÖm.
- Ph¸t triÓn kh¶ n¨ng s¸ng t¹o.
- RÌn luyÖn n¨ng lùc gi¶i quyÕt nh÷ng vÊn ®Ò phøc hîp.
- RÌn luyÖn tÝnh bÒn bØ, kiªn nhÉn.
- RÌn luyÖn n¨ng lùc céng t¸c lµm viÖc.
- Ph¸t triÓn n¨ng lùc ®¸nh gi¸.

Víi nh÷ng u ®iÓm trªn ®©y, DHDA gãp phÇn kh¾c phôc nh÷ng nhîc ®iÓm cña mét sè PPDH truyÒn thèng kh¸c. Tuy nhiªn DHDA cã nh÷ng giíi h¹n vµ ®iÒu kiÖn riªng. DHDA ®ßi hái nhiÒu thêi gian, nã kh«ng thÓ thay thÕ d¹y häc thuyÕt tr×nh trong viÖc truyÒn thô nh÷ng tri thøc lý thuyÕt hÖ thèng. Ngoµi ra ho¹t ®éng thùc hµnh, thùc tiÔn trong viÖc thùc hiÖn c¸c dù ¸n d¹y häc ®ßi hái ph¬ng tiÖn vËt chÊt vµ tµi chÝnh phï hîp. DHDA lµ sù bæ sung quan träng vµ cÇn thiÕt cho nh÷ng ph¬ng PPDH kh¸c.

> Tãm l¹i DHDA lµ mét h×nh thøc d¹y häc quan träng ®Ó thùc hiÖn quan ®iÓm d¹y häc ®Þnh híng vµo ngêi häc, quan ®iÓm d¹y häc ®Þnh híng ho¹t ®éng vµ quan ®iÓm d¹y häc tÝch hîp. DHDA gãp phÇn g¾n lý thuyÕt víi thùc hµnh, t duy vµ hµnh ®éng, nhµ trêng vµ x· héi, tham gia tÝch cùc vµ viÖc ®µo t¹o n¨ng lùc lµm viÖc tù lùc, n¨ng lùc s¸ng t¹o, n¨ng lùc gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò phøc hîp, tinh thÇn tr¸ch nhiÖm vµ kh¶ n¨ng céng t¸c lµm viÖc cña ngêi häc.

4.4.6 Mét sè vÝ dô vÒ DHDA

VÝ dô 1 : Dù ¸n "Trång hoa trong vên trêng"

Sö dông vên trêng lµ mét m« h×nh phæ biÕn trong gi¸o dôc trªn thÕ giíi. ë ViÖt nam, hiÖn nay nhiÒu trêng ®· cã vên trêng. §©y lµ ®iÒu kiÖn thuËn lîi ®Ó thùc hiÖn c¸c dù ¸n d¹y häc trong c¸c m«n sinh vËt, kü thuËt n«ng nghiÖp, híng nghiÖp.

Sau ®©y lµ gîi ý vÒ viÖc sö dông vên trêng ®Ó thùc hiÖn DHDA qua vÝ dô dù ¸n *“Trång hoa trong vên trêng”:*

Cïng víi sù ph¸t triÓn cña kinh tÕ - x· héi, nhu cÇu dïng hoa t¬i ngµy cµng t¨ng, do ®ã nghÒ trồng hoa còng ®ang ®îc ph¸t triÓn. ViÖc trang bÞ cho mét bé phËn häc sinh nh÷ng kiÕn thøc vµ kü n¨ng c¬ b¶n vÒ nghÒ hoa theo høng thó cña c¸c em gãp phÇn vµo viÖc chuÈn bÞ cho häc sinh vµo cuéc sèng vµ nghÒ nghiÖp. Dù ¸n ®îc thùc hiÖn r¶i theo häc kú, mçi buæi thùc hµnh tõ 2 - 3 tiÕt. Cã thÓ tæ chøc nh sau:

• X¸c ®Þnh chñ ®Ò, nhiÖm vô dù ¸n: Gi¸o viªn giíi thiÖu chñ ®Ò cña dù ¸n. GV vµ HS th¶o luËn vÒ môc tiªu, nhiÖm vô, néi dung cña dù ¸n. Häc sinh cÇn n¾m ®îc lý thuyÕt vµ nh÷ng kü n¨ng c¬ b¶n cña nghÒ trồng hoa, còng nh hiÓu ®îc ý nghÜa, ®Æc ®iÓm, vÞ trÝ cña nghÒ trồng hoa trong c¬ cÊu kinh tÕ ®Þa ph¬ng. S¶n phÈm cô thÓ cña DA cÇn ®¹t ®îc lµ hoa do häc sinh trồng vµ thu ho¹ch.

• LËp kÕ ho¹ch: CÇn th¶o luËn vÒ viÖc chän nh÷ng lo¹i hoa nµo ®Ó trồng trong vên. Cã thÓ chän mét sè lo¹i hoa kh¸c nhau theo ®Ò xuÊt cña häc sinh. Gi¸o viªn t vÊn ®Ó gióp häc sinh chän nh÷ng lo¹i hoa phï hîp víi ®iÒu kiÖn cô thÓ, chó ý nh÷ng lo¹i hoa cã triÓn väng ph¸t triÓn ë ®Þa ph¬ng. Häc sinh ®îc ph©n thµnh c¸c nhãm phô tr¸ch trồng c¸c lo¹i hoa theo høng thó chung cña nhãm. Gi¸o viªn vµ häc sinh lËp kÕ ho¹ch chung cho dù ¸n, vµ kÕ ho¹ch ho¹t ®éng cña c¸c nhãm. KÕ ho¹ch lµm viÖc cña c¸c nhãm ®îc chi tiÕt ho¸ vµ thùc hiÖn trong tõng giai ®o¹n cô thÓ.

• Thùc hiÖn: Thùc hiÖn dù ¸n theo kÕ ho¹ch. Trong viÖc nghiªn cøu lý thuyÕt, cÇn khai th¸c nh÷ng hiÓu biÕt ®· cã cña häc sinh vµ khuyÕn khÝch häc sinh tù t×m hiÓu th«ng qua s¸ch vë, kinh nghiÖm trong gia ®×nh, trong nh©n d©n. Cã thÓ giao nhiÖm vô cho c¸c nhãm tù t×m hiÓu mét sè chñ ®Ò lý thuyÕt, b¸o c¸o vµ th¶o luËn. Gi¸o viªn hÖ thèng ho¸ vµ bæ sung lý thuyÕt qua c¸c bµi lªn líp còng nh híng dÉn c¸c thao t¸c mÉu trong c¸c buæi thùc hµnh. ViÖc thùc hµnh ®îc thùc hiÖn theo c¸c nhãm, trong ®ã cã giao nhiÖm vô c¸ nh©n. Cã thÓ kÕt hîp víi c¸c h×nh thøc ho¹t ®éng kh¸c nh tham quan c¸c c¬ së trồng hoa, trao ®æi víi c¸c chuyªn gia trồng hoa, t×m hiÓu t×nh h×nh, xu híng ph¸t triÓn cña nghÒ hoa ë ®Þa ph¬ng. CÇn vËn dông nh÷ng kiÕn thøc khoa häc, kü thuËt, nh÷ng kinh nghiÖm tiªn tiÕn trong nghÒ trồng hoa, liªn hÖ, vËn dông nh÷ng kiÕn thøc sinh vËt häc, chó ý ®Õn mèi quan hÖ cña nghÒ trồng hoa víi m«i trêng sinh th¸i.

• Tr×nh bµy, giíi thiÖu s¶n phÈm: Häc sinh thu ho¹ch hoa, giíi thiÖu s¶n phÈm trong trêng, ë gia ®×nh, cã thÓ tËp bã hoa, mang b¸n ë thÞ trêng, lµm quen víi h¹ch to¸n kinh doanh trong nghÒ trồng hoa. C¸c nhãm viÕt b¸o c¸o thu ho¹ch, kinh nghiÖm cña nhãm, cã thÓ c«ng bè trªn b¸o têng cña trêng hay b¸o ®Þa ph¬ng, kÌm theo ¶nh chôp minh ho¹.

• §¸nh gi¸: Gi¸o viªn vµ häc sinh ®¸nh gi¸ qu¸ tr×nh vµ kinh nghiÖm thùc hiÖn dù ¸n, trao ®æi kinh nghiÖm gi÷a c¸c nhãm, rót ra nh÷ng kinh nghiÖm chung, nh÷ng ®Ò xuÊt c¶i tiÕn. ViÖc ®¸nh gi¸ kÕt qu¶ häc tËp cÇn dùa trªn viÖc n¾m v÷ng lý thuyÕt, kü n¨ng thùc hµnh, tÝnh tÝch cùc trong qu¸ tr×nh thùc hiÖn dù ¸n vµ s¶n phÈm cuèi cïng.

VÝ dô 2: Dù ¸n "Ho¸ chÊt - øng dông trong ®êi sèng vµ mèi ®e do¹"

Ho¸ häc ngµy cµng cã vai trß quan träng trong s¶n xuÊt vµ ®êi sèng. Ngµy nay hÇu nh mäi lÜnh vùc s¶n xuÊt vµ ®êi sèng ®Òu cã sö dông s¶n phÈm ho¸ häc. Tuy nhiªn, l¹m dông s¶n phÈm ho¸ häc còng g©y t¸c h¹i cho con ngêi vµ m«i trêng. V× vËy viÖc sö dông s¶n phÈm ho¸ häc cÇn trªn c¬ së hiÓu biÕt vµ liªn quan víi vÊn ®Ò t¸c nhiÔm vµ ®¹o ®øc. Dù ¸n nµy nh»m lµm cho häc sinh hiÓu vÒ øng dông to lín cña ho¸ häc trong ®êi sèng, s¶n xuÊt, ®ång thêi còng thÊy ®îc nh÷ng t¸c h¹i cã thÓ do ho¸ chÊt g©y ra, tõ ®ã h×nh thµnh ë häc sinh th¸i ®é phª ph¸n, ý thøc t¸ch nhiÔm, tiªu chuÈn ®¹o ®øc ®èi víi viÖc sö dông thµnh tùu khoa häc vµ kü thuËt.

Dù ¸n ®îc thùc hiÖn trong m«n ho¸ häc, cã thÓ kÕt hîp víi c¸c m«n kh¸c nh kinh tÕ gia ®×nh. Sau khi thèng nhÊt vÒ chñ ®Ò, c¸c nhãm häc sinh cã thÓ tù chän mét sè néi dung cô thÓ: Ho¸ chÊt dïng trong b¶o qu¶n vµ chÕ biÕn thùc phÈm; s¶n phÈm ho¸ häc trong tiªu dïng: nh bét giÆt, c¸c lo¹i kem phÊn, trang søc v.v. Trong ®ã cÇn t×m hiÓu thµnh phÇn, ®Æc tÝnh ho¸ häc, øng dông vµ c¶ nh÷ng ¶nh hëng cã h¹i cña chóng nÕu bÞ l¹m dông. Cã nhiÒu h×nh thøc lµm viÖc: su tÇm vµ lµm viÖc víi tµi liÖu, pháng vÊn, ®iÒu tra, tham quan. CÇn liªn hÖ víi thùc tiÔn: t¸c h¹i cña viÖc l¹m dông ho¸ chÊt trong viÖc b¶o qu¶n thùc phÈm, vÝ dô viÖc sö dông qu¸ liÒu lîng ho¸ chÊt trong viÖc b¶o qu¶n b¸nh phë, hoa qu¶, s¶n phÈm son phÊn gi¶, thuèc gi¶ v.v.

Dù ¸n nµy cã thÓ ®Ò cËp ®Õn mét vÊn ®Ò nhøc nhèi x· héi ViÖt nam tõ mÊy chôc n¨m qua lµ hËu qu¶ cña chÊt ®éc da cam. Trong chiÕn tranh ViÖt nam, Mü ®· r¶i mét lîng lín chÊt diÖt cá cã chøa chÊt ®éc da cam xuèng ViÖt nam. §Õn nay, nhiÒu ngêi ViÖt nam ®Æc biÖt lµ trÎ em vÉn ®ang chÞu hËu qu¶ cña chÊt ®éc nµy. T×m hiÓu chñ ®Ò nµy kh«ng nh»m kh¬i sù thï hËn, mµ nh»m lµm cho häc sinh thÊy râ h¬n sù nguy hiÓm cña ho¸ chÊt nÕu bÞ l¹m dông, h×nh thµnh quan niÖm ®¹o ®øc khoa häc. §ång thêi häc sinh cã c¬ héi thùc hiÖn nh÷ng hµnh ®éng x· héi thiÕt thùc gióp ®ì nh÷ng n¹n nh©n. Víi chñ ®Ò nµy, theo tõng nhãm, häc sinh cã thÓ t×m hiÓu vÒ nh÷ng néi dung kh¸c nhau nh: ®Æc ®iÓm ho¸ häc cña chÊt ®éc da cam, t¸c h¹i cña nã ®èi víi thiªn nhiªn vµ con ngêi, hËu qu¶ hiÖn nay ë ViÖt nam, nh÷ng s¸ng kiÕn gióp ®ì n¹n nh©n. Häc sinh cã thÓ thùc hiÖn c¸c ho¹t ®éng nh: th¨m mét sè gia ®×nh hoÆc c¬ s¬ ch¨m sãc trÎ em bÞ nhiÔm chÊt ®éc da cam. §ång thêi thùc hiÖn mét sè ho¹t ®éng gióp ®ì hoÆc thùc hiÖn mét kÕ ho¹ch vËn ®éng nh»m gióp ®ì mét sè trêng hîp cô thÓ.

VÝ dô 3: Dù ¸n „T©y nguyªn - Thiªn nhiªn vµ con ngêi“

§©y lµ mét chñ ®Ò dù ¸n liªn m«n, cã sù tham gia cña nhiÒu m«n häc kh¸c nhau. Dù ¸n cã thÓ sö dông cho häc sinh c¸c trêng khu vùc gÇn T©y nguyªn. (§èi víi c¸c ®Þa ph¬ng kh¸c cã thÓ thùc hiÖn dù ¸n t¬ng tù nh: *T×m hiÓu quª h¬ng*) C¸c ®Æc ®iÓm cña dù ¸n ®îc thÓ hiÖn nh sau:

- *§Þnh híng thùc tiÔn:* ViÖt nam lµ mét ®Êt níc cã nhiÒu d©n téc chung sèng trªn nh÷ng ®Þa h×nh l·nh thæ kh¸c nhau. Sù hiÓu biÕt lÉn nhau vµ sù ®oµn kÕt gi÷a c¸c d©n téc lµ yÕu tè quan träng ®Ó x©y dùng ®Êt níc. T©y nguyªn lµ mét trong nh÷ng vïng l·nh thæ cã nhiÒu d©n téc chung sèng.
- *Cã ý nghÜa thùc tiªn - x· héi:* Dù ¸n nµy nh»m gi¸o dôc häc sinh ý thøc t¨ng cêng sù hiÓu biÕt gi÷a c¸c d©n téc. Trong dù ¸n, häc sinh cã thÓ thùc hiÖn nh÷ng ch¬ng tr×nh hµnh ®éng cã t¸c ®éng x· héi tÝch cùc.
- *§Þnh híng høng thó häc sinh:* Néi dung cô thÓ cña dù ¸n do häc sinh ®Ò xuÊt vµ lùa chän víi sù t vÊn cña gi¸o viªn. Theo høng thó kh¸c nhau cña häc sinh cã thÓ thµnh lËp c¸c nhãm, vÝ dô: nhãm t×m hiÓu ®Þa lý, nhãm lÞch sö, nhãm v¨n häc- v¨n ho¸ T©y nguyªn, nhãm v¨n ho¸ Èm thùc vµ v¨n ho¸ trang phôc, nhãm kinh tÕ-x· héi…
- TÝnh tù lùc cña häc sinh: Häc sinh tù lùc trong viÖc lËp kÕ ho¹ch, thùc hiÖn c¸c nhiÖm vô cña dù ¸n.
- *§Þnh híng hµnh ®éng:* Häc sinh kh«ng chØ t×m hiÓu T©y nguyªn qua s¸ch vë mµ cßn th«ng qua ho¹t ®éng thùc tiÔn còng nh thùc hiÖn c¸c ch¬ng tr×nh hµnh ®éng: tæ chøc tham quan, t×m hiÓu thùc tiÔn t¹i mét ®Þa ph¬ng cô thÓ, th¨m vµ x©y dùng quan hÖ kÕt nghÜa víi mét trêng häc T©y nguyªn. Häc sinh cã thÓ thùc hµnh may trang phôc, tËp nÊu mãn ¨n T©y nguyªn, lµm m« h×nh Nhµ R«ng, mét biÓu tîng v¨n ho¸ T©y nguyªn, tËp c¸c ®iÖu vò, bµi h¸t T©y nguyªn, v.v.
- *§Þnh híng s¶n phÈm:* S¶n phÈm cña dù ¸n cã thÓ rÊt phong phó theo c¸c nhãm lµm viÖc. Cã thÓ tæ chøc mét „Ngµy héi v¨n ho¸ T©y nguyªn“, trong ®ã c¸c nhãm tr×nh diÔn s¶n phÈm cña m×nh: Giíi thiÖu v¨n häc, lÞch sö, ®Þa lý, v¨n ho¸ T©y nguyªn, phim Video vÒ ®Ò tµi T©y nguyªn, biÓu diÔn mét ®iÖu vò, ©m nh¹c, giíi thiÖu trang phôc, mãn ¨n ®Æc trng T©y nguyªn, b¸o c¸o vÒ t×nh h×nh kinh tÕ - x· héi, gi¸o dôc T©y nguyªn (mét ®Þa ph¬ng cô thÓ, mét trêng cô thÓ), vµ nh÷ng ®Ò xuÊt gãp phÇn ph¸t triÓn T©y nguyªn.
- *TÝnh phøc hîp:* T×m hiÓu vÒ T©y nguyªn lµ mét chñ ®Ò phøc hîp, cã nhiÒu lÜnh vùc kh¸c nhau nh tù nhiªn, d©n c, phong tôc, ®Æc ®iÓm v¨n ho¸ Èm thùc vµ v¨n ho¸ trang phôc, lÞch sö vµ truyÒn thèng yªu níc cña ®ång bµo c¸c d©n téc T©y nguyªn, t×nh h×nh ph¸t triÓn vµ nh÷ng vÊn ®Ò kinh tÕ-x· héi... V× vËy khi thùc hiÖn dù ¸n nµy cã thÓ

kÕt hîp nhiÒu m«n häc kh¸c nhau: ®Þa lý, lÞch sö, v¨n häc, kinh tÕ gia ®×nh.

- *Céng t¸c lµm viÖc:* Häc sinh lµm viÖc theo c¸c nhãm víi nh÷ng chñ ®Ò lùa chän. Ngoµi ra cÇn liªn hÖ víi c¸c c¬ quan hoÆc c¸c trêng häc t¹i T©y nguyªn ®Ó céng t¸c, gióp ®ì häc sinh trong viÖc thùc hiÖn dù ¸n, t¹o mèi giao tiÕp trùc tiÕp gi÷a häc sinh trong nhãm dù ¸n víi ®ång bµo vµ c¸c häc sinh T©y nguyªn.

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh u, nhîc ®iÓm cña d¹y häc theo dù ¸n víi ph¬ng ph¸p thuyÕt tr×nh; So s¸nh sù gièng, kh¸c nhau gi÷a d¹y häc theo dù ¸n vµ d¹y häc GQVS còng nh PP nghiªn cøu tr-êng hîp.

2. ¤ng/Bµ h·y ph©n tÝch sù phï hîp vµ kh¶ n¨ng vËn dông thuyÕt kiÕn t¹o trong d¹y häc theo dù ¸n.

3. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông d¹y häc theo dù ¸n trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch, t×m ra mét sè chñ ®Ò cã thÓ vËn dông d¹y häc theo dù ¸n.

4. H·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o kÕ ho¹ch d¹y häc cho mét bµi d¹y häc theo dù ¸n trong m«n häc.

4.5. WebQuest - Kh¸m ph¸ trªn m¹ng

4.5.1. Kh¸i niÖm WebQuest

Cïng víi viÖc ra ®êi vµ phæ biÕn cña Internet, ngµy nay viÖc thu thËp vµ xö lý th«ng tin trªn m¹ng lµ mét kü n¨ng cÇn thiÕt trong nghiªn cøu vµ häc tËp còng nh trong lao ®éng nghÒ nghiÖp. ViÖc ønng dông c«ng nghÖ th«ng tin vµ sö dông Internet trong d¹y häc ngµy cµng trë nªn quan träng. Tuy nhiªn, viÖc häc sinh truy cËp th«ng tin mét c¸ch tù do trªn m¹ng internet trong d¹y häc cã nh÷ng nhîc ®iÓm chñ yÕu lµ:

- ViÖc t×m kiÕm thêng kÐo dµi v× lîng th«ng tin trªn m¹ng lín.
- DÔ bÞ chÖch híng khái b¶n th©n ®Ò tµi.
- NhiÒu tµi liÖu ®îc t×m ra víi néi dung chuyªn m«n kh«ng chÝnh x¸c, cã thÓ dÉn ®Õn “nhiÔu th«ng tin”.

- Chi phÝ thêi gian qu¸ lín cho viÖc ®¸nh gi¸ vµ xö lý nh÷ng th«ng tin trong d¹y häc.
- ViÖc tiÕp thu kiÕn thøc qua truy cËp th«ng tin trªn m¹ng cã thÓ chØ mang tÝnh thô ®éng mµ thiÕu sù ®¸nh gi¸, phª ph¸n cña ngêi häc.

§Ó kh¾c phôc nh÷ng nh÷ng nhîc ®iÓm trªn ®©y cña viÖc häc qua m¹ng, ngêi ta ®· ph¸t triÓn ph¬ng ph¸p WebQuest.

N¨m 1995 Bernie Dodge ë trêng ®¹i häc San Diego State University (Mü) ®· x©y dùng Webquest trong d¹y häc. C¸c ®¹i diÖn tiÕp theo lµ Tom March (óc) vµ Heinz Moser (Thôy SÜ).

ý tëng cña hä lµ ®a ra cho häc sinh mét t×nh huèng thùc tiÔn cã tÝnh thêi sù hoÆc lÞch sö, dùa trªn c¬ së nh÷ng d÷ liÖu t×m ®îc, häc sinh cÇn x¸c ®Þnh quan ®iÓm cña m×nh vÒ chñ ®Ò ®ã trªn c¬ së lËp luËn. Häc sinh t×m ®îc nh÷ng th«ng tin, d÷ liÖu cÇn thiÕt th«ng qua nh÷ng trang kÕt nèi Internetlinks ®· ®îc gi¸o viªn lùa chän tõ tríc.

Ngµy nay WebQues ®îc sö dông réng r·i trªn thÕ giíi, trong gi¸o dôc phæ th«ng còng nh ®¹i häc. Cã nhiÒu ®Þnh nghÜa còng nh c¸ch m« t¶ kh¸c nhau vÒ Webquest. Theo nghÜa hÑp, WebQues ®îc hiÓu nh mét ph¬ng ph¸p d¹y häc (WebQuest-Method), theo nghÜa réng, WebQuest ®îc hiÓu nh mét m« h×nh, mét quan ®iÓm vÒ d¹y häc cã sö dông m¹ng Internet. WebQuest còng lµ b¶n th©n ®¬n vÞ néi dung d¹y häc ®îc x©y dùng ®Ó sö dông ph¬ng ph¸p nµy, vµ lµ trang WebQuest ®îc ®a lªn m¹ng. Khi gäi WebQuest lµ mét PPDH, cÇn hiÓu ®ã lµ mét ph¬ng ph¸p phøc hîp, trong ®ã cã thÓ sö dông nh÷ng PP cô thÓ kh¸c nhau.

Víi t¸ch lµ mét ph¬ng ph¸p d¹y häc, cã thÓ ®Þnh nghÜa WebQuest nh sau:

> WebQuest lµ mét ph¬ng ph¸p d¹y häc, trong ®ã häc sinh tù lùc thùc hiÖn trong nhãm mét nhiÖm vô vÒ mét chñ ®Ò phøc hîp, g¾n víi t×nh huèng thùc tiÔn. Nh÷ng th«ng tin c¬ b¶n vÒ chñ ®Ò ®îc truy cËp tõ nh÷ng trang liªn kÕt (Internetlinks) do gi¸o viªn chän läc tõ tríc. ViÖc häc tËp theo ®Þnh híng nghiªn cøu vµ kh¸m ph¸, kÕt qu¶ häc tËp ®îc häc sinh tr×nh bµy vµ ®¸nh gi¸.

WebQuest lµ mét PPDH häc míi, ®îc x©y dùng trªn c¬ së ph¬ng tiÖn d¹y häc míi lµ c«ng nghÖ th«ng tin vµ Internet. Trong tiÕng ViÖt cha cã c¸ch dÞch hoÆc c¸ch dïng thuËt ng÷ thèng nhÊt cho kh¸i niÖm nµy. Trong tiÕng Anh, Web ë ®©y nghÜa lµ m¹ng, Quest lµ t×m kiÕm, kh¸m ph¸. Dùa trªn thuËt ng÷ vµ b¶n chÊt cña kh¸i niÖm cã thÓ gäi WebQuest lµ *ph¬ng ph¸p "Kh¸m ph¸ trªn m¹ng"*. WebQuest lµ mét d¹ng ®Æc biÖt cña d¹y häc sö dông truy cËp m¹ng Internet.

WebQuest cã thÓ ®îc chia thµnh c¸c WebQuest lín vµ c¸c WebQuest nhá:

- **WebQuest lín** : Xö lý mét vÊn ®Ò phøc t¹p trong mét thêi gian dµi (vÝ dô cho ®Õn mét th¸ng), cã thÓ coi nh mét dù ¸n d¹y häc.
- **WebQuest nhá** : Trong mét vµi tiÕt häc (vÝ dô 2 ®Õn 4 tiÕt), häc sinh xö lý mét ®Ò tµi chuyªn m«n b»ng c¸ch t×m kiÕm th«ng tin vµ xö lý chóng cho bµi tr×nh bµy, tøc lµ c¸c th«ng tin cha ®îc s¾p xÕp sÏ ®îc lËp cÊu tróc theo c¸c tiªu chÝ vµ kÕt hîp vµo kiÕn thøc ®· cã tríc cña c¸c em.

WebQuest cã thÓ ®îc sö dông ë tÊt c¶ c¸c lo¹i h×nh trêng häc. §iÒu kiÖn c¬ b¶n lµ häc sinh ph¶i cã kü n¨ng ®äc c¬ b¶n vµ cã thÓ tiÕp thu, xö lý c¸c th«ng tin d¹ng v¨n b¶n. Bªn c¹nh ®ã, häc sinh còng ph¶i cã nh÷ng kiÕn thøc c¬ b¶n trong thao t¸c víi m¸y tÝnh vµ internet.

WebQuest cã thÓ sö dông trong mäi m«n häc. Ngoµi ra, WebQuest rÊt thÝch hîp cho viÖc d¹y häc liªn m«n.

4.5.2. §Æc ®iÓm cña häc tËp víi WebQuest

Chñ ®Ò d¹y häc g¾n vÝi t×nh huèng thùc tiÔn vµ mang tÝnh phøc hîp: Chñ ®Ò d¹y häc ®îc lùa chän trong WebQuest lµ nh÷ng chñ ®Ò g¾n vÝi thùc tiÔn, cã thÓ lµ nh÷ng t×nh huèng lÞch sö mang tÝnh ®iÓn h×nh, hoÆc nh÷ng t×nh huèng mang tÝnh thêi sù. §ã lµ nh÷ng t×nh huèng mang tÝnh phøc hîp cã thÓ cã xem xÐt dÝi nhiÒu ph¬ng diÖn kh¸c nhau vµ cã thÓ cã nhiÒu quan ®iÓm kh¸c nhau ®Ó gi¶i quyÕt.

§Þnh híng høng thó häc sinh: Néi dung cña chñ ®Ò vµ ph¬ng ph¸p d¹y häc ®Þnh híng vµo høng thó, tÝch cùc ho¹ ®éng c¬ häc tËp cña häc sinh.

TÝnh tù lùc cao cña ngêi häc: Qu¸ tr×nh häc tËp lµ qu¸ tr×nh tù ®iÒu khiÓn, häc sinh cÇn tù lùc hoµn thµnh nhiÖm vô ®îc giao, tù ®iÒu khiÓn vµ kiÓm tra, gi¸o viªn ®ãng vai trß t vÊn, híng dÉn.

Qu¸ tr×nh häc tËp lµ qu¸ tr×nh tÝch cùc vµ kiÕn t¹o: Kh¸c víi viÖc truy cËp m¹ng th«ng thêng nh»m thu thËp th«ng tin, trong WebQuest häc sinh cÇn t×m, xö lý th«ng tin nh»m gi¶i quyÕt mét nhiÖm vô. Häc sinh cÇn cã quan ®iÓm riªng trªn c¬ së lËp luËn ®Ó tr¶ lêi c©u hái hoÆc gi¶i quyÕt vÊn ®Ò.

Qu¸ tr×nh häc tËp mang tÝnh x· héi vµ t¬ng t¸c: H×nh thøc lµm viÖc trong WebQuest chñ yÕu lµ lµm viÖc nhãm. Do ®ã viÖc häc tËp mang tÝnh x· héi vµ t¬ng t¸c.

Qu¸ tr×nh häc tËp ®Þnh híng nghiªn cøu vµ kh¸m ph¸: §Ó gi¶i quyÕt vÊn ®Ò ®Æt ra häc sinh cÇn ¸p dông c¸c ph¬ng ph¸p lµm viÖc theo kiÓu nghiªn cøu vµ kh¸m ph¸. Nh÷ng ho¹t ®éng ®iÓn h×nh cña häc sinh trong WebQuest lµ *T×m kiÕm, §¸nh gi¸, HÖ thèng hãa, Tr×nh bµy* trong sù trao ®æi víi nh÷ng häc sinh kh¸c. Häc sinh cÇn thùc hiÖn vµ tõ ®ã ph¸t triÓn nh÷ng kh¶ n¨ng t duy nh:

- So s¸nh: NhËn biÕt vµ nªu ra nh÷ng ®iÓm t¬ng ®ång vµ kh¸c biÖt gi÷a c¸c ®èi tîng, c¸c quan ®iÓm.
- Ph©n lo¹i : S¾p xÕp c¸c ®èi tîng vµo c¸c nhãm trªn c¬ së tÝnh chÊt cña chóng vµ theo nh÷ng tiªu chuÈn sÏ ®îc x¸c ®Þnh.
- Suy luËn : XuÊt ph¸t tõ c¸c quan s¸t hoÆc ph©n tÝch mµ suy ra c¸c tæng qu¸t hãa hoÆc nh÷ng nguyªn lý cha ®îc biÕt.
- KÕt luËn: Tõ nh÷ng nguyªn lý c¬ b¶n vµ c¸c tæng qu¸t hãa ®· cã mµ suy ra nh÷ng kÕt luËn vµ ®iÒu kiÖn cha ®îc nªu ra.
- Ph©n tÝch sai lÇm : NhËn biÕt vµ nªu ra nh÷ng sai lÇm trong c¸c qu¸ tr×nh t duy cña chÝnh m×nh hoÆc cña nh÷ng ngêi kh¸c.
- Chøng minh : X©y dùng chuçi lËp luËn ®Ó hç trî hoÆc chøng minh mét gi¶ thiÕt.
- Tãm t¾t : NhËn biÕt vµ nªu ra ®Ò tµi hoÆc kiÓu mÉu c¬ b¶n lµ c¬ së cña nh÷ng th«ng tin.
- Ph©n tÝch quan ®iÓm: NhËn biÕt vµ nªu ra nh÷ng quan ®iÓm kh¸c nhau ®èi víi mét ®Ò tµi.

4.5.3. Quy tr×nh thiÕt kÕ WebQuest

Quy tr×nh thiÕt kÕ WebQuest

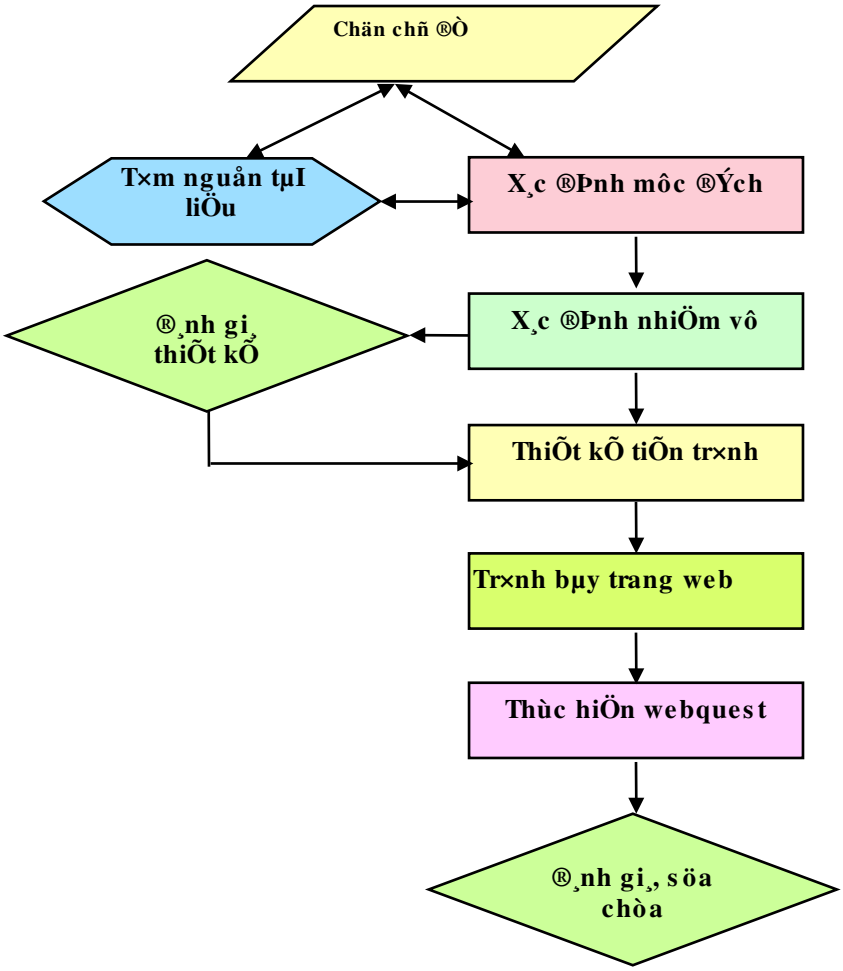

a) Chän vµ giíi thiÖu chñ ®Ò

Chñ ®Ò cÇn ph¶i cã mèi liªn kÕt rã rµng víi nh÷ng néi dung ®-îc x¸c ®Þnh trong ch¬ng tr×nh d¹y häc. Chñ ®Ò cã thÓ lµ mét vÊn ®Ò quan träng trong x· héi, ®SSi hái häc sinh ph¶i tá rã quan ®iÓm. Quan ®iÓm ®ã kh«ng thÓ ®îc thÓ hiÖn b»ng nh÷ng c©u tr¶ lêi nh "®óng" hoÆc "sai" mét c¸ch ®¬n gi¶n mµ cÇn lËp luËn quan ®iÓm trªn c¬ së hiÓu biÕt vÒ chñ ®Ò. Nh÷ng c©u hái sau ®©y cÇn tr¶ lêi khi quyÕt ®Þnh chñ ®Ò:

- Chñ ®Ò cã phï hîp víi ch¬ng tr×nh ®µo t¹o kh«ng?
- Häc sinh cã høng thó víi chñ ®Ò kh«ng?
- Chñ ®Ò cã g¾n víi t×nh huèng, vÊn ®Ò thùc tiÔn kh«ng?
- Chñ ®Ò cã ®ñ lín ®Ó t×m ®îc tµi liÖu trªn Internet kh«ng?

Sau khi quyÕt ®Þnh chän chñ ®Ò, cÇn m« t¶ chñ ®Ò ®Ó giíi thiÖu víi häc sinh. §Ò tµi cÇn ®îc giíi thiÖu mét c¸ch ng¾n gän, dÔ hiÓu ®Ó häc sinh cã thÓ lµm quen víi mét ®Ò tµi khã.

b) T×m nguån tµi liÖu häc tËp

- Gi¸o viªn t×m c¸c trang web cã liªn quan ®Õn chñ ®Ò, lùa chän nh÷ng trang thÝch hîp ®Ó ®a vµo liªn kÕt trong WebQuest. §èi víi tõng nhãm bµi tËp riªng rÏ cÇn ph¶i t×m hiÓu, ®¸nh gi¸ vµ hÖ thèng hãa c¸c nguån ®· lùa chän thµnh d¹ng c¸c ®Þa chØ internet (URL). Giai ®o¹n nµy thêng ®ßi hái nhiÒu c«ng søc. B»ng c¸ch ®ã, ngêi häc sÏ ®îc cung cÊp c¸c nguån trùc tuyÕn ®Ó ¸p dông vµo viÖc xö lý vµ gi¶i quyÕt c¸c vÊn ®Ò. Nh÷ng nguån th«ng tin nµy ®îc kÕt hîp trong tµi liÖu WebQuests hoÆc cã s½n ë d¹ng c¸c siªu liªn kÕt tíi c¸c trang Web bªn ngoµi.
- Ngoµi c¸c trang Web, c¸c nguån th«ng tin tiÕp theo cã thÓ lµ c¸c th«ng tin chuyªn m«n ®îc cung cÊp qua Email, CD hoÆc c¸c ng©n hµng d÷ liÖu kü thuËt sè (vÝ dô c¸c tõ ®iÓn trùc tuyÕn trong d¹y häc ngo¹i ng÷). §iÒu quan träng lµ ph¶i nªu râ nguån tin ®èi víi tõng néi dung c«ng viÖc vµ trÝc ®ã c¸c nguån tin nµy ph¶i ®îc gi¸o viªn kiÓm tra vÒ chÊt lîng ®Ó ®¶m b¶o tµi liÖu ®ã lµ ®¸ng tin cËy

c) X¸c ®Þnh môc ®Ých

- CÇn x¸c ®Þnh mét c¸ch râ rµng nh÷ng môc tiªu, yªu cÇu ®¹t ®îc trong viÖc thùc hiÖn WebQuest.
- C¸c yªu cÇu cÇn phï hîp víi häc sinh vµ cã thÓ ®¹t ®îc.

d) X¸c ®Þnh nhiÖm vô

§Ó ®¹t ®îc môc ®Ých cña ho¹t ®éng häc tËp, häc sinh cÇn ph¶i gi¶i quyÕt mét nhiÖm vô hoÆc mét vÊn ®Ò cã ý nghÜa vµ võa søc. VÊn ®Ò hoÆc nhiÖm vô ph¶i cô thÓ hãa ®Ò tµi ®· ®îc giíi thiÖu. NhiÖm vô häc tËp cho c¸c nhãm lµ thµnh phÇn trung t©m cña WebQuests. NhiÖm vô ®Þnh híng cho ho¹t ®éng cña häc sinh, cÇn tr¸nh nh÷ng nhiÖm vô theo kiÓu «n tËp, t¸i hiÖn thuÇn tóy.

Nh vËy, xuÊt ph¸t tõ mét vÊn ®Ò chung cÇn ph¶i ph¸t biÓu nh÷ng nhiÖm vô riªng mét c¸ch ng¾n gän vµ râ rµng. Nh÷ng nhiÖm vô cÇn ph¶i phong phó vÒ yªu cÇu, vÒ ph¬ng tiÖn cã thÓ ¸p dông, c¸c d¹ng lµm bµi. Th«ng thêng, chñ ®Ò ®îc chia thµnh c¸c tiÓu chñ ®Ò nhá h¬n ®Ó tõ ®ã x¸c ®Þnh nhiÖm vô cho c¸c nhãm kh¸c nhau. C¸c nhãm còng cã thÓ cã nhiÖm vô gi¶i quyÕt vÊn ®Ò tõ nh÷ng gãc ®é tiÕp cËn kh¸c khau.

e) ThiÕt kÕ tiÕn tr×nh

Sau khi ®· x¸c ®Þnh nhiÖm vô cña c¸c nhãm häc sinh, cÇn thiÕt kÕ tiÕn tr×nh thùc hiÖn WebQuest. Trong ®ã ®a ra nh÷ng chØ dÉn, hç trî cho qu¸ tr×nh lµm viÖc cña häc sinh. TiÕn tr×nh thùc hiÖn WebQuest gåm c¸c giai ®o¹n chÝnh lµ: nhËp ®Ò, x¸c ®Þnh nhiÖm vô, híng dÉn nguån th«ng tin, thùc hiÖn, tr×nh bµy, ®¸nh gi¸.

f) Tr×nh bµy trang Web

C¸c néi dung ®· ®îc chuÈn bÞ trªn ®©y, b©y giê cÇn sö dông ®Ó tr×nh bµy WebQuest. §Ó lËp ra trang WebQuests, kh«ng ®ßi hái nh÷ng kiÕn thøc vÒ lËp tr×nh vµ còng kh«ng cÇn c¸c c«ng cô phøc t¹p ®Ó thiÕt lËp c¸c trang HTML. VÒ c¬ b¶n chØ cÇn

lËp WebQuests, vÝ dô trong ch¬ng tr×nh Word vµ nhí trong th môc HTML, kh«ng ph¶i nh th môc DOC. Cã thÓ sö dông c¸c ch¬ng tr×nh ®iÒu hµnh Web, vÝ dô nh FrontPage, tham kh¶o c¸c mÉu WebQuest trªn Internet hiÖn cã. Trang WebQuest ®îc ®a lªn m¹ng néi bé ®Ó sö dông.

g) Thùc hiÖn WebQuest

Sau khi ®· WebQuest lªn m¹ng néi bé, tiÕn hµnh thö víi häc sinh ®Ó ®¸nh gi¸ vµ söa ch÷a.

h) §¸nh gi¸, söa ch÷a

ViÖc ®¸nh gi¸ WebQuest ®Ó rót ra kinh nghiÖm vµ söa ch÷a cÇn cã sù tham gia cña häc sinh, ®Æc biÖt lµ nh÷ng th«ng tin ph¶n håi cña häc sinh vÒ viÖc tr×nh bµy còng nh qu¸ tr×nh thùc hiÖn WebQuest. Cã thÓ hái häc sinh nh÷ng c©u hái sau:

- C¸c em ®· häc ®îc nh÷ng g×?
- C¸c em thÝch vµ kh«ng thÝch nh÷ng g×?
- Cã nh÷ng vÊn ®Ò kü thuËt nµo trong WebQuest?...

4.5.4. TiÕn tr×nh thùc hiÖn WebQuest

C¸c bíc	M« t¶
NhËp ®Ò	Gi¸o viªn giíi thiÖu vÒ chñ ®Ò. Th«ng thêng, mét WebQuest b¾t ®Çu víi viÖc ®Æt ra t×nh huèng cã vÊn ®Ò thùc sù ®èi víi ngêi häc, t¹o ®éng c¬ cho ngêi häc sao cho hä tù muèn quan t©m ®Õn ®Ò tµi vµ muèn t×m ra mét gi¶i ph¸p cho vÊn ®Ò.
X¸c ®Þnh nhiÖm vô	Häc sinh ®îc giao c¸c nhiÖm vô cô thÓ. CÇn cã sù th¶o luËn víi häc sinh ®Ó häc sinh hiÓu nhiÖm vô, x¸c ®Þnh ®îc môc tiªu riªng, còng nh cã nh÷ng bæ sung, ®iÒu chØnh cÇn thiÕt. TÝnh phøc t¹p cña nhiÖm vô phô thuéc vµo ®Ò tµi vµ trícc tiªn lµ vµo nhãm ®èi tîng. Th«ng thêng, c¸c nhiÖm vô sÏ ®îc xö lý trong c¸c nhãm.
Híng dÉn nguån th«ng tin	Gi¸o viªn híng dÉn nguån th«ng tin ®Ó xö lý nhiÖm vô, chñ yÕu lµ nh÷ng trang trong m¹ng internet ®· ®îc GV lùa chän vµ liªn kÕt, ngoµi ra cßn cã nh÷ng chØ dÉn vÒ c¸c tµi liÖu kh¸c.
Thùc hiÖn	Häc sinh thùc hiÖn nhiÖm vô trong nhãm. Gi¸o viªn ®ãng vai trß t vÊn. Trong trang WebQuest cã nh÷ng chØ dÉn, cung cÊp cho ngêi häc nh÷ng trî gióp hµnh ®éng, nh÷ng hç trî cô thÓ ®Ó gi¶i quyÕt nhiÖm vô.

Tr×nh bµy	Häc sinh tr×nh bµy c¸c kÕt qu¶ cña nhãm trícl íp, sö dông PowerPoint hoÆc tµi liÖu v¨nb¶n, cã thÓ ®a lªn m¹ng.
§¸nh gi¸	§¸nh gi¸ kÕt qu¶, tµi liÖu, ph¬ng ph¸p vµhµnh vi häc tËp trong WebQuest. Cã thÓ södông c¸c biªn b¶n ®· ghi trong qu¸ tr×nh thùchiÖn ®Ó hç trî, sö dông ®µm tho¹i, phiÕu ®iòutra. Häc sinh cÇn ®îc t¹o c¬ héi suy nghÜ vµ ®¸nhgi¸ mét c¸ch cã phª ph¸n. ViÖc ®¸nh gi¸ tiÕptheo do gi¸o viªn thùc hiÖn.

4.5.5. C¸c d¹ng nhiÖm vô trong WebQuest

Cã nhiÒu d¹ng nhiÖm vô trong WebQuest. Dodge ph©n biÖt nh÷ng lo¹i nhiÖm vô sau (Dodge 2002):

D¹ng nhiÖm vô	Gi¶i thÝch
T¸i hiÖn th«ng tin c¸c th«ng tin (bµi tËp têng thuËt)	Häc sinh t×m kiÕm nh÷ng th«ng tin, vµ xö lý ®Ótr¶ lêi c¸c c©u hái riªng rÏ vµ chøng tá r»ng hähiÓu nh÷ng th«ng tin ®ã. KÕt qu¶ t×m kiÕm th«ngtin sÏ ®îc tr×nh bµy theo c¸ch ®a ph¬ng tiÖn (vÝdô b»ng ch¬ng tr×nh PowerPoint) hoÆc th«ng quac¸c ¸p phÝch, c¸c bµi viÕt ng¾n,... NÕu chØ lµ“c¾t d¸n th«ng tin” kh«ng xö lý c¸c th«ng tin ®·t×m ®îc nh tãm t¾t, hÖ thèng hãa th× kh«ng ph¶iWebQuest.
Tæng hîp th«ng tin (bµi tËp biªn so¹n)	Häc sinh cã nhiÖm vô lÊy th«ng tin tõ nhiÒunguån kh¸c nhau vµ liªn kÕt, tæng hîp chóngtrong mét s¶n phÈm chung. KÕt qu¶ cã thÓ ®îcc«ng bè trong internet, nhng còng cã thÓ lµ mét s¶n phÈm kh«ng ph¶i thuéc d¹ng kü thuËt sè. C¸c th«ng tin ®îc tËp hîp ph¶i ®îc xö lý.
Gi¶i ®iÒu bÝ Ên	ViÖc ®a vµo mét ®iòu bÝ Èn cã thÓ lµ ph¬ng ph¸pthÝch hîp lµm cho ngêi häc quan t©m ®Õn ®Ò tµi.Trong khi ®ã vÊn ®Ò sÏ lµ thiÕt kÕ mét bÝ Èn mµngêi ta kh«ng thÓ t×m thÊy lêi gi¶i cña nã trªninternet, ®Ó gi¶i nã sÏ ph¶i thu thËp th«ng tintõ nh÷ng nguån kh¸c nhau, lËp ra c¸c mèi liªnkÕt vµ rót ra c¸c kÕt luËn.
Bµi tËp b¸o chÝ	Häc sinh ®îc giao nhiÖm vô, víi t c¸ch nhµ b¸otiÕn hµnh lËp b¸o c¸o vÒ nh÷ng hiÖn tîng hoÆcnh÷ng cuéc tranh luËn hiÖn t¹i cïng víi nh÷ngbèi c¶nh nÒn vµ t¸c ®éng cña chóng. §Ó thùc hiÖnnhiÖm vô nµy hä ph¶i thu thËp th«ng tin vµ xö lý

	chóng thµnh mét b¶n tin, mét bµi phãng sù, mét bµi b×nh luËn hoÆc mét d¹ng bµi viÕt b¸o kiÓu kh¸c.
LËp kÕ ho¹ch vµ thiÕt kÕ (nhiÖm vô thiÕt kÕ)	Häc sinh ph¶i t¹o ra mét s¶n phÈm hoÆc ph¸c th¶o kÕ ho¹ch cho mét dù ®Þnh. Nh÷ng môc ®Ých vµ híng dÉn chØ ®¹o sÏ ®îc miªu t¶ trong ®Ò bµi.
LËp ra c¸c s¶n phÈm s¸ng t¹o (bµi tËp s¸ng t¹o)	NhiÖm vô cña ngêi häc lµ chuyÓn ®æi nh÷ng th«ng tin ®· xö lý thµnh mét s¶n phÈm s¸ng t¹o, vÝ dô mét bøc tranh, mét tiÕt môc kÞch, mét t¸c phÈm ch©m biÕm, mét tÊm ¸p phÝch, mét trß ch¬i, mét nhËt ký m« pháng hoÆc mét bµi h¸t.
LËp ®Ò xuÊt thèng nhÊt (nhiÖm vô t¹o lËp sù ®ång thuËn)	Nh÷ng ®Ò tµi nhÊt ®Þnh sÏ ®îc th¶o luËn theo c¸ch tranh luËn. Mäi ngêi sÏ ñng hé c¸c quan ®iÓm kh¸c nhau trªn c¬ së c¸c hÖ thèng gi¸ trÞ kh¸c nhau, c¸c h×nh dung kh¸c nhau vÒ nh÷ng ®iÒu kiÖn vµ hiÖn tîng nhÊt ®Þnh, dÉn ®Õn sù ph¸t triÓn mét ®Ò xuÊt chung cho mét nhãm thÝnh gi¶ cô thÓ (cã thùc hoÆc m« pháng).
ThuyÕt phôc nh÷ng ngêi kh¸c (bµi tËp thuyÕt phôc)	Ngêi häc ph¶i t×m kiÕm nh÷ng th«ng tin hç trî cho quan ®iÓm lùa chän, ph¸t triÓn nh÷ng vÝ dô cã søc thuyÕt phôc vÒ quan ®iÓm t¬ng øng. VÝ dô bµi tr×nh bµy tríc mét ñy ban, bµi thuyÕt tr×nh trong phiªn xö t¹i tßa ¸n (m« pháng), viÕt c¸c bøc th, c¸c bµi b×nh luËn hoÆc c¸c c«ng bè b¸o chÝ, lËp mét ¸p phÝch hoÆc mét ®o¹n phim video, trong khi ®ã vÊn ®Ò sÏ lu«n lu«n lµ thuyÕt phôc nh÷ng ngêi ®îc ®Ò cËp.
Tù biÕt m×nh (bµi tËp tù biÕt m×nh)	C¸c bµi tËp kiÓu nµy ®ßi hái ngêi häc xö lý nh÷ng c©u hái liªn quan ®Õn b¶n th©n c¸ nh©n m×nh mµ ®èi víi chóng kh«ng cã nh÷ng c©u tr¶ lêi nhanh chãng. C¸c bµi tËp lo¹i nµy cã thÓ suy ra tõ viÖc xem xÐt c¸c môc tiªu c¸ nh©n, nh÷ng mong muèn vÒ nghÒ nghiÖp vµ c¸c triÓn väng cña cuéc sèng, c¸c vÊn ®Ò tranh c·i vÒ ®¹o lý vµ ®¹o ®øc, c¸c quan ®iÓm vÒ c¸c ®æi míi kü thuËt, vÒ v¨n ho¸ vµ nghÖ thuËt
Ph©n tÝch c¸c néi dung chuyªn m«n (bµi tËp ph©n tÝch)	Ngêi häc ph¶i xö lý cô thÓ h¬n víi mét hoÆc nhiÒu néi dung chuyªn m«n, ®Ó t×m ra nh÷ng ®iÓm t¬ng ®ång vµ c¸c kh¸c biÖt còng nh c¸c t¸c ®éng cña chóng.
§Ò ra quyÕt ®Þnh (bµi tËp quyÕt ®Þnh)	§Ó cã thÓ ®a ra quyÕt ®Þnh, ph¶i cã th«ng tin vÒ néi dung cô thÓ vµ ph¸t triÓn c¸c tiªu chuÈn lµm c¬ së cho sù quyÕt ®Þnh. C¸c tiªu chuÈn lµm c¬ së cho sù quyÕt ®Þnh cã thÓ ®îc cho tríc, hoÆc ngêi häc ph¶i ph¸t triÓn

	c¸c tiªu chuÈn cña chÝnh m×nh
§iÒu tra vµ nghiªn cøu (bµi tËp khoa häc)	Häc sinh tiÕn hµnh mét nhiÖm vô nghiªn cøu th«ng qua ®iÒu tra hay c¸c PP nghiªn cøu kh¸c. ë kiÓu bµi tËp nµy cÇn t×m ra mét nhiÖm vô víi møc ®é khã kh¨n phï hîp. Khi gi¶i bµi tËp cÇn lu ý c¸c bíc sau : • LËp ra c¸c gi¶ thiÕt • KiÓm tra c¸c gi¶ thiÕt dùa trªn c¸c d÷ liÖu tõ nh÷ng nguån lùa chän.

4.5.6. VÝ dô vÒ WebQuest: “Thùc phÈm biÕn ®æi gien”

VÝ dô ®îc tr×nh bµy vÒ WebQuests ®Ò cËp mét ®Ò tµi mµ ®ang ®-îc tranh luËn gay g¾t t¹i nhiÒu níc. §Ò tµi “Thùc phÈm biÕn ®æi gien” ®îc xem xÐt díi nhiÒu gãc ®é chuyªn m«n vµ ph¬ng diÖn kh¸c nhau nh vÒ c«ng nghÖ sinh häc, ph¸p lý, sinh häc, sinh th¸i còng nh nh©n ®¹o.

a) NhËp ®Ò

Häc sinh sÏ ®îc giíi thiÖu ®Ò tµi, ®ång thêi ®îc chØ ra nh÷ng c¬ héi øng dông vµ c¶ nh÷ng nguy hiÓm cã thÓ cã cña thùc phÈm biÕn ®æi gien:

Víi kh¸i niÖm “thùc phÈm biÕn ®æi gien” nhiÒu ngêi nghÜ ®Õn nh÷ng qu¶ cµ chua to, cã thÓ ®Ó ®îc hµng th¸ng, ®á t¬i vµ th¬m ngon.

Nhng “thùc phÈm biÕn ®æi gien” hiÖn nay ®ang g©y ra nh÷ng tranh luËn víi nh÷ng ý kiÕn kh¸c nhau: §èi víi mét sè ngêi th× ®ã lµ s¶n phÈm cña quû sø. §èi víi nh÷ng ngêi kh¸c th× “thùc phÈm biÕn ®æi gien” lµ gi¶i ph¸p cho vÊn ®Ò dinh dìng, ®Æc biÖt lµ cho nh÷ng níc nghÌo.

VËy th¸i ®é cña chóng ta ®èi víi thùc phÈm biÕn ®æi gien nh thÕ nµo?

Víi viÖc ®Æt vÊn ®Ò trªn, häc sinh ®îc ®Æt trong mét t×nh huèng cã vÊn ®Ò. Häc sinh cha biÕt b¶n chÊt cña thùc phÈm biÕn ®æi gien nªn cha gi¶i quyÕt ®îc vÊn ®Ò nªu ra.

b) X¸c ®Þnh nhiÖm vô

§Ó gi¶i quyÕt ®îc vÊn ®Ò trªn, cÇn t×m hiÓu ®Ó tr¶ lêi hai c©u hái sau ®©y trong WebQuest nµy:

- Thøc ¨n biÕn ®æi gien („Genfood“) lµ g×?
- Thøc ¨n biÕn ®æi gien cã nguy hiÓm cho søc khoÎ cña con ngêi vµ m«i trêng?

§Ó tr¶ lêi hai c©u hái nµy, líp häc ®îc chia lµm 4 nhãm nh»m nghiªn cøu chñ ®Ò trong vai trß cña c¸c nhãm x· héi kh¸c nhau:

- Nhãm 1: ‘C¸c nhµ b¶o vÖ m«i trêng’,

- Nhãm 2: ‘C¸c nhµ khoa häc’,
- Nhãm 3: ‘Tæ chøc b¶o vÖ ngêi tiªu dïng’,
- Nhãm 4: ‘C¸c nhµ lËp ph¸p’.

Mçi nhãm cã nhiÖm vô riªng nh»m chuÈn bÞ cho ‘Héi nghÞ thÕ giíi vÒ dinh dìng’ trong th¸ng tíi (mét c¸ch gi¶ ®Þnh). Chñ ®Ò cña tõng nhãm sÏ lÇn lît lµ:

- Thùc phÈm biÕn ®æi gien cã ph¸ hñy m«i trêng cña chóng ta kh«ng ?
- Thùc phÈm biÕn ®æi gien cã ph¶i lµ gi¶i ph¸p cho nh÷ng vÊn ®Ò dinh dìng cña thÕ giíi hay kh«ng ?
- Ngêi tiªu dïng cÇn ph¶i biÕt nh÷ng g× vÒ thùc phÈm biÕn ®æi gien ?
- Cã cÇn ph¶i ®¸nh dÊu thùc phÈm biÕn ®æi gien kh«ng vµ v× sao ?

c) *Híng dÉn nguån th«ng tin*

Gi¸o viªn híng dÉn c¸c trang web trªn Internet liªn quan ®Õn chñ ®Ò ®· ®îc chän läc vµ liªn kÕt trªn trang webQuest vÒ chñ ®Ò. Ch¼ng h¹n c¸c trang cã tªn nh sau:

- Thùc phÈm biÕn ®æi gien lµ g× ?
- Cã thÓ s¶n xuÊt nh÷ng thùc phÈm nµo b»ng c¸ch biÕn ®æi gien ?
- Bèn vÝ dô vÒ c¸c c©y trång ®îc biÕn ®æi gien
- Ngµy nay nh÷ng thùc phÈm biÕn ®æi gien nµo ®· cã b¸n trªn thÞ trêng vµ chóng ®îc b¸n ë ®©u ?
- Lµm thÕ nµo ta cã thÓ nhËn biÕt c¸c thùc phÈm biÕn ®æi gien ?
- ¶nh c¸ c¸c thùc phÈm biÕn ®æi gien cã nguy hiÓm kh«ng ?

d) Thùc hiÖn:

- Häc sinh lµm viÖc theo nhãm, t×m kiÕm th«ng tin chñ yÕu trªn c¸c trang web ®· chØ dÉn, thu thËp, s¾p xÕp, xö lý vµ ®¸nh gi¸ th«ng tin theo chñ ®Ò cña nhãm, rót ra nh÷ng kÕt luËn vµ quan ®iÓm riªng vÒ chñ ®Ò trªn c¬ së xö lý th«ng tin t×m ®îc
- Mçi nhãm cÇn x©y dùng mét b¸o c¸o tham luËn ®Ó chuÈn bÞ tr×nh bµy trong ‘héi nghÞ quèc tÕ’ vÒ thùc phÈm gien s¾p tíi theo chñ ®Ò nghiªn cøu cña nhãm.

e) *Tr×nh bµy kÕt qu¶*

- KÕt qu¶ b¸o c¸o cña c¸c nhãm cã thÓ ®a lªn trang web ®Ó c«ng bè.
- Tæ chøc ‘héi th¶o quèc tÕ vÒ thùc phÈm gien’, ®ã lµ th¶o luËn toµn líp, trong ®ã c¸c nhãm tr×nh bµy kÕt qu¶ nghiªn cøu vµ tõng nhãm.

f) §¸nh gi¸ :

- Gi¸o viªn vµ häc sinh ®¸nh gi¸ kÕt qu¶ vµ qu¸ tr×nh thùc hiÖn WebQuest.
- Häc sinh tù rót ra kÕt luËn cho c¸c c©u hái sau:
  - B©y giê, sau khi th¶o luËn b¹n cã ¨n thùc phÈm biÕn ®æi gien kh«ng ?
  - Thùc phÈm biÕn ®æi gien ®îc ®iÒu chÕ tõ c¸c phßng thÝ nghiÖm cña quû sø, hay chóng lµ thùc phÈm cña thÕ kû 21 ?
  - B¹n lµ ngêi ñng hé hay ph¶n ®èi thùc phÈm biÕn ®æi gien ?

 Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y so s¸nh u, nhîc ®iÓm cña WebQuest víi d¹y häc sö dông truy cËp m¹ng Internet th«ng thêng.

2. ¤ng/Bµ h·y ph©n tÝch sù phï hîp vµ kh¶ n¨ng vËn dông thuyÕt kiÕn t¹o trong ph¬ng ph¸p WebQuest.

3. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông ph¬ng ph¸p WebQuest trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch, t×m ra mét sè chñ ®Ò cã thÓ vËn dông ph¬ng ph¸p WebQuest.

4. H·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o kÕ ho¹ch d¹y häc cho mét bµi d¹y häc theo ph¬ng ph¸p WebQuest.

4.6. Mét sè kü thuËt d¹y häc tÝch cùc

C¸c kü thuËt d¹y häc tÝch cùc lµ nh÷ng kü thuËt d¹y häc cã ý nghÜa ®Æc biÖt trong viÖc ph¸t huy sù tham gia tÝch cùc cña häc sinh vµo qu¸ tr×nh d¹y häc, kÝch thÝch t duy, sù s¸ng t¹o vµ sù céng t¸c lµm viÖc cña häc sinh. C¸c kü thuËt d¹y häc tÝch cùc ®îc tr×nh bµy sau ®©y cã thÓ ®îc ¸p dông thuËn lîi trong lµm viÖc nhãm. Tuy nhiªn chóng còng cã thÓ ®îc kÕt hîp thùc hiÖn trong c¸c h×nh thøc d¹y häc toµn líp nh»m ph¸t huy tÝnh tÝch cùc cña häc sinh. C¸c kü thuËt ®îc tr×nh bµy díi ®©y còng ®îc nhiÒu tµi liÖu gäi lµ c¸c PPDH.

4.6.1. §éng n·o

Kh¸i niÖm

Động não (công não - Brainstorming) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra "cơn lốc" các ý tưởng). Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mỹ) phát triển, dựa trên một kỹ thuật truyyền thống từ Ấn độ.

Quy tắc của động não

- Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên
- Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng

C¸c bíc tiÕn hµnh

1. Ngêi ®iÒu phèi dÉn nhËp vµo chñ ®Ò vµ x¸c ®Þnh râ mét vÊn ®Ò.
2. C¸c thµnh viªn ®a ra nh÷ng ý kiÕn cña mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.
3. Kết thúc việc đưa ra ý kiến
4. §¸nh gi¸

- Lùa chän s¬ bé c¸c suy nghÜ, ch¼ng h¹n theo kh¶ n¨ng øng dông:
  - Cã thÓ øng dông trùc tiÕp
  - Cã thÓ øng dông nhưng cÇn nghiªn cøu thªm
  - Kh«ng cã kh¶ n¨ng øng dông
- Đánh giá những ý kiến đã lựa chọn
- Rút ra kết luận hành động

Ứng dụng

- Dùng trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề
- Tìm các phương án giải quyết vấn đề
- Thu thập các khả năng lựa chọn và ý nghĩ khác nhau

Ưu điểm

- Dễ thực hiện,
- Không tốn kém
- Sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể,
- Huy động được nhiều ý kiến
- Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia

Nhược điểm

- Có thể đi lạc đề, tản mạn
- Có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp
- Có thể có một số HS „quá tích cực“, số khác thụ động

Kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và người ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.

4.6.2. §éng n·o viết (Brainwriting)

Kh¸i niÖm

§éng n·o viÕt lµ mét h×nh thøc biÕn ®æi cña ®éng n·o. Trong ®éng n·o viết th× nh÷ng ý tëng kh«ng ®îc tr×nh bµy miÖng mµ ®îc tõng thµnh viªn tham gia tr×nh bµy ý kiÕn b»ng c¸ch viÕt trªn giÊy vÒ mét chñ ®Ò.

Trong ®éng n·o viết, c¸c ®èi t¸c sÏ giao tiÕp víi nhau b»ng ch÷ viÕt. C¸c em ®Æt trÍc m×nh mét vµi tê giÊy chung, trªn ®ã ghi chñ ®Ò ë d¹ng dßng tiªu ®Ò hoÆc ë gi÷a tê giÊy. C¸c em thay nhau ghi ra giÊy nh÷ng g× m×nh nghÜ vÒ chñ ®Ò ®ã, trong im lÆng tuyÖt ®èi. Trong khi ®ã, c¸c em xem c¸c dßng ghi cña nhau vµ cïng lËp ra mét bµi viÕt chung. B»ng c¸ch ®ã cã thÓ h×nh thµnh nh÷ng c©u chuyÖn trän vÑn hoÆc chØ lµ b¶n thu thËp c¸c tõ khãa. C¸c häc sinh luyÖn tËp cã thÓ thùc hiÖn c¸c cuéc nãi chuyÖn b»ng giÊy bót c¶ khi lµm bµi trong nhãm. S¶n phÈm cã thÓ cã d¹ng mét b¶n ®å trÝ tuÖ.

C¸ch thực hiện

- §Æt trªn bµn 1-2 tê giÊy ®Ó ghi c¸c ý tưởng, đề xuất cña c¸c thµnh viªn.
- Mçi mét thµnh viªn viÕt nh÷ng ý nghÜ cña m×nh trªn c¸c tê giÊy ®ã
- Cã thÓ tham kh¶o c¸c ý kiÕn kh¸c ®· ghi trªn giÊy cña c¸c thµnh viªn kh¸c ®Ó tiÕp tôc ph¸t triÓn ý nghÜ.
- Sau khi thu thËp xong ý tëng th× ®¸nh gi¸ c¸c ý tëng trong nhãm.

¦u ®iÓm

- ¦u ®iÓm cña ph¬ng ph¸p nµy lµ cã thÓ huy ®éng sù tham gia cña tÊt c¶ häc sinh trong nhãm.
- T¹o sù yªn tÜnh trong líp häc.
- §éng n·o viết t¹o ra møc ®é tËp trung cao. V× nh÷ng häc sinh tham gia sÏ tr×nh bµy nh÷ng suy nghÜ cña m×nh b»ng ch÷ viÕt nªn cã sù chó ý cao h¬n so víi thêng gÆp trong c¸c cuéc nãi chuyÖn b×nh thêng b»ng miÖng.
- C¸c häc sinh ®èi t¸c cïng ho¹t ®éng víi nhau mµ kh«ng sö dông lêi nãi. B»ng c¸ch ®ã, th¶o luËn viết t¹o ra mét d¹ng t¬ng t¸c x· héi ®Æc biÖt.
- Nh÷ng ý kiÕn ®ãng gãp trong cuéc nãi chuyÖn b»ng giÊy bót thêng ®îc suy nghÜ ®Æc biÖt kü.

Nhîc ®iÓm

- Cã thÓ häc sinh sa vµo nh÷ng ý kiÕn t¶n m¹n, xa ®Ò
- Do ®îc tham kh¶o ý kiÕn cña nhau, cã thÓ mét sè häc sinh Ýt cã sù ®éc lËp

4.6.3. §éng n·o kh«ng c«ng khai

- §éng n·o kh«ng c«ng khai cũng là một h×nh thức của ®éng n·o viÕt. Mçi mét thµnh viªn viÕt nh÷ng ý nghÜ cña m×nh vÒ c¸ch gi¶i quyÕt vÊn ®Ò, nhng cha c«ng khai, sau ®ã nhãm míi th¶o luËn chung vÒ c¸c ý kiÕn hoÆc tiÕp tôc ph¸t triÓn.
- ¦u ®iÓm: Mçi thµnh viªn cã thÓ tr×nh bµy ý kiÕn c¸ nh©n cña m×nh mµ kh«ng bÞ ¶nh hëng bëi c¸c ý kiÕn kh¸c.
- Nhîc ®iÓm: Kh«ng nhËn ®îc gîi ý tõ nh÷ng ý kiÕn cña ngêi kh¸c trong viÖc viÕt ý kiÕn riªng.

4.6.4. Kü thuËt XYZ

Kü thuËt XYZ lµ mét kü thuËt nh»m ph¸t huy tÝnh tÝch cùc trong th¶o luËn nhãm. X lµ sè ngêi trong nhãm, Y lµ sè ý kiÕn mçi ngêi cÇn ®a ra, Z lµ phót dµnh cho mçi ngêi. VÝ dô kü thuËt 635 thùc hiÖn nh sau:

- Mçi nhãm 6 ngêi, mçi ngêi viÕt 3 ý kiÕn trªn mét tê giÊy trong vßng 5 phót vÒ c¸ch gi¶i quyÕt 1 vÊn ®Ò vµ tiÕp tôc chuyÓn cho ngêi bªn c¹nh.
- TiÕp tôc nh vËy cho ®Õn khi tÊt c¶ mäi ngêi ®Òu viÕt ý kiÕn cña m×nh, cã thÓ lÆp l¹i vßng kh¸c.
- Con số X-Y-Z cã thể thay đổi.
- Sau khi thu thËp ý kiÕn th× tiÕn hµnh th¶o luËn, ®¸nh gi¸ c¸c ý kiÕn.

4.6.5. Kü thuËt “bÓ c¸”

Kü thuËt bÓ c¸ lµ mét kü thuËt dïng cho th¶o luËn nhãm, trong ®ã mét nhãm häc sinh ngåi gi÷a líp vµ th¶o luËn víi nhau, cßn nh÷ng häc sinh kh¸c trong líp ngåi xung quanh ë vßng ngoµi theo dâi cuéc th¶o luËn ®ã vµ sau khi kÕt thóc cuéc th¶o luËn th× ®a ra nh÷ng nhËn xÐt vÒ c¸ch øng xö cña nh÷ng häc sinh th¶o luËn.

Trong nhãm th¶o luËn cã thÓ cã mét vÞ trÝ kh«ng cã ngêi ngåi. Häc sinh tham gia nhãm quan s¸t cã thÓ ngåi vµo chç ®ã vµ ®ãng gãp ý kiÕn vµo cuéc th¶o luËn, vÝ dô ®a ra mét c©u hái ®èi víi nhãm th¶o luËn hoÆc ph¸t biÓu ý kiÕn khi cuéc th¶o luËn bÞ ch÷ng l¹i trong nhãm. C¸ch luyÖn tËp nµy ®îc gäi lµ ph¬ng ph¸p th¶o luËn “bÓ c¸”, v× nh÷ng ngêi ngåi vßng ngoµi cã thÓ quan s¸t nh÷ng ngêi th¶o luËn t¬ng tù nh xem nh÷ng con c¸ b¬i trong mét bÓ c¸ c¶nh. Trong qu¸ tr×nh th¶o luËn, nh÷ng ngêi quan s¸t vµ nh÷ng ngêi th¶o luËn sÏ thay ®æi vai trß víi nhau.

B¶ng c©u hái cho nh÷ng ngêi quan s¸t

- Ngêi nãi cã nh×n vµo nh÷ng ngêi ®ang nãi víi m×nh kh«ng ?
- Hä cã nãi mét c¸ch dÔ hiÓu kh«ng ?
- Hä cã ®Ó nh÷ng ngêi kh¸c nãi hay kh«ng ?
- Hä cã ®a ra ®îc nh÷ng luËn ®iÓm ®¸ng thuyÕt phôc hay kh«ng ?
- Hä cã ®Ò cËp ®Õn luËn ®iÓm cña ngêi nãi trÝc m×nh kh«ng ?
- Hä cã lÖch híng khái ®Ò tµi hay kh«ng ?

- Hä cã t«n träng nh÷ng quan ®iÓm kh¸c hay kh«ng ?

4.6.6. Kü thuËt “æ bi”

Kü thuËt “æ bi” lµ mét kü thuËt dïng trong th¶o luËn nhãm, trong ®ã häc sinh chia thµnh hai nhãm ngåi theo hai vßng trßn ®ång t©m nh hai vßng cña mét æ bi vµ ®èi diÖn nhau ®Ó t¹o ®iÒu kiÖn cho mçi häc sinh cã thÓ nãi chuyÖn víi lÇn lît c¸c häc sinh ë nhãm kh¸c.

C¸ch thùc hiÖn:

- Khi th¶o luËn, mçi häc sinh ë vßng trong sÏ trao ®æi víi häc sinh ®èi diÖn ë vßng ngoµi, ®©y lµ d¹ng ®Æc biÖt cña ph¬ng ph¸p luyÖn tËp ®èi t¸c.
- Sau mét Ýt phót th× häc sinh vßng ngoµi ngåi yªn, häc sinh vßng trong chuyÓn chç theo chiÒu kim ®ång hå, t¬ng tù nh vßng bi quay, ®Ó lu«n h×nh thµnh c¸c nhãm ®èi t¸c míi.

4.6.7. Th«ng tin ph¶n håi trong qu¸ tr×nh d¹y häc

Th«ng tin ph¶n håi (Feedback) trong qu¸ tr×nh dạy học là gi¸o viªn vµ häc sinh cïng nhËn xÐt, ®¸nh gi¸, ®a ra ý kiÕn ®èi víi nh÷ng yÕu tè cô thÓ cã ¶nh hëng tíi qu¸ tr×nh häc tËp nh»m môc ®Ých lµ ®iÒu chØnh, hîp lÝ ho¸ qu¸ tr×nh d¹y vµ häc.

Nh÷ng ®Æc ®iÓm cña viÖc ®a ra th«ng tin ph¶n håi tÝch cùc lµ:

- Cã sù c¶m th«ng
- Cã kiÓm so¸t
- §îc ngêi nghe chê ®îi
- Cô thÓ
- Kh«ng nhËn xÐt vÒ gi¸ trÞ
- §óng lóc
- Cã thÓ biÕn thµnh hµnh ®éng
- Cïng th¶o luËn, kh¸ch quan

Sau ®©y lµ nh÷ng quy t¾c trong viÖc ®a th«ng tin ph¶n håi:

- DiÔn ®¹t ý kiến mét c¸ch ®¬n gi¶n vµ cã tr×nh tù (Kh«ng nãi qu¸ nhiÒu)
- Cè g¾ng hiÓu ®îc nh÷ng suy t, t×nh c¶m (Kh«ng véÞ v·)
- T×m hiểu c¸c vÊn ®Ò còng nh nguyªn nh©n cña chóng.
- Gi¶i thÝch nh÷ng quan ®iÓm kh«ng ®ång nhÊt.
- ChÊp nhËn c¸ch thøc ®¸nh gi¸ cña ngêi kh¸c.
- ChØ tËp trung vµo nh÷ng vÊn ®Ò cã thÓ gi¶i quyÕt ®îc trong thêi ®iÓm thùc tÕ.
- Coi cuéc trao đổi lµ c¬ héi ®Ó tiÕp tôc cải tiến.
- ChØ ra c¸c kh¶ n¨ng ®Ó lùa chän.

Cã nhiÒu kü thuËt kh¸c nhau trong viÖc thu nhËn th«ng tin ph¶n håi trong d¹y häc. Ngoµi viÖc sö dông c¸c phiÕu ®¸nh gi¸, sau ®©y lµ mét sè kü thuËt cã thÓ ¸p dông trong d¹y häc nãi chung vµ trong thu nhËn th«ng tin ph¶n håi.

4.6.8. Kü thuËt tia chíp

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy ®éng sù tham gia cña c¸c thµnh viªn ®èi víi mét c©u hái nµo ®ã, hoÆc nh»m thu th«ng tin phản hồi nhằm cải thiện t×nh trạng giao tiÕp vµ kh«ng khÝ häc tËp trong lớp học, th«ng qua việc c¸c thành viªn lần lượt nªu ngắn gọn và nhanh chãng (nhanh nh chíp!) ý kiến của m×nh về c©u hái hoÆc t×nh trạng vấn đề.

Quy tắc thực hiện:

- Cã thể ¸p dụng bất cứ thời điểm nào khi c¸c thành viªn thấy cần thiết và đề nghị.
- LÇn lượt từng người nãi suy nghĩ của m×nh về một c©u hỏi đ· thoả thuận, VD: Hiện tại t«i cã hứng thó với chủ đề thảo luận kh«ng?
- Mỗi người chỉ nói ngắn gọn 1-2 c©u ý kiến của m×nh.
- Chỉ thảo luận khi tất cả ®· nãi xong ý kiến.

4.6.9. Kü thuËt “3 lÇn 3”

Kỹ thuật „3 lần 3“ là một kỹ thuật lấy th«ng tin phản hồi nh»m huy ®éng sù tham gia tÝch cùc cña häc sinh. C¸ch lµm nh sau:

- Học sinh ®îc yªu cÇu cho ý kiÕn ph¶n håi vÒ mét vÊn ®Ò nµo ®ã (Néi dung buæi th¶o luËn, ph¬ng ph¸p tiÕn hµnh th¶o luËn...)
- Mỗi người cần viÕt ra:
  - 3 ®iÒu tèt
  - 3 ®iÒu cha tèt
  - 3 ®Ò nghÞ c¶i tiÕn
- Sau khi thu thập ý kiến th× xử lý và thảo luận về c¸c ý kiến phản hồi.

4.6.10 . Lîc ®å t duy (Mind Mapping)

Kh¸i niÖm

Lîc ®å t duy (cßn ®îc gäi lµ b¶n ®å kh¸i niÖm) lµ mét s¬ ®å nh»m tr×nh bµy mét c¸ch râ rµng nh÷ng ý tëng mang tÝnh kÕ ho¹ch hay kÕt qu¶ lµm viÖc cña c¸ nh©n hay nhãm vÒ mét chñ ®Ò. Lîc ®å t duy cã thÓ ®îc viÕt trªn giÊy, trªn b¶n trong, trªn b¶ng hay thùc hiÖn trªn m¸y tÝnh.

C¸ch lµm

ViÕt tªn chñ ®Ò ë trung t©m, hay vÏ mét h×nh ¶nh ph¶n ¸nh chñ ®Ò.

Tõ chñ ®Ò trung t©m, vÏ c¸c nh¸nh chÝnh. Trªn mçi nh¸nh chÝnh viÕt mét kh¸i niÖm, ph¶n ¸nh mét néi dung lín cña chñ ®Ò, viÕt b»ng CH÷ IN HOA. Nh¸nh vµ ch÷ viÕt trªn ®ã ®îc vÏ vµ viÕt cïng mét mµu. Nh¸nh chÝnh ®ã ®îc nèi víi chñ ®Ò trung t©m. ChØ sö dông c¸c thuËt ng÷ quan träng ®Ó viÕt trªn c¸c nh¸nh.

Tõ mçi nh¸nh chÝnh vÏ tiÕp c¸c nh¸nh phô ®Ó viÕt tiÕp nh÷ng néi dung thuéc nh¸nh chÝnh ®ã. C¸c ch÷ trªn nh¸nh phô ®îc viÕt b»ng ch÷ in thêng.

TiÕp tôc nh vËy ë c¸c tÇng phô tiÕp theo.

øng dông cña lîc ®å t duy

Lîc ®å t duy cã thÓ øng dông trong nhiÒu t×nh huèng khac nhau nh:

Tãm t¾t néi dung, «n tËp mét chñ ®Ò

Tr×nh bµy tæng quan mét chñ ®Ò

ChuÈn bÞ ý tëng cho mét b¸o c¸o hay buæi nãi chuyÖn, bµi gi¶ng

Thu thËp, s¾p xÕp c¸c ý tëng

Ghi chÐp khi nghe bµi gi¶ng

u ®iÓm cña lîc ®å t duy

C¸c híng t duy ®îc ®Ó më ngay tõ ®Çu

C¸c mèi quan hÖ cña c¸c néi dung trong chñ ®Ò trë nªn râ rµng

Néi dung lu«n cã thÓ bæ sung, ph¸t triÓn, s¾p xÕp l¹i

Hoc sinh ®îc luyÖn tËp ph¸t triÓn, s¾p xÕp c¸c ý tëng

VÝ dô lîc ®å t duy

Sau ®©y lµ vÝ dô sö dông lîc ®å t duy ®Ó hÖ thèng ho¸ c¸c kh¸i niÖm trong ph¹m trï PPDH. C¸c nh¸nh chÝnh thÓ hiÖn c¸c kh¸i niÖm lín cña ph¹m trï PPDH. Trªn mçi nh¸nh ®ã lµ c¸c kh¸i niÖm nhá h¬n.

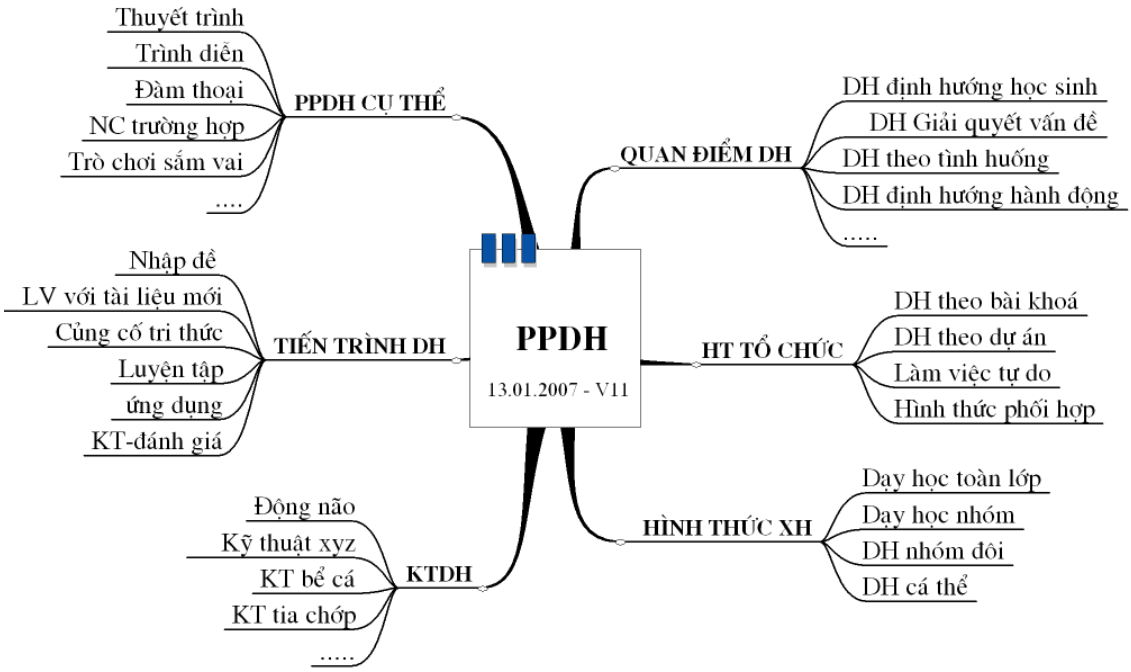

Bµi tËp

1. ¤ng/Bµ h·y th¶o luËn víi ®ång nghiÖp vÒ kh¶ n¨ng ¸p dông c¸c kü thuËt d¹y häc tÝch cùc trong m«n häc mµ m×nh phô tr¸ch.

2. ¤ng/Bµ h·y x©y dùng mét vÝ dô ph¸c th¶o kÕ ho¹ch d¹y häc cho mét bµi d¹y häc trong ®ã sö dông c¸c kü thuËt d¹y häc tÝch cùc.

3. ¤ng/Bµ h·y m« t¶ mét sè kü thuËt d¹y häc tÝch cùc kh¸c mµ m×nh ®· biÕt hoÆc ®· vËn dông.

Tµi liÖu tham kh¶o

1. Bé Gi¸o dôc vµ ®µo t¹o: Ch¬ng tr×nh gi¸o dôc phæ th«ng. Nh÷ng vÊn ®Ò chung. NXB Gi¸o dôc 2006
2. ChiÕn lîc ph¸t triÓn gi¸o dôc 2001 – 2010. NXB Gi¸o dôc, 2005
3. LuËt gi¸o dôc (2005).
4. Victor Jakupec/Bernd Meier/NguyÔn V¨n Cêng: C¸c xu híng quèc tế trong x©y dùng ch¬ng tr×nh d¹y häc vµ sù li¹n hÖ víi ch¬ng tr×nh THPT ë ViÖt nam. T¹p chÝ Gi¸o dôc sè 40, kú 2-6/2006.
5. TrÇn B¸ Hoµnh: §æi míi ph¬ng ph¸p d¹y häc, ch¬ng tr×nh vµ s¸ch gi¸o khoa. NXB §¹i häc s ph¹m. Hµ néi 2006
6. Bernd Meier /NguyÔn V¨n Cêng: Ph¸t triÓn n¨ng lùc th«ng qua ph¬ng ph¸p vµ ph¬ng tiÖn d¹y häc míi (Tµi liÖu héi th¶o -TËp huÊn). Bé gi¸o dôc vµ ®µo t¹o – Dù ¸n ph¸t triÓn gi¸o dôc THPT, 2005.

7. Apel, H.J./ Knoll, M.: Aus Projekten lernen. Muenchen, 2001.
8. Baumgart,F.: Entwicklungs- und Lerntheorien. Klinkhardt 2001.

9. Bodenmann, G.: Klassische Lerntheorien. Verlag Hans Huber, Bern, 2004.
10. Dewey, J.: Demokratie und Erziehung. Weinheim und Basel, 2000.
11. Edelmann, W.: Lernpsychologie. Psychologie Verlags Union, Weinheim, 2000.
12. Frey, K. : Die Projektmethode. Weinheim und Basel, 2002.
13. Gujons,H.: Handlungsorientiert lehren und lernen: Projektunterricht und Schueleraktivität. Bad Heilbrunn, 1997.
14. Haensel, D.: Projektunterricht. Weinheimund Basel, 1999.
15. Hungienschmidt, B./Technau, A.: Methoden schnell zur Hand. Ernst Klett Verlag, 2004.
16. Klingberg, L.: Einfuehrung in die Allgemeine Didaktik. Volk und Wissen Verlag Berlin, 1982.
17. Mattes,W.: Methoden für den Unterricht. Schönigh, 2005.
18. Meyer, H. : Unterrichtsmethoden. Cornelsen Verlag, Berlin 2002.
19. Peterßen, W.H.: Kleines Methoden – Lexikon. Oldenbourg, 2005.
20. SAUL B. ROBINSOHN(1967): Bildungsreform als Revision des Curriculum, Neuwied und Berlin, Luchterhand.
21. Straka,G.A./ Macke,G.: Lern-Lehrtheoretische Didaktik. Waxmann Verlag, 2005.
22. Terhart, E. Lehr-Lern-Methoden. Juventa Verlag. Weinheim und Muenchen, 2000.
23. http://edweb.sdsu.edu.people/blodge.html.
24. http://www.ozline.com
25. http://beat.doebe/li/bibliothek/p00885.html